

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA:

DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM : LÔ IN3-2*B5 VÀ IN3-2*B6, KHU ĐÔ THỊ, CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ VSIP HẢI PHÒNG, HUYỆN THỦY NGUYÊN, THUỘC KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Hải Phòng, năm 2024

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA:

DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG

ĐỊA ĐIỂM : LÔ IN3-2*B5 VÀ IN3-2*B6, KHU ĐÔ THỊ, CÔNG NGHIỆP VÀ
DỊCH VỤ VSIP HẢI PHÒNG, HUYỆN THỦY NGUYÊN, THUỘC KHU
KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



**GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG**

Hải Phòng, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1.1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).....	8
1.2. Tên dự án đầu tư.....	8
1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư	8
1.2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư	11
1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	13
1.2.4. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).....	13
1.2.5. Phạm vi đề xuất cấp Giấy phép môi trường.....	13
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	19
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư	19
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	22
1.3.3 Máy móc, thiết bị lắp đặt.....	39
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	40
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất sử dụng	40
1.4.2. Lao động, điện năng, nước sạch.....	42
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: Không có	44
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	45
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	45
2.1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Chính phủ và Bộ Công thương.....	45
2.1.2. Phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố Hải Phòng	46
2.1.3. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng.....	47
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	51
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	52

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	52
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	52
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	54
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	62
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	73
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	74
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp.....	76
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	80
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	82
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	83
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không	90
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	90
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	94
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	94
4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải.....	94
4.1.2. Các yêu cầu về quản lý nước thải Chủ dự án cam kết thực hiện như sau:	94
4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	95
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	96
4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải.....	96
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	97
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	99
4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	100
4.4.1. Quản lý chất thải	100
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	102
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	104
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	104
5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	104
5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	104
5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	105

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	105
5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	105
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	105
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	106
PHỤ LỤC	107

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Toạ độ mốc giới dự án.....	8
Bảng 1.2. Thống kê các hạng mục công trình chính và phụ trợ	11
Bảng 1.3. Phạm vi đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”.....	14
Bảng 1.4. Quy mô công suất hoạt động của dự án	19
Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất.....	39
Bảng 1.6. Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu và hoá chất sử dụng.....	40
Bảng 1.7. Thống kê khối lượng điện sử dụng.....	43
Bảng 1.8. Thống kê khối lượng nước sử dụng	43
Bảng 3.1. Nhu cầu xả nước thải.....	54
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	59
Bảng 3.3. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải	59
Bảng 3.4. Tính toán công suất tối thiểu quạt hút của hệ thống xử lý khí thải khu vực gia công gỗ.....	64
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải	66
Bảng 3.6. Thành phần khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn và sấy UV (thành phần hoá học của sơn UV – căn cứ theo MSDS)	66
Bảng 3.7. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình bôi keo và sấy.....	68
Bảng 3.8. Tính toán công suất hút của hệ thống xử lý khí thải phun sơn và sấy UV.....	69
Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phun sơn và sấy UV	71
Bảng 3.10. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình bôi keo và sấy.....	73
Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	74
Bảng 3.12. Thống kê khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh năm 2023	76
Bảng 3.13. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	80
Bảng. 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	91
Bảng 4.1. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải.....	94
Bảng 4.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	97
Bảng 4.3. Các loại chất thải nguy hại đăng ký kiểm soát.....	100
Bảng 5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm	104
Bảng 5.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ.....	105

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí hoạt động của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)	10
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đệm mút.....	22
Hình 1.3. Hình ảnh khu vực bán keo, ghép đệm	25
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đệm lò xo.....	26
Hình 1.5. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất gối.....	27
Hình 1.6. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất ghế sofa	29
Hình 1.7 Hình ảnh máy dệt cho bề mặt da, giả da PVC	32
Hình 1.8. Hình ảnh máy cắt da thật	33
Hình 1.9. Hình ảnh máy cắt giả da PVC.....	33
Hình 1.10. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất ga giường.....	35
Hình 1.11. Hình ảnh công đoạn trải phẳng và cắt vải.....	36
Hình 1.12. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đồ nội thất (giường gỗ, tủ, kệ,...).....	37
Hình 1.13. Hình ảnh khu vực hệ thống máy phun sơn và sấy UV	38
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn	52
Hình 3.2. Tổng mặt bằng thu gom và thoát nước mưa	53
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty.....	54
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	55
Hình 3.5. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m ³ /ngày đêm	57
Hình 3.6. Tổng mặt bằng thu gom và thoát nước thải	61
Hình 3.7. Một số hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của Công ty.....	62
Hình 3.8. Sơ đồ thu gom bụi tại khu vực gia công gỗ	63
Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống thu gom bụi khu vực gia công gỗ.....	65
Hình 3.10. Hình ảnh hệ thống lọc bụi túi vải công suất 75.000 m ³ /h.....	65
Hình 3.11. Sơ đồ thu gom và xử lý khí thải phát sinh tại khu vực phun sơn và sấy UV ..	68
Hình 3.12. Hình ảnh khu vực máy phun sơn và sấy UV	71
Hình 3.13. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải khu vực máy phun sơn và sấy UV	71
Hình 3.14. Hình ảnh thùng chứa rác thải sinh hoạt được phân loại theo thành phần chất thải.....	75
Hình 3.15. Vị trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp	79

Hình 3.16. Hình ảnh nhà 02 container lưu chứa chất thải rắn công nghiệp	79
Hình 3.17. Một số hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại	81
Hình 3.18 Vị trí kho chứa chất thải nguy hại.....	82

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Minh giải
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
QCCP	Quy chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Chất rắn lơ lửng
DO	Dầu diesel

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

- Địa chỉ văn phòng: Số 131 – 133, đường số 6, Vsip Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **Ông John Leung**

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0944745166

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201882464 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 15/06/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8751529626 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu 24/05/2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 19/10/2018.

1.2. Tên dự án đầu tư

“DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG”

1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

***Vị trí:** lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

***Diện tích:** 27.754 m² (Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng Vsip Hải Phòng số 005/2018/LA/MCSD-VSIP ngày 19/06/2018 – được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo).

***Ranh giới tiếp giáp:**

- Phía Bắc: tiếp giáp với tuyến đường nội bộ của KCN VSIP Hải Phòng;
- Phía Đông: tiếp giáp với tuyến đường nội bộ của KCN VSIP Hải Phòng;
- Phía Nam: tiếp giáp với tuyến đường nội bộ của KCN VSIP Hải Phòng;
- Phía Tây: tiếp giáp với Công ty TNHH Juraron Industries Hải Phòng và Chi nhánh Công ty TNHH Great Eastern Resins Industrial (Việt Nam) tại Hải Phòng.

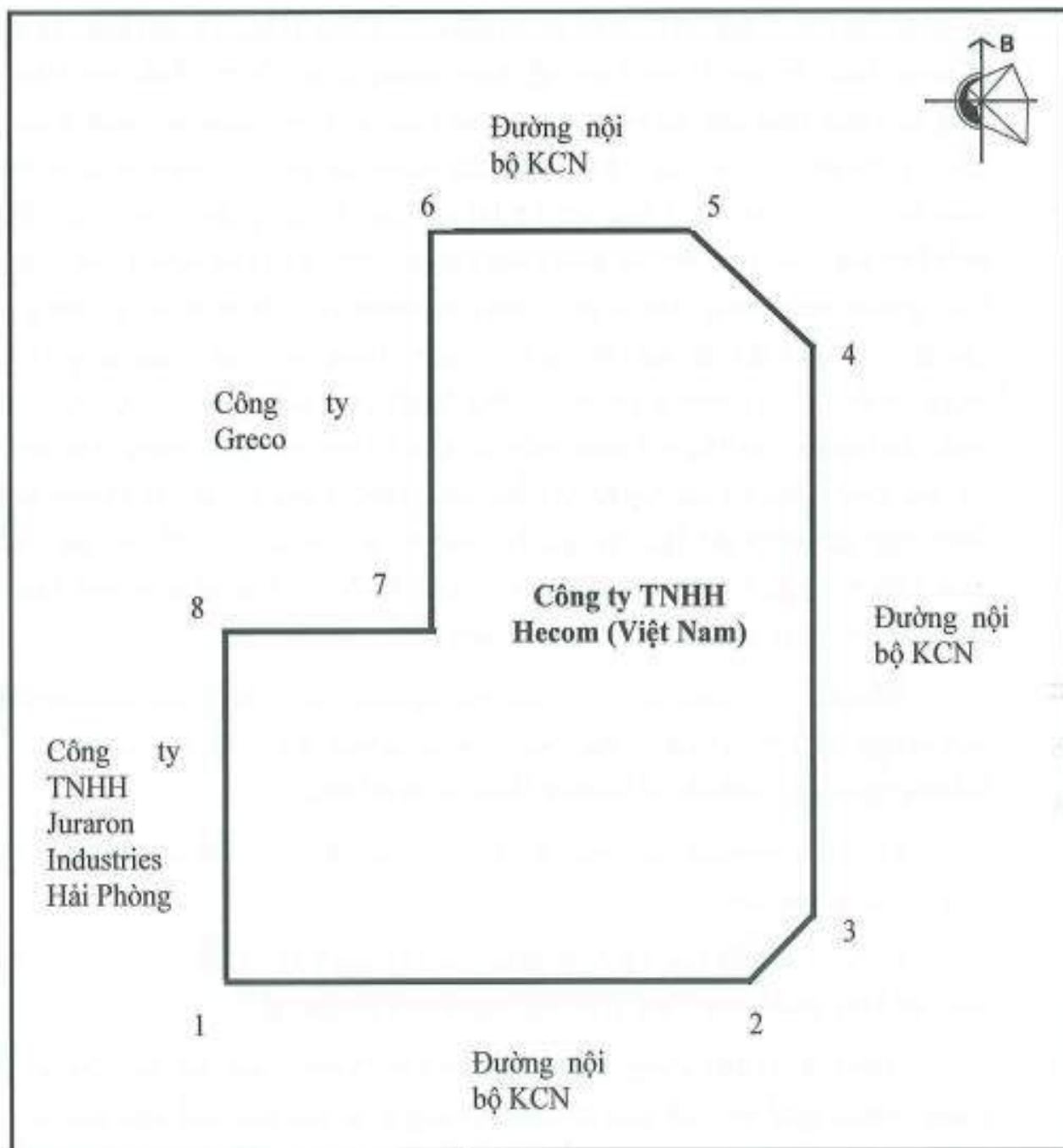
***Toạ độ mốc giới:**

Bảng 1.1. Toạ độ mốc giới dự án

Tên mốc	Toạ độ VN2000, múi chiếu 3°		Tên mốc	Toạ độ VN2000, múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	2312931.395	601240.830	6	2313130.395	601317.813
2	2312931.395	601406.278	7	2313030.395	601396.675
3	2312945.894	601420.776	8	233030.895	601240.830

4	2313106.294	601420.776	1	2312931.395	601240.830
5	2313130.395	601396.675			

***Sơ đồ vị trí:**





Hình 1.1. Sơ đồ vị trí hoạt động của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

1.2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: “**Dự án Hecom Vsip Hải Phòng**” đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép xây dựng số 4328/GPXD-BQL ngày 27/12/2019 và Giấy phép xây dựng số 5177/GPXD ngày 07/12/2021.

- Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở bao gồm:

Bảng 1.2. Thống kê các hạng mục công trình chính và phụ trợ

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)		Số tầng (tầng)	Ghi chú
		ĐTM	GMPT		
1	Nhà xưởng 4A	3.882,68	3.882,68	1	Không thay đổi
2	Nhà bảo vệ	19,5	19,5	1	
3	Cổng chính và hàng rào	160,48	160,48	-	
4	Bãi đỗ xe ô tô	77	77	1	
5	Nhà xe máy 1	177	177	1	
6	Trạm biến áp	60	60	1	
7	Nhà bơm + bể nước 01	31,1	31,1	1	
8	Khu vệ sinh	31,1	31,1	1	
9	Cột cờ	5,1	5,1	-	
10	Nhà xưởng 4B	2.420,31	2.420,31	5	
11	Nhà xe máy 2	253	253	1	
12	Nhà bơm 02 + Bể nước 02	-	-	-	
14	Khu xử lý nước thải	18,3	18,3	-	
15	Nhà xưởng 5				
	Nhà xưởng	3.765,44	3.765,44	5	
	Mái che cửa chính	57,4	57,4	-	
16	Mái che hai nhà xưởng	1.033,24	1.033,24	-	
17	Kho chất thải nguy hại	36	36	1	Chuyển đổi mục đích sử dụng thành kho chứa hoá chất. Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí tại Nhà xưởng 4B (S = 19m ²)
II	Diện tích cây xanh	7.362,76	7.362,76	-	
III	Diện tích sân đường nội bộ	8.363,63	8.363,63	-	

- Một số hình ảnh tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam):



Nhà xưởng 4A



Nhà xưởng 4B



Nhà xưởng 5



HTXL khí thải khu vực sơn và sấy UV



HTXL bụi khu vực xưởng 4A



Hệ thống xử lý nước thải 40 m³/ng.đ

1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường **Dự án Hecom Vsip Hải Phòng** tại lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên do Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) làm chủ đầu tư.

- Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường **“Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”** (Dự án mở rộng, nâng công suất) tại lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên do Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) làm chủ đầu tư.

1.2.4. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

“Dự án Hecom Vsip Hải Phòng” với tổng vốn đầu tư **227.500.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn) thuộc nhóm B được phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về luật đầu tư công.

1.2.5. Phạm vi đề xuất cấp Giấy phép môi trường

- **“Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”** đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021. Căn cứ khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 41 và khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, **“Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”** thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường và thẩm quyền thẩm định, cấp phép là Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/12/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường **“Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”** trình Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng xem xét, cấp phép với các nội dung như sau:

Bảng 1.3. Phạm vi đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Hecom Vsip Hải Phòng”

Stt	Danh mục	Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021	Đề xuất cấp Giấy phép môi trường	Ghi chú	
1	Địa chỉ	Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Không thay đổi	
2	Diện tích	27.754 m ²	27.754 m ²	Không thay đổi	
3	Quy mô công trình	Theo Bảng 1.1	Theo Bảng 1.1	Không thay đổi	
5	Công suất sản xuất	+ Đệm: 300.000 chiếc ~ 1.750 tấn/năm + Gối: 500.000 chiếc ~ 550 tấn/năm + Ghế sofa: 50.000 chiếc ~ 1.110 tấn/năm + Ga giường: 113.750 chiếc ~ 182 tấn/năm + Đồ nội thất: 20.000 chiếc ~ 790 tấn/năm	+ Đệm: 300.000 chiếc ~ 1.750 tấn/năm + Gối: 500.000 chiếc ~ 550 tấn/năm + Ghế sofa: 50.000 chiếc ~ 1.110 tấn/năm + Ga giường: 113.750 chiếc ~ 182 tấn/năm + Đồ nội thất: 20.000 chiếc ~ 790 tấn/năm	Không thay đổi	
6	Quy trình công nghệ sản xuất				
6.1	Quy trình sản xuất đệm	Đệm nút		<p>Mút xốp + Vải mặt trên + Vải mặt dưới + Vải viền xung quanh (toàn bộ đã được cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu)</p> <p>Gắn ga đệm vào nút xốp</p> <p>May viền</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	Công đoạn cắt nút xốp và cắt may ga đệm được lược bỏ. Toàn bộ nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu.

		<p>Dây thép → Tạo lò xo → Ghép tấm</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Gắn ga</p> <p>Mút xấp → Cắt → đệm vào → May viền</p> <p style="text-align: center;">↑</p> <p style="text-align: center;">Kiểm tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Đóng gói</p> <p>Vải → Cắt → May → Ga đệm</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> <p>Mút xấp + Vải mặt trên + Vải mặt dưới + Vải viền xung quanh (toàn bộ đã được cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu)</p> </div> <p>→ Gắn ga đệm vào → May viền</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Kiểm tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Đóng gói</p>	<p>Công đoạn tạo khung lò xo, cắt mút xấp và cắt, may ga đệm được lược bỏ. Toàn bộ nguyên liệu này được nhập và gia công sẵn theo hình dạng yêu cầu</p>
6.2	Quy trình sản xuất gói	<p>Mút xấp → Cắt → Kiểm tra → Đóng gói</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Lông vỏ gói</p> <p>Vải → Cắt → May → Lông vỏ gói</p>	<p>Mút xấp (đã cắt sẵn) → Kiểm tra → Đóng gói</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Lông vỏ gói</p> <p>Vải → Cắt → May → Lông vỏ gói</p>	<p>Công đoạn cắt mút xấp được lược bỏ. Nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu.</p>
6.3	Quy trình sản xuất ghế sofa	<p>Mút xấp → Cắt → Nhồi đệm</p> <p>Da, giả da PVC → Cắt → May vỏ ghế</p> <p>Gỗ → Cắt → Lắp ráp → Dán mút xấp</p> <p style="text-align: center;">↑</p> <p style="text-align: center;">Mút xấp → Cắt</p> <p>→ Bọc ghế</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Lắp ráp</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Kiểm tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Đóng gói</p>	<p>Da, giả da PVC → Cắt → May vỏ ghế</p> <p>Mút xấp (đã cắt sẵn) → Nhồi đệm</p> <p>Gỗ → Cắt → Lắp ráp → Ghim mút xấp</p> <p style="text-align: center;">↑</p> <p style="text-align: center;">Mút xấp (đã cắt sẵn)</p> <p>→ Bọc ghế</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Lắp ráp</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Kiểm tra</p> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Đóng gói</p>	<p>- Công đoạn cắt mút xấp được lược bỏ. Nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu.</p> <p>- Công đoạn dán mút xấp được thay bằng ghim mút xấp giúp giảm thiểu hơi keo phát sinh</p>

6.4	Quy trình sản xuất ga giường	Vải → Trải + Cắt → May → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho	Vải → Trải + Cắt → May → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho	Không thay đổi
6.5	Quy trình sản xuất đồ nội thất	Gỗ → Cắt → Bào, chạm, khắc → Khoan lỗ → Chà nhám → Đánh bóng → Quét dầu → Kiểm tra → Đóng gói lưu kho	Gỗ → Cưa, bào, chạm, khắc → Khoan lỗ → Chà nhám → Đánh bóng → Phủ sơn UV & sấy UV → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói lưu kho	Công đoạn phủ sơn UV được thay thế công đoạn quét dầu. Toàn bộ khí thải phát sinh tại công đoạn này được thu gom và xử lý tại thiết bị hấp phụ than hoạt tính trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
7	Lao động (người)	- Số lao động: 500 người - Số ca làm việc: 02 ca/ngày, 8h/ca	- Số lao động: 500 người - Số ca làm việc: 02 ca/ngày, 8h/ca	Không thay đổi
8	Công trình bảo vệ môi trường			
8.1	Nước thải			
	Công trình xử lý nước thải sơ bộ	- Số lượng: 04 bể tự hoại - Tổng dung tích: 71,45 m ³	- Số lượng: 04 bể tự hoại - Tổng dung tích: 71,45 m ³	Không thay đổi
	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	+ Số lượng: 01 hệ thống + Công suất: 40 m ³ /ngày đêm + Công nghệ xử lý: Vi sinh kết hợp với khử trùng + Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau xử lý tại bể tự hoại) + nước rửa tay, chân → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m ³ /ngày đêm, gồm: Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa lọc (Bể chứa nước trước khi lọc) → Cột lọc → Hồ ga thu cuối → hệ thống thoát nước chung của KCN	+ Số lượng: 01 hệ thống + Công suất: 40 m ³ /ngày đêm + Công nghệ xử lý: Vi sinh kết hợp với khử trùng + Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau xử lý tại bể tự hoại) + nước rửa tay, chân → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m ³ /ngày đêm, gồm: Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa lọc (Bể chứa nước trước khi lọc) → Cột lọc → Hồ ga thu cuối → hệ thống thoát nước chung của KCN	

		VSIP Hải Phòng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng.	VSIP Hải Phòng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng.	
	Điểm xả nước thải	01 điểm xả nước thải	01 điểm xả nước thải	Không thay đổi
8.2	Khí thải			
	Hệ thống xử lý bụi tại khu vực gia công gỗ	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: khu vực gia công gỗ + Công suất: 75.000 m³/h + Công nghệ xử lý: lọc bụi túi vải + Quy trình xử lý: Dòng khí thải lẫn bụi gỗ → Đường ống dẫn → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát khí. Bụi gỗ rơi xuống buồng chứa và được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy. 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: khu vực gia công gỗ + Công suất: 75.000 m³/h + Công nghệ xử lý: lọc bụi túi vải + Quy trình xử lý: Dòng khí thải lẫn bụi gỗ → Đường ống dẫn → Thiết bị lọc bụi túi vải → đường ống dẫn → quạt hút → Ống thoát khí. Bụi gỗ rơi xuống buồng chứa và được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy. 	Không thay đổi
	Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn phun keo và quét dầu (Nhà xưởng 4A)	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: Khu vực phun keo và quét dầu + Công suất: 17.500 m³/h + Công nghệ xử lý: Hấp phụ than hoạt tính + Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh từ quá trình phun keo + (Khí thải phát sinh từ quá trình quét dầu → chụp hút → đường ống dẫn) → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí. Than hoạt tính được thay thế định kỳ và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy. 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: Khu vực sơn và sấy UV + Công suất: 15.000 m³/h + Công nghệ xử lý: Hấp phụ than hoạt tính + Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn, sấy UV → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí. Than hoạt tính được thay thế định kỳ và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy. 	Công nghệ sơn và sấy UV được thay thế cho công đoạn quét dầu.
			Khu vực phun keo: Không lắp đặt hệ thống xử lý	Do khối lượng keo sử dụng ít và căn cứ theo kết quả tính toán tại mục 3.2 thành phần ô nhiễm phát sinh đều nằm

				trong tiêu chuẩn cho phép.
8.4	Kho chất thải công nghiệp	+ Số lượng: 02 container (40 feet/container) + Diện tích: 30 m ² (15m ² /container)	+ Số lượng: 02 container (40 feet/container) + Diện tích: 30 m ² (15m ² /container)	Không thay đổi
8.5	Kho chất thải nguy hại	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 36 m ²	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 19 m ²	Công ty cam kết trong quá trình hoạt động sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng gia tăng tần suất thu gom và xử lý CTNH đảm bảo không lưu chứa, tồn trữ quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Bảng 1.4. Quy mô công suất hoạt động của dự án

Stt	Tên sản phẩm	Số lượng Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 07/10/2019		Số lượng Sản xuất hiện tại năm 2023-2024		Số lượng Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021	
		Chiếc/năm	Tấn/năm	Chiếc/năm	Tấn/năm	Chiếc/năm	Tấn/năm
1	Đệm	-	-	-	-	300.000	1.750
2	Gối	500.000	550	215,000	237	500.000	550
3	Ghế sofa	50.000	1.110	21,500	477	50.000	1.110
4	Ga giường	113.750	182	50,050	80	113.750	182
5	Đồ nội thất	20.000	790	8,600	340	20.000	790
Tổng		683.750	2.632	295,150	1,134	983.750	4.382
		60%		30%		100%	

Ghi chú: Thực hiện đề xuất cấp Giấy phép môi trường công suất sản phẩm hoạt động của Dự án theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng

- Hiện trạng (thống kê theo khối lượng hoạt động trong năm 2023 -2024), Công ty đang duy trì sản xuất trung bình khoảng 30% (khoảng 295.150 chiếc/năm ~ 1.314 tấn sản phẩm/năm) theo công suất đăng ký trong Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021 (đạt khoảng 50% so với Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 07/10/2019). Như vậy, dự án đang hoạt động sản xuất theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2401/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 do UBND thành phố phê duyệt.

Công ty đã tiến hành lắp đặt bỏ sing máy móc thiết bị theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, Chủ đầu tư sẽ tiến hành nâng công suất hoạt động của dự án tương đương với công suất đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7681464086 và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021.

- Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý Chất lượng ISO 9001:2015.

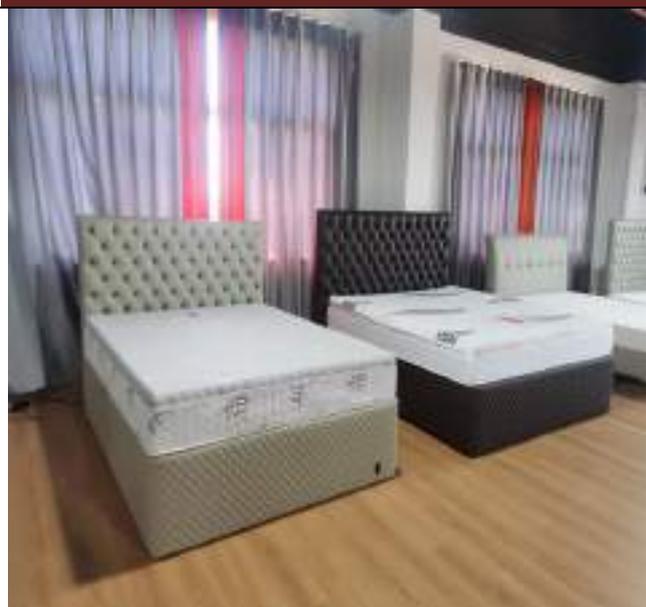
- Tiêu chuẩn quốc tế quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2015.

- Công suất sản xuất các sản phẩm hiện tại của Nhà máy là phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7681464086 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng

nhận lần đầu 24/05/2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 19/10/2018; Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021.

- Hình ảnh một số sản phẩm:





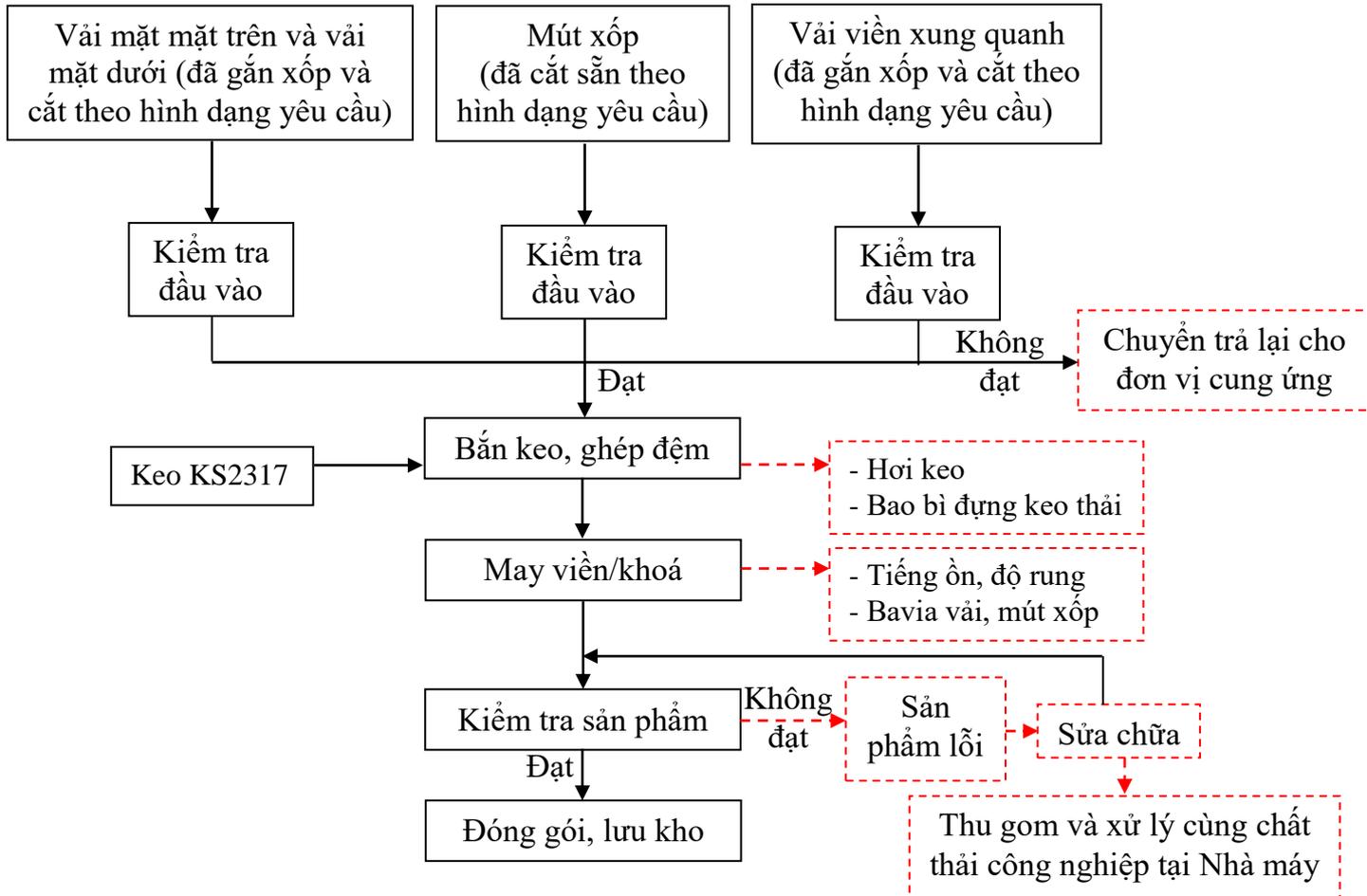
Đồ nội thất (giường da, giường gỗ, tủ, kệ..)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

1.3.2.1. Quy trình sản xuất đệm (bao gồm đệm mút và đệm lò xo – lược bỏ các công đoạn cắt mút xốp và cắt may ga đệm) tại tầng 1; tầng 3 và tầng 4 của nhà xưởng 4B (Xưởng P)

a. Quy trình sản xuất đệm mút

*Sơ đồ công nghệ:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đệm mút



- **Bắn keo, ghép đệm:** Các tấm mút xốp sử dụng để làm lõi đệm được đưa vào máy bắn keo vào keo KS2317 thiết bị gia nhiệt đến nhiệt độ khoảng 178°C để hoá lỏng và phun đều lên bề mặt của tấm mút xốp thông qua súng phun keo. Đồng thời với quá trình này, vải mặt trên (hay còn được gọi là mặt dệt), vải mặt dưới và vải viền xung quanh được phủ lên bề mặt của tấm mút xốp (công đoạn này được làm lần lượt với từng mặt của tấm mút xốp).



Hình 1.3. Hình ảnh khu vực bắn keo, ghép đệm

- **Máy viền/khoá:** Bán thành phẩm sau khi quét keo được đưa đến máy may viền. Tại đây, máy may viền được lập trình trước khi thực hiện thao tác, cố định ga đệm vào 6 mặt của tấm mút xốp bằng viền hoặc khoá để tạo thành sản phẩm đệm mút xốp.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm tra (100%) ngoại quan về các chi tiết, hoa văn, đường chỉ trên từng sản phẩm. Cụ thể:

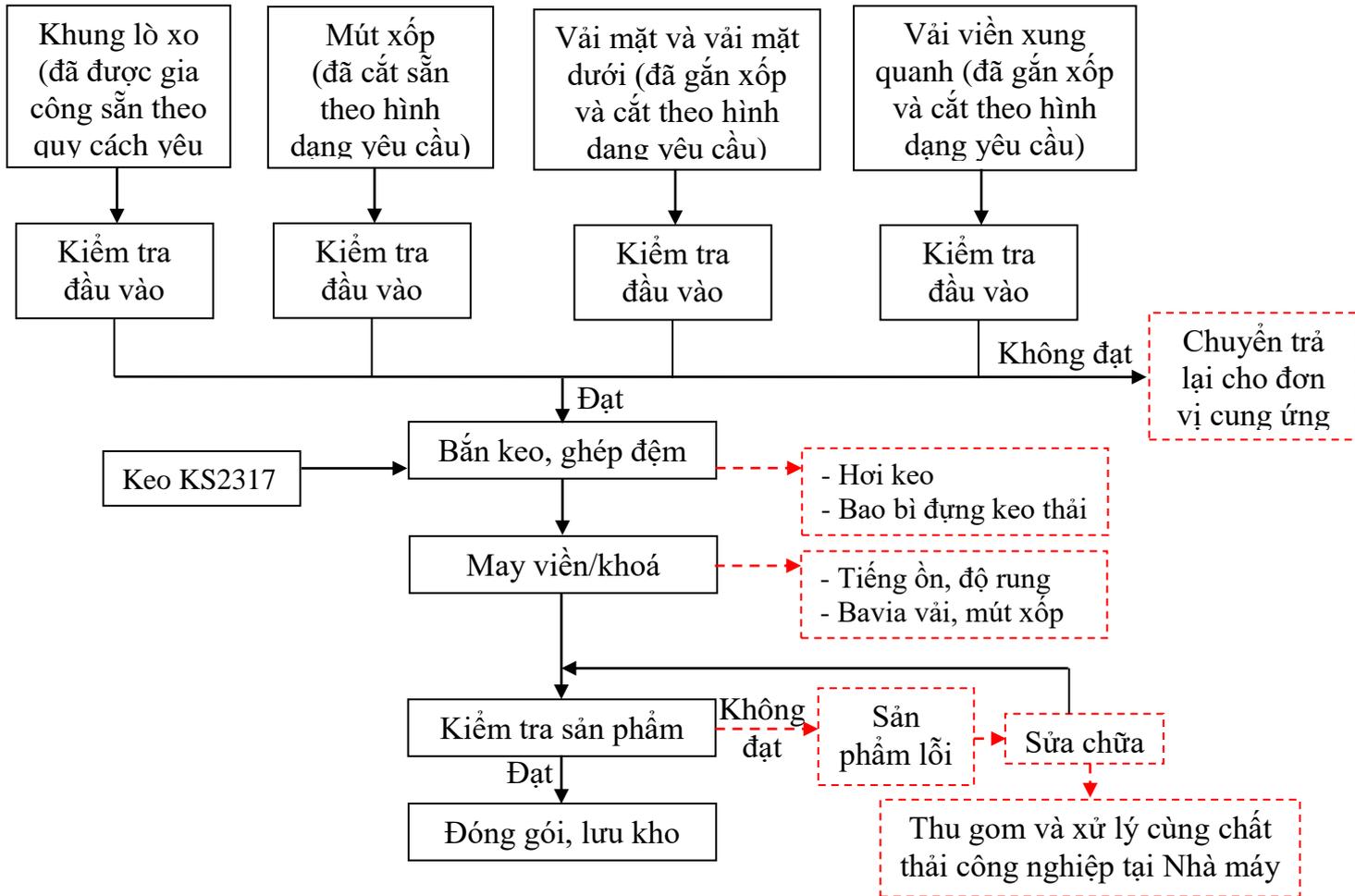
+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (chiếm tỷ lệ 1% tổng sản phẩm) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

b. Quy trình sản xuất đệm lò xo

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đệm lò xo

***Thuyết minh quy trình:**

- **Nguyên liệu, bán thành phẩm:** Các loại bán thành phẩm đầu vào của quá trình sản xuất đệm mút là khung lò xo, mút xốp, vải mặt trên (hay còn được gọi là mặt dệt), vải mặt dưới và vải viền xung quanh. Tất cả các loại bán thành phẩm này đều đã được đơn vị cung ứng cắt sẵn theo kích thước và hình dạng yêu cầu, đã được dán lớp đệm mút xốp mỏng và vận chuyển về kho chứa của Công ty.

- **Kiểm tra đầu vào:** Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra theo phiếu nhập hàng về số lượng; chủng loại và thực hiện phân loại theo đơn hàng trước khi lưu kho để thuận tiện cho kế hoạch cung ứng đến các khu vực sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với các loại bán thành phẩm bị lỗi, hỏng, không đảm bảo về kích thước, hình dạng hoặc bị bong lớp đệm mút xốp sẽ được tập kết và chuyển trả lại cho đơn vị cung ứng.

+ Đối với các loại bán thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển vào kho lưu chứa. Tùy theo từng đơn hàng, bộ phận phụ trách sẽ xuất cung ứng đến các khu vực sản xuất.

- **Bắn keo, ghép đệm:** Khung lò xo và tám mút xốp sử dụng làm lõi đệm được đưa vào máy bắn keo. Keo sử dụng cho quá trình này là keo KS2317, tồn tại ở dạng rắn, khi sử

dụng keo được đưa vào thiết bị gia nhiệt đến nhiệt độ khoảng 178°C để hoá lỏng và phun đều lên bề mặt của tấm mút xốp thông qua súng phun keo. Đồng thời với quá trình này, vải mặt trên (hay còn được gọi là mặt dệt), vải mặt dưới và vải viền xung quanh được phủ lên bề mặt của tấm mút xốp (công đoạn này được làm lần lượt với từng mặt của tấm mút xốp).

- **Máy viền/khoá:** Bán thành phẩm sau khi quét keo được đưa đến máy may viền. Tại đây, máy may viền được lập trình trước khi thực hiện thao tác, cố định ga đệm vào 6 mặt của tấm mút xốp bằng viền hoặc khoá để tạo thành sản phẩm đệm mút xốp.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm tra (100%) ngoại quan các chi tiết, hoa văn, đường chỉ trên từng sản phẩm. Cụ thể:

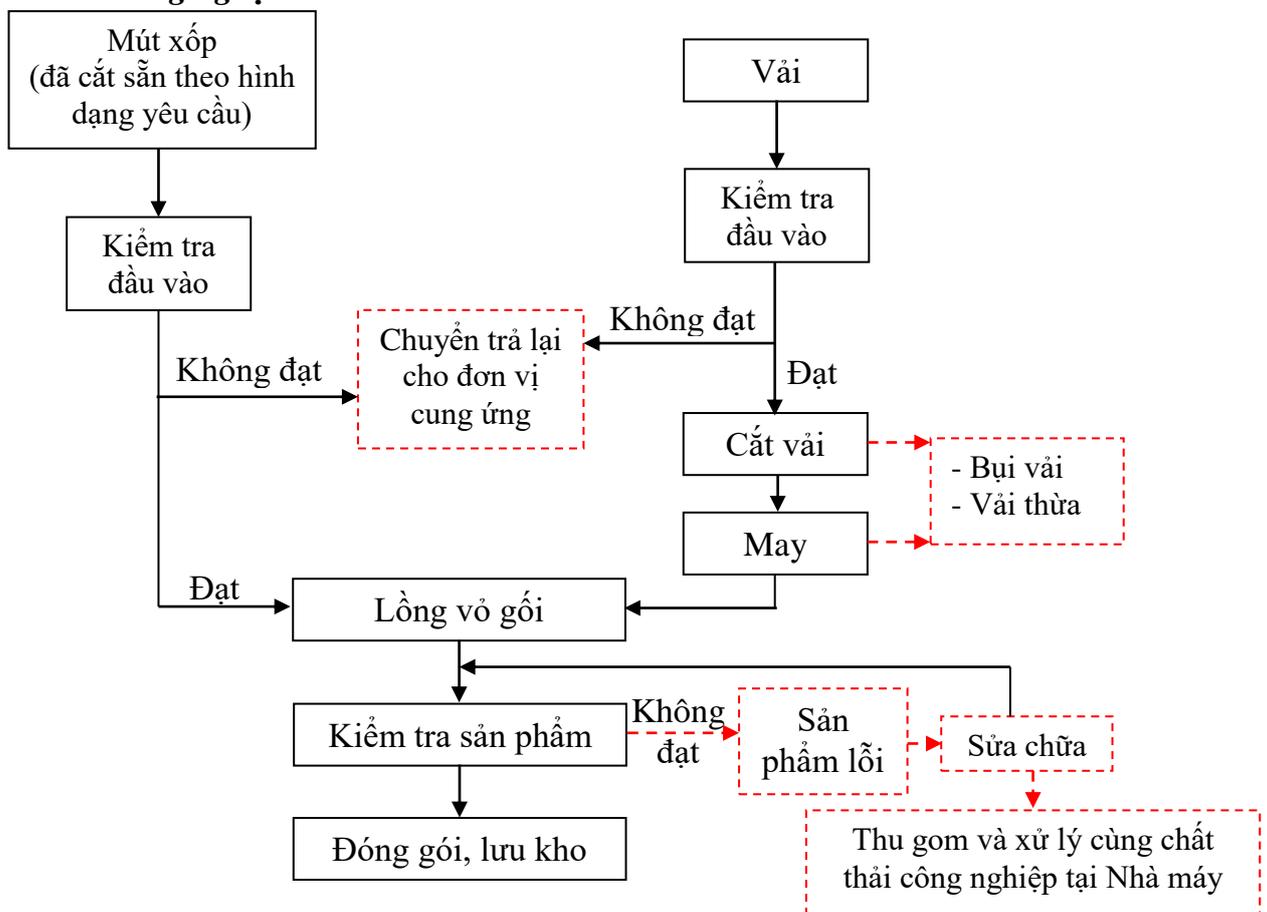
+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (chiếm tỷ lệ 1% tổng sản phẩm) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

1.3.2.2. Quy trình sản xuất gói (lược bỏ công đoạn cắt mút xốp) tại tầng 2 của nhà xưởng 4B

*Sơ đồ công nghệ:



Hình 1.5. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất gói



***Thuyết minh quy trình:**

- **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất gối là mút xốp (đã được đơn vị cung ứng gia công sẵn theo kích thước, hình dạng yêu cầu) và vải (để may vỏ gối).

- **Kiểm tra đầu vào:** Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra theo phiếu nhập hàng về số lượng; chủng loại và thực hiện phân loại theo đơn hàng trước khi lưu kho để thuận tiện cho kế hoạch cung ứng đến các khu vực sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với các loại bán thành phẩm bị lỗi, hỏng, không đảm bảo về kích thước, hình dạng hoặc bị bong lớp đệm mút xốp sẽ được tập kết và chuyển trả lại cho đơn vị cung ứng.

+ Đối với các loại bán thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển vào kho lưu chứa. Tùy theo từng đơn hàng, bộ phận phụ trách sẽ xuất cung ứng đến các khu vực sản xuất.

- **Mút xốp (đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu):** Do đã được các đơn vị cung ứng gia công theo hình dạng và kích thước yêu cầu nên mút xốp được chuyển thẳng xuống công đoạn lồng vỏ gối.

- Vải:

+ **Cắt vải:** Các tấm vải được nhập khẩu về ở dạng tấm hay cuộn với các hoa văn khác nhau. Các tấm vải sẽ được máy cắt (cắt ngang, cắt dọc, cắt lượn,...) thành các tấm có kích thước khác nhau, tùy theo yêu cầu của từng sản phẩm (tỷ lệ bavaria trong quá trình này chiếm khoảng 5%).

+ **May vỏ gối:** Sau khi cắt, các tấm vải được chuyển đến khu vực may để may các viền xung quanh và khóa cho vỏ gối.

- **Lồng vỏ gối:** Sau khi may hoàn thiện vỏ gối, mút xốp (đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu) được bỏ vào trong vỏ gối và kéo khóa lại.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm tra xác suất (khoảng 2%) ngoại quan các chi tiết, hoa văn, đường chỉ trên từng sản phẩm. Cụ thể:

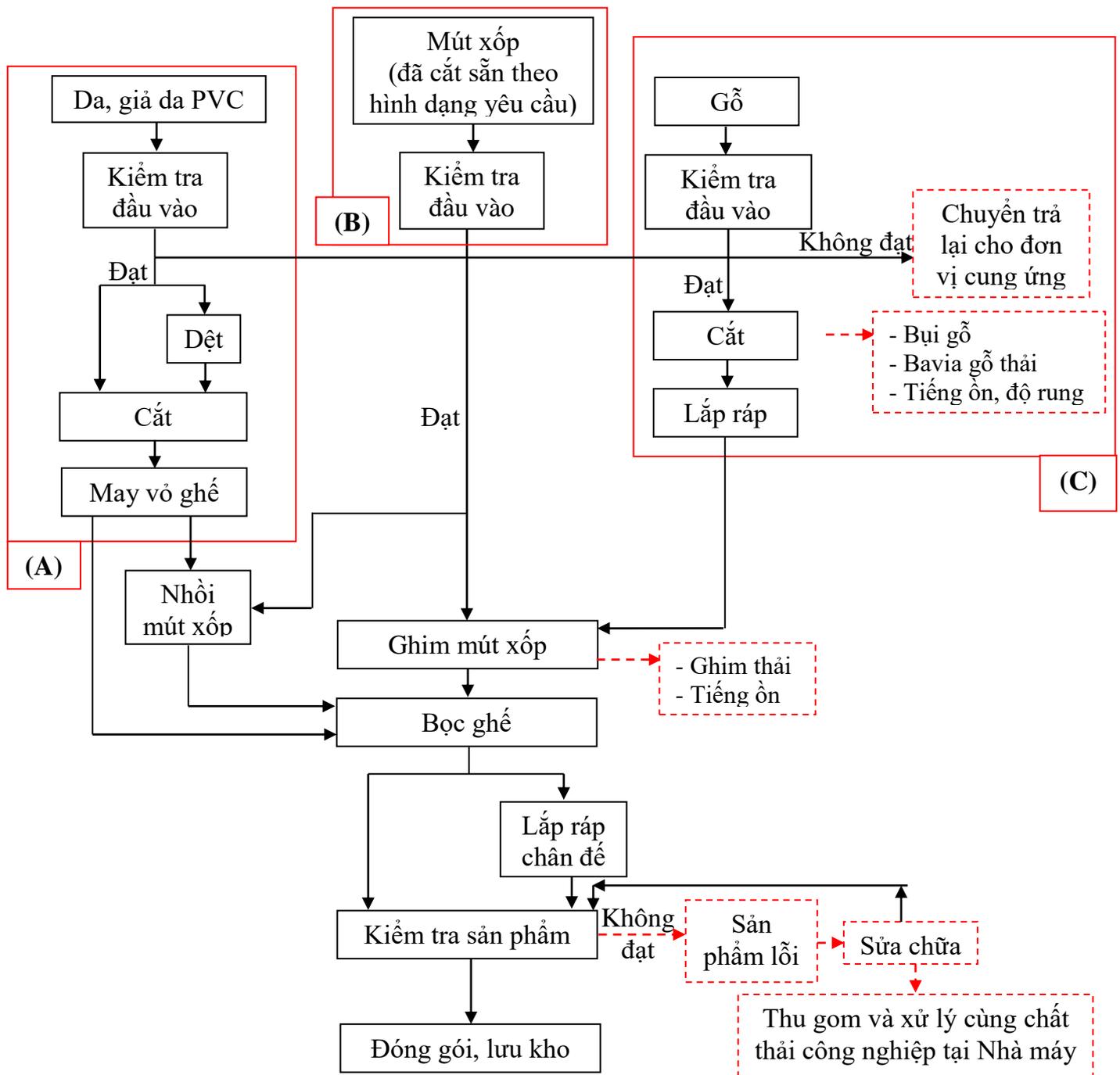
+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (chiếm tỷ lệ 1% tổng sản phẩm) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

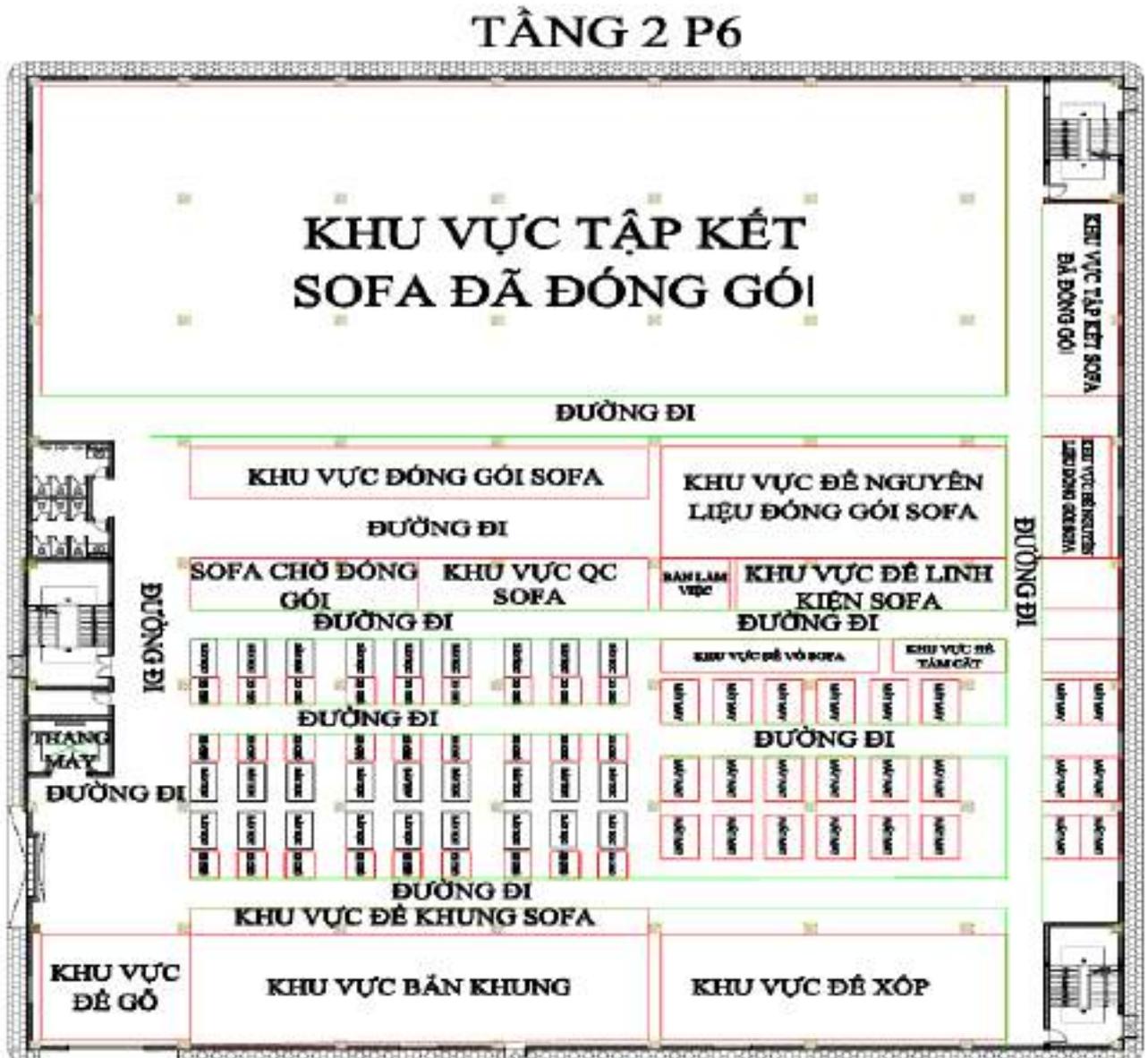
1.3.2.3. Quy trình sản xuất ghế sofa (lược bỏ công đoạn cắt mút xốp)

*Sơ đồ công nghệ:



Hình 1.6. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất ghế sofa

- Khu vực cắt và dệt da, giả da PVC phục vụ cho quá trình sản xuất ghế sofa: Tầng 4, Nhà xưởng 5.



***Thuyết minh quy trình:**

- **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất gói là mút xốp (đã được đơn vị cung ứng gia công sẵn theo kích thước, hình dạng yêu cầu); thanh gỗ (đã được gia công sẵn), Da và giả da PVC được nhập khẩu và vận chuyển về Nhà máy.

- **Kiểm tra đầu vào:** Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra theo phiếu nhập hàng về số lượng; chủng loại và thực hiện phân loại theo đơn hàng trước khi lưu kho để thuận tiện cho kế hoạch cung ứng đến các khu vực sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với nguyên liệu là da: Sử dụng máy scan mẫu da để kiểm tra độ bền màu, sự hư tổn rách nứt, xù lông, tra chỉ, phai màu của vải da,...

+ Đối với các loại bán thành phẩm bị lỗi, hỏng, không đảm bảo về kích thước, hình dạng sẽ được tập kết và chuyển trả lại cho đơn vị cung ứng.

+ Đối với các loại bán thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển vào kho lưu chứa. Tùy theo từng đơn hàng, bộ phận phụ trách sẽ xuất cung ứng đến các khu vực sản xuất.

- (A) - Bán thành phẩm da, giả da PVC:

+ Dệt: Tùy từng loại sản phẩm mà da và giả da PVC sẽ được dệt và tạo hình trên bề mặt vỏ bọc của ghế sofa.



Hình 1.7 Hình ảnh máy dệt cho bề mặt da, giả da PVC

+ Cắt: Da và giả da PVC được nhập khẩu ở dạng tấm lớn và được chuyển đến máy cắt để cắt thành các tấm có kích thước, hình dạng theo yêu cầu.



Hình 1.8. Hình ảnh máy cắt da thật



Hình 1.9. Hình ảnh máy cắt giả da PVC

+ May vỏ ghế: Tùy thuộc vào từng đơn hàng mà các chi tiết da, giả da PVC sau khi cắt theo đúng kích thước thiết kế được chuyển đến máy may nhằm ghép nối các chi tiết lại với nhau để tạo thành bộ vỏ bọc ghế sofa.

+ Nhồi mút xốp (công nhân thao tác thủ công): Tùy theo yêu cầu của từng đơn hàng mà vỏ ghế sau khi may xong được nhồi mút hoặc không.

- **(B) - Mút xốp (đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu):** là các xốp tấm nhập sẵn đã được gia công cắt theo hình dạng yêu cầu.

- **(C) - Bán thành phẩm khung gỗ, chân đế của ghế sofa:**

+ Cắt: Các bán thành phẩm thanh gỗ đã được gia công sẵn trước khi nhập về (*thanh gỗ với kích thước 1,22m – 2,44m, dày 1,5 – 2,4cm*). Công nhân sử dụng sử dụng máy cắt, cưa nhằm cắt bán thành phẩm gỗ này thành khung, chân đế của ghế sofa theo đơn hàng sản xuất.

+ Lắp ráp: Sử dụng phụ kiện bao gồm các đinh, vít để liên kết các chi tiết lại với nhau thành khung hoàn chỉnh.

+ Kiểm tra: Thực hiện kiểm tra ngoại quan, kiểm tra kích thước (đo kích thước), kiểm tra độ chắc chắn của khung hoàn chỉnh trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo. Đối với các Khung bị lỗi, Công nhân tiến hành cố định lại đinh, vít,... để tiếp tục đưa sang sản xuất tiếp theo.

- **Ghim mút xốp:** Mút xốp (*đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu*) được trải lên khung gỗ. Sau đó, công nhân sử dụng súng bắn ghim để cố định mút xốp trên khung.

- **Bọc vỏ ghế** (công nhân thao tác thủ công): Bán thành phẩm da, giả da PVC từ quá trình may tạo thành các vỏ sẽ được bọc lên mút xốp và khung gỗ.

- **Lắp ráp chân đế:** Tùy theo từng loại sản phẩm mà bán thành phẩm ghế sau khi được bọc vỏ ghế sẽ tiếp tục được lắp thêm chân đế hoặc không. Công đoạn này (nếu có) sử dụng đinh, ốc vít để gắn kết trực tiếp chân đế vào khung.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm (100%) ngoại quan các chi tiết, kích thước trên từng sản phẩm. Cụ thể:

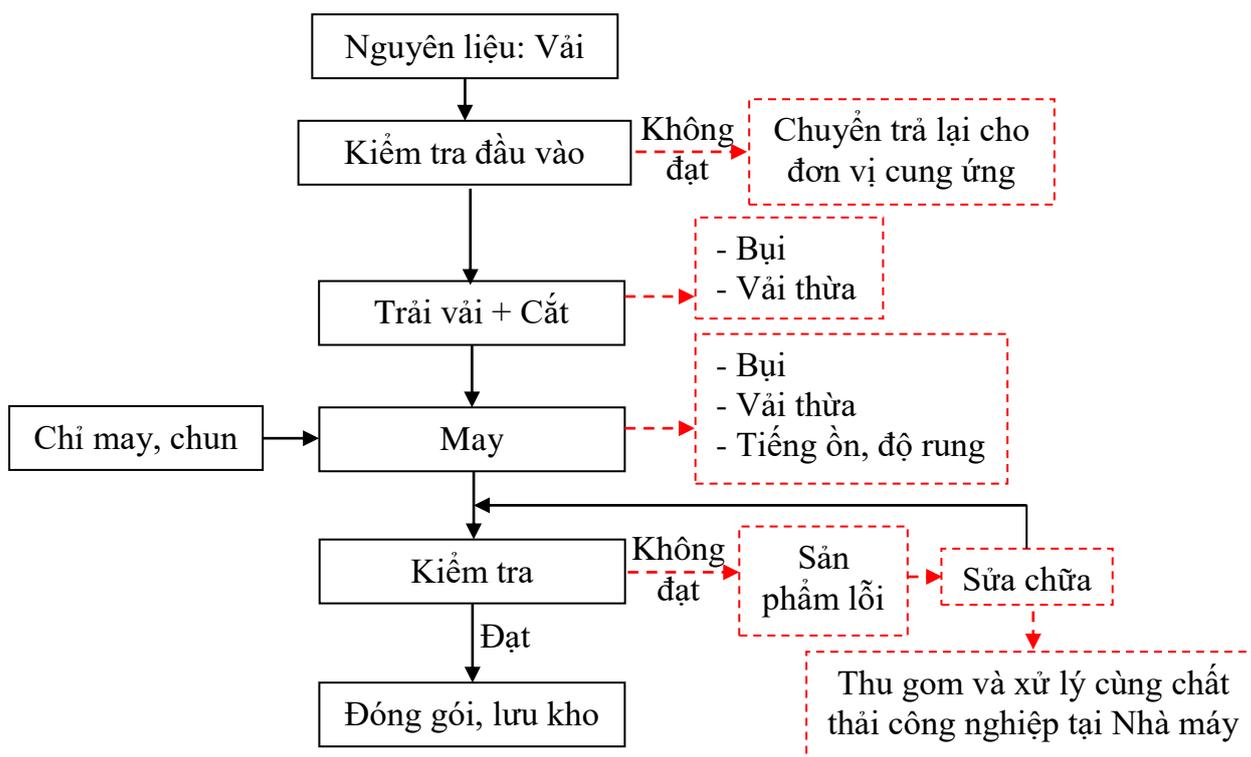
+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (*chiếm tỷ lệ 1% tổng sản phẩm*) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

1.3.2.4. Quy trình sản xuất ga giường tại tầng 2 của nhà xưởng 4B

*Sơ đồ công nghệ:



Hình 1.10. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất ga giường

*Thuyết minh quy trình:

- **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào để sản xuất bộ ga giường là các tấm vải được nhập về nhà máy với các hoa văn khác nhau. Vải được nhập về ở dạng cuộn để thuận tiện cho quá trình vận chuyển về Nhà máy.

- **Kiểm tra đầu vào:** Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra theo phiếu nhập hàng về số lượng; chủng loại và thực hiện phân loại theo đơn hàng trước khi lưu kho để thuận tiện cho kế hoạch cung ứng đến các khu vực sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với các loại bán thành phẩm bị lỗi, hỏng, hình dạng hoa văn không giống đơn hàng sẽ được tập kết và chuyển trả lại cho đơn vị cung ứng.

+ Đối với các loại bán thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển vào kho lưu chứa. Tùy theo từng đơn hàng, bộ phận phụ trách sẽ xuất cung ứng đến các khu vực sản xuất.

- **Trải vải + cắt:**

+ Đầu tiên, nhân viên kỹ thuật sẽ lập trình trong máy tính về kích thước, hình dạng của từng bộ ga giường hay theo đơn đặt hàng. Sau đó, sử dụng các phần mềm chuyên dụng để tính toán số lượng vải, kích thước vải cần sử dụng cho từng sản phẩm.

+ Các tấm vải hay cuộn vải sẽ được trải đều và phẳng trên bàn làm việc, công nhân tiến hành sử dụng các máy cắt bán tự động để cắt các tấm vải theo đúng thông số trên các bản vẽ (Các bavia trong quá trình này là khoảng 1%).



Hình 1.11. Hình ảnh công đoạn trải phẳng và cắt vải

- **Máy:** Bán thành phẩm sau cắt được chuyển đến dây chuyền may để may kết nối các chi tiết lại với nhau. Tiếp đó tiến hành may chun vào bo viền của bán thành phẩm ga.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm (100%) ngoại quan các chi tiết, đường may, chun trên từng sản phẩm. Cụ thể:

+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (*chiếm tỷ lệ 1% tổng sản phẩm*) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

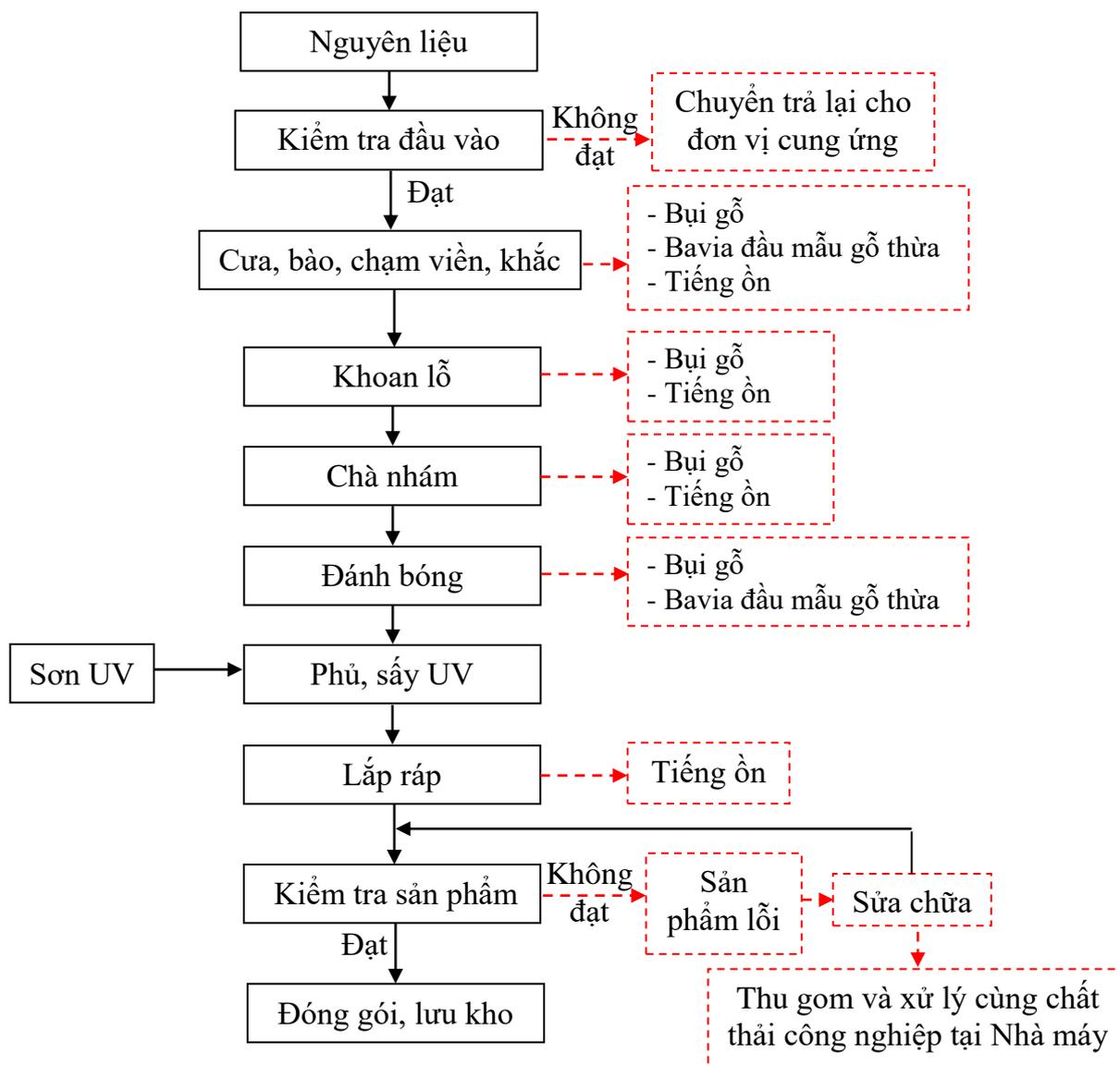
1.3.2.5. Quy trình sản xuất đồ nội thất (giường gỗ, tủ kệ,...)

- Gia công gỗ: Nhà xưởng 4A

- Khu vực cắt và dệt da, giả da PVC phục vụ cho quá trình sản xuất ghế sofa: Tầng 4, Nhà xưởng 5.

- Khu vực sản xuất đồ nội thất: Tầng 3, Nhà xưởng 5.

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 1.12. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất đồ nội thất (giường gỗ, tủ, kệ, ...)

***Thuyết minh quy trình:**

- **Nguyên liệu:** Nguyên liệu đầu vào của quy trình sản xuất đồ nội thất là tấm gỗ, thanh và gỗ dán (đã được gia công sẵn) được nhập từ các doanh nghiệp trong nước.

- **Kiểm tra đầu vào:** Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra theo phiếu nhập hàng về số lượng; chủng loại và thực hiện phân loại theo đơn hàng trước khi lưu kho để thuận tiện cho kế hoạch cung ứng đến các khu vực sản xuất. Cụ thể:

+ Đối với các loại bán thành phẩm bị lỗi, hỏng, không đảm bảo về kích thước, hình dạng hoặc bị trầy xước góc sẽ được tập kết và chuyển trả lại cho đơn vị cung ứng.

+ Đối với các loại bán thành phẩm đạt yêu cầu được chuyển vào kho lưu chứa. Tùy theo từng đơn hàng, bộ phận phụ trách sẽ xuất cung ứng đến các khu vực sản xuất.

- **Cưa, bào, chạm viền, khắc:** Các tấm gỗ, thanh và gỗ dán được đưa vào máy cưa để cắt gỗ thành hình dạng đã định trước, sau đó, lần lượt qua máy bào để làm nhẵn bề mặt

gỗ và chạm, khắc để tạo nên các đường viền đẹp cho sản phẩm. Tại mỗi máy gia công này đều được bố trí các đường ống hút D100 (gắn trực tiếp tại khu vực thao tác) để thu gom bụi gỗ phát sinh đưa ra hệ thống xử lý bụi để xử lý. Các đầu mẫu gỗ thừa được thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp.

- **Khoan lỗ:** Bán sản phẩm tiếp tục chuyển sang máy khoan để khoan lỗ, tạo ren để lắp ráp sản phẩm (*giường gỗ, tủ, kệ,...*). Tại mỗi máy gia công này đều được bố trí các đường ống hút D100 (gắn trực tiếp tại khu vực thao tác) để thu gom bụi gỗ phát sinh đưa ra hệ thống xử lý bụi để xử lý. Các đầu mẫu gỗ thừa được thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp.

- **Chà nhám:** Thực hiện máy chà nhám bề mặt sản phẩm để làm sạch bề mặt tạo độ mịn, độ nhám Ra (μm) đạt từ 240 đến 400. Tại mỗi máy gia công này đều được bố trí các đường ống hút D100 (gắn trực tiếp tại khu vực thao tác) để thu gom bụi gỗ phát sinh đưa ra hệ thống xử lý bụi để xử lý. Các đầu mẫu gỗ thừa được thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp.

- **Đánh bóng:** Sử dụng máy đánh bóng để tạo đường nét, độ nhẵn, trơn trên bề mặt sản phẩm. Tại mỗi máy gia công này đều được bố trí các đường ống hút D100 (gắn trực tiếp tại khu vực thao tác) để thu gom bụi gỗ phát sinh đưa ra hệ thống xử lý bụi để xử lý. Các đầu mẫu gỗ thừa được thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp.

- **Phủ sơn, sấy UV:**

+ Sau bước đánh bóng, bán thành phẩm được chuyển sang công đoạn sơn và sấy UV giúp tăng độ bền, chống trầy xước và bào mòn cho sản phẩm khi tiếp xúc với môi trường.

+ Đầu tiên, bán thành phẩm được công nhân xếp lên trên băng chuyền và theo chuyển động tịnh tiến đi vào khu vực sơn UV. Tại đây súng sẽ phun sơn đều lên trên bề mặt bán thành phẩm.

+ Sau đó, bán thành phẩm tiếp tục theo băng chuyền vào buồng sấy bằng đèn UV để tăng cao độ bám dính của sơn, giúp màng sơn được đồng đều và chống trầy xước.



Hình 1.13. Hình ảnh khu vực hệ thống máy phun sơn và sấy UV

- **Lắp ráp:** Sử dụng phụ kiện bao gồm các đinh, vít để liên kết các chi tiết lại với nhau thành sản phẩm đồ nội thất hoàn chỉnh.

- **Kiểm tra sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện được chuyển sang công đoạn kiểm (100%) ngoại quan về hình dạng, kích thước, đường nét, hoa văn bên ngoài của sản phẩm. Cụ thể:

+ Đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được chuyển sang công đoạn đóng gói và nhập kho.

+ Đối với các sản phẩm lỗi, hỏng được thu gom và chuyển về các công đoạn phía trên để sửa chữa và hoàn thiện lại sản phẩm. Trường hợp sản phẩm không thể sửa chữa (*chiếm tỷ lệ 0,1% tổng sản phẩm*) được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- **Đóng gói, sản phẩm:** Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói, nhập kho, xuất hàng.

1.3.3 Máy móc, thiết bị lắp đặt

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất

Stt	Danh mục	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
			ĐTM	GPMT	
I	Sản xuất giường gỗ, giường da, nội thất gỗ				
1.1	Máy cưa gỗ	Máy	5	5	Giữ nguyên
1.2	Máy cắt ép mặt ván gỗ	Máy	1	1	
1.3	Máy lắp ráp nối các miếng gỗ	Máy	1	1	
1.4	Máy mài mặt gỗ	Máy	1	1	Giữ nguyên
1.5	Máy hút bụi và lọc mùn cưa công nghiệp	Máy	1	1	
1.6	Máy bào và cưa gỗ	Máy	1	1	
1.7	Máy tiện và đẽo gỗ	Máy	1	1	
1.8	Máy khoan gỗ mũi đôi	Máy	1	1	
1.9	Máy phay gỗ	Máy	1	1	
1.10	Máy bào gỗ 5 trục 4 mặt	Máy	1	1	
1.11	Máy đẽo gỗ phôi rộng	Máy	1	1	
1.12	Máy mài gỗ diện rộng	Máy	1	1	
1.13	Máy khoan tự động hai đầu	Máy	1	1	
1.14	Máy khoan gỗ	Máy	1	1	
1.15	Máy bào gỗ	Máy	1	1	
1.16	Máy phun sơn gỗ tự động	Máy	0	2	Bổ sung công đoạn phun và sấy UV thay thế công đoạn quét dầu
1.17	Máy đục rãnh và lỗ gỗ	Máy	1	1	Giữ nguyên
1.18	Máy chà nhám đánh bóng bề mặt gỗ, dùng trong sản xuất đồ nội thất	Máy	2	3	Bổ sung 01 máy dự phòng

1.19	Máy ép gỗ cao tần, dùng trong sản xuất đồ nội thất	Máy	0	1	Bổ sung thêm máy móc phục vụ cho công đoạn cưa, xe gỗ
1.20	Máy xẻ gỗ tự động, dùng trong sản xuất đồ nội thất	Máy	0	1	
1.21	Súng bắn đinh cầm tay	Máy	3	3	Giữ nguyên
1.22	Máy khoan búa và vặn vít	Máy	0	1	Máy cầm tay phục vụ cho công đoạn lắp ráp
II	Sản xuất ghế sofa				
2.1	Máy cắt tạo góc gỗ hình tam giác tự động	Máy	01	01	Giữ nguyên
2.2	Máy dệt	Máy	01	02	Bổ sung 01 máy dệt phòng
2.3	Máy cắt (da thuộc da bò, vải da PVC nhiều lớp)	Máy	2	2	Giữ nguyên
2.4	Máy scan mẫu da thuộc	Máy	0	1	Phục vụ cho công đoạn kiểm tra chất lượng da
2.6	Máy may công nghiệp	Máy	40	34	
2.7	Máy vắt sỏ	Máy	0	3	
2.8	Máy gọt da	Máy	0	2	
2.9	Súng bắn đinh cầm tay	Máy	8	68	
III	Sản xuất gối, ga trải giường, đệm mút				
3.1	Máy viền mép tự động	Máy	2	9	
3.2	Máy quét keo nóng chảy	Máy	1	4	
3.3	Máy đóng gói	Máy	1	2	
3.4	Máy may công nghiệp	Máy	40	62	
3.5	Máy vắt sỏ	Máy	0	5	
3.6	Thiết bị cắt vải cầm tay	Máy	0	4	
IV	Máy móc thiết bị phụ trợ				
4.1	Máy nén khí	Máy	2	4	
4.2	Xe nâng	Xe	2	2	

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất sử dụng

Bảng 1.6. Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu và hoá chất sử dụng

Stt	Danh mục	Khối lượng sử dụng (tấn/năm)	
		Hiện trạng (30% công suất đăng ký)	GPMT (100% công suất đăng ký)
A	Nguyên, phụ liệu chính cho sản xuất		
I	Sản xuất đệm		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Hecom Vsip Hải Phòng” tại lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng

1.1	Mút xốp	-	1.515
1.2	Khung lò xo	-	55
1.3	Vải	-	165
1.4	Chỉ	-	6,72
1.5	Xéc kéo (khoá)	-	13
1.6	Keo KS2317	-	13,5
Tổng I		-	1.768
II	Sản xuất gối		
2.1	Mút xốp	222,5	517,5
2.2	Vải	15,91	37
2.3	Chỉ	0,84	1,95
2.4	Khoá kéo	0,4	0,94
Tổng II		239,67	557,39
III	Sản xuất ghế sofa		
3.1	Da bò	118,25	275
3.2	Giả da PVC	47,3	110
3.3	Mút xốp	19,35	45
3.4	Gỗ	268,75	625
3.5	Chỉ	0,774	1,8
3.6	Lò xo	0,43	1
3.7	Đinh, vít, ghim	5,25	12,21
3.8	Khung sắt kê chân	38,7	90
Tổng III		498,8	1.160,01
IV	Sản xuất ga giường		
4.1	Vải	78,32	178
4.2	Chỉ	0,55	1,24
4.3	Chun	4,66	10,6
4.4	Khoá kéo	1,36	3,1
Tổng IV		84,89	192,94
V	Sản xuất đồ nội thất		
5.1	Gỗ	347,01	807
5.2	Sơn UV	3,53	8,2
5.3	Ốc vít	7,34	17,06
Tổng V		357,87	832,26
Tổng A		1.181,16	4.510,82
B	Vật liệu đóng gói		

1	Giấy xi măng, giấy Kraft	21,02	70
2	Bao tải	9,01	30
3	Thùng carton	18,02	60
4	Túi nilon (PVC, PE)	11,41	38
Tổng B		59,46	198

***Thành phần và tính chất của một số hoá chất sử dụng**

Stt	Tên hoá chất	Thành phần	Tỷ lệ (%)	Số CAS	Đặc tính
1	Keo KS2317	Dầu làm mềm cao su	15 - 25	8012-95-1	+ Trạng thái: Rắn + Màu sắc: trắng + Nhiệt độ nóng chảy: 93 - 100°C + Nhiệt độ chớp cháy: >260°C + Độ hoà tan trong nước: Không hoà tan trong nước + Mật độ: 0,98 g/cm ³
		Cao su tổng hợp nhiệt dẻo	15 - 30	25038-32-8	
		Nhựa dầu mỏ hydro hoá	45 - 65	69430-35-9	
		Chất chống oxy hoá 1010	0,1 - 0,5	6683-19-8	
		Chất chống oxy hoá 168	0,1 - 0,5	2082-79-3	
2	Sơn UV	Nhựa Alkyd	49%	63148-69-6	+ Trạng thái: lỏng + Màu sắc: màu vàng nhạt + Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 0,9 - 1,3 + Điểm chớp cháy: 26°C
		Xylen	25%	1330-20-7	
		Butyl axetat	8%	123-86-4	
		Cyclohexanone	8%	108-94-1	
		Pgmea	10%	108-65-6	

1.4.2. Lao động, điện năng, nước sạch

a. Lao động

***Số lượng cán bộ công nhân viên:**

- Hoạt động sản xuất hiện trạng (30% công suất): 270 người

- Hoạt động sản xuất dự kiến (100% công suất): 500 người (*không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021 của Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng*).

***Số ca làm việc:** 02 ca sản xuất/ngày đêm; 8h/ca. Thời gian bố trí ca sản xuất phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy.

b. Điện năng

***Nguồn cung cấp:** hệ thống cấp điện chung của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng

***Mục đích sử dụng:** cấp điện cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất và chiếu sáng.

***Lượng sử dụng:**

Bảng 1.7. Thống kê khối lượng điện sử dụng

Stt	Thời gian	Khối lượng sử dụng (kWh/tháng)	Ghi chú
1	Tháng 04/2024	56.789	Hoá đơn điện được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo
2	Tháng 05/2024	62.701	
3	Tháng 06/2024	40.811	
4	Tháng 07/2024	51.208	
5	Tháng 08/2024	52.787	
6	Tháng 09/2024	50.115	
Tổng		314.411	
Trung bình tháng		52.401,83	

e. Nước sạch

***Nguồn cung cấp:** Hệ thống cấp nước chung của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng.

***Mục đích sử dụng:** Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy (Công ty không tổ chức hoạt động nấu ăn mà hợp đồng với đơn vị cung ứng cơm hộp); Hoạt động tưới cây, đập bụi sân đường nội bộ; Dự trữ nước cho hoạt động PCCC.

***Lượng sử dụng:**

- Hiện trạng (tương ứng với hoạt động sản xuất trung bình khoảng 30% công suất đang ký) sử dụng nước của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) được thống kê theo hoá đơn sử dụng nước. Cụ thể như sau:

Bảng 1.8. Thống kê khối lượng nước sử dụng

Stt	Thời gian	Khối lượng (m ³ /tháng)	Ghi chú
1	Tháng 06/2024	602	Hoá đơn nước được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo
2	Tháng 07/2024	666	
3	Tháng 08/2024	798	
4	Tháng 09/2024	643	
5	Tháng 10/2024	776	
Trung bình tháng (m³/tháng)		697	
Trung bình ngày (m³/ngày)		26,8	

- Phân bổ các hạng mục nước sử dụng:

+ Hoạt động sinh hoạt của 270 cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy: Theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế, định mức cấp nước sinh hoạt là 45 lít/người/ca. Khi đó, nước cấp cho hoạt động này là:

$$270 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} \times 1 \text{ ca/ngày đêm} = 12,15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ Nước cấp cho hoạt động của hệ thống lọc nước RO (cấp nước uống cho cán bộ công nhân viên): Để đảm bảo chất lượng nước uống của cán bộ công nhân viên làm việc

tại Nhà máy, Công ty đã bố trí 08 hệ thống máy lọc nước RO công nghiệp cột lọc composite, nguồn 220V-50Hz, than hoạt tính với công suất 180 lít/giờ/hệ thống (nước đầu ra). Mỗi ngày hệ thống hoạt động trung bình khoảng 6 giờ (2 giờ buổi sáng, hai giờ buổi chiều và 2 giờ buổi tối). Cụ thể:

Stt	Danh mục	Tính toán lượng nước sử dụng cho hệ thống lọc RO
1	Lượng nước lọc/1 hệ thống	180 lít/giờ
2	Số lượng hệ thống nước RO của Công ty	08 hệ thống
3	Thời gian lọc nước trung bình tại Nhà máy	6 giờ/hệ thống/ngày
	⇒ Lượng nước lọc cấp cho sinh hoạt	$(180 \times 8 \times 6)/1.000 = 8,64 \text{ m}^3/\text{ngày}$
	Hệ thống nước lọc RO: Tỷ lệ nước sinh hoạt/nước thải	Nước sinh hoạt/Nước thải = 7/3
	⇒ Lượng nước thải từ hệ thống lọc RO	$= 8,64 \times 3/7 = 3,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$
	⇒ Lượng nước cấp cần để thu hồi được 8,64 m ³ /ngày	$= 8,64 + 3,7 = 12,34 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Lưu ý: Lượng nước thải sau hệ thống lọc RO được dẫn cùng với nước thoát sàn từ nhà vệ sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Hoạt động tưới cây xanh, đập bụi sân đường nội bộ: Căn cứ vào bảng thống kê lượng nước sạch sử dụng của Công ty trong 05 tháng gần nhất (*hoá đơn chi tiết được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo*). Thì lượng nước cấp trung bình một ngày mà Công ty sử dụng là 26,8 m³/ngày. Suy ra, lượng nước sạch cấp cho hoạt động tưới cây xanh, đập bụi sân đường nội bộ của Công ty là:

$$26,8 - 12,15 - 12,34 = 2,31 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

⇒ Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hàng ngày của Nhà máy:

Stt	Danh mục	Khối lượng năm 2024 (30%)	Đề xuất cấp GPMT (100%)
1	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy	12,15	22,5
2	Hoạt động của hệ thống lọc nước RO	12,34	22,85
3	Hoạt động tưới cây xanh, đập bụi sân đường nội bộ	2,31	2,31
Tổng		26,8	47,66

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư: Không có

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Chính phủ và Bộ Công thương

- Quyết định số 880/QĐ – TTg ngày 09/06/2014 của Thủ tướng chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3892/QĐ-BCT ngày 28/9/2016 của Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng Bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, với mục tiêu xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước, có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững, kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường hàng không và đường thủy nội địa, trọng điểm dịch vụ logistics và du lịch, trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế biển.

- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số; là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa; trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á, trọng tâm là dịch vụ cảng biển, logistics và du lịch biển; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Ngoài ra, với phương án phát triển 31 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.150 ha, đảm bảo sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất gắn liền với bảo vệ môi trường.

Theo đó: Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định số 1735/QĐ-BTNMT ngày 13/09/2011 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng”; Giấy xác nhận số 72/GXN-TCMT ngày 16/08/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị, công

ngành và dịch vụ VSIP Hải Phòng”, với công trình xử lý nước thải đã xây dựng Modul 2 của hệ thống xử lý tập trung công suất 5.000 m³/ngày đêm, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện nay của KCN VSIP là 9.950 m³/ngày đêm; Giấy phép xả nước thải vào nguồn số 2895/GP-BTNMT ngày 10/11/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hoà với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Đối với KCN Vsip Hải Phòng: trong quá trình thu hút đầu tư vào KCN, Công ty TNHH VSIP Hải Phòng phải nghiêm túc thực hiện việc lựa chọn ngành nghề đầu tư theo ngành nghề được cấp phép, thực hiện quản lý, thu gom, xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường; phân định, phân loại, lưu giữ, tái chế, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty TNHH VSIP Hải Phòng phải chủ động trong việc nghiên cứu, áp dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, nâng cao hiệu quả tái chế, thu hồi nguyên liệu, thu hồi năng lượng.

+ Đối với Dự án: trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Chủ dự án phải nghiêm túc thực hiện việc quản lý, thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải; phân định, phân loại, lưu giữ, tái chế, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Chủ dự án phải chủ động trong việc nghiên cứu, áp dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, nâng cao hiệu quả tái chế, thu hồi nguyên liệu, thu hồi năng lượng.

2.1.2. Phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố Hải Phòng

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm phát triển là chú ý giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa phát triển nhanh và bền vững; giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó phát triển theo

chiều sâu là chủ đạo, để Hải Phòng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước, sớm trở thành thành phố công nghiệp gắn với cảng biển phát triển hiện đại, thông minh, bền vững với những ngành mũi nhọn như kinh tế biển, cơ khí chế tạo, điện tử, dịch vụ logistics, khoa học và công nghiệp biển.

- Quyết định 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2.1.3. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng

2.1.3.1. Giới thiệu về Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng

a. Cơ cấu sử dụng đất

Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng làm chủ đầu tư. KCN Vsip có diện tích 1.566,3 ha, trên địa bàn của 7 xã là Tân Dương, Thuỷ Đường, Dương Quan, An Lư, Trung Hà, Thuỷ Triều và Thuỷ Sơn, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trong đó, đất xây dựng khu đô thị là 1.058,73ha, đất xây dựng khu công nghiệp là 507,6ha (trong đó đã bao gồm các loại đất khác như: đất khu điều hành – dịch vụ, đất cây xanh, mặt nước, đất đấu nối hạ tầng kỹ thuật và giao thông, ...). Quy hoạch sử dụng đất của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng được thể hiện như sau:

Bảng 2.1. Quy hoạch sử dụng đất của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Khu đô thị	1.058,73	
1.1	Đất ở	335,69	23,25
1.2	Khu đa chức năng	195,96	12,51
1.3	Trung tâm nghệ thuật/văn hoá/hội nghị	3,35	0,21
1.4	Khách sạn	4,71	0,3
1.5	Thể thao và giải trí	7,89	0,5
1.6	Viện nghiên cứu, dạy nghề, trung cấp	53,23	3,4
1.7	Chăm sóc sức khỏe	2,1	0,13
1.8	Công viên, cây xanh	138,01	8,81
1.9	Mặt nước	30,69	1,96
1.10	Giao thông	254,65	16,26
1.11	Khu kỹ thuật	4	0,26
II	Khu công nghiệp	507,6	
2.1	Công viên phần mềm	66,41	4,24

2.2	Khu công nghiệp	308,45	16,69
2.3	Cây xanh	43,27	2,76
2.4	Mặt nước	5,12	0,33
2.5	Giao thông	77,85	4,97
2.6	Khu kỹ thuật	6,5	0,41
Tổng		1.566,33	100

b. Hiện trạng giao thông

Hệ thống đường giao thông được xây dựng với dạng ô cờ nhằm khai thác tối đa tính hiệu quả và việc tiếp cận. Hai trục đường Bắc Nam và Đông Tây sẽ tạo ra mạng lưới giao thông kết nối với nhau. Duy trì đường cao tốc Đông – Tây đã được thành phố Hải Phòng quy hoạch và sử dụng con đường này để chia tách khu đô thị, dịch vụ với khu công nghiệp. Các loại đường đã được thông quan như sau:

- Loại đường giao thông nội bộ gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 2 làn xe rộng 26m.
- Loại đường khu vực gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 3 làn xe rộng 36m.
- Trục đường chính (rộng 80m): gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 4 làn xe.
- Trục đường chính (rộng 90m): gồm 2 luồng đường, mỗi luồng đường 5 làn xe (3 làn cao tốc, 2 làn gom).

c. Hiện trạng cấp nước

Nguồn nước cấp cho toàn khu công nghiệp VSIP Hải Phòng lấy từ nhà máy cấp nước của VSIP có công suất 15.000 m³/ngày (*công suất theo quy hoạch là 69.000 m³/ngày đêm*). Nguồn nước cấp cho nhà máy cấp nước của Vsip là nước mặt khai thác từ sông Giá. Trong mạng lưới Vsip Hải Phòng có dự trữ điểm đầu nối cấp nước cho khu đất để dự trữ phát triển, đảm bảo cung cấp nước liên tục 24/24 giờ.

d. Hiện trạng cấp điện

Nguồn điện cấp cho KCN VSIP được lấy từ trạm biến áp Thủy Nguyên 2 bằng đường dây 110kV (mạch kép) cấp tới trạm biến áp 110/22kV nằm trong KCN. Tổng công suất toàn bộ KCN là 200 MW.

e. Thông tin liên lạc

KCN VSIP Hải Phòng đã có hệ thống thông tin liên lạc đầy đủ đảm bảo liên lạc trong nước và quốc tế dễ dàng bao gồm điện thoại, điện thoại di động. Fax, Internet cho các nhà đầu tư.

2.1.3.2. Các công trình bảo vệ môi trường của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng

Công ty TNHH VSIP Hải Phòng từ khi triển khai đầu tư xây dựng Dự án đến nay luôn nghiêm túc thực hiện các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Quyết định số 874/QĐ-BTNMT ngày 13/05/2010 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 1735/QĐ-BTNMT ngày 13/09/2011 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng” tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Giấy xác nhận số 22/GXN-TCMT ngày 19/02/2016 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc xác nhận hoàn thành giai đoạn I công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP” tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Giấy xác nhận số 72/GXN-TCMT ngày 16/08/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng”, với công trình xử lý nước thải đã xây dựng Modul 2 của hệ thống xử lý tập trung công suất 5.000 m³/ngày đêm, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện nay của KCN VSIP là 9.950 m³/ngày đêm.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2895/GP-BTNMT ngày 10/11/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ theo đúng cam kết đã được phê duyệt tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển CTNH với đơn vị có chức năng.

a. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa: Hướng thoát nước chính từ Bắc xuống Nam. Dựa theo độ dốc đường và san nền bố trí tuyến rãnh thoát nước dọc theo các tuyến đường, nước mưa trên mặt đường được thu vào tuyến rãnh chính qua cửa thu nước mưa lòng đường. Tuyến rãnh thoát nước mưa được bố trí cách vỉa đường hè đường 2m. Tuyến thoát nước mưa sử dụng rãnh thoát nước tiết diện chữ nhật B = 800 - 2.000mm. Để thu nước mưa trên đường, bố trí các cửa thu với khoảng cách 30-40m/ga dọc hai bên đường. Hai đầu các đoạn cống ngang đường xây dựng các hố ga thăm. Để đảm bảo khả năng thoát nước tốt nhất về mùa mưa, bão, lũ, KCN VSIP Hải Phòng có xây dựng 2 trạm bơm cưỡng bức lưu lượng 4 m³/s và 5 m³/s có phao chắn để thoát nước khi thủy triều lên.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Yêu cầu của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng là tất cả các đơn vị trong Khu công nghiệp đều phải có hệ thống tiền xử lý đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công

nghiệp, đảm bảo trước khi thải vào hệ thống thu gom của KCN, các thông số ô nhiễm phải đạt giá trị nhỏ hơn các giá trị theo quy định của KCN VSIP Hải Phòng. Quy định về nồng độ các chất thải của các cơ sở trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng như sau:

Bảng 2.2. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng

Stt	Thông số	Đơn vị	Nồng độ nước thải cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6 – 9
3	Độ màu (Co-Pt at pH = 7)	-	50
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Thạch tín/Arsenic (As)	mg/l	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	0,1
10	Cadmium (Cd)	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng (Cu)	mg/l	2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3
15	Niken (Ni)	mg/l	0,2
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
17	Sắt (Fe)	mg/l	1
18	Xyanua (CN)	mg/l	0,07
19	Phenol	mg/l	0,1
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	16
22	Clo dư	mg/l	1
23	PCB	mg/l	0,003
24	Hoá chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	mg/l	0,3
25	Hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
26	Sunfua	mg/l	0,2
27	Florua	mg/l	5
28	Clorua	mg/l	500
29	Amoniac	mg/l	8
30	Tổng Nito	mg/l	20

31	Tổng Photpho	mg/l	5
32	Coliform	mg/l	5.000
33	Hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1
34	Hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1

+ Toàn bộ nước thải của các cơ sở sản xuất trong VSIP HP được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải có tổng công suất 9.950 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý của cả khu phải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường xung quanh. Hiện tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tiếp nhận nước thải là 3.111 m³/ngày đêm.

b. Công trình thu gom rác thải, chất thải nguy hại

- Đối với việc thu gom rác thải sinh hoạt: KCN VSIP Hải Phòng ký hợp đồng dịch vụ với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Đối với việc thu gom rác thải công nghiệp: KCN VSIP Hải Phòng không chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp của các Công ty trong KCN. Các Công ty hoạt động trong KCN trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị có đủ năng lực về việc thu gom chất thải công nghiệp.

- Chất thải nguy hại: KCN VSIP Hải Phòng được Sở Tài Nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 31.000764.T cấp lần đầu ngày 31/10/2013, cấp lại lần thứ 01 ngày 22/12/2014 và đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng để xử lý CTNH của KCN VSIP Hải Phòng. Chất thải nguy hại của các Công ty hoạt động trong KCN do các Công ty trực tiếp ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng theo quy định pháp luật.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

“*Dự án Hecom Vsip Hải Phòng*” của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) nằm trong KCN VSIP với hạ tầng kỹ thuật đã quy hoạch đồng bộ, hiện đại. Do đó có thể nhận định, chất lượng môi trường hiện trạng khu vực thực hiện dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Việc phát sinh nguồn thải trong quá trình hoạt động của dự án là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, chủ dự án cam kết sẽ đề xuất và thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu phù hợp, hạn chế tối đa tác động của nguồn thải đến nguồn tiếp nhận, đảm bảo trong quá trình hoạt động không gây ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

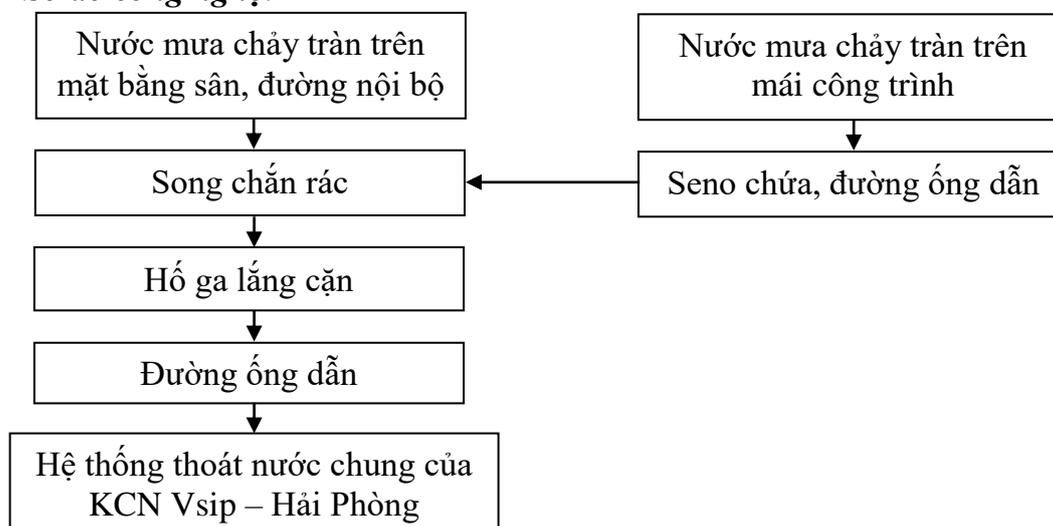
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Nguồn phát sinh và thành phần

Nước mưa phát sinh vào ngày mưa lớn sẽ cuốn theo bụi bẩn, tạp chất thô,... vào nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên, mặt bằng Nhà máy đã được bê tông hóa nên thành phần ô nhiễm chứa trong nước mưa chủ yếu là các tạp chất vô cơ khó tan, có kích thước lớn như: Bụi đường, bụi trên mái các công trình, các loại rác vô cơ như cành, lá rế cây,...

b. Biện pháp thu gom, xử lý:

*Sơ đồ công nghệ:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn

***Thuyết minh quy trình:** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Công ty được thiết kế và xây dựng độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Cụ thể

- Nước mưa chảy tràn trên mái các hạng mục công trình: Toàn bộ lượng nước mưa này được thu gom vào seno chứa theo đường ống dẫn lắp đứng đầu nối vào hệ thống tiêu thoát nước mặt bằng được bố trí xung quanh khuôn viên Nhà máy.

- Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, đường nội bộ: Toàn bộ nước mưa được thu gom vào rãnh thu và các hố ga qua hệ thống công thoát nước xây dựng xung quanh Nhà xưởng. Rác thải có kích thước lớn được giữ lại tại song chắn rác và được định kỳ thu gom và xử lý cùng với rác thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy. Sau đó, nước mưa theo đường ống dẫn đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN VSIP Hải Phòng.

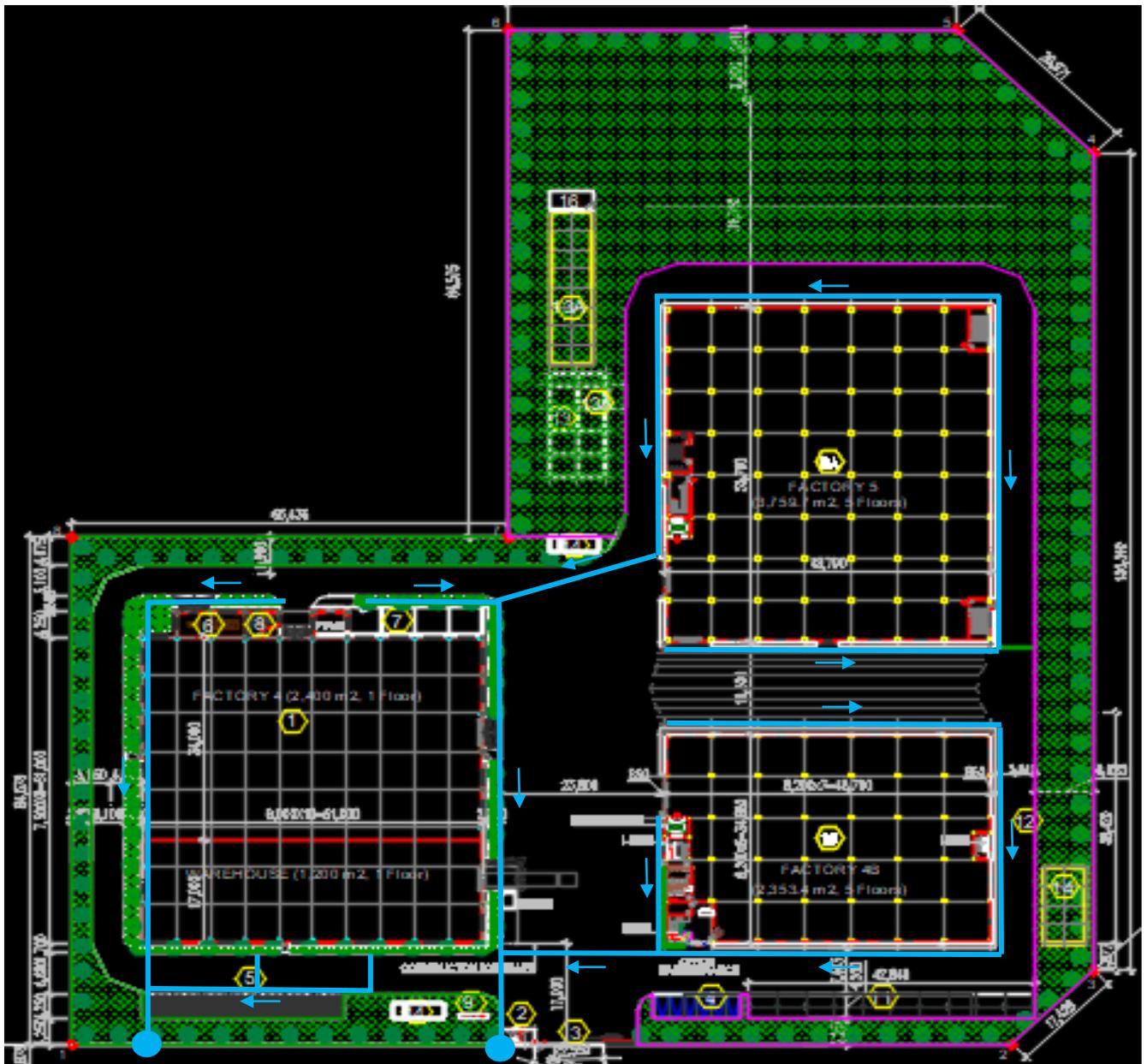
***Các biện pháp khác:** Chủ dự án sẽ bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh mặt bằng cơ sở hàng ngày; thực hiện nghiêm túc quá trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại, bố trí nhân viên môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra đường thu nước, cống BTCT, ga thu thường xuyên để phát hiện hỏng hóc để có phương án khắc phục kịp thời; Công ty

sẽ thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại ga thu nước mưa đảm bảo công trình vận hành ổn định (thời điểm nạo vét là trước mùa mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày).

***Thông số kỹ thuật:**

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái: senô chứa, đường ống PVC D160 - D200.
- Hệ thống thoát nước mưa mặt bằng:
 - + Cống thoát nước mưa D300 – D600, có độ dốc $i = 0,3\%$.
 - + Hồ ga lắng cặn có song chắn rác được làm bằng thép không gỉ.
- 01 điểm đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Vsip Hải Phòng.

***Sơ đồ mặt bằng thu gom và thoát nước mưa:**



Hình 3.2. Tổng mặt bằng thu gom và thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy (không bao gồm hoạt động nấu ăn do Công ty thực hiện trợ cấp tiền ăn cho người lao động, người lao động tự túc suất ăn giữa ca làm việc).

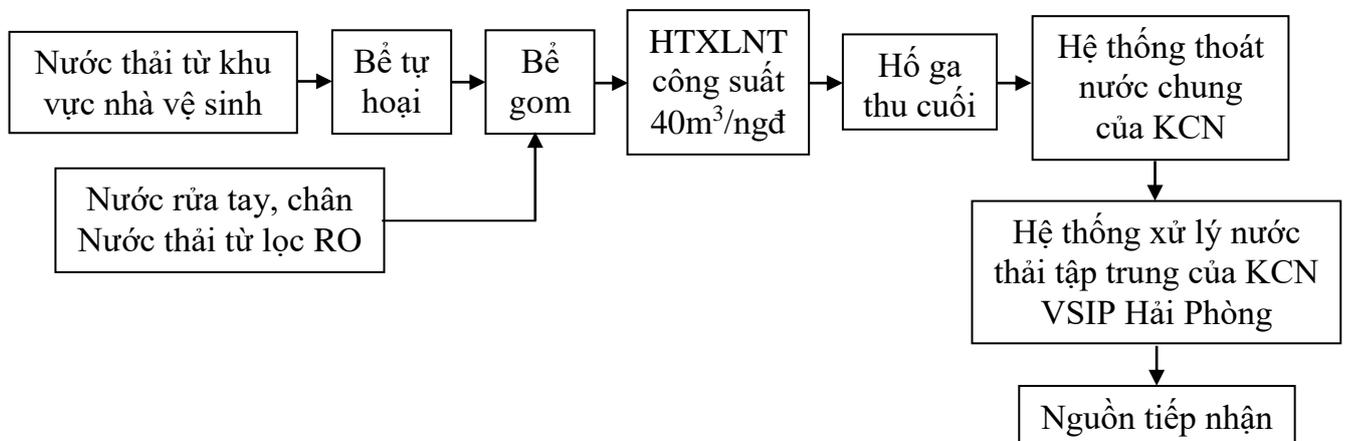
b. Lượng phát sinh: Căn cứ theo phần tính toán nhu cầu sử dụng nước tại Chương I => Lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Nhu cầu xả nước thải

Stt	Danh mục	Nhu cầu xả thải (m ³ /ngày đêm)		Ghi chú
		Lượng năm 2024 (30%)	Đề xuất cấp GPMT (100%)	
1	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy	12,15	22,5	Định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp (Theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải)
2	Hoạt động của hệ thống lọc nước RO	3,7	6,86	Xả thải cùng với nước thoát sản phẩm nhà vệ sinh và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung
3	Hoạt động tưới cây xanh, đập bụi sân đường nội bộ	0	0	Không phát sinh nước thải do nước sẽ bị bay hơi hoặc ngấm xuống dưới đất
Tổng		15,85	29,36	

=> Khối lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy khi đạt 100% công suất là 29,36 m³/ngày đêm. Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 40 m³/ngày đêm) đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung, Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vsip Hải Phòng. Ngoài ra, định kỳ 03 tháng/lần Công ty cũng phối hợp với đơn vị có chức năng để quan trắc chất lượng nước tại hố ga cuối làm cơ sở đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thu gom nước thải.

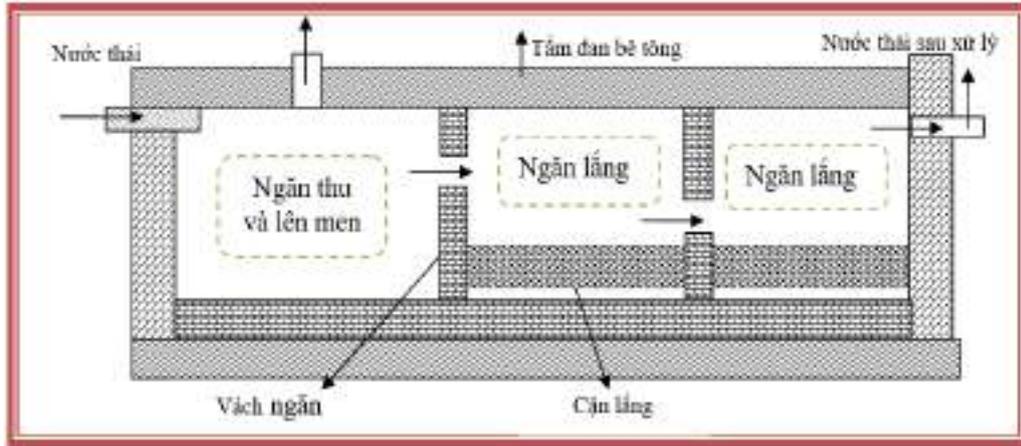
c. Biện pháp thu gom, xử lý



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty

c1. Thu gom, xử lý nước thải sơ bộ nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

***Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải xử lý trong bể tự hoại được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn lắng. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể là 3 ngày) quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí tạo thành khí CH_4 , H_2S ... Cặn lắng được phân hủy giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Quá trình chuyển hóa chất hữu cơ nhờ vi sinh kỵ khí chủ yếu được diễn ra theo nguyên lý lên men qua các bước sau:

- + Vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ phức tạp và lipit thành các chất hữu cơ đơn giản có trọng lượng riêng nhẹ.
- + Vi khuẩn tạo men axit, biến đổi các chất hữu cơ đơn giản thành axit hữu cơ.
- + Vi khuẩn tạo men metan chuyển hóa hydro và các axit được tạo thành ở giai đoạn trước thành khí metan và cacbonic.

- Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước rửa tay, chân tiếp tục theo đường ống dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung và Hệ thống xử lý nước thải của KCN VSIP Hải Phòng.

***Thông số kỹ thuật:**

- Số lượng, dung tích: 04 bể tự hoại, dung tích 71,45 m³
- Kết cấu: Bể được xây dựng với kết cấu bê tông cốt thép.

***Sức chịu tải của công trình:** Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 22,5

m³/ngày đêm (không bao gồm hoạt động nấu ăn do Công ty thực hiện trợ cấp tiền ăn cho người lao động, người lao động tự túc suất ăn giữa ca làm việc; không tính nước thải từ hệ thống lọc RO, do không dẫn vào bể tự hoại để xử lý). Trên thực tế, lượng nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên chiếm tỷ lệ 60% tổng lượng nước thải phát sinh và bằng 13,5 m³/ngày đêm. Vì vậy, Báo cáo sẽ tính toán dung tích của bể tự hoại cần và đủ để đảm bảo thu gom xử lý 13,5 m³ nước thải/ngày đêm. Tổng thể tích bể tự hoại được xác định bằng công thức sau:

$$W_{th} = W_n + W_b \quad (1)$$

- Thể tích phần nước: $W_n = T_1 \times Q_{ngđ}$

T_1 : thời gian lưu nước trong bể tự hoại, từ 1 - 3 ngày, chọn 3 ngày.

Q : lưu lượng nước thải trung bình, $Q = 20,25 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

$$\Rightarrow W_n = 13,5 \times 3 = 40,5 \text{ m}^3$$

- Thể tích phần bùn: $W_b = \frac{a \cdot N \cdot T_2 \cdot C}{1000} \quad (2)$.

Trong đó:

+ N : Số công nhân làm việc, $N = 500$ người;

+ a : Tiêu chuẩn cần lắng của một người trong một ngày, $a = 0,4 - 0,5$ lít/ngày đêm.
Chọn $a = 0,5$;

+ T_2 : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (thời gian giữa hai lần hút cặn), $T_2 = 01 - 06$ tháng, chọn $T_2 = 90$ ngày.

+ C : Hệ số tính đến 20% cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn khi hút cặn giúp cho quá trình lên men cặn tươi tiếp theo được nhanh chóng và dễ dàng hơn, $C = 1,2$;

$$\Rightarrow \text{Thay số liệu vào công thức (2): } W_b = (0,5 \times 500 \times 90 \times 1,2)/1000 = 27 \text{ m}^3$$

\Rightarrow Thay số liệu vào công thức (1) ta được tổng thể tích bể tự hoại: $W_{th} = W_n + W_b = 40,5 + 27 = 67,5 \text{ m}^3$.

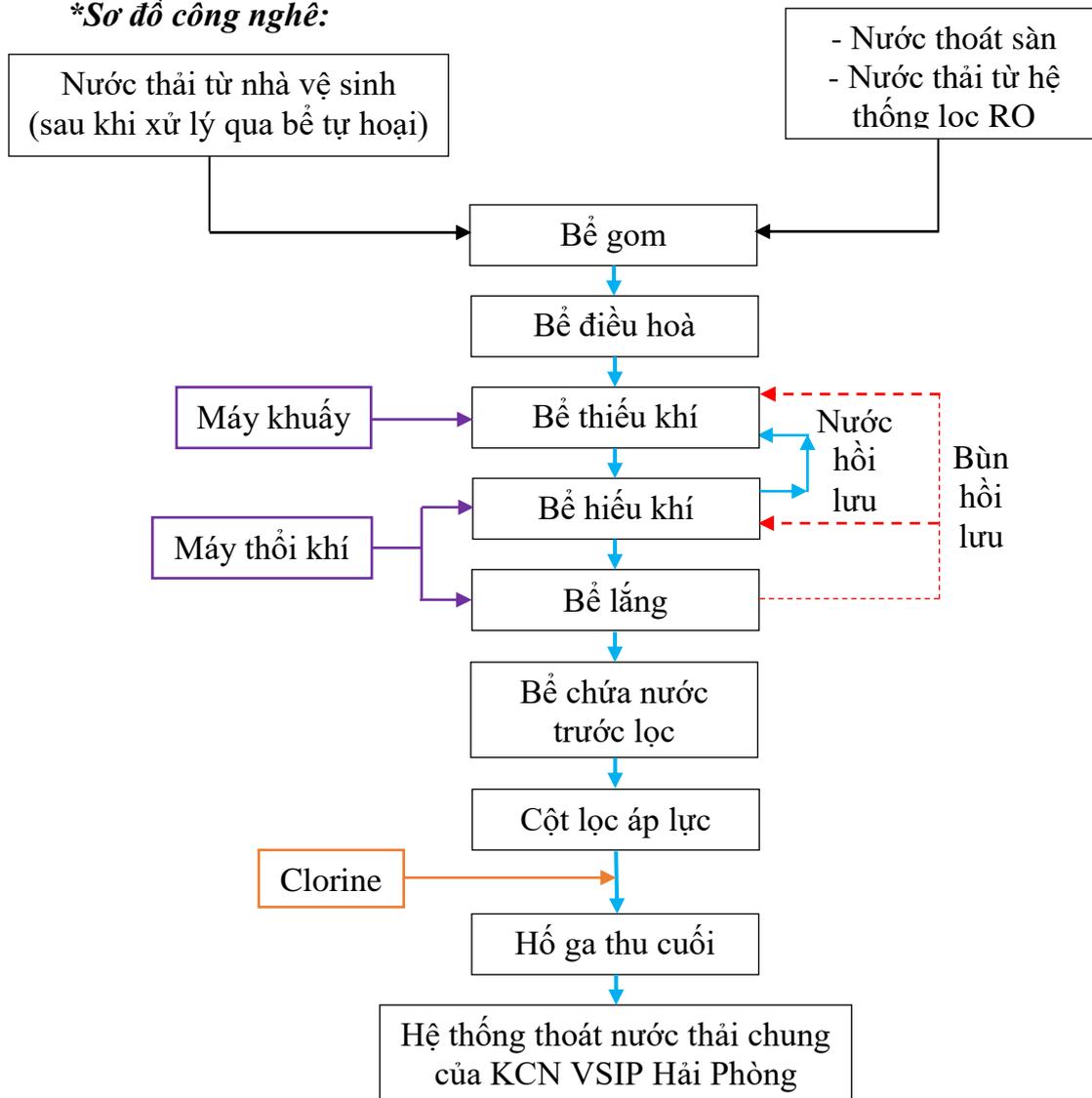
Như vậy, dung tích bể tự hoại 3 ngăn tối thiểu để xử lý nước thải sinh hoạt của 500 người làm việc tại dự án là 67,5 m³. Trong khi đó, tại khu vực nhà xưởng hiện trạng của Công ty đã có 04 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 71,45 m³ (gấp 1,05 lần dung tích bể tự hoại tối thiểu tính toán theo lý thuyết). Nên công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ tại dự án là phù hợp.

c2. Thu gom nước thoát sàn, nước thải từ hệ thống lọc RO

Lượng nước thoát sàn chiếm khoảng 40% lượng nước thải từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên (9m³/ngày đêm) và nước thải từ hệ thống lọc RO (6,86m³/ngày đêm). Toàn bộ nước thải này được theo đường ống PVC D90, dẫn về bể gom chung trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

d. Hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 3.5. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày đêm

***Thuyết minh quy trình:**

- **Bể gom:** Toàn bộ nước thải tại nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thoát sàn và nước thải từ hệ thống lọc RO được thu gom về bể gom nước thải để lưu chứa, sau đó được bơm về bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- **Bể điều hoà:** Tại bể điều hoà, hỗn hợp nước thải này được điều hoà lưu lượng cũng như nồng độ giúp cho quá trình xử lý ở công đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao và ổn định. Nước thải trong bể điều hoà với mục đích trữ nước tạm thời để điều chỉnh thời gian dao động của lượng nước đầu vào. Nước thải sau khi được ổn định ở mức tối ưu sẽ lần lượt đi qua các bể xử lý để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tại bể điều hoà, máy thổi khí sẽ cấp khí nhằm hoà tan và san đều nồng độ các chất bản trong thể tích toàn bể không cho cặn lắng trong bể tránh hiện tượng lắng cặn và phân hủy yếm khí gây mùi khó chịu.

- Bể thiếu khí:

+ Bể thiếu khí để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ Nitơ. Bể thiếu khí tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa nitrat từ bể hiếu khí và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng về. Tại đây xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo trong nước thải với sự tham gia của hệ vi sinh vật thiếu khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật thiếu khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Nhờ tác động của máy khuấy chìm sẽ tăng tốc độ xáo trộn các chất rắn lơ lửng và bùn hoạt tính, tăng hiệu suất của quá trình xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải.

+ Quá trình để Nitrat hóa xảy ra như sau: Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxy, các loại vi khuẩn này sẽ khử Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa: $\text{NO}_3^- \rightarrow \text{NO}_2^- \rightarrow \text{N}_2\text{O} \rightarrow \text{N}_2 \uparrow$. Quá trình chuyển hóa này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat chiếm khoảng 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 gN- NO_3^- /g MLSS.ngày, tỉ số F/M càng cao thì tốc độ khử Nitơ càng lớn.

+ Quá trình khử photpho diễn ra như sau: Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

- Bể hiếu khí:

+ Tại bể hiếu khí, các vi sinh vật hoạt động ở dạng lơ lửng, quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải gặp các vi sinh vật hiếu khí trong điều kiện được cung cấp oxy liên tục (*sure khí*). Hệ thống giá thể (*bể mặt tiếp xúc lớn* $>1000 \text{ m}^2/\text{m}^3$, *mật độ vi sinh cao*) được cấp bổ sung vào bể để tăng tối đa diện tích bề mặt tiếp xúc cho các vi sinh vật. Việc cấp oxy liên tục thông qua các đĩa phân phối khí đảm bảo lượng oxy cung cấp đầy đủ và đều khắp bể để duy trì bùn ở trạng thái lơ lửng, vi sinh vật sẽ bám vào các hạt chất rắn còn sót lại sau quá trình xử lý nước thải vật lý, hoặc các chất hữu cơ không phân hủy hiếu khí và không tan. Các hạt này lớn dần, trở thành các cặn bông lơ lửng trong nước.

+ Ngoài nhiệm vụ xử lý các hợp chất hữu cơ trong nước thải, thì trong bể sinh học hiếu khí còn xảy ra quá trình nitrat hoá và denitrate, giúp loại bỏ các hợp chất nitơ, photpho trong nước thải. Vi sinh vật bám trên bề mặt vật liệu lọc gồm 3 loại: lớp ngoài cùng là vi sinh vật hiếu khí, tiếp là lớp vi sinh vật thiếu khí, lớp trong cùng là vi sinh vật kỵ khí. Trong nước thải sinh hoạt, nitơ chủ yếu tồn tại ở dạng amoniac, hợp chất nitơ hữu cơ. Vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hoá hợp chất nitơ về dạng nitrite, nitrate. Tiếp tục vi sinh vật thiếu khí và kỵ khí sẽ sử dụng các hợp chất hữu cơ trong nước thải làm chất oxy hoá để khử nitrate, nitrite về dạng khí N_2 bay lên. Mặt khác quá trình nitơ, một phần còn được tiếp

tục thực hiện tại bể lắng sinh học. Vì vậy hiệu quả xử lý hợp chất nitơ, photpho trong nước thải của công trình này rất tốt.

+ Sau quá trình xử lý hiếu khí, một phần nước thải được bơm tuần hoàn về bể thiếu khí để thực hiện quá trình loại bỏ Nitơ, Photpho; một phần nước thải sẽ được dẫn sang bể lắng để tiếp tục các quá trình xử lý nước thải tiếp theo.

- **Bể lắng:** Nước thải được phân phối vào ống trung tâm của bể lắng và được hướng dòng từ trên xuống. Các bông cặn lơ lửng sẽ va chạm với tấm lắng, tăng kích thước và khối lượng trong quá trình chuyển động trong ống trung tâm. Ngoài ra, để tăng cường khả năng lắng, hoá chất PAC sẽ được bổ sung, các hạt bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ lắng xuống đáy bể; Phần nước trong được dẫn sang bể khử trùng; Một phần bùn lắng được bơm hồi về bể vi sinh thiếu khí để bù đắp lại sự thiếu hụt của bùn hoạt tính trong bể, nâng cao khả năng xử lý nước thải của hệ thống; Phần bùn dư được bơm sang bể chứa bùn, định kỳ bùn sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- **Bể chứa nước trước lọc:** Được sử dụng để chứa nước trước khi được bơm về cột lọc áp lực để xử lý.

- Cột lọc áp lực:

+ Cột lọc được bố trí vật liệu lọc gồm 3 lớp: sỏi thạch anh, than hoạt tính và cát thạch anh. Nhiệm vụ chính của cột lọc áp lực là lọc bỏ các tạp chất, chất rắn lơ lửng còn sót lại trong dòng thải.

+ Ngoài ra, để tiêu diệt hoàn toàn các vi trùng gây bệnh Công ty bổ sung thêm hoá chất khử trùng Chloramine-B vào dòng nước thải sau cột lọc áp lực trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung và Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vsip Hải Phòng.

***Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý:** đảm bảo chất lượng lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vsip Hải Phòng.

***Thông số kỹ thuật:**

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

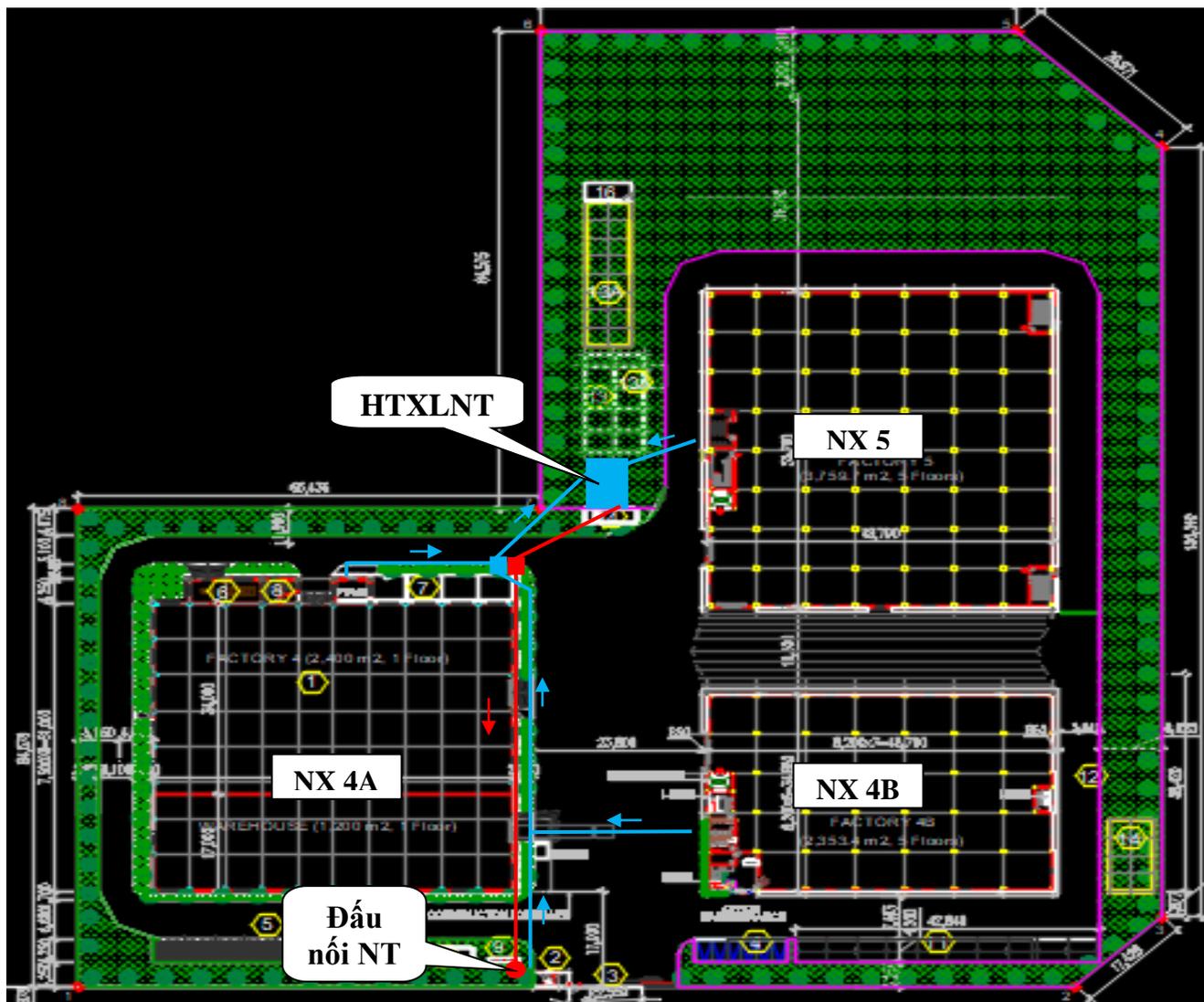
Stt	Danh mục	Kích thước (dài x rộng x cao)	Dung tích (m ³)
1	Bể gom	0,9 x 0,75 x 1 (m)	0,675
2	Bể điều hoà	3,5 x 2,3 x 2 (m)	16,1
3	Bể thiếu khí	3,5 x 2,4 x 2 (m)	16,8
4	Bể hiếu khí	3,85 x 3,5 x 2 (m)	26,95
5	Bể lắng	2,35 x 1 x 2 (m)	4,7
6	Bể chứa nước trước lọc	1 x 1 x 2 (m)	2

***Máy móc thiết bị lắp đặt tại hệ thống:**

Bảng 3.3. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải

Stt	Tên thiết bị máy móc	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	BỂ gom nước thải				
1.1	Bơm chìm	- Model: LSJ-10 - Công suất: 750W (1HP) - Điện áp: 220 ~ 240v/50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP55 - Nhiệt độ nước: 0 ~ 40°C	Đài Loan	Cái	02
II	BỂ điều hoà				
2.2	Bơm chìm	- Model: LSJ-10 - Công suất: 750W (1HP) - Điện áp: 220 ~ 240v/50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP55 - Nhiệt độ nước: 0 ~ 40°C	Đài Loan	Cái	02
2.3	Phao điện			Cái	01
III	BỂ thiếu khí và hiếu khí				
3.1	Hệ thống phân phối khí	Hệ thống đường ống PVC D90, PVC D42 và PVC D34	Việt Nam	-	-
3.2	Giá thể vi sinh (đệm vi sinh dạng tấm)	- Chất liệu nhựa PVC - Kích thước: 1 x 0,5 x 0,5 (m) - Độ dày màng: 0,23mm - Diện tích bề mặt: 200 – 220 m ² /m ³ - Áp suất: 1 – 2bar - Màu sắc: trắng trong - Độ rỗng xốp: 93 – 97%	Việt Nam	m ²	
IV	Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải				
4.1	Máy thổi khí	- Công suất: 4Kw (5,5 HP) - Điện áp: 380V/60Hz - Vòng quay: 1.450 vòng/phút	Việt Nam	Cái	01
4.2	Cột lọc áp lực	- Kích thước: D450 x H1680 (mm) - Dung tích: 227 lít - Lưu lượng: 5 m ³ /h - Áp lực: 150 PSI (10 Bar) - Vật liệu chế tạo: PE	Việt Nam	Cái	01
4.3	Bồn hoá chất khử trùng	- Chất liệu: Nhựa - Dung tích: 300 lít	Việt Nam	Cái	01
4.45	Bơm	- Model: LSJ-10 - Công suất: 750W (1HP) - Điện áp: 220 ~ 240v/50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP55 - Nhiệt độ nước: 0 ~ 40°C	Đài Loan	Cái	02

***Sơ đồ mặt bằng thu gom, thoát nước thải và hình ảnh thực tế lắp đặt:**



Hình 3.6. Tổng mặt bằng thu gom và thoát nước thải





Hình 3.7. Một số hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của Công ty

c. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) theo đường ống dẫn D200 ra hố ga cuối và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Vsip Hải Phòng.

e. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Vsip Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(\text{m}) = 2312935$; $Y(\text{m}) = 601314$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiếu 3°).

- Nguồn tiếp nhận: Trạm xử lý nước thải của KCN Vsip – Hải Phòng do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng quản lý.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Nguồn phát sinh và thành phần

- Hoạt động giao thông vận tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm ra vào Công ty chủ yếu phát sinh bụi, CO_2 , SO_2 , NO_x ,...

- Hoạt động phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên và khách hàng ra vào Công ty chủ yếu phát sinh bụi, CO_2 , SO_2 , NO_x ,...

- Hoạt động gia công gỗ chủ yếu phát sinh bụi gỗ.

- Hoạt động sơn và sấy UV giúp tăng độ bền, chống trầy xước và bào mòn cho bán thành phẩm gỗ khi tiếp xúc với môi trường chủ yếu phát sinh hơi hữu cơ: Xylen, Butyl

axetat, Cyclohexanone, Metylaxetat,...

- Hoạt động dán keo tạo bán thành phẩm đệm chủ yếu phát sinh: Butadien, Styren, HC

b. Biện pháp thu gom, xử lý

b1. Hoạt động giao thông vận tải

- Bố trí các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và các phương tiện giao thông đi lại của cán bộ công nhân viên ra vào Công ty hợp lý. Đối với các loại xe cá nhân khi ra vào Công ty phải tắt máy, dắt xe, không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

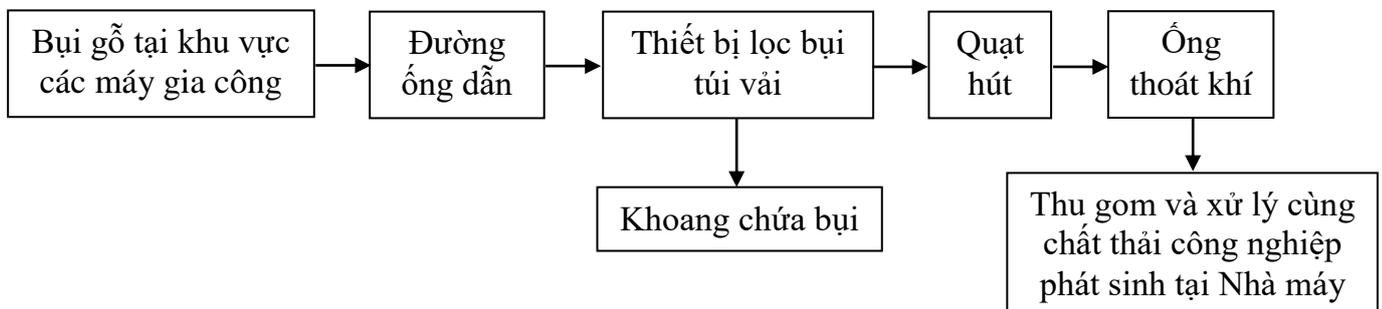
- Phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, hoá chất (*chủ yếu là container*) từ nơi cung cấp đến khu vực nhà máy và sản phẩm để xuất bán thị trường, các phương tiện vận chuyển đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về an toàn trong lưu thông: đăng kiểm, bảo dưỡng và không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên phun nước rửa đường (*dạng phun mưa*), tạo độ ẩm của bề mặt đường giao thông nội bộ xung quanh nhà máy để giảm bụi trong điều kiện thời tiết khô hanh.

b2. Hoạt động gia công gỗ (Từ quá trình sản xuất ghế sofa, đồ nội thất)

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom bụi tại khu vực gia công gỗ

***Thuyết minh:**

- Bụi gỗ tại khu vực các máy gia công: Quá trình gia công gỗ tại các máy gia công (*bao gồm: máy cưa, máy mài, máy bào, máy tiện,...*) sẽ phát sinh bụi (*cụ thể là bụi gỗ*).

- Đường ống dẫn: Toàn bộ bụi phát sinh tại các thiết bị gia công gỗ được thu gom vào các họng hút theo đường ống dẫn nhánh vào đường ống dẫn tổng. Dòng khí thải lẫn bụi sau đó được đưa vào thiết bị lọc bụi túi vải để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thiết bị lọc bụi túi vải: Tại đây, dòng khí thải lẫn bụi đi vào túi vải lọc bụi, các hạt bụi được giữ lại trên bề mặt của túi vải theo nguyên lý lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện. Sau một khoảng thời gian, lớp bụi thu được dày lên tạo thành màng trở gây cản trở quá trình lọc và ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của thiết bị. Khi đó, tiến hành rung, rũ lớp bụi trên bề mặt vải bằng máy nén khí làm cho bụi rơi xuống buồng chứa. Khi bụi đầy

khoang chứa, công nhân vận hành thiết bị tiến hành lấy bụi ra khỏi buồng chứa. Bụi được thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn công nghiệp phát sinh tại cơ sở, khí sạch sẽ theo đường ống dẫn thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

- Quạt hút: Công ty bố trí 01 quạt hút có công suất 75 kW để hút toàn bộ bụi phát sinh tại các thiết bị gia công gỗ.

- Ống thoát khí: Khí thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

***Tính toán công suất, cơ sở lựa chọn công suất hệ thống xử lý:**

Bảng 3.4. Tính toán công suất tối thiểu quạt hút của hệ thống xử lý khí thải khu vực gia công gỗ

Stt	Đại lượng	Ký hiệu	Công thức	Giá trị	Đơn vị
A	Tính toán lưu lượng hút tại thiết bị				
	Lưu lượng mỗi máy	L	$L = L_{dt} \times \frac{F_c}{F_n}$	96	m ³ /h
	Diện tích chụp hút	F _c	Chọn	1,00	m ²
	Diện tích nguồn nhiệt	F _n	Chọn	1	m ²
	Lưu lượng dòng đối lưu	L _{dl}	$L_{dl} = 64 \times \sqrt{Q_{dl} \times Z \times F_n^2}$	96	m ³ /h
	Nhiệt đối lưu trên nguồn nhiệt	Q _{dl}	$Q_{dl} = a_{dl} \times F_n \times (t_n - t_{xq})$	30	W
	Khoảng cách đứng từ miệng chụp hút đến nguồn nhiệt	Z	Chọn	0,1	m
	Hệ số trao đổi nhiệt đối lưu	a _{dl}	Chọn	3,0	W/m ² .°C
	Nhiệt độ bề mặt nguồn nhiệt	t _n	Chọn	40	°C
	Nhiệt độ không khí xung quanh	t _{xq}	Chọn	30	°C
	Số lượng thiết bị phát thải	n		26	máy
=>	Lưu lượng khí cần hút (II)	Q₁	Q₁ = L x n	2.496	m³/h
B	Tính toán tổn thất đường ống				
I	Đường ống chính	L	Thực tế	50	m
	Đường kính đường ống dẫn	θ	Thực tế	0,6	m
	Vận tốc cần đạt	v	0,2 - 0,4	0,3	m/s
	Lưu lượng khí cần hút (đường ống chính)	Q₂	Q₂ = L x 3,14 x (θ/2)² x v x 3.600	20.347,2	m³/h
II	Đường ống nhánh	L	Thực tế	30	m
	Đường kính đường ống dẫn	θ	Thực tế	0,3	m
	Vận tốc cần đạt	v	0,2 - 0,4	0,4	m/s
	Lưu lượng khí cần hút (đường ống nhánh)	Q₃	Q₃ = L x 3,14 x (θ/2)² x v x 3.600	3.052,08	m³/h
B	Tổng B	B	B = Q₂ + Q₃	23.399,28	m³/h

C	Hệ số tổ thất qua tháp lọc bụi		Thực tế	2	
	Tổng A +B + C		(A+B) x C	46.798,56	m³/h

=> Với công suất quạt hút tính toán tối thiểu cần là 46.798,56 m³/h. Công ty lựa chọn quạt hút có công suất 75.000 m³/h để đảm bảo đáp ứng cho quá trình hoạt động sản xuất thực tế tại Nhà máy.

***Hình ảnh thực tế lắp đặt:**



Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống thu gom bụi khu vực gia công gỗ



Hình 3.10. Hình ảnh hệ thống lọc bụi túi vải công suất 75.000 m³/h

***Thông số kỹ thuật:**

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn	- Họng hút: + Số lượng: 3 – 8 họng hút/máy + Vị trí: đặt tại vị trí phát sinh bụi gỗ - ngay trên miệng của máy + Kích thước: Ống nhựa D100 - Đường ống dẫn nhánh: D300 + Đường ống dẫn tổng: D600
2	Thiết bị lọc bụi túi vải	+ Số lượng: 01 thiết bị + Kích thước hệ thống: 4 x 3 x 8,3 (m) + Lọc được hạt bụi có kích thước >0,5µ + Chất liệu: sơn thép carbon + Hiệu suất xử lý: 95%
3	Quạt hút	+ Số lượng: 01 quạt + Công suất: 75 kW + Cột áp: 2.950 Pa + Tốc độ vòng quay: 1.500 vòng/phút + Lưu lượng gió: 75.000 m ³ /h
4	Ống thoát khí	+ Số lượng: 01 ống thoát khí + Đường kính: D600 + Chiều cao: 13m

b3. Hoạt động sơn và sấy UV cho bán thành phẩm gỗ

***Nguồn phát sinh:** Phát sinh từ công đoạn sơn và sấy UV nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm ghế sofa và đồ nội thất (*chống trầy xước, chống bào mòn*) trong quá trình sử dụng dưới tác động của môi trường.

***Lượng sử dụng:** Sơn được sử dụng cho công đoạn này là sơn UV với khối lượng dự kiến khi Dự án hoạt động 100% công suất là 8,2 tấn/năm.

***Thành phần:**

Bảng 3.6. Thành phần khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn và sấy UV (thành phần hoá học của sơn UV – căn cứ theo MSDS)

Tên hoá chất	Lượng (tấn/năm)	Thành phần hoá học	Tỷ lệ (%)	QĐ 3733:2002/QĐ-BYT và QCVN 03:2019/BYT
Sơn UV	8,2	Nhựa Alkyd	49%	-
		Xylen	25%	Xylen
		Butyl axetat	8%	Butyl axetat
		Cyclohexanone	8%	Cyclohexan

		Pgmea (Propylene Glycol Methyl Ether Acetate)	10%	Metylaxetat
--	--	---	-----	-------------

=> Như vậy, thành phần khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn và sấy UV là Xylen, Butyl axetat, Cyclohexan, Metylaxetat.

***Tác động tiêu cực:** Các chất này đều gây kích ứng mạnh với mắt và da. Đồng thời có thể gây tổn thương cho các tế bào như gan, thận, phổi, thần kinh trung ương trong trường hợp hít phải hơi.

***Lượng phát sinh:**

- Theo tài liệu giáo trình kỹ thuật xử lý khí thải của Phan Tuấn Triều - Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội – Đại Học Khoa học tự nhiên, ngày 31/7/2010, tải lượng các chất bay hơi chiếm khoảng 25% khối lượng hóa chất sử dụng. Suy ra, tải lượng hơi dung môi phát sinh từ quá trình phun sơn và sấy UV là: $8,2 \times 25\% = 2,05$ tấn/năm $\sim 410.657,05$ mg/h (tính cho 26 ngày làm việc và thời gian làm việc là 2 ca 16 tiếng).

- Giả sử, điều kiện vi khí hậu trong khu vực sản xuất ổn định, các chất thải không tự phân hủy, khi đó nồng độ các chất ô nhiễm trong phòng được tính toán bằng công thức sau:

$$C(t) = (S/IV) \times (1 - e^{-It}) (*)$$

(Nguồn: Giáo trình Công nghệ xử lý khí thải - Trần Hồng Côn, Đồng Kim Loan, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội – Đại Học Khoa học tự nhiên năm 2006).

Trong đó:

+ V: thể tích khu vực máy phun sơn và sấy UV là $280m^3$ (diện tích: dài x rộng = $14 \times 10 = 140m^2$, độ cao hoà trộn không khí chọn $H = 2m$);

+ I: hệ số thay đổi không khí của phòng (lần/h). Cụ thể:

- Chọn $I_1 = 1$ lần/h – đối với nhà xưởng chưa có công trình thông gió, lúc này, nồng độ nguồn thải là max.
- Chọn $I_2 = 6$ lần/h đối với nhà xưởng đã có đầy đủ hệ thống thông gió, lúc này nồng độ nguồn thải là nhỏ nhất – TCVN 5687:2010: Tiêu chuẩn thiết kế về thông gió, áp dụng cho đối tượng nhà xưởng và chiều cao 2,5m.

+ S: Tải lượng ô nhiễm thải ra trong phòng, (410.657,05 mg/h);

+ C: nồng độ chất ô nhiễm trong phòng, mg/m³;

+ t: thời gian phát sinh chất ô nhiễm: t = 16 h (tính cho hoạt động sản xuất 2 ca/ngày)

=> Nồng độ khí thải phát sinh là:

+ Trong điều kiện nhà xưởng chưa bố trí thông gió: $C_{max} = 2.933,26$ mg/m³

+ Trong điều kiện nhà xưởng đã có thông gió: $C_{min} = 488,88$ mg/m³

- Căn cứ theo khối lượng sử dụng, tỷ lệ phần trăm của các chất thì nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

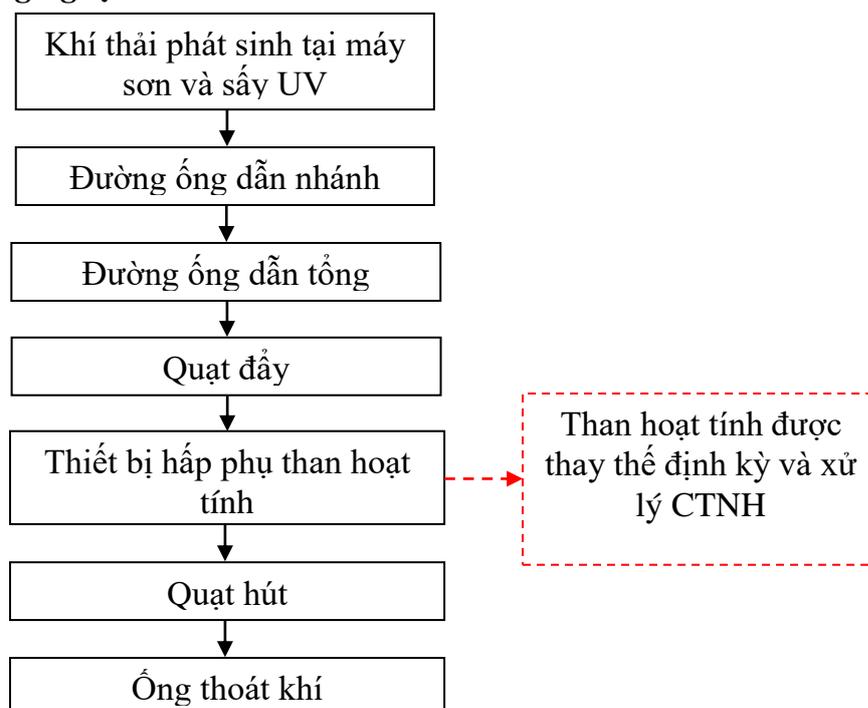
Bảng 3.7. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình bôi keo và sấy

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Nồng độ (mg/m ³)		QĐ 3733:2002/QĐ-BYT và QCVN 03:2019/BYT Trung bình 8 giờ
		C _{max}	C _{min}	
Nhựa Alkyd	49%	1.437,30	239,55	-
Xylen	25%	733,32	122,22	100
Butyl axetat	8%	234,66	39,11	500
Cyclohexanone	8%	234,66	39,11	1.300(*)
Pgmea	10%	293,33	48,89	610(*)

(*): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

***Nhận xét:** Căn cứ theo kết quả tính toán trên cho thấy: Nồng độ hơi Xylen trong dòng khí thải từ quá trình sơn có giới hạn cao hơn giới hạn cho phép trong QĐ 3733:2002/QĐ-BYT và QCVN 03:2019/BYT. Ngoài ra, các thông số khác đều có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép. Vì vậy, để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân viên làm việc tại khu vực này, Công ty bố trí lắp đặt hệ thống hút và xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính công suất 15.000 m³/h để xử lý các hơi hữu cơ trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 3.11. Sơ đồ thu gom và xử lý khí thải phát sinh tại khu vực phun sơn và sấy UV

***Thuyết minh:**

- Toàn bộ khí thải phát sinh tại máy phun sơn và sấy UV được thu gom bằng hòng hút được kết nối trực tiếp với máy đi vào đường ống dẫn.

- Đường ống dẫn: Dòng khí thải phát sinh được theo đường ống dẫn nhánh vào đường ống dẫn tổng được đưa vào thiết bị hấp phụ than hoạt tính để xử lý trước khi xả thải ra môi trường. Do các máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn (không liên tục theo ca làm việc mà phụ thuộc theo đơn hàng và kế hoạch hoạt động sản xuất). Vì vậy, tại mỗi đường ống dẫn của máy đều được lắp đặt hệ thống quạt đẩy có thêm van chặn để chủ động kiểm soát dòng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của thiết bị.

- Tháp hấp phụ than hoạt tính:

+ Kích thước tổng của tháp: dài x rộng x cao = 4 x 1,35 x 1,15 (m).

+ Trong tháp hấp phụ than hoạt tính bố trí 04 khay than hoạt tính (kích thước mỗi khay dài x rộng x cao = 1,35 x 1,15 x 0,15 (m))

+ Dòng khí thải theo đường ống dẫn đi vào tháp hấp phụ theo chiều từ trái qua phải lần lượt đi qua 04 khay chứa than hoạt tính. Với cấu trúc của than hoạt tính gồm nhiều lỗ rỗng, kích thước nhỏ, hấp phụ hoàn toàn các phân tử hữu cơ có trong dòng khí. Khi than hoạt tính bão hòa, sẽ tiến hành thay thế. Phần khí sạch đi qua lớp than hoạt tính tiếp tục được theo ống khói thoát ra ngoài môi trường.

- Quạt hút: Công ty bố trí 01 quạt hút có công suất 7,5 kW để hút toàn bộ khí sạch sau tháp hấp phụ than hoạt tính để thải ra ngoài môi trường.

- Ống thoát khí: Khí thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

***Hiệu quả xử lý:** Theo tài liệu nghiên cứu của Kim, Seung-Ho, et al. “Estimation and Analysis of VOCs Emissions from Painting and Printing Facilities in Industrial Complexes of Gwangju.” Journal of Environmental Science International 29.5 (2020): 479-494, hiệu quả xử lý khí thải tại tháp hấp phụ than hoạt tính đạt 60 – 70% .

***Cơ sở lựa chọn công suất hệ thống xử lý:**

Bảng 3.8. Tính toán công suất hút của hệ thống xử lý khí thải phun sơn và sấy UV

Stt	Đại lượng	Ký hiệu	Công thức	Giá trị	Đơn vị
A	Tính toán lưu lượng hút tại thiết bị				
	Lưu lượng mỗi máy	L	$L = L_{dt} \times \frac{F_c}{F_n}$	192	m ³ /h
	Diện tích chụp hút	F _c	Chọn	1,00	m ²
	Diện tích nguồn nhiệt	F _n	Chọn	1	m ²
	Lưu lượng dòng đối lưu	L _{dl}	$L_{dl} = 64 \times \sqrt[3]{Q_{dl} \times Z \times F_n^2}$	192	m ³ /h

	Nhiệt đối lưu trên nguồn nhiệt	Q_{dl}	$Q_{dl} = a_{dt} \times F_n \times (t_n - t_{xq})$	60	W
	Khoảng cách đứng từ miệng chụp hút đến nguồn nhiệt	Z	Chọn	0,1	m
	Hệ số trao đổi nhiệt đối lưu	a_{dl}	Chọn	3,0	W/m ² .°C
	Nhiệt độ bề mặt nguồn nhiệt	t_n	Chọn	50	°C
	Nhiệt độ không khí xung quanh	t_{xq}	Chọn	30	°C
	Số lượng thiết bị phát thải	n		2	máy
=>	Lưu lượng khí cần hút (II)	Q_1	$Q_1 = L \times n$	384	m³/h
B	Tính toán tổn thất đường ống				
I	Đường ống chính	L	Thực tế	8	m
	Đường kính đường ống dẫn	θ	Thực tế	0,4	m
	Vận tốc cần đạt	v	0,2 - 0,4	0,4	m/s
=>	Lưu lượng khí cần hút (đường ống chính)	Q_2	$Q_2 = L \times 3,14 \times (\theta/2)^2 \times v \times 3.600$	1.446,912	m³/h
II	Đường ống nhánh D250	L	Thực tế	25	m
	Đường kính đường ống dẫn	θ	Thực tế	0,25	m
	Vận tốc cần đạt	v	0,2 - 0,4	0,4	m/s
=>	Lưu lượng khí cần hút (đường ống nhánh)	Q_3	$Q_3 = L \times 3,14 \times (\theta/2)^2 \times v \times 3.600$	1.766,25	m³/h
III	Đường ống nhánh D100	L	Thực tế	10	m
	Đường kính đường ống dẫn	θ	Thực tế	0,1	m
	Vận tốc cần đạt	v	0,2 - 0,4	0,4	m/s
=>	Lưu lượng khí cần hút (đường ống nhánh)	Q_4	$Q_4 = L \times 3,14 \times (\theta/2)^2 \times v \times 3.600$	113,04	m³/h
B	Tổng B	B	$B = Q_2 + Q_3 + Q_4$	3.326,20	m³/h
C	Hệ số tổn thất qua tháp lọc bụi		Thực tế	2	
	Tổng A + B + C		$(A+B) \times C$	7.420,4	m³/h

=> Với công suất quạt hút tính toán tối thiểu cần là 7.420,4 m³/h. Công ty lựa chọn quạt hút có công suất 15.000 m³/h để đảm bảo đáp ứng cho quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy.

***Hình ảnh lắp đặt:**



Hình 3.12. Hình ảnh khu vực máy phun sơn và sấy UV



Hình 3.13. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải khu vực máy phun sơn và sấy UV

***Thông số kỹ thuật:**

Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phun sơn và sấy UV

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn	+ Đường ống dẫn nhánh: D100 và D250 + Đường ống dẫn tổng: 0,5 x 0,4 (m)
2	Thiết bị hấp phụ than hoạt tính	+ Số lượng: 01 tháp + Kích thước: dài x rộng x cao = 4 x 1,35 x 1,15 (m)

		+ Khay than hoạt tính: ➤ Số lượng: 04 khay ➤ Kích thước 1 khay: dài x rộng x cao = 1,35 x 1,15 x 0,15 (m)
3	Quạt hút	+ Số lượng: 01 quạt hút + Model: TP132M-4 + Công suất: 7,5 kW ~ 10HP + Điện áp: 380V/50Hz + Tốc độ vòng quạt: 1.440 vòng/phút + Lưu lượng gió: 15.000 m ³ /giờ + Cột áp: 1.450 Pa
4	Ống thoát khí	+ Số lượng: 01 ống thoát khí + Đường kính: D600; Chiều cao: 13m

b5. Hoạt động dán keo KS2317 tạo bán thành phẩm đệm (tầng 1 và tầng 4 Nhà xưởng 4B)

***Nguồn phát sinh:** Công đoạn gắn kết nút xốp/tấm lò xo với ga đệm (vải mặt trên, vải mặt dưới và vải viền) để tạo thành bán thành phẩm đệm (đệm nút/đệm lò xo). Tại đây, Công ty sử dụng keo KS2317, tồn tại ở dạng rắn, khi sử dụng keo được đưa vào thiết bị gia nhiệt đến nhiệt độ khoảng 178°C để hoá lỏng và phun đều lên bề mặt của cần gắn kết.

***Thành phần:** Căn cứ theo MSDS, thành phần của keo KS2317 bao gồm:

- Dầu làm mềm cao su (15-25%): (Dầu RPO) gốc Naphthenic là loại dầu màu trắng, không màu, không mùi, có độ tinh khiết cao, dầu gốc không độc hại, độ nhớt thấp. Chuyên dùng để sản xuất các loại cao su kỹ thuật cao và cao su y tế. Có tính năng chịu thời tiết tốt và an toàn sức khỏe cho người sử dụng.

- Cao su tổng hợp nhiệt dẻo (15-30%);

- Nhựa dầu mỏ hydro hoá (45-65%);

- Chất chống oxy hoá 1010 (0,1-0,5%);

- Chất chống oxy hoá 168 (0,1-0,5%)

***Lượng phát sinh:**

- Thành phần của keo KS2317 chủ yếu là nhựa các loại. Do đó, Báo cáo tham khảo hệ số phát thải từ quá trình gia nhiệt nhựa để tính toán cho quá trình này.

- Do thành phần của keo KS2317 có thành phần nhựa khi được gia nhiệt sẽ tạo ra các loại chất bay hơi:

+ Cao su tổng hợp nhiệt dẻo $\xrightarrow{t^0}$ Butadien và Styren.

+ Nhựa dầu mỏ hydro hoá $\xrightarrow{t^0}$ HC.

- Theo Tổ chức quản lý môi trường Bang Michigan – Mỹ các thông số phát thải khí đối với quá trình sản xuất đùn nhựa là 0,0706 Lb/tấn (quy đổi 1 Lb = 453,5924 gram) =

0,032 kg/tấn nhựa. Suy ra, tải lượng khí thải phát thải từ quá trình này là: 13,5 tấn/năm x 0,032 kg/tấn = 0,432 kg/năm = 85,53 mg/h (tính cho 26 ngày làm việc và thời gian làm việc là 2 ca 16 tiếng).

- Áp dụng công thức (*), Trong đó:

+ V: thể tích khu vực phun keo là 130,86 m³ (diện tích: dài x rộng = 8,2 x 7,98 = 65,43 m², độ cao hoà trộn không khí chọn H = 2m);

+ I: hệ số thay đổi không khí của phòng (lần/h). Cụ thể:

- ✓ Chọn I1 = 1 lần/h – đối với nhà xưởng chưa có công trình thông gió, lúc này, nồng độ nguồn thải là max.
- ✓ Chọn I2 = 6 lần/h đối với nhà xưởng đã có đầy đủ hệ thống thông gió, lúc này nồng độ nguồn thải là nhỏ nhất – TCVN 5687:2010: Tiêu chuẩn thiết kế về thông gió, áp dụng cho đối tượng nhà xưởng và chiều cao 2,5m.

+ S: Tải lượng ô nhiễm thải ra trong phòng (58,53 mg/h);

+ C: nồng độ chất ô nhiễm trong phòng, mg/m³;

+ t = 16 h (tính cho hoạt động sản xuất 2 ca/ngày)

=> Nồng độ khí thải phát sinh là:

+ Trong điều kiện nhà xưởng chưa bố trí thông gió: C_{max} = 0,65 mg/m³.

+ Trong điều kiện nhà xưởng đã có thông gió: C_{min} = 0,1 mg/m³.

- Căn cứ theo khối lượng sử dụng, tỷ lệ phần trăm của các chất thì nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 3.10. Nồng độ khí thải phát sinh từ quá trình bôi keo và sấy

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Nồng độ (mg/m ³)		QĐ 3733:2002/QĐ-BYT (mg/m ³)
		C _{max}	C _{min}	Trung bình 8 giờ
Butadien	30%	0,195	0,03	20
Styren	30%	0,195	0,03	85
HC	65%	0,4225	0,065	300

***Nhận xét:** Do khối lượng keo KS2317 sử dụng trong 1 năm ít (13,5 tấn/năm) nên nồng độ Butadien, Styren và HC trong cả trường hợp Nhà xưởng không bố trí hệ thống thông gió và bố trí đầy đủ hệ thống thông gió đều thấp hơn tiêu chuẩn cho phép. Hoạt động này gây tác động trong mức độ chấp nhận được đến môi trường làm việc. Vì vậy, Công ty xin phép điều chỉnh không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải thay vào đó tiến hành quan trắc định kỳ tại khu vực này.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

***Nguồn phát sinh:** loại chất thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

***Thành phần:** Rác vô cơ gồm túi nilon, thùng bìa các tông, lon nước ngọt, giấy,... và rác hữu cơ gồm thức ăn thừa, vỏ hoa quả.

***Lượng phát sinh:**

Bảng 3.11. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Danh mục	Định mức (kg/người/ngđ)	Lượng phát sinh (kg/ngày đêm)	Ghi chú
1	Hiện trạng 30% công suất – 270 người	0,43	116,1	QCVN 01:2021/BXD, định mức rác sinh hoạt của 1 người là 0,43 kg/người/ngày (8h/ngày đêm)
2	Dự kiến 100% công suất – 500 người		215	

=> Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy khi đạt 100% công suất là 215 kg/ngày đêm = 5.590 kg/tháng (tính cho 26 ngày làm việc)

***Tác động:** Chất thải rắn sinh hoạt rất dễ phân hủy, thối rữa ở nhiệt độ cao. Vì vậy, chất thải rắn sinh hoạt không được thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày có thể gây ra các tác động đến môi trường như:

- Gây mùi hôi, khó chịu cho người dân, ô nhiễm môi trường không khí.
- Phát sinh các khí độc vào trong không khí (H_2S , CH_4 ,...).
- Rơi vào hệ thống nước thải, nước mưa, làm tắc hệ thống thoát nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường tiếp nhận.
- Đưa một lượng lớn vi trùng, vi khuẩn vào môi trường không khí, nước, đất,...
- Nước rỉ rác gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm.
- Thu hút côn trùng, chuột bọ,... là vật trung gian truyền nhiễm bệnh cho người và động vật.
- Mất mỹ quan khu vực.

***Biện pháp thu gom, xử lý:**

- Phân loại tại nguồn: các loại rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thực hiện phân loại đảm bảo theo nguyên tắc được quy định tại Điều 75 Luật BVTMT năm 2020, Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Cụ thể, rác thải sinh hoạt được phân thành 3 loại:

- + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- + Chất thải thực phẩm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Phương tiện lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt: đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng. Chất thải rắn sinh hoạt của dự án được thu gom và lưu chứa trong thùng nhựa, có nắp đậy kín và được bố trí cố định trong khuôn viên của Nhà máy. Màu sắc của các thùng chứa tương ứng theo thành phần đã được phân loại ở trên. Cụ thể:

+ Màu xanh lá cây: sử dụng chứa rác thải là thực phẩm.

+ Màu trắng/trong suốt: sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Màu vàng: sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác.

- Phương thức thu gom:

+ Trong quá trình hoạt động Công ty thực hiện thu gom, phân loại vào các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy và được bố trí tại nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên sân đường nội bộ xung quanh Nhà máy.

+ Ngoài ra, cũng thiết lập nội quy nhà xưởng, yêu cầu công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi trong khuôn viên Nhà máy.

- Tần suất thu gom: Hằng ngày (*phương tiện vận chuyển là của đơn vị có chức năng*)



Hình 3.14. Thùng chứa rác thải sinh hoạt được phân loại theo thành phần chất thải

***Công trình xử lý chất thải rắn thông thường:** Công ty không tiến hành xử lý chất thải rắn thông thường tại dự án mà tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

***Công trình lưu giữ:** Không có.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp

***Nguồn phát sinh và thành phần:**

- Hoạt động sản xuất:
- + Hoạt động sản xuất sản xuất đệm: Vải thừa, mút xốp thừa,...
- + Hoạt động sản xuất gối và ga giường: Vải thừa, chỉ may thừa,...
- + Hoạt động sản xuất ghế sofa: Da, giả da PVC thừa
- + Hoạt động gia công gỗ phục vụ cho hoạt động sản xuất ghế sofa và đồ nội thất tại khu vực nhà xưởng 4A: Bavaria đầu mẫu gỗ thừa, mùn cưa,...
- + Hoạt động chuẩn bị nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất và đóng gói sản phẩm: Thùng bìa carton, túi nilon, pallet hỏng, dây buộc hàng,...
- Hoạt động của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình gia công gỗ tại Nhà xưởng 4A: Bụi gỗ
- Hoạt động nạo vét công trình thu thoát nước mưa, nước thải định kỳ: Bùn cặn, bùn thải,...

***Lượng phát sinh:**

Bảng 3.12. Thống kê khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh năm 2023

Stt	Thời gian	Khối lượng phát sinh (kg)	Ghi chú
1	Tháng 01/2023	4.150	Đơn vị thu gom chất thải rắn công nghiệp là Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng (theo Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 2020/HECOM-ĐT/RCN ngày 02/12/2022)
2	Tháng 02/2023	2.240	
3	Tháng 03/2023	2.460	
4	Tháng 04/2023	6.580	
5	Tháng 05/2023	5.798	
6	Tháng 06/2023	6.780	
7	Tháng 07/2023	6.220	
8	Tháng 08/2023	8.910	
9	Tháng 09/2023	5.320	
10	Tháng 10/2023	6.720	
11	Tháng 11/2023	7.130	
12	Tháng 12/2023	5.130	
Tổng		67.438	

(Biên bản chuyển giao chất thải công nghiệp được đính kèm tại phụ lục)

=> Tổng khối lượng chất thải công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất hiện trạng năm 2023-2024 (30% công suất) là 67.438 kg/năm. Suy ra, khi Nhà máy đạt 100% công suất thì lượng chất thải công nghiệp phát sinh khoảng 224.793 kg/năm.

***Tính toán lượng chất thải công nghiệp phát sinh theo quá trình sản xuất:**

- Các chất thải công nghiệp thải bỏ từ dây chuyền sản xuất sản phẩm:

Stt	Danh mục	Nguyên liệu (tấn/năm)	Sản phẩm (tấn/năm)	Chất thải công nghiệp (tấn/năm)	Tỷ lệ	Ghi chú
I	Sản xuất đệm		1.750	17,5	1/100	Tỷ lệ sản phẩm lỗi/ hỏng
1.1	Mút xốp	1.515				Bán thành phẩm đã được gia công
1.2	Khung lò xo	55				
1.3	Vải	165				
1.4	Chỉ	6,72		0,1344	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
1.5	Xéc kéo (khoá)	13				
1.6	Keo KS2317	13,5				
II	Sản xuất gối		550	5,5	1/100	Tỷ lệ sản phẩm lỗi/ hỏng
2.1	Mút xốp	517,5				
2.2	Vải	37		1,85	5/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
2.3	Chỉ	1,95		0,039	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
2.4	Khoá kéo	0,94				
III	Sản xuất ghế sofa		1.110	11,1	1/100	Tỷ lệ sản phẩm lỗi/ hỏng
3.1	Da bò	275		5,5	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
3.2	Giả da PVC	110		2,2	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
3.3	Mút xốp	45				
3.4	Gỗ	625		31,25	5/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
3.5	Chỉ	1,8		0,036	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
3.6	Lò xo	1				
3.7	Đinh, vít, ghim	12,21				
3.8	Khung sắt kê chân	90				
IV	Sản xuất ga giường		182	1,82	1/100	Tỷ lệ sản phẩm lỗi/ hỏng
4.1	Vải	178		8,9	5/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
4.2	Chỉ	1,24		0,0248	2/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
4.3	Chun	10,6		0,106	1/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
4.4	Khoá kéo	3,1				

V	Sản xuất đồ nội thất		790	0,79	0,1/100	Tỷ lệ sản phẩm lỗi/ hỏng
5.1	Gỗ	807		40,35	5/100	Tỷ lệ bavia, đầu thừa
5.2	Sơn UV	8,2				
5.3	Ốc vít	17,06				
Tổng chất thải công nghiệp thải bỏ từ dây chuyền sản xuất sản phẩm				126,97 tấn/năm		

- Các chất thải khác: khoảng 97,82 tấn/năm, bao gồm:

+ Các loại túi, thùng bì các tông từ quá trình lưu chứa nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất;

+ Các loại túi, thùng bì các tông bị hỏng từ quá trình đóng gói sản phẩm.

+ Các loại balet, giá đỡ hàng,... thải bỏ trong quá trình phụ trợ cho bốc xếp hàng hóa, lưu chứa trong kho,...

- Ngoài ra, hoạt động nạo vét công trình thu thoát nước mưa, nước thải định kỳ: Bùn cặn, bùn thải,... được hút và thu gom, xử lý trực tiếp.

***Biện pháp thu gom xử lý:**

- Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp phát sinh được thu gom và phân loại ngay tại nguồn vào các thùng chứa và bao chứa tại các vị trí phát sinh ở mỗi xưởng sản xuất, sau đó, tập kết lưu chứa tại kho chứa. Cụ thể:

+ Đối với loại chất thải công nghiệp có khả năng tái sử dụng (*nhựa, giấy, bì carton, nilon, gỗ vụn, xốp,...*) sẽ được thu gom và chứa vào thùng chứa có dung tích phù hợp, sau đó tập kết về khu vực lưu giữ chất thải và bán cho đơn vị thu mua để tái sử dụng.

+ Đối với loại chất thải công nghiệp không có khả năng tái sử dụng (*pallet hỏng, dây buộc hàng, vải vụn, vải da vụn, bụi gỗ,...*) sẽ được thu gom và chứa vào thùng chứa có dung tích phù hợp, sau đó tập kết về khu vực lưu giữ chất thải và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý

- Bùn cặn, bùn thải nạo vét định kỳ tại công trình thu, thoát nước mưa, nước thải và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến nạo vét, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Do đó, loại chất thải này không tồn chứa trong kho.

***Tần suất thu gom, chuyển giao:**

- Căn cứ theo hoạt động sản xuất hiện trạng của Công ty năm 2023-2024 (*đạt 30% công suất*), tần suất thu gom, chuyển giao chất thải công nghiệp là 01 lần/tháng.

- Như vậy, khi Nhà máy vận hành đạt 100% công suất, khối lượng chất thải công nghiệp sẽ gia tăng thêm khoảng 3,33 lần. Do đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành các biện pháp theo dõi, quản lý, phân loại, đồng thời thực hiện tăng cường tần suất thu gom, chuyển giao chất thải (*dự kiến tăng lên khoảng 03 - 04 lần/tháng hoặc tùy thuộc vào đơn hàng sản*

xuất; kế hoạch sản xuất, thời điểm phát thải các chất thải cần xử lý...) để đảm bảo không lưu chứa, tồn trữ quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm.

***Công trình lưu giữ:**

- Số lượng: 01 khu vực lưu chứa
- Quy mô: Diện tích 30 m², gồm 02 container (40 feet/container)



Hình 3.15. Vị trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp



Hình 3.16. Hình ảnh nhà 02 container lưu chứa chất thải rắn công nghiệp

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*Nguồn phát sinh và thành phần:

- Hoạt động thay thế thiết bị chiếu sáng: Bóng đèn huỳnh quang thải.
- Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất định kỳ: Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải,...
- Hoạt động sử dụng nhiên liệu, hoá chất: Bao bì nhựa cứng thải, bao bì kim loại cứng thải,...
- Hoạt động xử lý khí thải tại khu vực phun sơn và sấy UV: Than hoạt tính thải
- Hoạt động gia công gỗ phục vụ cho quá trình sản xuất ghế sofa và đồ nội thất: Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại
- Ngoài ra, còn có hộp mực in thải từ hoạt động văn phòng.

*Lượng phát sinh:

Bảng 3.13. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
			Năm 2023-2024 (30%)	Đề xuất cấp GPMT (100%)		
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	2	6,67	08 02 04	KS
2	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	220	733,33	09 01 01	KS
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	100	333,33	12 01 04	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	33,33	16 01 06	NH
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	100	333,33	17 02 03	NH
6	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	100	333,33	18 01 02	KS
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	27,6	92	18 01 03	KS
8	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	40	133,33	18 02 01	KS
Tổng			599,6	1.998,65		

(Chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại được đính kèm tại phụ lục)

=> Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất hiện trạng năm 2023-2024 (30% công suất) của Nhà máy là 599,6 kg/năm. Suy ra, khi Nhà máy đạt 100% công suất thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh là 1.998,65 kg/năm.

***Biện pháp thu gom xử lý:**

- Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy, ghi đầy đủ tên, mã số CTNH; tập kết vào kho chứa và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- Lập, sử dụng, lưu trữ, quản lý chứng từ chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã ký hợp đồng số Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 2023/HECOM-ĐT/CTNH ngày 02/12/2022 với Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng.

***Tần suất thu gom, chuyển giao:**

- Căn cứ theo hoạt động sản xuất hiện trạng của Công ty năm 2023-2024 (đạt 30% công suất), tần suất thu gom, chuyển giao chất thải nguy hại là khoảng 03 tháng/lần.

- Như vậy, khi Nhà máy vận hành đạt 100% công suất, lượng chất thải sẽ gia tăng thêm khoảng 3,33 lần. Do đó, Chủ đầu tư sẽ tiến hành các biện pháp theo dõi, quản lý, phân loại, đồng thời thực hiện tăng cường tần suất thu gom, chuyển giao chất thải (dự kiến tăng lên khoảng 1 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào đơn hàng sản xuất; kế hoạch sản xuất, thời điểm phát thải các chất thải cần xử lý...) để đảm bảo không lưu chứa, tồn trữ quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm.

***Công trình lưu giữ:** 01 kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 19 m² thiết kế theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường như: khép kín, có biển báo, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn CTNH lỏng (trường hợp tràn đổ) và được trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC (bình bột chữa cháy, xẻng, thùng cát).



Hình 3.17. Một số hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại



Hình 3.18 Vị trí kho chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

*Nguồn phát sinh:

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm: đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển khi Công ty nhập, xuất hàng tập trung.
- Hoạt động của các phương tiện cá nhân của công nhân viên tại Công ty.
- Hoạt động của các loại máy móc, thiết bị sản xuất tại Nhà máy: máy gia công gỗ, máy may, máy cắt da,...

*Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với hoạt động vận tải:
 - + Các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu, hoá chất và sản phẩm của Nhà máy phải có nguồn gốc, đảm bảo các thông số kỹ thuật và được bảo dưỡng định kỳ.

+ Bố trí bảo vệ điều phối các phương tiện ra vào, yêu cầu lái xe xuất trình giấy tờ, đi chậm khi ra vào cổng và tắt dừng động cơ khi chờ làm hàng tại Công ty.

+ Ngoài ra, khuôn viên của Công ty đã hiện hữu cây xanh nên góp phần điều hòa không khí tại cơ sở.

- Đối với hoạt động sản xuất tại nhà xưởng:

+ Cam kết thực hiện bảo dưỡng động cơ máy móc, tần suất dự kiến 3 - 6 tháng/lần.

+ Máy móc sản xuất được cố định trên sàn xưởng nhờ thiết bị bulong, đinh vít, theo đó, cũng giảm thiểu ồn, rung trong quá trình vận hành.

+ Lên kế hoạch sản xuất cụ thể, bố trí máy móc vận hành hợp lý, tránh chồng chéo gây ô nhiễm tiếng ồn, rung cục bộ; tắt những máy móc hoạt động không hiệu quả.

+ Công nhân làm việc tại các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng (*quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn, ...*)

+ Tuyên truyền giáo dục và có biện pháp bắt buộc người lao động sử dụng nút tai chống ồn, khẩu trang phòng bụi khi làm việc. Sắp xếp, bố trí những khoảng nghỉ ngắn xen kẽ trong ca làm việc để giảm thiểu tác hại của tiếng ồn đối với người lao động.

+ Duy trì khám sức khỏe định kỳ cho người lao động để phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

****Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung:***

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Sự cố cháy nổ

- Toàn bộ nhà xưởng đã được lắp đặt đầy đủ hệ thống PCCC gồm bình bột chữa cháy, hộp kỹ thuật, thiết bị báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Spinkler, keng báo cháy, nội quy, tiêu lệnh PCCC,... và được Phòng cảnh sát PCCC & CNCH – Công An thành phố Hải Phòng đồng ý nghiệm thu tại Văn bản số 44/NT-PC07 ngày 15/03/2021 và Văn bản số 259/NT-PC07 ngày 29/08/2023.

- Định kỳ, Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) cũng đã phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về PCCC, thực hiện theo QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Cấm hút thuốc tại khu vực nhà xưởng sản xuất, không mang bật lửa, diêm quẹt và các dụng cụ phát ra lửa.

- Các loại máy móc, thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân phòng trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy.

- Định kỳ, phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC hiện trạng để cơ sở có phương án thay thế kịp thời.

- Niêm yết tên, đơn vị PCCC của UBND xã Trung Hà, UBND huyện Thủy Nguyên, Cảnh sát PCCC, Công ty TNHH VSIP Hải Phòng để liên lạc trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ: Công nhân sẽ sử dụng bình bột chữa cháy cầm tay và chăn ướt để dập tắt đám cháy. Liên hệ sự hỗ trợ của Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và các Công ty hoạt động xung quanh khu vực để phối hợp chữa cháy. Trường hợp quy mô cháy lớn sẽ liên hệ với Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ thành phố Hải Phòng.

b. Sự cố tai nạn lao động

- Thiết lập nội quy Nhà máy và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc để bảo vệ chính bản thân mình.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ...

- Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

- Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

- Thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Yêu cầu tổ trưởng sản xuất nhắc nhở công nhân chú ý an toàn khi thực hiện các công đoạn sản xuất.

c. Sự cố hỏng hóc máy móc, thiết bị

- Thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Dừng hoạt động khi các thiết bị sản xuất gặp sự cố hoặc có dấu hiệu sự cố, báo với

bộ phận kỹ thuật chuyên trách sửa chữa, khắc phục.

d. Sự cố hoá chất

- Bảo quản hoá chất ở khu vực khô mát, thoáng gió và theo quy định chi tiết tại các phiếu an toàn hoá chất.

- Giữ thiết bị chứa đựng hóa chất ngay ngắn, đóng kín khi không sử dụng.

- Trong trường hợp làm việc liên tục với hóa chất công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, kính mặt, găng tay, quần áo bảo hộ.

- Khi sử dụng hóa chất phải thực hiện ở khu vực có hệ thống thông gió, tránh để rơi vãi ra môi trường.

- Sau khi sử dụng phải vệ sinh sạch tay, miệng, thiết bị bảo vệ và khu vực làm việc.

- Kho hóa chất sẽ được xây dựng theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP như sau:

+ Các hóa chất được sắp xếp riêng biệt theo tính chất của từng loại.

+ Bên ngoài kho dán biển cảnh báo cấm lửa, cấm hút thuốc theo quy định.

+ Tại các giá lưu trữ hóa chất, dán phiếu an toàn hóa chất theo các loại hóa chất.

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng làm việc tiếp xúc với hóa chất.

- Trong trường hợp xảy ra các sự cố ngộ độc hóa chất phải sơ cứu công nhân theo hướng dẫn tại phiếu an toàn hóa chất trước khi chuyển tới các cơ sở y tế, các sự cố và phương pháp sơ cứu tương ứng cụ thể như sau:

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): mở to mí mắt và rửa nhẹ nhàng với thật nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu thấy đau rát thì chuyển ngay đến bác sĩ chuyên khoa ngay.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): rửa thật sạch với xà phòng và nước, nếu bị rát da chuyển đến bác sĩ chuyên khoa. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và làm sạch khô trước khi sử dụng lại.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất dạng hơi, khí): đi chuyển ngay tới nơi có không khí trong lành, thoáng mát.

+ Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn uống, gyốt nhầm hóa chất): uống thật nhiều nước và mau chóng đưa đến bác sĩ.

- Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, găng tay, khẩu trang chống độc cho công nhân tiếp xúc với hóa chất.

- Trang bị phương tiện PCCC theo thiết kế PCCC đã được phê duyệt.

- Đồng thời, Chủ đầu tư cũng đề ra các biện pháp giảm thiểu tác động khi sự cố hóa chất xảy ra, cụ thể như sau:

+ Ngừng ngay tất cả các hoạt động sử dụng các loại hóa chất. Nhận diện ngay nguồn hóa chất, dung môi đổ tràn, vị trí và nguyên nhân gây đổ tràn.

+ Thông báo ngay cho người điều phối của Công ty các tình huống khẩn cấp đã được chỉ định. Quản lý sản xuất đóng vai trò như người điều phối tại hiện trường cho đến khi công ty chỉ định người điều phối đến.

+ Kiểm tra thương vong công nhân, hư hại trang thiết bị, máy móc. Đặc biệt kiểm tra khả năng rò rỉ, đổ tràn, cháy nổ có khả năng xảy ra tại nạn lao động để có các biện pháp ứng phó khẩn cấp.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió điện tích tràn đổ hóa chất, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín;

+ Đối với lượng hóa chất bị đổ, rò rỉ ít: Hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân, cô lập khu vực đổ tràn, rò rỉ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực đổ tràn hóa chất. Sử dụng cát, vật liệu thấm hút để ngăn chặn, tránh không cho hóa chất chảy vào cống rãnh, tiếp xúc với hóa chất khác. Phải lau sạch khu vực bị đổ tràn.

+ Khi đổ tràn, rò rỉ lớn ở diện rộng: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải hóa học kín. Sử dụng phương pháp thu hồi không tạo ra bụi hóa chất. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

e. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải sản xuất, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo.

- Thường xuyên kiểm tra vận hành các thiết bị trong hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý bụi.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách và cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Xây dựng quy trình định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của các thiết bị xử lý.

- Tiến hành hoạt động quan trắc định kỳ khu vực nhà xưởng sản xuất, quan trắc mẫu ống thoát khí thải.

f. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Sự cố đối với máy bơm: Cần kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, cần kiểm tra lần lượt các nguyên

nhân sau:

- + Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.
- + Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.
- + Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

=> Công ty sử dụng 02 máy bơm, 01 bơm chính và 01 bơm dự phòng. Bơm dự phòng được sử dụng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố hoặc kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Sự cố khi sục khí: Cần phải giảm ngay lưu lượng cấp nước thải vào hoặc ngưng hẳn (nếu máy sục khí hỏng hẳn). Sau những thời kỳ dài không đủ oxy, sinh khối phải được sục khí mạnh mà không nạp nước thải mới. Sau đó, lưu lượng cấp nước thải có thể được tăng lên từng bước một.

- Sự cố đóng/mở van: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng tra dầu mỡ các van đóng/mở để thiết bị hoạt động tốt, ổn định.

- Sự cố về dinh dưỡng:

- + Khi sinh khối nổi lên trên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế.
- + Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiền xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.
- + Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.

g. Sự cố đối với thiết bị nâng hạ

- Vận hành thiết bị nâng chuyển vật liệu (thiết bị nâng) phải tuân theo Quy phạm kỹ thuật an toàn về thiết bị nâng hiện hành (QCVN 7:2012/BLĐTBXH).

- Trước khi đưa vào vận hành lần đầu, thiết bị nâng phải được kiểm định toàn bộ.

Thiết bị nâng đang sử dụng phải được kiểm nghiệm định kỳ theo quy định. Sau khi thay thế hoặc sửa chữa các bộ phận, chi tiết quan trọng như kết cấu kim loại, cáp, móc, phanh... phải tiến hành kiểm tra và vận hành thử trước khi đưa vào sử dụng.

- Trong quá trình sử dụng thiết bị nâng, cấm:

- + Người lên hoặc xuống thiết bị nâng khi thiết bị đang hoạt động.
- + Người ở trong vùng hoạt động của thiết bị nâng.
- + Nâng hạ và chuyển tải khi có người đứng ở trên tải.
- + Nâng tải trong tình trạng tải chưa ổn định hoặc móc tải không cân, thiếu móc.
- + Nâng tải bị vùi dưới đất, bị các vật khác đè lên, bị liên kết với các vật khác.

- + Cầu vói, kéo lê tải.
- + Vừa dùng người đẩy hoặc kéo tải vừa cho cơ cấu nâng hạ tải.
- Thiết bị nâng tải phải ngừng hoạt động khi tình trạng kỹ thuật không được đảm bảo, đặc biệt khi phát hiện:
 - + Các vết nứt ở những chỗ quan trọng của kết cấu kim loại;
 - + Phanh của bất kỳ một cơ cấu nào bị hỏng;
 - + Móc, cáp, tang bị mòn quá giá trị cho phép, bị rạn nứt hoặc có những hư hỏng khác;
 - + Đường ray của thiết bị nâng bị hỏng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Khi cấp tải và dỡ vật liệu cho các phương tiện vận tải phải đảm bảo an toàn cho các phương tiện.
- Người buộc hoặc tháo móc tải chỉ được phép đến gần khi tải đã hạ đến độ cao không lớn hơn 1m tính từ mặt sàn chỗ người đứng.
- Không di chuyển tải khi khoảng cách từ tải tới các vật phía dưới nhỏ hơn 0,5m. Không được dùng cầu trục để đẩy, kéo các thiết bị khác.
- Người làm việc trên ca bin và dưới mặt đất phải hiểu biết rõ các tín hiệu được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật an toàn về thiết bị nâng hiện hành.
- Đối với cầu trục, cấm người không có nhiệm vụ lên cầu trục. Khi lên xuống, đi lại phải đi theo lối quy định. Cấm thò đầu, tay hoặc chân vào phạm vi chuyển động của cabin.
- Người muốn vào cabin phải đứng tại sàn đi lại, báo hiệu cho người điều khiển cầu trục trong ca bin biết. Chỉ khi được người điều khiển đồng ý, vào cabin phải đóng ngay cửa ra vào, đứng vào nơi an toàn. Cấm thò đầu, tay, chân ra ngoài.
- Chỉ được nâng hạ khi người móc cáp đứng ở vị trí an toàn. Không được để các bộ phận của cầu trục và bộ phận mang tải va đập vào phương tiện hoặc các thiết bị khác. Khi thay đổi bộ phận mang tải phải thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn.

h. Sự cố máy nén khí

c. Phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố máy nén khí

Để hạn chế rủi ro cũng như sự cố do bình áp lực của máy nén khí gây ra, Công ty đã ban hành các nội quy quy định đến bộ phận công nhân chịu trách nhiệm vận hành, bảo dưỡng máy nén khí như sau:

- Không được phép sửa chữa bình và các chi tiết chịu áp lực của bình trong khi thiết bị đang làm việc.
- Không được chèn hãm, trao thêm vật nặng dùng mọi biện pháp để tăng thêm tải trọng của van an toàn trong khi bình đang hoạt động.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định an toàn thiết bị theo quy định của

pháp luật; cấm sử dụng thiết bị đã quá thời hạn kiểm định.

- Niêm yết quy định vận hành, xử lý sự cố và lập sổ theo dõi lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra, kiểm định.

- Không được phép sử dụng bình và phải lập tức ngưng quá trình hoạt động vận hành của bình trong các trường hợp sau:

+ Khi bình chịu lực áp suất vượt mức cho phép kể cả trường hợp các thông số kỹ thuật khác đều đảm bảo an toàn theo quy định.

+ Khi phát hiện thấy trong các bộ phận của bình có vết nứt, xì vỏ, phồng rộp, thành bình bị rỉ sét hoặc chảy nước ở các mối hàn, rò rỉ các mối nối bằng bulong hoặc đinh tán, các miệng đệm bị xơ,...

+ Khi cháy nổ xảy ra trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.

+ Khi các nắp, các cửa không tốt, các chi tiết bắt chặt nắp bình bị hư hỏng hoặc không đủ số lượng.

+ Khi các dụng cụ kiểm tra đo lường, các cơ cấu an toàn hư hỏng hoặc thiếu so với quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm định độ an toàn của bình áp lực trong máy nén khí.

- Bố trí khu vực đặt máy nén khí hợp lý, riêng biệt, cách xa nơi có ngọn lửa, nơi phát sinh tia lửa ít nhất 10m; không để các loại nguyên liệu dễ cháy nổ trong khu vực đặt máy.

i. Sự cố do thiên tai

- Phòng chống sự cố bão lũ, mưa lớn: Khu vực dự án nằm trong khu vực có hạ tầng cơ sở thoát nước khá tốt nên khi xảy ra thiên tai như bão, mưa lớn,... thì khả năng lụt lội là khá thấp. Tuy nhiên vào mùa mưa bão Công ty vẫn phải có những biện pháp để phòng chống nhằm ứng phó khi có sự cố do mưa bão gây ra, cụ thể như sau:

+ Bố trí lực lượng công nhân viên thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra tại khu vực xưởng sản xuất và toàn bộ các hoạt động khác của Công ty.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa để giảm thiểu hiện tượng tắc nghẽn.

- Phòng chống sự cố sét đánh:

+ Lắp đặt đầy đủ thiết bị hệ thống chống sét cho các nhà xưởng – Kim thu sét cirprotec với bán kính bảo vệ $R = 120m$, lắp trên cột cao 5m. Bán kính bảo vệ của kim thu sét đảm bảo bao phủ toàn bộ khu vực nhà xưởng.

+ Điện trở nối đất được thiết kế đạt trị số cho phép ($R \leq 10 \Omega m$).

k. Phòng ngừa sự cố dịch bệnh

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động;

- Tuân thủ đúng hướng dẫn của Bộ lao động – Thương Binh và Xã hội về thời gian làm việc, các chế độ bồi dưỡng để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho người lao động từ đó hạn chế được việc nhiễm các dịch bệnh.

- Khuyến khích các lao động bị mắc các bệnh truyền nhiễm điều trị ở nhà hoặc các cơ sở y tế đảm bảo khỏi bệnh mới đi làm trở lại để tránh lây nhiễm cho các lao động khác của Nhà máy.

- Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ y tế về việc phòng chống dịch bệnh.

1. Sự cố ngộ độc thực phẩm

- Cam kết ký hợp đồng với đơn vị cung ứng cơm hộp có đầy đủ chứng chỉ về vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ quan chức năng cấp; yêu cầu đơn vị này chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục hậu quả trong trường hợp sự cố ngộ độc xảy ra tại cơ sở. Tại Nhà máy, có bố trí khu vực sơ cứu để cấp cứu, sơ cứu các trường hợp ngộ độc hay tai nạn lao động xảy ra.

- Hợp đồng với Bệnh viện huyện Thủy Nguyên để hỗ trợ sơ cứu và vận chuyển người bệnh.

- Bố trí tủ lưu mẫu thức ăn hàng ngày; bố trí khu vực rửa tay trước cửa phòng ăn.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng. 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Stt	Danh mục	Quyết định số 5302/QĐ-BQL ngày 14/12/2021	Đề xuất cấp Giấy phép môi trường	Ghi chú
I Quy trình công nghệ sản xuất				
1.1	Quy trình sản xuất đệm	<p>Mút xốp → Cắt</p> <p>Vải → Cắt → May → Ga đệm</p> <p>Gắn ga đệm vào mút xốp</p> <p>May viền</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	<p>Mút xốp + Vải mặt trên + Vải mặt dưới + Vải viền xung quanh (toàn bộ đã được cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu)</p> <p>Gắn ga đệm vào mút xốp</p> <p>May viền</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	Công đoạn cắt mút xốp và cắt may ga đệm được lược bỏ. Toàn bộ nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu
	Đệm lò xo	<p>Dây thép → Tạo lò xo → Ghép tấm</p> <p>Mút xốp → Cắt</p> <p>Vải → Cắt → May → Ga đệm</p> <p>Gắn ga đệm vào mút xốp</p> <p>May viền</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	<p>Mút xốp + Vải mặt trên + Vải mặt dưới + Vải viền xung quanh (toàn bộ đã được cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu)</p> <p>Gắn ga đệm vào mút xốp</p> <p>May viền</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	Công đoạn tạo khung lò xo, cắt mút xốp và cắt, may ga đệm được lược bỏ. Toàn bộ nguyên liệu này được nhập và gia công sẵn theo hình dạng yêu cầu
1.2	Quy trình sản xuất gói	<p>Mút xốp → Cắt</p> <p>Vải → Cắt → May</p> <p>Lồng vỏ gói</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	<p>Mút xốp (đã cắt sẵn)</p> <p>Vải → Cắt → May</p> <p>Lồng vỏ gói</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Đóng gói</p>	Công đoạn cắt mút xốp được lược bỏ. Nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu.

1.3	Quy trình sản xuất ghế sofa	<pre> graph TD subgraph Fabric_Path [Da, giả da PVC] D1[Da, giả da PVC] --> C1[Cắt] C1 --> M1[Máy vỏ ghế] M1 --> N1[Nhồi đệm] end subgraph Wood_Path [Gỗ] D2[Gỗ] --> C2[Cắt] C2 --> L1[Lắp ráp] L1 --> M2[mút xóp] end M2 --> C3[Cắt] C3 --> M2 N1 --> B[Bọc ghế] M2 --> B B --> L2[Lắp ráp] L2 --> K[Kiểm tra] K --> D[Đóng gói] </pre>	<pre> graph TD subgraph Fabric_Path [Da, giả da PVC] D1[Da, giả da PVC] --> C1[Cắt] C1 --> M1[Máy vỏ ghế] M1 --> N1[Nhồi đệm] end subgraph Wood_Path [Gỗ] D2[Gỗ] --> C2[Cắt] C2 --> L1[Lắp ráp] L1 --> M2[mút xóp] end M2 --> C3[Cắt] C3 --> M2 N1 --> B[Bọc ghế] M2 --> B B --> L2[Lắp ráp] L2 --> K[Kiểm tra] K --> D[Đóng gói] </pre>	<ul style="list-style-type: none"> - Công đoạn cắt mút xóp được lược bỏ. Nguyên liệu này được nhập và đã cắt sẵn theo hình dạng yêu cầu. - Công đoạn dán mút xóp được thay bằng ghim mút xóp giúp giảm thiểu hơi keo phát sinh
1.4	Quy trình sản xuất đồ nội thất	<p>Gỗ → Cắt → Bào, chạm, khắc → Khoan lỗ → Chà nhám → Đánh bóng → Quét dầu → Kiểm tra → Đóng gói lưu kho</p>	<p>Gỗ → Cưa, bào, chạm, khắc → Khoan lỗ → Chà nhám → Đánh bóng → Phủ sơn UV & sấy UV → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói lưu kho</p>	<p>Công đoạn phủ sơn UV được thay thế công đoạn quét dầu. Toàn bộ khí thải phát sinh tại công đoạn này được thu gom và xử lý tại thiết bị hấp phụ than hoạt tính trước khi xả thải ra ngoài môi trường.</p>
II Công trình bảo vệ môi trường				
2.1 Khí thải				
	Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn phun keo và quét	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: Khu vực phun keo và quét dầu + Công suất: 17.500 m³/h 	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng: 01 hệ thống + Phạm vi xử lý: Khu vực sơn và sấy UV + Công suất: 17.500 m³/h 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sơn và sấy UV được thay thế cho công đoạn

	dầu (Nhà xưởng 4A)	+ Công nghệ xử lý: Hấp phụ than hoạt tính + Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh từ quá trình phun keo + (Khí thải phát sinh từ quá trình quét dầu → chụp hút → đường ống dẫn) → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí. Than hoạt tính được thay thế định kỳ và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.	+ Công nghệ xử lý: Hấp phụ than hoạt tính + Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn, sấy UV → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí. Than hoạt tính được thay thế định kỳ và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.	quét dầu. - Điều chỉnh không bố trí hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phun keo. Do khối lượng keo sử dụng ít và căn cứ theo kết quả tính toán tại mục 3.2 thành phần ô nhiễm phát sinh đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.
2.2	Kho chất thải nguy hại	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 36 m ²	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 19 m ²	Điều chỉnh vị trí và diện tích của kho chứa chất thải nguy hại. Công ty cam kết trong quá trình hoạt động sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng gia tăng tần suất thu gom và xử lý CTNH đảm bảo không lưu chứa, tồn trữ quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) đã được Công ty TNHH VSIP Hải Phòng chấp thuận thỏa thuận đấu nối nước thải theo Thông báo ngày 28/02/2029 (Toàn bộ nước thải của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng làm chủ đầu tư).

4.1.2. Các yêu cầu về quản lý nước thải Chủ dự án cam kết thực hiện như sau:

a. Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên (bao gồm cả nước rửa tay chân)

b. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

***Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống xử lý nước thải của KCN Vsip – Hải Phòng do Công ty TNHH VSIP Hải Phòng quản lý.

***Vị trí xả nước thải:** 01 điểm xả, cụ thể:

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga cuối cùng trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Vsip Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2312935$; $Y(m) = 601314$ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

***Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

***Phương thức xả nước thải:** Tự chảy, xả mặt.

***Chế độ xả nước thải:** Xả gián đoạn (16/24h).

***Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận** đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo tiêu chuẩn nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (TC KCN Vsip – Hải Phòng)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
-----	--------------	--------	---	----------------------------	-----------------------------

1	pH	°C	6 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	-	400		
3	COD	mg/L	600		
4	TSS	mg/L	400		
5	Amoni	mg/L	8		
6	Tổng Nitơ	mg/L	20		
7	Tổng Photpho	mg/L	5		
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	16		
9	Coliform	mg/L	5.000		

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

***Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

- Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 04 bể tự hoại (tổng dung tích 71,45 m³) cùng với nước rửa tay chân và nước thải từ hệ thống lọc RO theo đường ống dẫn vào hố gom nước thải và bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm của Công ty để xử lý. Toàn bộ lượng nước thải sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh (sau xử lý tại bể tự hoại)
 + Nước rửa tay, chân và nước thải từ hệ thống lọc RO → Hố thu gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 40 m³/ngày đêm (gồm: Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa nước trước lọc → Cột lọc áp lực) → Châm hóa chất khử trùng (trên đường ống dẫn thoát nước thải vào hố ga cuối cùng) → Hố ga cuối cùng → Hệ thống thoát nước chung của KCN VSIP Hải Phòng → hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng.

+ Công suất thiết kế:

- 04 bể tự hoại, tổng dung tích 71,45 m³
- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm.

+ Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chloramine B

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

+ Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào đường ống dẫn thoát nước thải vào hố ga cuối cùng.

+ Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

+ Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì dừng hoạt động của toàn bộ cơ sở để tiến hành khắc phục.

****Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:***

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Công ty.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý nước thải xả thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải

****Nguồn phát sinh khí thải:***

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại khu vực gia công gỗ.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại khu vực phun sơn và sấy UV.

****Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:***

- Vị trí xả khí thải:

+ Dòng khí thải 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01. Tọa độ: X(m)= 2313015; Y(m) = 601297.

- Dòng khí thải 02: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 02. Tọa độ: X(m)= 2312971; Y(m) = 601252.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o45', múi chiều 3^o)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 90.000 m³/h. Trong đó:

+ Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 75.000 m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ.

- Phương thức xả thải: bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả gián đoạn theo ca làm việc bằng quạt hút.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$), QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01					
1.1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1.2	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	-		
II	Dòng khí thải số 02					
2.1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.2	Cyclohexan	mg/Nm ³	-	1.300		
2.3	Butyl axetat	mg/Nm ³	-	950		
2.4	Xylen	mg/Nm ³	-	870		
2.5	Metylaxetat	mg/Nm ³	-	500		

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

***Công trình biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

- Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh tại khu vực gia công gỗ được thu gom bằng hòng hút qua đường ống dẫn vào hệ thống lọc bụi túi vải và thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

+ Khí thải phát sinh tại khu vực phun sơn và sấy UV được thu gom bằng hòng hút qua đường ống dẫn vào hệ thống hấp phụ than hoạt tính và thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Dòng khí thải 01: Dòng khí thải lẫn bụi gỗ → Đường ống dẫn → Thiết bị lọc bụi túi vải → đường ống dẫn → quạt hút → Ống thoát khí. Bụi gỗ rơi xuống buồng chứa và được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy.
- Dòng khí thải 02: Khí thải phát sinh từ quá trình sơn, sấy UV → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí. Than hoạt tính được thay thế định kỳ và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

+ Công suất thiết kế: 90.000 m³/h. Trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 75.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ.

+ Hoá chất, vật liệu sử dụng: túi vải, than hoạt tính.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

***Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

***Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng

quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo đúng quy định.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a. Nội dung cấp phép tiếng ồn, độ rung

***Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Khu vực gia công gỗ. Tọa độ: X(m) = 2312984, Y(m) = 601304

- Nguồn số 02: Khu vực phun sơn và sấy UV. Tọa độ: X(m) = 2313009, Y(m) = 601281

- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống lọc bụi túi vải xử lý bụi tại khu vực gia công gỗ. Tọa độ: X(m) = 2313015, Y(m) = 601308

- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống hấp phụ than hoạt tính xử lý khí thải máy phun sơn và sấy UV. Tọa độ: X(m) = 2313014, Y(m) = 601278

- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Tọa độ: X(m) = 2313028, Y(m) = 601330

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

***Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – đối với độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

- Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- + Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 4.3. Các loại chất thải nguy hại đăng ký kiểm soát

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	6,67	08 02 04	KS
2	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, vụn và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	733,33	09 01 01	KS
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	333,33	12 01 04	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	33,33	16 01 06	NH
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	333,33	17 02 03	NH
6	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	333,33	18 01 02	KS
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	92	18 01 03	KS
8	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	133,33	18 02 01	KS
Tổng			1.998,65		

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Chủng loại: Pallet hỏng, dây buộc hàng, vải vụn, vải da vụn, bụi gỗ, nhựa, giấy, bìa carton, nilon, gỗ vụn, xốp,...

+ Khối lượng: 224,793 tấn/năm

- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:

+ Chủng loại: chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giấy, bọc nylon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,...

+ Khối lượng dự báo: 5.590 kg/tháng

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

****Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại***

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa chất thải: 01 kho lưu chứa chất thải

+ Diện tích: 19 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, khay chống chèn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đảm ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 1 tháng/lần.

****Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:***

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa chất thải: 01 khu vực lưu chứa chất thải

+ Diện tích: 30 m², gồm 02 container (40 feet/container)

+ Thiết kế, cấu tạo kho: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 03 - 04 lần/tháng.

***Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên xung quanh Nhà máy.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

***Yêu cầu chung:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

***Phương án cụ thể:**

a. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ: lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, bình bột chữa cháy, hộp đựng vòi chữa cháy, thiết bị báo cháy tự động, nội quy, tiêu lệnh PCCC, bố trí lối thoát hiểm (cửa thoát hiểm, đường thoát hiểm trong xưởng và ngoài xưởng...).

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống thoát nước mưa, nước thải:

- Đường ống cấp nước sạch, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Duy trì, cải tạo hệ thống đường ống dẫn nước thải sinh hoạt.

- Duy trì bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, và sử dụng các chế phẩm vi sinh cho các bể tự hoại, hóa chất khử trùng, hóa chất xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống đường ống, các bể xử lý nước thải, tránh rò rỉ nước gây ô

nhiệm nguồn nước.

- Quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy định.

- Sự cố đường ống xử lý nước thải bị vỡ. Dừng ngay các hoạt động xả nước thải và có biện pháp khắc phục kịp thời, sau khi đã thay thế đoạn ống bị vỡ mới tiếp tục xả nước thải.

c. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải sản xuất, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo.

- Thường xuyên kiểm tra vận hành các thiết bị trong hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý bụi, hệ thống xử lý hơi hữu cơ khu vực sơn băng hấp phụ than hoạt tính.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách và cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Xây dựng quy trình định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của các thiết bị xử lý.

- Tiến hành hoạt động quan trắc định kỳ khu vực nhà xưởng sản xuất, quan trắc mẫu ống thoát khí thải.

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

5.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực gia công gỗ, công suất 75.000 m³/h

+ Hệ thống xử lý khí thải tại khu vực phun sơn và sấy UV, công suất 15.000 m³/h

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm.

- Quy mô, công suất tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: 100% công suất theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7681464086 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu 24/05/2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 19/10/2018.

5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường diễn ra trong 3 ngày liên tiếp trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Vị trí, số lượng mẫu và thông số giám sát được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Giá trị giới hạn cho phép
I	Khí thải			
1.1	Ống thoát khí tại hệ thống lọc bụi túi vải khu vực gia công gỗ	Lưu lượng, bụi tổng	03 lần trong 03 ngày liên tiếp	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$)
1.2	Ống thoát khí tại hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn và sấy UV	Lưu lượng, Cyclohexan, Butyl axetat, Xylen, Metylaxetat.		QCVN 20:2009/BTNMT
II	Nước thải			
2.1	Nước thải tại hố gom trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m ³ /ngày đêm	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Dầu mỡ ĐTV, Coliform	01 lần trong 03 ngày liên tiếp	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng
2.2	Nước thải tại hố ga	pH, BOD ₅ , COD, TSS,	03 lần	Tiêu chuẩn nước thải đầu

cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Vsip Hải Phòng	Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Dầu mỡ ĐTV, Coliform	trong 03 ngày liên tiếp	vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng
--	--	-------------------------	---

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Đơn vị đủ điều kiện hoạt động theo quy định và cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Bảng 5.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ

Stt	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất	Quy chuẩn áp dụng
1	Ổng thoát khí tại hệ thống lọc bụi túi vải khu vực gia công gỗ	Lưu lượng, bụi tổng	03 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p = 0,9$; $K_v = 0,6$)
2	Ổng thoát khí tại hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn và sấy UV	Lưu lượng, Cyclohexan, Butyl axetat, Xylen, Metylaxetat.		QCVN 20:2009/BTNMT

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Công ty khoảng 80.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn)

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành;
- Vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường theo đúng cam kết;
- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.
- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố cháy nổ trong suốt quá trình hoạt động.
- Cam kết thực hiện quản lý và phân loại chất thải rắn theo đúng Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Đào tạo hướng dẫn và tập huấn cho nhân viên ở các vị trí làm việc để có nguy cơ xảy ra cháy nổ và chập điện về khả năng xử lý nhanh các tình huống tai nạn và sử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hỏa, cứu hộ.
- Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; công khai thông tin môi trường và công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.
- Cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường thì Công ty chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201882464

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 06 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 29 tháng 01 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HECOM (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HCVN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0944745166

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 56.875.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng

(giá trị tương đương: 2.500.000 đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VICWOOD TRADING LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1738296

Do: Cơ quan đăng ký kinh doanh - Ủy ban Dịch vụ tài chính BVI Cấp ngày: 12/10/2012

Địa chỉ trụ sở chính: PO Box 957, offshore Incorporation Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: JOHN LEUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1953 Dân tộc: Quốc tịch: Mỹ

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 561847964

Ngày cấp: 09/05/2017 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hoa Kỳ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: House B2, Burnside Villa, 9 South Bay Road, Hong Kong, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Chung cư Mullberry Lane, lô CT08, khu Cổ Ngựa, khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHỨNG NHẬN **TRƯỞNG PHÒNG**
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CÔNG CHỨNG: 4.32. QUYỀN SỞ: 11. THỨC: S0C/BS

22-12-2021

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHẠM THỊ THÚY MÀO
TP. HẢI PHÒNG



Hoàng Anh Louren

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Loan

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **8751529626**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 24 tháng 05 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ 01: Ngày 10 tháng 10 năm 2018

BẢN SAO

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015
của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải
Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm
2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy
định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý
Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8751529626 do Ban
Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/5/2018;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo
do Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) nộp ngày 11/10/2018,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG; Giấy chứng
nhận đăng ký đầu tư số 8751529626 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải
Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/5/2018;

Được đăng ký điều chỉnh tiến độ góp vốn thực hiện dự án,

Nhà đầu tư:

Vicwood Trading Limited; Giấy chứng nhận thành lập số 1738296
cấp ngày 12/10/2012 tại British Virgin Island (BVI).

Địa chỉ trụ sở chính: PO Box 957, offshore Incorporation Road
Town, Tortola, British Virgin Island (BVI).

Người đại diện theo pháp luật: ông John Leung, sinh ngày 16/8/1953;
quốc tịch: Hoa Kỳ; hộ chiếu số: 561847964 cấp ngày 09/5/2017 tại Hoa Kỳ



Địa chỉ thường trú: Nhà B2, Khu biệt thự Burnside, Đường số 9 South Bay, Hong Kong, Trung Quốc; chỗ ở hiện tại: chung cư Mullberry Lane, lô CT 08, khu Cổ Ngựa, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam; điện thoại 852-91522527; email: johnleung@seahorse-mattress.com; chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH HECOM (Việt Nam); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0201882464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/10/2018.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất và gia công mút, đệm, gối; ghế bằng gỗ, da; đồ nội thất bằng gỗ; ga giường (100% sản phẩm sản xuất để xuất khẩu).

Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định):

Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng/năm
Đệm	chiếc	300.000
Cao su bọt	chiếc	10.000
Gối	chiếc	500.000
Ghế sofa	chiếc	50.000
Ga giường	chiếc	113.750
Đồ nội thất	chiếc	20.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích nhà xưởng sử dụng: 27.754 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 227.500.000.000 (hai trăm hai mươi bảy tỷ, năm trăm triệu) đồng, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đô la Mỹ,

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 56.875.000.000 (năm mươi sáu tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, tương đương 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 25% tổng vốn đầu tư, sẽ được nhà đầu tư góp với tiến độ như sau:



- Đến tháng 09/2018 đã góp: 1.741.459,80 USD bằng tiền mặt;
- Đến tháng 12/2018 sẽ góp: 758.540,20 USD còn lại bằng tiền mặt.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 40 (bốn mươi) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Từ tháng 6/2018-3/2019 : Xây dựng nhà xưởng;
- Từ tháng 3/2019-5/2019 : Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Từ tháng 5/2019-7/2019 : Sản xuất thử;
- Tháng 7/2019 : Sản xuất chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% (mười phần trăm) trong 15 (mười lăm) năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo;

Miễn thuế 04 (bốn) năm, giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 09 (chín) năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- + Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;
- + Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được áp dụng ưu đãi đối với hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

- + Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;
- + Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Điều kiện hưởng ưu đãi:

- + Dự án sản xuất để xuất khẩu 100% sản phẩm;



+ Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Khi thực hiện Dự án đầu tư, Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) phải tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản, bảo vệ môi trường, PCCC và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Dự án phải được đầu tư đúng tiến độ đã cam kết, nếu sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký; hoặc Dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động mà Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư thì Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng sẽ quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về báo cáo thống kê.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8751529626 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/5/2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

22-12-2021

TRƯỞNG BAN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHẠM THỊ THÚY MẠI
TP. HẢI PHÒNG



Phạm Văn Mọi

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Loan



HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG- VSIP HẢI PHÒNG
(LÔ ĐẤT SỐ IN3-2*B5 & IN3-2*B6)
Số: 005/2018/LA/MCSD - VSIP HP

Giữa

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Và

CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)



m

NỘI DUNG

		Trang
	Các Bên	3
	Căn cứ	3
<u>Điều</u>	<u>Nội dung/Tiêu đề</u>	
1	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	4
2	THUẾ	5
3	TIỀN THUẾ, TIỀN THUẾ ĐẤT VÀ LỊCH THANH TOÁN	6
4	BÀN GIAO KHU ĐẤT	6
5	XÂY DỰNG KHU NHÀ MÁY	7
6	SỬ DỤNG KHU ĐẤT VÀ KHU NHÀ MÁY	7
7	TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG	7
8	PHÍ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN	8
9	CHUYÊN NHƯỢNG, CHO THUẾ LẠI VÀ CẤP PHÉP CHO KHU ĐẤT	8
10	CÁC PHÍ TỐN, THUẾ, PHÍ VÀ CHI PHÍ	9
11	TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN THUẾ	9
12	TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO THUẾ	10
13	RỦI RO	11
14	TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM	11
15	PHÁ HỦY VÀ THU HỒI BẮT BUỘC	12
16	CHẤM DỨT THUẾ	12
17	THÔNG BÁO	14
18	LUẬT ĐIỀU CHỈNH	15
19	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	15
20	BẢO MẬT	15
21	CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG	15
	PHỤ LỤC 1 - KHU ĐẤT	17
	PHỤ LỤC 2 - CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG	18
	PHỤ LỤC 3 - CAM KẾT CỦA BÊN THUẾ	19
	TRANG KÝ KẾT	22

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG – VSIP HẢI PHÒNG

(LÔ ĐẤT SỐ IN3-2*B5 & IN3-2*B6)
Số: 005/2018/LA/MCSD - VSIP HP

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG ("Hợp Đồng Thuê") này được ký kết vào ngày 19 tháng 06 năm 2018

GIỮA

- (1) Bên Cho Thuê : **CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG**
Địa chỉ trụ sở : Tòa nhà Điều hành VSIP Hải Phòng, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : 84-225-3959 868
Fax : 84-225-3959 886
Đại diện theo pháp luật : Chong Chee Chow
Chức vụ : Tổng Giám đốc
- (2) Bên Thuê : **CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)**
Địa chỉ trụ sở : Số 131-133, Đường số 6, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Địa chỉ lô đất : Lô đất số IN3-2*B5 & IN3-2*B6, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại :
Fax :
Đại diện theo pháp luật : Ông John Leung
Chức vụ : Giám đốc

Bên Cho Thuê và Bên Thuê được gọi chung là "Các Bên" và gọi riêng là "Bên".

XÉT RÀNG:

Căn cứ vào:

- Luật Đầu Tư ("LĐT") được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm và các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành LĐT.
- Luật Đất Đai được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm và các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất Đai.
- Các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư hoặc các chỉ thị khác liên quan có hiệu lực tại Việt Nam.

CÁC BÊN TẠI ĐÂY ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Trong Hợp Đồng Thuê này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

"HEZA"	là Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Hải Phòng.
"Phương Tiện Công Cộng"	là các khu vực và các phương tiện chung trong phạm vi Khu Công Nghiệp, bao gồm nơi đậu xe, các tiện nghi về ăn uống, y tế và giải trí, các tiện nghi ngoài trời, vườn, đèn đường, đường đi, lan can, đê, kè, các thiết bị phòng chống cháy, các thiết bị bảo vệ an ninh, thùng rác, Cơ sở hạ tầng Tiện ích Công cộng cho Khu Công Nghiệp.
"Tiện Ích Công cộng"	có nghĩa là nước, hệ thống cống rãnh, hệ thống tiêu thoát nước trong các trường hợp dùng chung với những tổ chức sử dụng khác trong Khu Công Nghiệp, và bất kỳ hệ thống nào khác.
"Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng"	là Cơ sở hạ tầng trong Khu Công Nghiệp nhằm cung cấp Tiện ích Công cộng và các dịch vụ liên quan.
"Ngày Bàn Giao"	là (các) ngày quyền sở hữu quyền sử dụng đất được giao cho Bên Thuê không muộn hơn: cuối tháng 6 năm 2018
"Phí Quản Lý Bất Động Sản"	là khoản phí Quản lý Bất động sản được quy định tại Điều 8.1.
"Khu Nhà Máy"	là nhà máy và các toà nhà phụ khác, các kết cấu và hệ thống được xây dựng trên Khu Đất.
"Khu Công Nghiệp"	là Khu Đô Thị, Công Nghiệp và Dịch Vụ VSIP Hải Phòng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
"Giấy Phép"	là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các loại giấy phép được áp dụng khác) do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp cho Bên Thuê theo mục đích nêu tại Điều 6.
"Khu Đất"	là lô đất số IN3-2*B5 & IN3-2*B6 trong Khu Công Nghiệp có diện tích khoảng 27.754 mét vuông thể hiện tại Quy hoạch phân bổ đất - Phụ Lục 1. Nguồn gốc sử dụng đất là thuê đất trả tiền hàng năm.
"Tiền Thuê Đất"	là số tiền phải trả cho Chính phủ Việt Nam theo quy định của luật đất đai để Chính phủ Việt Nam cho Bên Cho Thuê thuê Khu Đất.
"Pháp luật"	là tất cả các luật, nghị định, quy chế, thông tư, chỉ thị, quyết định của các cơ quan cấp Chính phủ, cấp Tỉnh/ thành phố hoặc bất kỳ văn bản nào có giá trị pháp lý ràng buộc hoặc có hiệu lực tương tự, và bao gồm các sửa đổi, bổ sung kèm theo hay văn bản thay thế tại thời điểm bất kỳ.
"Thuê"	là việc cho thuê lại cơ sở hạ tầng và quyền sử dụng Khu Đất theo Hợp Đồng Thuê này.

"Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý"	là khoản tiền đặt cọc theo quy định tại Điều 8.3.
"Quy Chế Hoạt Động của VSIP-HP"	là các quy định hoạt động do Bên Cho Thuê soạn thảo nhằm phát triển, quản lý, vận hành và sử dụng Khu Công Nghiệp đúng mục đích và có thể được sửa đổi theo từng thời điểm.
"Tiền Thuê"	là khoản tiền mà Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê cho việc sử dụng đất và cơ sở hạ tầng theo Hợp Đồng Thuê này, như được quy định tại Điều 3 dưới đây.
"Thời Hạn Thuê"	là thời hạn Thuê theo quy định tại Điểm 2.2, Điều 2.
"Đô La Mỹ" hay "US\$"	là tiền tệ hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.
"Đồng Việt Nam" hay "VNĐ"	là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
"Việt Nam" hay "CHXHCNVN"	có nghĩa là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
"Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát triển VSIP- HP"	Là Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển Khu Công Nghiệp do Bên Cho Thuê soạn thảo nhằm quy hoạch, phát triển và xây dựng Khu Công Nghiệp đúng mục đích, có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm.

- 1.2 Liên quan đến "Hợp Đồng Thuê" này bao gồm các Phụ Lục đính kèm, Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP có thể được sửa đổi theo từng thời điểm.
- 1.3 Tiêu đề các điều khoản và Phụ lục trong Hợp Đồng Thuê này để tiện tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của các điều khoản và Phụ lục đó.
- 1.4 Trừ khi có quy định khác, các dẫn chiếu của một điều khoản hay một Phụ lục là dẫn chiếu đến một điều khoản hay một Phụ lục của Hợp Đồng Thuê này, và các dẫn chiếu trong một Phụ lục đến một điều khoản là dẫn chiếu điều khoản của Phụ lục đó trong Hợp Đồng Thuê này.
- 1.5 Mỗi hạn chế hoặc nghĩa vụ đối với Bên Thuê ở đây bao gồm cả nghĩa vụ của Bên Thuê trong việc đảm bảo rằng bất kỳ người nào vào, sử dụng hoặc thăm viếng Khu Đất hoặc Khu Công Nghiệp, rõ ràng hoặc hàm ý đã được sự chấp thuận của Bên Thuê bao gồm (nhưng không giới hạn ở) các đại lý, nhân viên, nhà thầu hoặc khách của Bên Thuê sẽ phải tuân thủ các hạn chế hoặc nghĩa vụ đó.

ĐIỀU 2: THUÊ

- 2.1 Bên Cho Thuê tại đây cho Bên Thuê thuê lại quyền sử dụng và cơ sở hạ tầng Khu Đất.
- 2.2 Thời hạn thuê sẽ bắt đầu kể từ ngày ký kết Hợp Đồng Thuê này và hết hạn vào ngày 11 tháng 12 năm 2058 ("Ngày Hết Hạn").

ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ, TIỀN THUÊ ĐẤT VÀ LỊCH THANH TOÁN

- 3.1. Tùy thuộc vào điều chỉnh nêu tại Điều 4.2, tổng số Tiền Thuê phải thanh toán cho Thời Hạn Thuê là **55.214.612.466 VND** (Năm mươi lăm tỷ hai trăm mười bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu Đồng Việt Nam).
- 3.2. Tiền Thuê sẽ được thanh toán cho Bên Cho Thuê theo các đợt như sau:
- (a) **5.493.210.450 VND** được Công ty Mẹ của Bên Thuê (Vicwood Trading Limited) thanh toán ngay sau khi ký Thư Đề Nghị;
 - (b) **16.573.800.672 VND** thanh toán ngay sau khi cấp Giấy Phép
 - (c) **16.573.800.672 VND** thanh toán ngay sau khi ký Hợp Đồng Thuê
 - (d) **16.573.800.672 VND** thanh toán vào Ngày Bàn Giao lô đất số IN3-2*B5 & IN3-2*B6. Khoản thanh toán cuối cùng này sẽ được Bên Cho Thuê điều chỉnh dựa trên điều kiện thị trường tại thời điểm thanh toán.
- 3.3. Trừ khi Bên Cho Thuê có yêu cầu khác bằng văn bản, Bên Thuê sẽ thanh toán bất kỳ phần nào của Tiền Thuê hoặc bất kỳ khoản tiền phải trả nào theo Hợp Đồng Thuê này bằng Đồng Việt Nam thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê ("Tài Khoản") trước hoặc đúng thời hạn. Bên Cho Thuê sẽ thông báo chi tiết về Tài Khoản.
- 3.4. Việc thanh toán đủ số tiền sẽ được công nhận khi ngân hàng của Bên Cho Thuê nhận được khoản thanh toán đó (Bên Cho Thuê sẽ thông báo). Bên Cho Thuê sẽ gửi văn bản thông báo trước ít nhất bảy (07) ngày cho Bên Thuê về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến các chi tiết của Tài Khoản.
- 3.5. Khu Đất được miễn Tiền Thuê Đất theo quy định pháp luật hiện hành. Trong trường hợp các quy định pháp luật thay đổi hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến việc phải thanh toán Tiền Thuê Đất, Bên Thuê sẽ thanh toán Tiền Thuê Đất đối với Khu Đất cho Chính phủ Việt Nam thông qua Bên Cho Thuê, với thông báo về mức nộp được Bên Cho Thuê gửi cho Bên Thuê.
- 3.6. Ngoài Tiền Thuê trên, Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê vào Ngày Bàn Giao khoản tiền bổ sung và không hoàn lại theo mức hiện hành, khoản thanh toán đó là khoản phí cho việc kết nối đường cấp nước và hệ thống tiêu thoát nước thải, phí khảo sát, phí trình duyệt quy hoạch ban đầu, phí chuẩn bị và chi phí công chứng hoặc chứng thực (nếu áp dụng) cho Hợp Đồng Thuê này. Mức phí hiện hành áp dụng tại thời điểm ký Hợp Đồng Thuê này là 159.110.000 VND.

ĐIỀU 4: BÀN GIAO KHU ĐẤT

- 4.1. Bên Cho Thuê sẽ bàn giao Khu Đất vào Ngày Bàn Giao. Nếu Bên Thuê trì hoãn tiếp nhận Khu Đất một cách không chính đáng thì coi như Bên Thuê đã vi phạm Hợp Đồng Thuê theo Điều 14.3(c).
- 4.2. (a) Sau khi khảo sát lần cuối diện tích Khu Đất ("Diện tích khảo sát"), Tiền Thuê và các khoản thanh toán khác theo quy định tại Điều 3.2 sẽ được điều chỉnh tương ứng. Bất kỳ khoản thanh toán nào ít hơn hoặc vượt quá số Tiền Thuê, khoản thanh toán khác của Tiền Thuê (tùy từng trường hợp cụ thể) và Tiền Đất Cọc Phí Quản Lý theo Hợp Đồng Thuê này sẽ được Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê hoặc ngược lại khi được yêu cầu (tùy từng trường hợp cụ thể) mà không tính lãi.

- (b) Bên Cho Thuê sẽ lắp đặt và chôn những cọc biên để phân định ranh giới Khu Đất và Bên Thuê phải đảm bảo các cọc này không bị dịch chuyển hay phá hủy.
- (c) Bên Thuê phải chấp nhận và nhận bàn giao Khu Đất nhằm mục đích phát triển Khu Đất và xây dựng Khu Nhà Máy và sau đó sử dụng Khu Đất, Khu Nhà Máy phù hợp với Hợp Đồng Thuê và Pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 5: XÂY DỰNG KHU NHÀ MÁY

- 5.1 Bên Thuê phải phát triển Khu Đất và xây dựng Khu Nhà Máy theo đúng với mục đích sử dụng công nghiệp và tuyệt đối tuân theo Điều 5 và Phụ lục 2, các quy định, yêu cầu và hướng dẫn khác của Bên Cho Thuê hoặc HEZA và Pháp Luật Việt Nam. Bên Thuê bảo đảm rằng việc xây dựng này sẽ được thực hiện một cách chuyên nghiệp và nghiêm túc, không phương hại đến tính chất chung của các quy định nêu trên.
- 5.2 Bên Thuê cam kết sẽ tiến hành việc xây dựng Khu Nhà Máy trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy Phép.
- 5.3 Việc xây dựng được xem là hoàn tất ngay khi các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép xác nhận quyền sở hữu của Khu Nhà Máy. Bản sao các giấy phép đó phải được gửi cho Bên Cho Thuê trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày được cấp.
- 5.4 Bên Thuê sẽ cho phép Bên Cho Thuê cùng hoặc không cùng các đại lý và đại diện của mình đi vào Khu đất trong khoảng thời gian hợp lý, và sắp xếp trước để kiểm tra, xem xét Khu Đất, các công trình xây dựng thực hiện trên Khu Đất, tiến trình xây dựng các công trình này.
- 5.5 Nếu Bên Thuê muốn thay đổi kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Đất và Khu Nhà Máy, Bên Thuê phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê, tuân thủ các điều kiện do Bên Cho Thuê đưa ra (nếu có), phải nộp đơn cho các cơ quan thẩm quyền xin phê duyệt, và tự chịu tất cả các chi phí có liên quan.

ĐIỀU 6: SỬ DỤNG KHU ĐẤT VÀ KHU NHÀ MÁY

Bên Thuê sẽ sử dụng Khu Đất và Khu Nhà Máy đúng với mục đích trong Hợp Đồng Thuê này, và theo quy định trong Giấy Phép của Bên Thuê.

ĐIỀU 7: TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG

- 7.1 Bên Cho Thuê sẽ cung cấp và lắp đặt Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng theo đúng Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP.
- 7.2 Bên Thuê sẽ thông báo với Bên Cho Thuê nhu cầu về công suất các Tiện Ích Công Cộng cần thiết cho Khu Đất bằng việc điền vào mẫu đơn có sẵn do Bên Cho Thuê cung cấp.
- 7.3 Bên Thuê phải trả tất cả các chi phí và phí tổn hợp lý liên quan đến việc nộp đơn xin lắp đặt, kết nối và cung cấp đường dây, mạng liên lạc viễn thông cho Bên Thứ Ba cung cấp dịch vụ được chỉ định.
- 7.4 Nếu công suất của Tiện Ích Công Cộng mà Bên Thuê yêu cầu vượt quá công suất của Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng được lắp đặt lúc ban đầu theo thông báo của Bên Thuê căn cứ Điều 7.2 nêu trên, Bên Thuê sẽ tham khảo ý kiến của Bên Cho Thuê để được tăng công suất và phải chịu mọi chi phí phát sinh.

- 7.5 Bên Thuê phải tuân theo tất cả các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc cung cấp Tiện ích Công Cộng.

ĐIỀU 8: PHÍ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

- 8.1 Bên Cho Thuê sẽ bảo trì bảo dưỡng tài sản chung và cơ sở hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải trả Phí Quản Lý Bất Động Sản căn cứ theo Diện Tích Khảo Sát (Mức phí hiện hành tại thời điểm ký Hợp Đồng Thuê này là 1.598VND / m²/ tháng).
- 8.2 Phí Quản Lý Bất Động Sản sẽ được Bên Cho Thuê xem xét, điều chỉnh vào Tháng 1 và Tháng 7 mỗi năm dương lịch. Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê về Phí Quản Lý Bất Động Sản điều chỉnh sẽ được áp dụng kể từ ngày được quy định trong thông báo của Bên Cho Thuê.
- 8.3 Vào ngày ký Hợp Đồng Thuê này, Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê Tiền Đặt cọc Phí Quản Lý là 133.052.676 VND tương đương Phí Quản Lý Bất Động Sản của ba (03) tháng.
- 8.4 Trong vòng bảy (07) ngày kể từ Ngày Bàn Giao, Bên Thuê phải thanh toán trước cho Bên Cho Thuê Phí Quản Lý Bất Động Sản giai đoạn kể từ Ngày Bàn Giao và ngày cuối cùng của quý dương lịch mà Ngày Bàn Giao diễn ra. Sau đó, Phí Quản Lý Bất Động Sản hàng quý phải được Bên Thuê trả trước cho Bên Cho Thuê vào ngày đầu tiên của mỗi quý dương lịch tiếp theo.
- 8.5 Trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê sẽ trả lại Bên Thuê Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý không tính lãi trừ đi bất kỳ khoản khấu trừ nào mà Bên Cho Thuê đã khấu trừ theo Hợp Đồng Thuê này và bất kỳ khoản phí ngân hàng nào (nếu có). Các khoản khấu trừ này (nếu có) sẽ không phương hại tới bất kỳ quyền nào khác mà Bên Cho Thuê có thể có theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THUÊ LẠI VÀ CẤP PHÉP CHO KHU ĐẤT

- 9.1 Quyền, lợi ích và lợi nhuận của Bên Thuê theo Hợp Đồng Thuê này sẽ không được chuyển nhượng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê.
- 9.2 Bên Thuê phải trực tiếp nhận bàn giao Khu Đất và sử dụng Khu Đất theo đúng mục đích đã được phê duyệt trong Giấy Phép (bao gồm cả Giấy Phép sửa đổi, nếu có). Bên Thuê không được chuyển giao, chuyển nhượng, cho thuê lại, thỏa thuận cho thuê lại, bàn giao, từ bỏ hoặc chia sẻ quyền sở hữu hoặc chiếm giữ Khu Đất với bên thứ ba hoặc giao cho bên thứ ba bất kỳ quyền nào đối với bất kỳ phần nào của Khu Đất hay Khu Nhà Máy hoặc tiến hành bất kỳ hoạt động nào gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên Cho Thuê trừ khi được sự đồng ý của Bên Cho Thuê và được Pháp luật cho phép.
- 9.3 Trong trường hợp Bên Thuê chia tách, sáp nhập hay chuyển giao tài sản và/ hoặc Hợp Đồng Thuê này với bên thứ ba là cá nhân và/ hoặc tổ chức, thành lập một pháp nhân mới, bên thứ ba phải tiến hành các thủ tục thuê lại theo quy định của Pháp luật.
- 9.4 Căn cứ vào các quy định hiện hành của Pháp Luật, Bên Thuê có thể thế chấp Khu Đất và Khu Nhà Máy cho bất kỳ ngân hàng nào được phép hoạt động tại Việt Nam và theo yêu cầu của Bên Thuê, Bên Cho Thuê phải thực hiện tất cả những công việc

được coi là cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm của Bên Cho Thuê để thực hiện các quyền của Bên Thuê như được nêu tại Điều 9.4.

ĐIỀU 10: CÁC PHÍ TỐN, THUẾ, PHÍ VÀ CHI PHÍ

- 10.1 Bên Thuê sẽ chịu mọi phí tổn và chi phí hợp lý (nếu có) không bao gồm chi phí theo qui định tại Điều 3.5, liên quan đến việc đăng ký và thủ tục hành chính liên quan đến Hợp Đồng Thuê này, việc xây dựng Khu Nhà Máy và đơn xin cấp tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận có liên quan.
- 10.2 Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào được quy định trong Hợp Đồng Thuê này, trong trường hợp Bên Thuê tham gia vào một thỏa thuận hoặc bất kỳ dàn xếp nào để chuyển nhượng Khu Đất cho bên thứ ba, mặc dù theo Điều 9.3 hoặc Điều 16.3 hay theo quy định khác (khác với thế chấp Khu Đất cho ngân hàng), Bên Thuê sẽ phải thanh toán một khoản phí chuyển nhượng cho Bên Cho Thuê. Mức phí chuyển nhượng này sẽ do Bên Cho Thuê ấn định.
- 10.3 Nếu không có thỏa thuận khác, Bên Thuê phải trả Tiền Thuê, Phí Quản Lý Bất Động Sản, Tiền Thuê Đất và các khoản khác mà Bên Thuê phải thanh toán theo Hợp Đồng Thuê này cùng phí ngân hàng, thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ, thuế tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, hoặc các khoản thuế, phí và lệ phí khác của nhà nước được Nhà nước hoặc các cơ quan chức năng Việt Nam áp dụng trong hiện tại hoặc sau này đối với việc Thuê Khu Đất và/ hoặc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bên Thuê và/ hoặc Tiền Thuê và/ hoặc Phí Quản Lý Bất Động Sản hoặc các khoản thanh toán khác với việc Thuê, Tài sản, các tiện ích hay thuế áp dụng đối với chủ sở hữu hoặc người chiếm giữ ("Thuế"). Nếu Bên Thuê hay Bên Cho Thuê được yêu cầu phải thanh toán bất kỳ khoản Thuế nào như vậy thì:
- (a) Bên Thuê phải thanh toán tất cả các khoản Thuế đó khi đến hạn, hoặc thay mặt và nhân danh Bên Cho Thuê thanh toán tất cả các khoản Thuế (nếu các thuế đó áp dụng với Bên Cho Thuê); nếu Pháp luật hay cơ quan chức năng yêu cầu Bên Cho Thuê thu hộ và/ hoặc phải thanh toán các khoản Thuế đó thì Bên Thuê phải hoàn trả cho Bên Cho Thuê các khoản đó ngay khi nhận được văn bản thông báo của Bên Cho Thuê.
 - (b) Bên Thuê sẽ phải thanh toán tất cả những khoản tiền phải trả này mà không được khấu trừ, giữ lại hay cản trở bất kỳ khoản nào khác. Nếu vì lý do nào đó mà dẫn đến việc khấu trừ, giữ lại hoặc cản trở thì bất kỳ khoản chi trả nào của Bên Thuê sẽ được tăng lên đến một mức cần thiết để đảm bảo rằng khi đến ngày đáo hạn, Bên Cho Thuê vẫn nhận được và không bị ràng buộc gì về trách nhiệm pháp lý, một khoản tiền tương đương khoản tiền mà Bên Cho Thuê lẽ ra đã nhận được khi không có trường hợp khấu trừ, giữ lại hay cản trở xảy ra.

ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN THUÊ

- 11.1 Bên Thuê đồng ý và bảo đảm rằng, trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê sẽ tuân thủ và thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp Đồng Thuê, bao gồm các cam kết của Bên Thuê tại Phụ lục 3.
- 11.2 Bên Thuê cam kết rằng:
- (a) Bên Thuê có năng lực để ký kết Hợp Đồng Thuê và thực hiện tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê và tiến hành tất cả các công việc cần thiết để ủy quyền thực hiện các công việc này; và

- (b) tất cả các thông tin do Bên Thuê cung cấp có liên quan đến việc Thuê và Khu Đất này là trung thực và chính xác về mọi phương diện và không có sự việc hay lý do quan trọng nào khác mà Bên Thuê bỏ sót sẽ làm các thông tin này bị sai lệch.
- 11.3 Bên Thuê sẽ tự chịu rủi ro khi chiếm giữ và sử dụng Khu Đất và Khu Nhà Máy. Bên Thuê sẽ chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên Cho Thuê đối với mọi khiếu nại, yêu cầu, các khoản nợ, phán quyết, chi phí, các khoản lỗ và phí tổn thất phát sinh mà Bên Cho Thuê phải gánh chịu do hoặc liên quan đến:
- (a) tổn thất về tính mạng, thương tổn cá nhân và/hay thiệt hại đối với Khu Đất, các khu đất kế cận hay các khu nhà được xây dựng trên đó phát sinh từ:
- (i) mọi sự cố, phát triển, xây dựng trên Khu Đất do Bên Thuê gây ra hoặc cho phép hoặc bất kỳ nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào khác được Bên Thuê cho phép đi vào Khu Đất gây ra; hoặc
- (ii) việc sử dụng Khu Đất hoặc các công trình được xây dựng trên đó hoặc các Tiện Ích Công Cộng bởi Bên Thuê hoặc bởi các nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào được Bên Thuê cho phép sử dụng Khu Đất; hoặc
- (iii) bất kỳ hành vi, sự thiếu sót, vi phạm hoặc bất cẩn của Bên Thuê hoặc của bất kỳ nhân viên, nhà thầu, đại lý của Bên Thuê hay bất kỳ người nào được Bên Thuê cho phép sử dụng Khu Đất, cụ thể nhưng không giới hạn ở những hành vi chung nêu trên, bất kỳ việc sử dụng sai, lãng phí hoặc lạm dụng hệ thống tiện ích hoặc lắp đặt sai các thiết bị hoặc đồ gá lắp hoặc thiết bị điện hay các thiết bị hoặc dụng cụ khác của Bên Thuê; hoặc
- (b) Bên Thuê vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng Thuê này.

ĐIỀU 12: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CHO THUÊ

- 12.1 Bên Thuê sẽ được sử dụng Khu Đất và các Tiện Ích Công Cộng trong Khu Công Nghiệp trong suốt Thời Hạn Thuê miễn là Bên Thuê thực hiện và tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp Đồng Thuê này.
- 12.2 Bên Cho Thuê sẽ duy trì các Tiện Ích Công Cộng và các Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng trong tình trạng tốt trong suốt Thời Hạn Thuê.
- 12.3 Bên Cho Thuê sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý với Bên Thuê (hoặc nhân viên, đại diện, nhà thầu, khách mời hay khách đến thăm của Bên Thuê) về:
- (a) bất kỳ thiệt hại, thương vong, tổn thất về tính mạng hay tài sản do bất kỳ bên thuê nào hoặc người chiếm giữ hoặc người nào trong Khu Công Nghiệp gây ra, hoặc do bất kỳ sự cố nào xảy ra tại bất kỳ phần nào khác của Khu Công Nghiệp; hoặc
- (b) bất kỳ thiệt hại, thương vong, tổn thất hoặc bất tiện do Bên Cho Thuê trực tiếp hay gián tiếp gây ra khi đang thực hiện các quyền hay nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo luật định, trừ khi lỗi do bất cẩn rõ ràng hay lỗi cố ý của Bên Cho Thuê.

- 12.4 Trong vòng bảy (07) ngày kể từ khi có bất kỳ sửa đổi nào về Hướng dẫn Quy hoạch và Phát triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP, Bên Cho Thuê sẽ thông báo cho Bên Thuê về việc sửa đổi hoặc các sửa đổi này.
- 12.5 Bên Cho Thuê, khi được yêu cầu, hỗ trợ Bên Thuê xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của Bên Thuê, cho phép Bên Thuê quyền sử dụng Khu Đất riêng biệt trong suốt Thời Hạn Thuê, với điều kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ không được giao cho Bên Thuê cho đến khi Bên Thuê thanh toán đầy đủ Tiền Thuê. Vì mục đích của Khoản này, Bên Thuê có thể được yêu cầu ký kết bất kỳ văn bản nào mà Bên Cho Thuê hoặc các cơ quan chức năng cho là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc ký lại Hợp Đồng Thuê này.

ĐIỀU 13: RỦI RO

Với hiệu lực kể từ Ngày Bàn Giao, Bên Thuê phải chịu trách nhiệm về mọi rủi ro phát sinh theo bất kỳ cách thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn đối với các tổn thất, phá hủy, thiệt hại hoặc khiếu kiện về sự sở hữu/ xâm nhập của bên thứ ba) đối với Khu Đất, cơ sở hạ tầng cơ bản, cơ sở hạ tầng tiện ích lắp đặt trong Khu Đất, các công trình xây dựng và các vật phụ thuộc (nếu có) trên đó, bất kể việc Bên Thuê đã chiếm hữu hoặc sử dụng Khu Đất hay chưa.

ĐIỀU 14: TRÁCH NHIỆM KHI VI PHẠM

- 14.1 Bên Thuê phải trả lãi cho bất kỳ phần nào của Tiền Thuê hoặc bất kỳ khoản đáo hạn nào mà chưa được thanh toán trong ngày đáo hạn, tính từ ngày vi phạm đến ngày thanh toán thực tế với mức lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hàng năm, và có quyền cộng gộp các khoản chưa thanh toán.

Ngoài ra, Bên Thuê sẽ phải trả một khoản phạt hai phần trăm (2%) một tháng cho phần Tiền Thuê chưa thanh toán kể từ ngày đáo hạn. Để tránh hiểu nhầm, tháng nói trên được hiểu là một tháng tròn hoặc một phần của tháng. Bên Cho Thuê có quyền cộng gộp các khoản chưa thanh toán.

- 14.2 Nếu Bên Thuê vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này, Bên Cho Thuê có quyền:
- (a) yêu cầu Bên Thuê khắc phục tất cả vi phạm đó trong một khoảng thời gian cụ thể hợp lý hoặc tự sửa chữa những vi phạm đó và Bên Thuê phải trả ngay cho Bên Cho Thuê tất cả các chi phí và phí tổn liên quan đến việc khắc phục này ngay khi được yêu cầu;
 - (b) khấu trừ vào Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý mà Bên Cho Thuê đang giữ các khoản tiền cần thiết để khắc phục hoặc bồi thường cho các thiệt hại hay mất mát phát sinh do vi phạm của Bên Thuê (mà không làm phương hại đến quyền của Bên Cho Thuê liên quan đến việc đòi bồi thường khi vượt quá Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý). Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản tiền nào đã được khấu trừ sao cho Tiền Đặt Cọc Phí Quản Lý luôn duy trì ở mức là ba (03) tháng Phí Quản Lý Bất Động sản tại mọi thời điểm;
 - (c) Ngừng toàn bộ hay một phần việc sử dụng của Bên Thuê đối với các Tiện Ích, Tiện Ích Công Cộng và Cơ Sở Hạ Tầng Tiện Ích Công Cộng;
 - (d) Chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn.

- 14.3 Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào dưới đây, cụ thể là:

- (a) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ phần nào của Tiền Thuê theo Điều 3.2 và số tiền đó vẫn chưa được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán; hoặc
- (b) Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản nào đến hạn ngoài Tiền Thuê, theo Hợp Đồng Thuê và số tiền đó vẫn chưa được thanh toán trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán; hoặc
- (c) Bên Thuê có bất kỳ vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng Thuê (ngoài việc không thanh toán theo Điều 14.3 (a) và 14.3 (b)), và việc vi phạm không thể được khắc phục, hoặc nếu có thể được nhưng không được khắc phục trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên Cho Thuê có thông báo yêu cầu khắc phục hoặc trong khoảng thời gian được quy định trong thông báo (nếu có), hoặc trong khoảng thời gian gia hạn được Bên Cho Thuê cho phép một cách hợp lý; hoặc
- (d) Bên Thuê bị vỡ nợ, hoặc đang nộp đơn hay tiến hành thủ tục xin phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động, hoặc bị bắt buộc phải bán hoặc bị đặt dưới sự kiểm soát của người quản lý tài sản hoặc dưới sự quản lý tư pháp hay hành chính, hoặc ngừng kinh doanh, hoặc không thể thanh toán các khoản nợ của mình khi đến hạn; hoặc
- (e) Bên Thuê vi phạm Điều 9;

thì Bên Cho Thuê có quyền chấm dứt Hợp Đồng Thuê bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên Thuê mà không làm phương hại đến các quyền khác của mình theo Hợp Đồng Thuê này hay theo luật định.

- 14.4 Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt Hợp Đồng Thuê do Bên Thuê vi phạm Điều 14.3, Bên Cho Thuê có quyền giữ lại tất cả các khoản liên quan đến Tiền Thuê mà Bên Thuê đã trả tính đến ngày chấm dứt.
- 14.5 Việc chấm dứt Hợp Đồng Thuê sẽ không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào mà mỗi Bên có thể có đối với bên kia do bất kỳ lỗi vi phạm nào đối với Hợp Đồng Thuê xảy ra trước thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Thuê.
- 14.6 Các quyền của Bên Cho Thuê theo Điều 14 này là bổ sung và không ảnh hưởng tới bất kỳ quyền nào khác của Bên Cho Thuê theo luật định.

ĐIỀU 15: PHÁ HỦY VÀ THU HỒI BẮT BUỘC

Trong trường hợp Khu Đất và/hoặc Khu Nhà Máy hoặc bất kỳ phần nào của nó vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt Thời Hạn Thuê bị phá hủy hoặc bị hư hỏng vì bất kỳ lý do gì, Bên Thuê sẽ phải nhanh chóng bắt đầu việc xây dựng lại và sửa chữa Khu Nhà Máy theo các Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP và theo các yêu cầu khác của Bên Cho Thuê và HEZA và Pháp Luật Việt Nam có liên quan. Trong trường hợp Khu Đất và/ hoặc Khu Nhà Máy bị hư hại đến mức cần thiết phải phá hủy Khu Nhà Máy hoặc đó là biện pháp khắc phục kinh tế nhất, thì Bên Thuê, sau khi tham khảo ý kiến với Bên Cho Thuê có quyền chấm dứt Hợp Đồng Thuê và khôi phục nguyên trạng Khu Đất như quy định tại Điều 16.

ĐIỀU 16: CHẤM DỨT THUÊ

- 16.1 Tùy thuộc vào Điều 16.2 dưới đây, ngay trước khi kết thúc Thời Hạn Thuê hoặc chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn vì bất kỳ lý do gì, Bên Thuê sẽ:

- (a) tháo dỡ và/ hoặc dời chuyển Khu Nhà Máy và tất cả các thiết bị cố định, trang bị nội thất và thiết bị đã lắp đặt trên Khu Đất, và khôi phục Khu Đất trở lại tình trạng ban đầu như trong Ngày Bàn Giao. Nếu Bên Thuê không tuân thủ cam kết này, Bên Cho Thuê có thể thực hiện việc khôi phục đó và thu hồi từ Bên Thuê các chi phí cùng với Tiền Thuê và Phí Quản Lý Bất Động Sản và các khoản tiền khác mà Bên Cho Thuê được quyền nhận từ Bên Thuê do cộng thêm vào Thời Hạn Thuê khoảng thời gian mà Bên Cho Thuê đã sử dụng để thực hiện các công việc đó; và
- (b) thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để chuyển quyền sử dụng Khu Đất lại cho Bên Cho Thuê theo quy định pháp luật.

16.2 Bên Cho Thuê sẽ, trong một thời gian hợp lý trước khi hết hạn Hợp Đồng Thuê hoặc chấm dứt Hợp Đồng Thuê trước thời hạn vì bất kỳ lý do gì, thông báo cho Bên Thuê nếu Bên Cho Thuê không yêu cầu khôi phục lại Khu Đất. Trong trường hợp này thì Bên Thuê không phải thực hiện quy định tại Điều 16.1 (a), nhưng phải:

- a. bàn giao Khu Đất, Khu Nhà Máy và tất cả các thiết bị, tài sản cố định, thiết bị lắp đặt trên Khu Đất trong điều kiện và tình trạng đã sửa chữa và có thể cho thuê được (ngoại trừ các hao mòn hợp lý), cùng toàn bộ ổ khoá và chìa khoá mà không tính bất kỳ khoản phí hay bồi thường nào. Bên Cho Thuê được toàn quyền vào lại Khu Đất và Khu Nhà Máy, nắm giữ, giải quyết và định đoạt Khu Nhà Máy với tư cách là chủ sở hữu hợp pháp mà không phải đền bù hoặc xin phép đối với những việc đó; và
- b. thực hiện các thủ tục cần thiết để xác lập quyền sở hữu Khu Nhà Máy và các thiết bị, tài sản cố định, thiết bị lắp đặt trên Khu Đất và quyền sử dụng đất của Khu Đất cho Bên Cho Thuê.

16.3 Trường hợp:

- (1) Giấy Phép của Bên Thuê không được gia hạn hoặc bị chấm dứt; hoặc
- (2) Bên Thuê ngừng kinh doanh (nếu được yêu cầu, phải xuất trình giấy tờ chứng minh việc ngừng kinh doanh thỏa mãn yêu cầu của Bên Cho Thuê),

thì trước Ngày Hết Hạn, Bên Thuê có quyền chuyển nhượng phần còn lại của thời hạn thuê ("Thời Hạn Còn Lại") dù phần thời hạn đó không phải để cho mục đích chuyển nhượng dự kiến, phù hợp với các điều kiện sau. Nếu một trong các trường hợp nêu trên xảy ra, Bên Thuê ngay lập tức phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê ("Thông báo chuyển nhượng") về sự việc và nguyện vọng (nếu có) muốn chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại cho một bên thứ ba với sự đồng ý bằng văn bản của Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê có quyền đồng ý tuỳ thuộc vào những điều kiện mà Bên Cho Thuê và/ hoặc HEZA (nếu được yêu cầu) có thể toàn quyền áp đặt. Điều kiện để Bên Cho Thuê đồng ý là không có trường hợp nào của Điều 14.3 xảy ra hay tồn tại vào thời điểm chuyển nhượng. Điều kiện chuyển nhượng là người nhận chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại được Bên Cho Thuê chấp thuận.

Nếu được sự đồng ý của Bên Cho Thuê và HEZA phê duyệt (nếu được yêu cầu), thì:

- (a) Việc Thuê sẽ không chấm dứt và Bên Thuê phải tiến hành các thủ tục và ký tất cả các giấy tờ cần thiết để thực hiện việc chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại cho một bên thứ ba đã được Bên Cho Thuê chấp thuận ("Bên Nhận Chuyển Nhượng") để:
 - (i) Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ được hưởng tất cả quyền và lợi ích của Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng;

- (ii) Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ gánh vác tất cả nghĩa vụ của Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng; và
 - (iii) Bên Cho Thuê sẽ chấp nhận việc thực hiện Hợp Đồng Thuê của Bên Nhận Chuyển Nhượng thay cho Bên Thuê kể từ ngày chuyển nhượng;
- (b) nếu việc chuyển nhượng không thể thực hiện theo cách thức tại điểm (a) nói trên, thì các Bên phải tiến hành các thủ tục pháp lý khác và ký các giấy tờ cần thiết, theo đó Bên Thuê sẽ chấm dứt và thanh lý việc Thuê và đồng thời Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ ký một Hợp Đồng Thuê cho phần Thời Hạn Còn Lại, về cơ bản bao gồm các điều khoản và điều kiện tương tự như trong Hợp Đồng Thuê này và tùy theo vào các sửa đổi mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu và các điều khoản khác được thỏa thuận giữa Bên Cho Thuê và Bên Nhận Chuyển Nhượng;
- (c) Bên Thuê và Bên Nhận chuyển Nhượng có thể thỏa thuận với nhau về khoản tiền mà Bên Nhận Chuyển Nhượng phải trả cho Bên Thuê;
- (d) Bên Cho Thuê sẽ có những hỗ trợ thiết yếu để hoàn tất mọi thủ tục cần thiết được yêu cầu cho việc chuyển nhượng và các giao dịch được dự liệu khác có liên quan đến điểm (a) hoặc (b), miễn là tất cả điều kiện cho việc chuyển nhượng này (nếu có) được tuân thủ; và
- (e) Nếu các Bên không có thỏa thuận khác, Bên Thuê phải chịu các chi phí có liên quan đến và phụ trợ cho việc chuyển nhượng.
- 16.4 Nhằm tránh hiểu nhầm, cùng với việc chuyển nhượng phần Thời Hạn Còn Lại theo Điều 16.3, Bên Thuê được bán hoặc định đoạt Khu Nhà Máy và/hoặc bất kỳ thiết bị cố định, trang bị nội thất và các thiết bị lắp đặt trên Khu Đất cho Bên Nhận Chuyển Nhượng.
- 16.5 Trường hợp Bên Thuê không thực thi các quyền của mình theo Điều 16.3 hoặc không có được sự đồng ý và/hoặc phê chuẩn cần thiết cho việc chuyển nhượng theo Điều 16.3, thì việc Thuê sẽ kết thúc và Điều 16.1 và 16.2 sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 17: THÔNG BÁO

- 17.1 Bất kỳ thông báo nào theo Hợp Đồng Thuê này sẽ được Bên gửi thông báo hoặc đại diện của mình ký và có thể được gửi bằng (a) chuyển tay, (b) fax (tùy thuộc/căn cứ vào bản sao xác nhận đã nhận được thông báo được gửi đến bằng dịch vụ bảo đảm) hoặc (c) dịch vụ bảo đảm trả trước (bằng máy bay, nếu chuyển thư quốc tế) tới số fax hoặc địa chỉ của Bên nhận tương ứng quy định tại Điều 17.2 (hoặc như được thông báo nếu có sự khác biệt, tùy từng thời điểm). Bất kỳ thông báo nào được thực hiện như trên sẽ được xem là đã nhận được:
- (i) tại thời điểm giao, trong trường hợp chuyển bằng tay;
 - (ii) tại thời điểm gửi, trong trường hợp chuyển bằng fax;
 - (iii) hai (02) ngày kể từ ngày gửi (bao gồm ngày gửi), trong trường hợp dịch vụ bảo đảm trả trước; và
 - (iv) mười bốn (14) ngày kể từ ngày gửi (bao gồm ngày gửi), trong trường hợp chuyển thư quốc tế.
- 17.2 Địa chỉ thư tín và số fax liên lạc của các Bên nêu ở điều 17.1 như sau:

Bên Cho Thuê : CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Địa chỉ : Tòa nhà Điều hành VSIP Hải Phòng, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Fax : 84-225-3959 886

Người nhận : Tổng giám đốc

Bên Thuê : CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Địa chỉ : Số 131-133, Đường số 6, Khu Đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Fax : _____

Người nhận : Giám đốc

- 17.3 Với hiệu lực từ Ngày Bàn Giao, Bên Cho Thuê cũng có thể gửi thông báo đến Bên Thuê bằng cách gửi qua đường bưu điện hoặc chuyển tay tới địa chỉ nằm trong Khu Đất.

ĐIỀU 18: LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Nội dung, hiệu lực pháp lý, việc diễn giải, thực hiện, và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng Thuê này sẽ được điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.

ĐIỀU 19: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 19.1 Các Bên sẽ cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp Đồng Thuê này bằng thương lượng, hoà giải. Nếu vẫn không thể giải quyết được tranh chấp theo cách đó trong một khoảng thời gian hợp lý, thì tranh chấp đó sẽ được đệ trình và giải quyết chung thẩm tại một tòa án có thẩm quyền của Thành Phố Hải Phòng.
- 19.2 Trong khi bất kỳ tranh chấp nào đang được giải quyết, các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Thuê này vẫn tiếp tục ràng buộc và được các Bên thực hiện, tuân thủ.

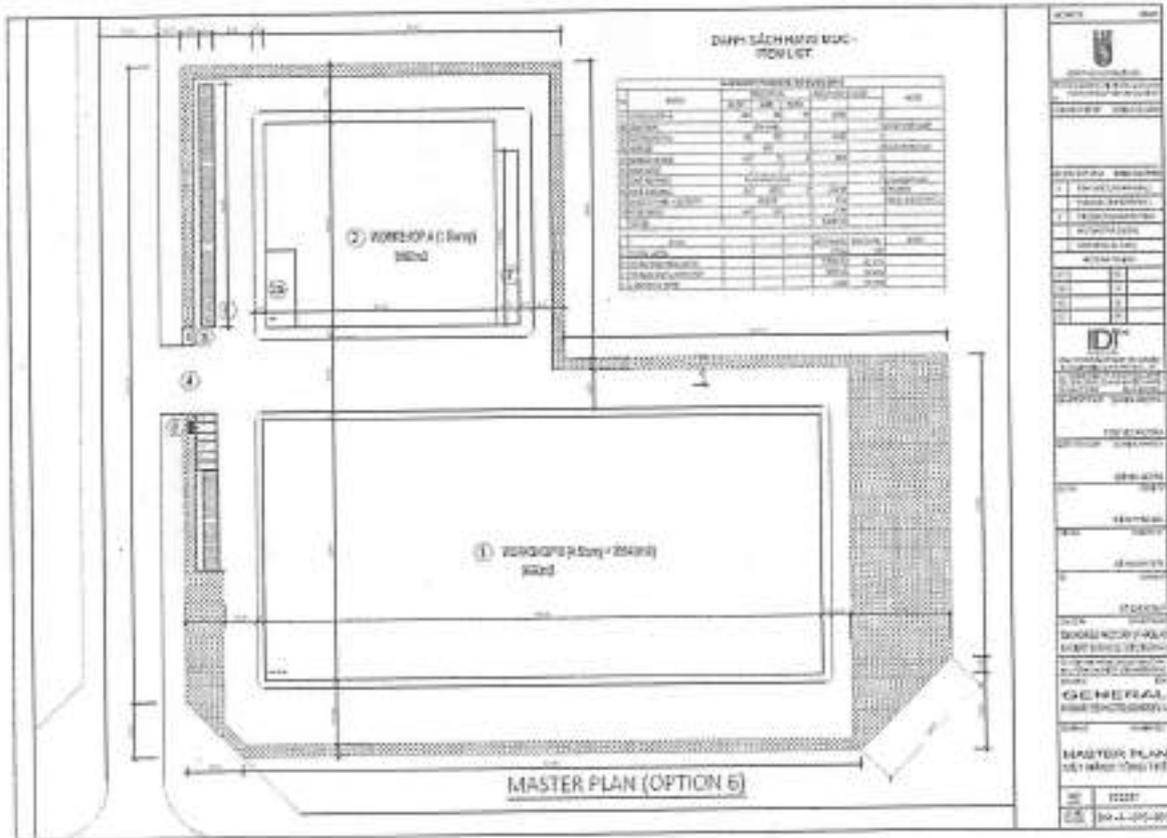
ĐIỀU 20: BẢO MẬT

Các Bên sẽ bảo mật nội dung và tất cả các vấn đề phát sinh trong quá trình thương thảo Hợp Đồng Thuê này cũng như các công việc của Bên còn lại, và sẽ không được tiết lộ (trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia) cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ khi tiết lộ theo yêu cầu của pháp luật hiện hành hoặc quy định của cơ quan hữu quan có thẩm quyền hoặc sở giao dịch chứng khoán (ở Việt Nam, Singapore hoặc các nước có liên quan khác), hoặc liên quan đến việc buộc thực thi các quyền của mình chống lại Bên kia. Các Bên sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm bảo đảm rằng nhân viên của mình tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định tại Hợp Đồng Thuê này. Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực không phụ thuộc vào việc chấm dứt Hợp Đồng Thuê này vì bất kỳ lý do gì.

ĐIỀU 21: CÁC ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

- 21.1 Bên Thuê phải bảo đảm rằng mọi thông tin do Bên Thuê cung cấp liên quan đến Hợp Đồng Thuê này và Khu Đất là trung thực và chính xác về mọi phương diện. Bên Thuê sẽ gửi cho Bên Cho Thuê văn bản thông báo về việc đổi tên của mình trong vòng một (01) tháng kể từ ngày thay đổi. Bên Thuê bảo đảm rằng mình có năng lực ký kết Hợp Đồng Thuê này và thực hiện mọi nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Thuê, cũng như tiến hành các việc cần thiết để ủy quyền thực hiện các việc này. Bên Thuê cũng sẽ cung cấp bằng chứng mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu liên quan đến năng lực ký Hợp Đồng Thuê của Bên Thuê và việc Bên Thuê tuân thủ hay không tuân thủ Pháp Luật Việt Nam.
- 21.2 Các Phụ Lục của Hợp Đồng Thuê này (có thể được sửa đổi theo thỏa thuận của hai bên), Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Thuê này, và sẽ có hiệu lực pháp lý tương tự như các điều khoản khác của Hợp Đồng Thuê.
- 21.3 Hợp Đồng Thuê phải phù hợp với các chỉnh sửa của Bên Cho Thuê theo từng thời điểm được xem xét thay đổi khi cần thiết để tuân thủ Pháp Luật Việt Nam, các thông báo hoặc chỉ thị của HEZA hay của bất kỳ cơ quan cấp Chính phủ, cấp Tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền và được Bên Cho Thuê thông báo với Bên Thuê bằng văn bản.
- 21.4 Hợp Đồng Thuê sẽ ràng buộc các Bên và các đại diện, người kế nhiệm, người nhận thế chấp và người nhận chuyển nhượng tương ứng của các Bên.
- 21.5 Nếu Bên Thuê gồm hai hay nhiều bên, thì nghĩa vụ của họ theo Hợp Đồng Thuê là nghĩa vụ liên đới và riêng rẽ; nếu một trong các bên vì bất kỳ lý do gì không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên/các bên còn lại sẽ phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thay cho bên đó.
- 21.6 Hợp Đồng Thuê này sẽ thay thế và có giá trị cao hơn tất cả các thỏa thuận miệng hoặc viết tay nào đưa ra trước đây liên quan đến vấn đề chính của Hợp Đồng Thuê này và các Phụ Lục của Hợp Đồng Thuê.
- 21.7 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này hoặc bất kỳ phần nào của Hợp Đồng Thuê bị coi là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có hiệu lực thì hành bởi bất kỳ luật, quy chế hay chính sách nào, thì chỉ những điều khoản đó vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không có hiệu lực thì hành trong phạm vi đó và không ảnh hưởng đến tính pháp lý của những điều khoản khác của Hợp Đồng Thuê này.
- 21.8 Việc bất kỳ Bên nào không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện bất kỳ quyền, quyền năng hay đặc quyền theo Hợp Đồng Thuê này hoặc theo bất kỳ thỏa thuận nào khác có liên quan sẽ không được xem là hành vi từ bỏ chúng, và việc thực hiện đơn lẻ hay một phần bất cứ quyền, quyền năng hay đặc quyền nào cũng sẽ không ngăn cản việc thực hiện các quyền đó trong tương lai.
- 21.9 Hợp Đồng Thuê sẽ có hiệu lực kể từ ngày ghi ở trên đầu của Hợp Đồng Thuê.
- 21.10 Trường hợp một Bên yêu cầu Bên kia về bất kỳ sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định nào, thì sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định không được phép rút lại từ chối hay trì hoãn một cách bất hợp lý. Khi sự đồng ý, chấp thuận, ủy quyền và/hoặc chỉ định đã được đưa ra thì chúng sẽ không được phép rút lại một cách bất hợp lý.
- 21.11 Hợp đồng Thuê này được lập thành bảy (07) bản gốc bằng tiếng Việt và hai (02) bản gốc bằng tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một (01) bản gốc bằng tiếng Anh và ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt. Một (01) bản gốc còn lại bằng tiếng Việt sẽ được Văn phòng Công chứng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giữ lại khi làm thủ tục công chứng hay chứng thực Hợp Đồng Thuê (nếu áp dụng), nếu không thì Bên Cho Thuê sẽ giữ lại bản này. Nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

PHỤ LỤC 1
QUY HOẠCH KHU ĐẤT



Handwritten mark

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG

1. Bên Thuê phải thuê kỹ sư chuyên nghiệp tiến hành khảo sát đất để tư vấn về điều kiện đất đai và thiết kế kết cấu nhà xưởng phù hợp, xem xét điều kiện Khu Đất và tiến hành các công việc cần thiết liên quan đến tình trạng và điều kiện của Khu đất. Bên Thuê được xem là hiểu biết đầy đủ về tình trạng và điều kiện Khu đất vào Ngày Bàn Giao và đồng ý rằng tình trạng và điều kiện Khu Đất là phù hợp với tất cả mục đích sử dụng của Bên Thuê. Bên Thuê, bằng chi phí của mình, thực hiện các bước và tiến hành những công việc cần thiết trên Khu Đất nhằm bảo vệ các đê kè (nếu có), ngăn chặn sự xói mòn/lở đất hoặc làm hư hỏng độ dốc, theo phương pháp chuyên nghiệp và đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

 2. Bên Thuê phải xây dựng lối vào Khu Đất và cống nước phía bên dưới dọc theo ranh giới Khu Đất bằng nhựa đường, bê tông hay vật liệu có bề mặt cứng khác. Lối vào Khu Đất và cống nước này sẽ không tạo nên hay cấu thành một phần của Khu Đất được thuê theo Hợp Đồng Thuê này nhưng Bên Thuê, bằng chi phí của riêng mình, phải duy trì chúng trong điều kiện hoạt động tốt trong suốt Thời Hạn Thuê.
-

PHỤ LỤC 3
CAM KẾT CỦA BÊN THUÊ

Bên Thuê bằng văn bản này cam kết với Bên Cho Thuê những điều sau đây:

1. **Tiền Thuê và Các khoản thanh toán khác:** Thanh toán Tiền Thuê, Phí Quản Lý Bất Động Sản và các khoản tiền đến hạn phải trả khác cho Bên Cho Thuê mà không khấu trừ, giữ lại hay cản trở bất cứ khoản nào vào thời điểm thanh toán và phương thức thanh toán phù hợp trong Hợp Đồng Thuê này.
2. **Dự phòng hợp lý tránh tổn thất:** Thực hiện các dự phòng hợp lý tránh tất cả mất mát, thương tổn hay thiệt hại về người và tài sản mà Bên Thuê có thể và sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh trong hoặc liên quan đến việc chiếm hữu và sử dụng Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy, bao gồm việc tham gia và duy trì chế độ bảo hiểm hợp lý cho Khu Nhà Máy và cho các rủi ro và các khoản chi phí mà Bên Cho Thuê có thể yêu cầu một cách hợp lý. Bên Thuê sẽ trình bản sao của các hợp đồng bảo hiểm, các chứng từ thanh toán và bằng chứng về các dự phòng hợp lý khi Bên Cho Thuê có yêu cầu tham khảo một cách hợp lý, tùy từng thời điểm.
3. **Xâm phạm ranh giới:** Nếu vào bất kỳ thời điểm nào mà Bên Cho Thuê phát hiện Bên Thuê lấn ra ngoài ranh giới của Khu Đất; thì Bên Thuê, ngay khi được Bên Cho Thuê thông báo và bằng chỉ phí của mình, ngay lập tức hoặc trong thời hạn do Bên Thuê quy định (nếu có), phải sửa chữa và tháo dỡ phần xâm lấn nhằm đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê.
4. **Làm mất hiệu lực các Chế độ/Hợp đồng bảo hiểm:** Không được hoặc không cho phép làm bất kỳ điều gì trên Khu Đất hoặc trong Khu Nhà Máy mà theo đó có thể làm cho bất kỳ Chế độ/Hợp đồng bảo hiểm nào thực hiện liên quan đến Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy hay Khu Công Nghiệp hoặc bất kỳ phần nào của nó bị vô hiệu hoặc từ đó có thể làm tăng mức phí bảo hiểm đối với Bên Cho Thuê. Theo yêu cầu, Bên Thuê phải trả lại cho Bên Cho Thuê toàn bộ số tiền mà Bên Cho Thuê đã chịu do tăng mức phí bảo hiểm và tất cả các khoản để làm lại hợp đồng bảo hiểm do những vi phạm nêu trên.
5. **Vận chuyển và lắp đặt Máy móc:** Không được vận chuyển hay lắp đặt vào Khu Đất hay Khu Nhà Máy bất kỳ máy móc, thiết bị, hàng hoá, đồ vật gì vượt quá trọng lượng mà Bên Cho Thuê đã chỉ định, hoặc (nếu không có chỉ định) sẽ, hay có thể làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng và điều kiện của Khu Đất hay phần đất đai hoặc tài sản liền kề/kế cận và, nếu Bên Cho Thuê có yêu cầu, phải phân bổ việc vận chuyển và phân chia tải trọng lắp đặt từng phần vào Khu Đất hay Khu Nhà Máy theo yêu cầu của Bên Cho Thuê và các kỹ sư xây dựng của Bên Cho Thuê.
6. **Cho phép Bên Cho Thuê đi vào:** Cho phép Bên Cho Thuê, khảo sát viên, đại diện của Bên Cho Thuê và những người khác được Bên Cho Thuê ủy quyền, cùng hoặc không cùng với công nhân, vào mọi thời điểm hợp lý, đi vào hoặc vào bên trong Khu Đất và Khu Nhà Máy:
 - (a) để kiểm tra và đánh giá tình trạng và điều kiện của Khu Đất hay Khu Nhà Máy, thiết bị nội thất và các công trình lắp đặt cố định và bất kỳ nhu cầu sửa chữa hay có vi phạm các cam kết nào không. Bên Cho Thuê có thể gửi thông báo bằng văn bản tới Khu Đất thông báo cho Bên Thuê về những sửa chữa cần thiết và tất cả các vi phạm cam kết được phát hiện và yêu cầu Bên Thuê sửa chữa hay khắc phục vi phạm trong khoảng thời gian thích hợp được nêu rõ trong thông báo. Nếu Bên Thuê không tiến hành sửa chữa hay khắc phục vi phạm, Bên Cho Thuê có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đi vào hay vào trong Khu Đất hay Khu Nhà Máy để thực hiện các công việc này và tất cả chi phí và phí tổn mà Bên Cho Thuê đã chi trả sẽ được Bên Thuê lập tức thanh toán lại theo yêu cầu của Bên Cho Thuê;

- (b) tiến hành mọi công việc bảo dưỡng, cải tạo, dọn dẹp, thay thế hoặc bổ sung, sửa chữa hay các công việc khác đối với bất kỳ phần nào của Khu Đất hay phần đất hoặc tài sản kề cận hay liền kề mà Bên Cho Thuê xét thấy là cần thiết hay phải thực hiện;
- (c) tiến hành lắp đặt và các công việc khác và kiểm tra đối với các thiết bị, tiện ích trên hoặc liên quan đến Khu Đất, và đặc biệt là thực hiện các công việc trên đường ống nước hay các đường tiện ích khác hoặc các đường dẫn chính băng qua, dọc theo hay bên ngoài ranh giới của Khu Đất mà Bên Cho Thuê xét thấy là cần thiết hay phải thực hiện;
- (d) giới thiệu Khu đất hoặc Khu Nhà Máy với những người có nhu cầu mua hay thuê hoặc bất kỳ bên nào được Bên Cho Thuê ủy quyền và trong suốt thời gian sáu (06) tháng trước khi hết Thời Hạn Thuê hoặc chấm dứt trước Thời Hạn Thuê, Bên Cho Thuê có quyền đăng bảng "Cho Thuê/ Để Bán" trên Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy; và
- (e) cho mục đích nêu tại khoản 5 nói trên.

Nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng Thuê sẽ không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ công việc nào được nêu tại điều này.

7. Tuân thủ Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP: Thực hiện và tuân thủ các quy định của Hướng Dẫn Quy Hoạch và Phát Triển VSIP- HP và Quy Chế Hoạt Động của VSIP- HP.
8. Tuân thủ Pháp Luật:
 - (a) thực hiện và tuân thủ các quy định của tất cả Luật, quy chế, quy định, thông tư hoặc quyết định, hoặc bất kỳ chỉ thị hay hướng dẫn hoặc yêu cầu có liên quan của bất kỳ cơ quan Chính phủ, cấp Tỉnh hay cấp có thẩm quyền nào. Nếu Bên Thuê không tuân thủ hoặc không thực hiện cam kết này, Bên Cho Thuê bằng quyết định riêng của mình có quyền thực hiện việc này, và tất cả chi phí và phí tổn phát sinh liên quan mà Bên Cho Thuê đã chi trả phải được Bên Thuê thanh toán ngay lập tức theo yêu cầu của Bên Cho Thuê với Điều Kiện Luôn Luôn là Bên Cho Thuê không phải chịu trách nhiệm với Bên Thuê về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, hay sự bất tiện nào gây ra do việc thực hiện này; và
 - (b) tuân thủ tất cả nghĩa vụ liên quan đến Khu Đất mà Bên Cho Thuê có thể có trách nhiệm thực hiện hay tuân thủ trong suốt Thời Hạn Thuê theo bất kỳ chỉ thị hay yêu cầu nào của bất kỳ cơ quan Chính phủ, cấp Tỉnh hay cấp có thẩm quyền nào.
9. Thông báo cho Bên Cho Thuê
 - (a) Bên Thuê phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê về bất kỳ thiệt hại hay hủy hoại đối với hoặc tại Khu Đất hay Khu Nhà Máy hoặc thiết bị cố định hay các thiết bị lắp đặt trong đó ngay khi Bên Thuê biết hoặc phải biết về các sự cố đó;
 - (b) Ngay khi nhận được bất kỳ thông báo, yêu cầu, chỉ thị hay các văn bản khác từ cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc ảnh hưởng đến Khu Đất hoặc Khu Nhà Máy, Bên Thuê phải ngay lập tức gửi đến Bên Cho Thuê bản sao các thông báo, lệnh, chỉ thị hay văn bản đó.
10. Quyền xây cất: Không phụ thuộc vào bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng Thuê này, Bên Cho Thuê có quyền xây cất các công trình như sau:

TRANG KÝ KẾT

VỚI SỰ LÀM CHỨNG DƯỚI ĐÂY, Hợp Đồng Thuê này được ký kết bởi hoặc thay mặt của các Bên tham gia vào Hợp Đồng Thuê này.

Bên Cho Thuê



Người làm chứng

[Signature]
Phạm Văn Hải

Tên: Chong Chee Chow
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên Thuê

CÔNG TY TNHH HECOM (VIETNAM)



Người làm chứng

[Signature]

Tên : John Leung
Chức vụ: Giám đốc

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH *CHOW YUEN MEE*

29-06-2019



PHÓ CHỦ TỊCH
Bùi Thị Thanh Hải



1218 Street
New York, N.Y. 10001
Tel. 212-850-1218



1218 Street



Hải Phòng, ngày 23 tháng 06 năm 2018

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT

LÔ ĐẤT SỐ IN3-2*B5 VÀ IN3-2*B6

Căn cứ theo Hợp đồng số 005/2018/LA/MCSD-VSIPHP ký ngày 19 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) về việc thuê Lô đất số IN3-2*B5 và IN3-2*B6 thuộc Dự án Khu Đô thị Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng.

Căn cứ vào mặt bằng thực địa Lô đất số IN3-2*B5 và IN3-2*B6.

1. Thành phần tham gia:

a) Công ty TNHH VSIP Hải Phòng

Người đại diện: Ông Charles Chong

Chức vụ: Tổng Giám đốc

b) Công ty TNHH HECOM (Việt Nam)

Người đại diện: Ông John Leung

Chức vụ: Giám Đốc

2. Thời gian tiến hành bàn giao:

Bắt đầu : 09h00 ngày 23 tháng 06 năm 2018

Kết thúc: 09h30 ngày 23 tháng 06 năm 2018

Địa điểm: Lô đất số IN3-2*B5 và số IN3-2*B6 thuộc Khu Đô thị, Công nghiệp & Dịch vụ VSIP Hải Phòng.

3. Nội dung:

a) Bàn giao mốc tọa độ:

Số hiệu	Bắc - X (m)	Đông - Y (m)
1	2.312.931,395	601.240,830
2	2.312.931,395	601.406,278
3	2.312.945,894	601.420,776
4	2.313.106,294	601.420,776
5	2.313.130,395	601.396,675
6	2.313.130,395	601.317,813
7	2.313.030,895	601.317,813
8	2.313.030,895	601.240,830



b) Tài liệu bàn giao:

- Biên bản bàn giao đất
- Bản đồ Địa chính
- Hồ sơ Kỹ thuật Lô đất
- Bản vẽ mặt bằng lô đất và bản vẽ đấu nối hệ thống tiện ích (điện, nước, nước thải...)
- Chỉ dẫn quy hoạch và Xây dựng tại VSIP Hải Phòng (Bản 1.4, 14/04/2017)
- Nguyên tắc hoạt động tại VSIP Hải Phòng (Bản 1.2, 31/03/2014)
- Hướng dẫn đăng ký sử dụng Điện tại VSIP Hải Phòng (Bản 1.3, 31/03/2014)
- Báo cáo Khoan khảo sát địa chất
- Báo cáo kiểm tra kết quả đầm nén
- Báo cáo cao độ

c) Thực địa bàn giao:

- Bàn giao mặt bằng Lô đất đã được san lấp, lu đầm đạt độ cao 4.2 m (Cao độ Hải đồ)
- Bàn giao 08 mốc bê tông giới hạn ranh giới Lô đất;

d) Ý kiến khác:

.....
.....
.....



4. Kết luận:

- Hai Bên thống nhất bàn giao mặt bằng Lô đất số IN3-2*B5 và IN3-2*B6.
- Khách hàng được phép triển khai thi công trong phạm vi ranh giới Lô đất số IN3-2*B5 và IN3-2*B6 khi được các cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp các giấy phép liên quan và tuân thủ Hợp đồng thuê đất được ký bởi hai Bên.
- Biên bản bàn giao đất được lập thành 6 bản. Công ty TNHH VSIP Hải Phòng giữ 5 bản, Công ty TNHH HECOM (Việt Nam) giữ 1 bản.

BÊN GIAO ĐẤT
CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG


CHONG CHEE CHOW
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÊN NHẬN ĐẤT
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)


GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

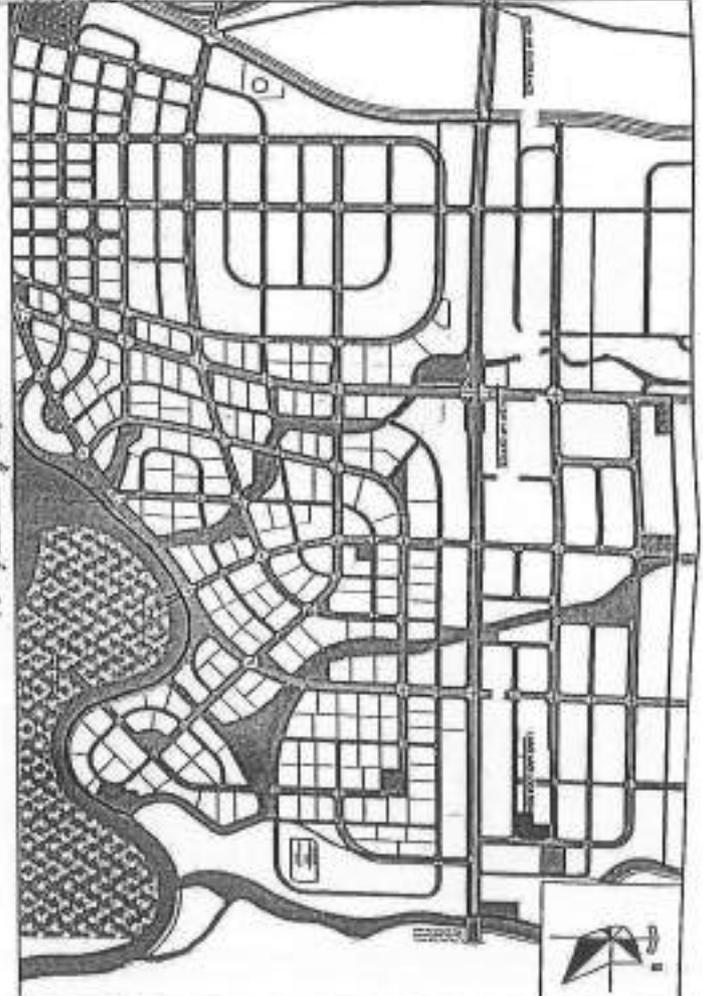
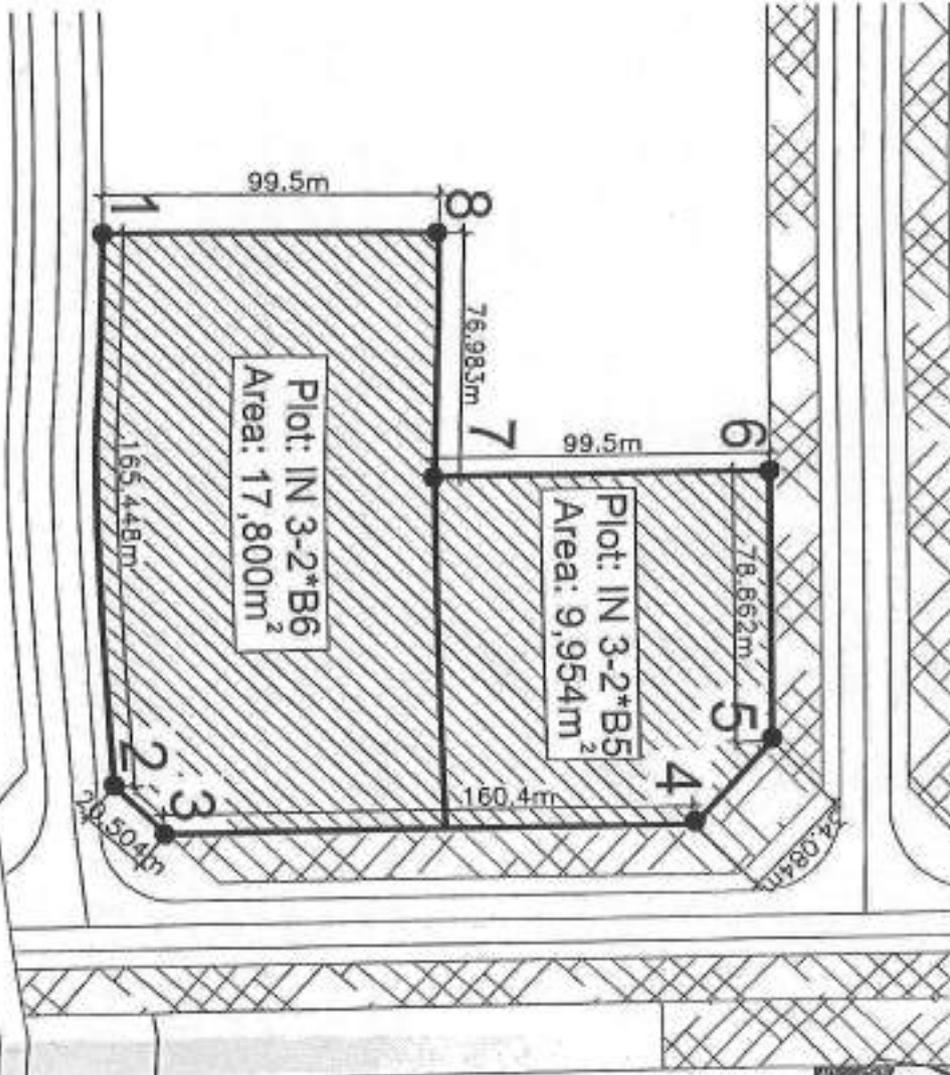


BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

LAND ADMINISTRATION MAP

Được lập theo yêu cầu của chủ sử dụng đất
 Công ty TNHH Heocom (Việt Nam).
 Following the requirement of the tenant
 Heocom (Vietnam) Co., Ltd.
 Theo phương pháp trích lục đo vẽ bổ sung tỷ lệ 1/2000
 Parcelation of land plot surveying & drawing of addendum scale 1/2000

TẠI KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP & DỊCH VỤ VSIP HẢI PHÒNG,
 HUYỆN THỦY NGUYÊN, THUỘC KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ - CÁT HẢI, HẢI PHÒNG
 VSIP HAI PHONG TOWNSHIP, INDUSTRIAL & SERVICE PARK,
 THỦY NGUYEN DISTRICT, DINH VU - CAT HAI ECONOMIC ZONE, HAI PHONG



SỐ ĐỒ VỊ TRÍ: 1/.....
 PLOT MAP: 1/.....

Số TT Map Number	Số thửa, lô Lot number	Diện tích (m ²) Area (sq.m)	Loại đất Type of land	Chỉ chú Legend
	Land Plot IN 3-2*B5	9.954		
	Land Plot IN 3-2*B6	17.800		
Tổng cộng / Total		27.754		

Bảng kê tọa độ:
 Coordinate Table

Số hiệu Parcel number	Bề - X (m) North lev.	Đang - Y (m) East lev.	Loại đất Kreeding class S (m)
1	2.202.001.96	601.500.839	Yêu cầu
2	2.212.003.88	601.406.279	Yêu cầu
3	2.212.048.84	601.406.279	Yêu cầu
4	2.212.166.29	601.403.178	Yêu cầu
5	2.212.198.29	601.296.435	Yêu cầu
6	2.212.192.29	601.217.813	Yêu cầu
7	2.212.079.86	601.217.813	Yêu cầu
8	2.212.039.86	601.246.833	Yêu cầu
9	2.212.021.29	601.246.833	Yêu cầu

Ngày 1/7/2017
 Người soạn vẽ: Nguyễn Văn Tuấn
 Sưu tập

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHẾ BẢN
 NGƯỜI CHẾ BẢN: NGUYỄN VĂN TUẤN
 SỐ QUÂN QUẢN LÝ: 00111552

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
 CÔNG TY TNHH HEOCOM (VIỆT NAM)
 NGƯỜI CHỮ: NGUYỄN VĂN TUẤN

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
 CÔNG TY TNHH HEOCOM (VIỆT NAM)
 NGƯỜI CHỮ: NGUYỄN VĂN TUẤN

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
 CÔNG TY TNHH HEOCOM (VIỆT NAM)
 NGƯỜI CHỮ: NGUYỄN VĂN TUẤN

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
 CÔNG TY TNHH HEOCOM (VIỆT NAM)
 NGƯỜI CHỮ: NGUYỄN VĂN TUẤN

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
 CÔNG TY TNHH HEOCOM (VIỆT NAM)
 NGƯỜI CHỮ: NGUYỄN VĂN TUẤN

HỒ SƠ KỸ THUẬT LỘ ĐẤT

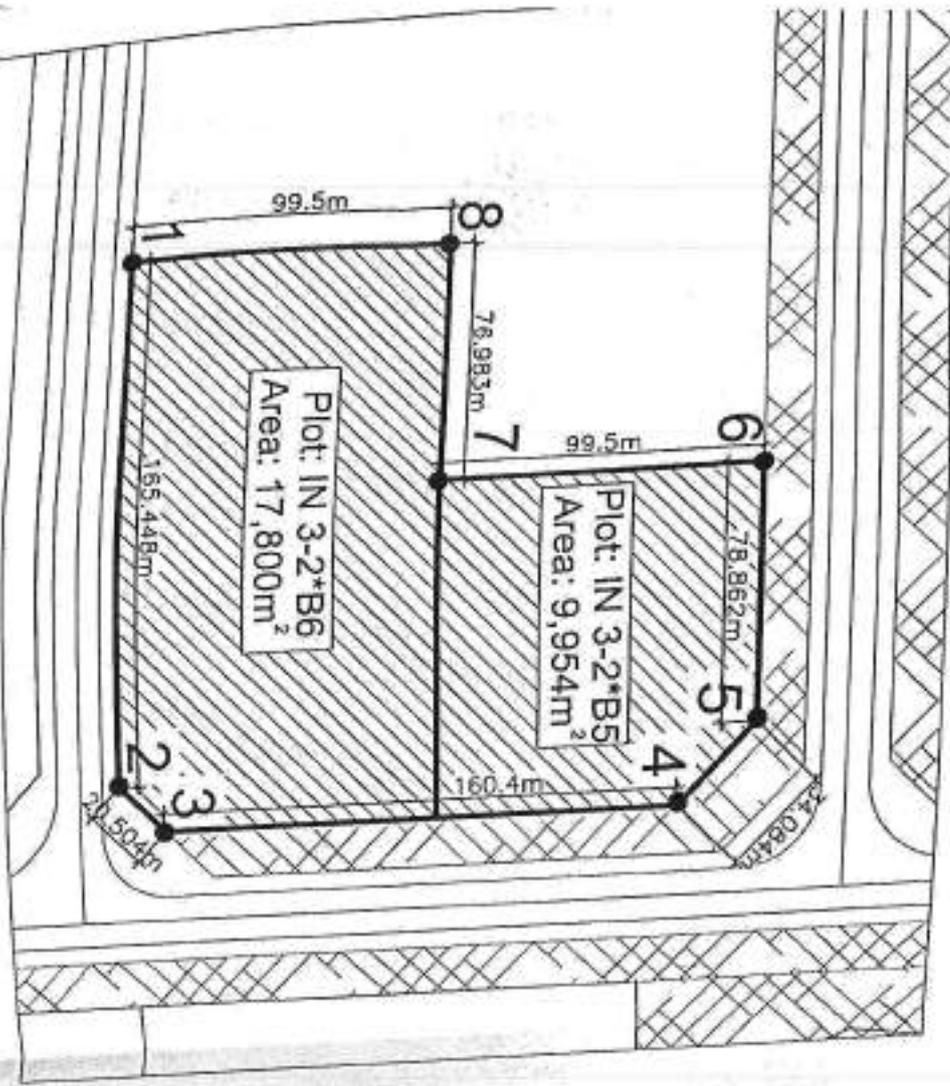
TECHNICAL DOCUMENT OF LAND PLOT



Số hiệu thửa đất : Lô đất IN3-2-B5 và IN3-2-B6
 Lot number : Land plot IN3-2-B5 and IN3-2-B6
 1. Địa chỉ: Khu Đô thị công nghiệp & Dịch vụ VSIP
 Hải Phòng huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Hải Phòng.
 Vasp Hải Phòng Township, Industrial & Service Park,
 Thủy Nguyên District, Đình Vũ - Cát Hải Economic Zone, Hải Phòng

Tờ bản đồ địa chính số :
 Number of land map :
 Phường(Xã) :
 Ward (Commune) :
 4. Tên chủ sử dụng : Công ty TNHH Hecom(Việt Nam)
 Name of land owner : Hecom (Vietnam) Co., Ltd.

Số hiệu mảnh bản đồ gốc :
 Piece number of original map :
 Quận (Huyện, Thị xã) : Thủy Nguyên
 District (Town) : Thủy Nguyên



8. Bảng kê tọa độ :
 Coordinate Table

Số hiệu Number	Bắc - X (m) North (m)	Đông - Y (m) East (m)	Khoảng cách S (m)
1	2.312.931.395	601.240.830	165.446
2	2.312.931.395	601.406.278	20.504
3	2.312.945.894	601.420.776	160.4
4	2.313.108.294	601.420.776	34.094
5	2.313.130.395	601.396.675	78.862
6	2.313.130.395	601.317.813	99.5
7	2.313.030.895	601.317.813	76.983
8	2.313.030.895	601.240.830	99.5
1	2.312.931.395	601.240.830	

7. Người kiểm tra
 Checked by

Nguyễn Văn Nào

Ngày tháng năm 2017
 8. Người thực hiện
 Prepared by

Nguyễn Văn Nào



VSIP HAI PHONG CO., LTD

Address: VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park,
An La Commune, Thuy Nguyen District, Hai Phong City

Tel: 84-225-3959868 Fax: 84-225-3959886

28 February 2019

Ref No. VSIP/AMD/LE/19-067

Mr. JOHN LEUNG – General Director

HECOM (VIETNAM) CO., LTD.

No.131-133, Road No. 6, VSIP Hai Phong Township, Industrial
and Service Park, Lap Le Commune, Thuy Nguyen District, Hai
Phong City, Viet Nam.



Dear Mr. JOHN LEUNG,

RE: HECOM (VIETNAM) CO., LTD.
APPROVAL OF WATER SUPPLY APPLICATION

1. Reference to your water supply application form dated 20 February 2019, we would like to inform that the water supply application of **1200m³/month** has been approved.
2. Please note that the water has been supplied on **20 March 2019** as per your requirement.
3. Water supply shall be subject to the following:
 - a. Compliance with the Tenancy Agreement, Guideline and Operating Rules of VSIP Hai Phong.
 - b. The water supply system within your premise shall be designed and endorsed by the licensed design company and approved by VSIP Hai Phong.

Please do not hesitate to contact us for any assistance. Your cooperation is highly appreciated.

Yours faithfully,


Do Van Tan
Senior Manager
Asset Management Department

Cc. Mr. Charles Chong – General Director
Mr. Kenny Lieu/ Mr. Bui Manh Tung – Deputy General Director
Customer Service Department
Finance Department



VSIP HAI PHONG CO., LTD

Address: VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park,
An Lu Commune, Thuy Nguyen District, Hai Phong City

Tel: 84-225-3959868 Fax: 84-225-3959886

28 February 2019

Ref No. VSIP/AMD/LE/19-068

Mr. JOHN LEUNG – General Director

HECOM (VIETNAM) CO., LTD.

No.131-133, Road No. 6, VSIP Hai Phong Township, Industrial
and Service Park, Lap Le Commune, Thuy Nguyen District, Hai
Phong City, Viet Nam.

Dear Mr. JOHN LEUNG,

RE: HECOM (VIETNAM) CO., LTD.
APPROVAL OF SEWAGE SYSTEM CONNECTION APPLICATION

1. Reference to your sewage system connection application dated 20 February 2019, we would like to inform that your application to discharge sewage of **960m³/month** (based on 80% water supply application as per VSIP HP guideline) has been approved.
2. The sewage connection effective date is **20 March 2019** as per your requirement.
3. Sewage discharge shall be subject to the following:
 - a. Compliance with the Tenancy Agreement, Guideline and Operating Rules of VSIP Hai Phong.
 - b. Upon receipt of the approval of Environmental Impact Assessment (EIA) environmental report (if any).

The sewage system within your premise shall be designed and endorsed by the licensed design company.

Please do not hesitate to contact us for any assistance. Your cooperation is highly appreciated.

Yours faithfully,



Do Van Tan
Senior Manager
Asset Management Department

Cc. Mr. Charles Chong – General Director
Mr. Kenny Lieu/ Mr. Bui Manh Tung – Deputy General Director
Customer Service Department
Finance Department



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 131-133 đường số 6, Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Mã số QLCTNH: 31.001286.T

Số: 17 /2021/SĐK-STNMT
Cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2021

Số: **17** /2021/SDK - STNMT

Hải Phòng, ngày **24** tháng **6** năm 2021

**SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.001286.T

Cấp lần đầu ngày **24** tháng **6** năm 2021

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM).

Trụ sở chính: Số 131-133 đường số 6, Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 02252299908

Ngành nghề chủ yếu: Sản xuất và gia công gói, ghế sofa, ga giường, đồ nội thất.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0201882464 đăng ký lần đầu ngày 15/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8751529626 chứng nhận lần đầu ngày 24/5/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 19/10/2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp.

Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hecom VSIP Hải Phòng tại Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên do Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) làm Chủ đầu tư.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại và danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm và đầy đủ các quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đặc biệt lưu ý các nội dung sau:

- Bố trí khu vực lưu giữ CTNH; lưu giữ CTNH trong các bao bì hoặc thiết bị

lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định tại Phụ lục 2 (A).

- Chỉ ký hợp đồng chuyển giao CTNH với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý CTNH hoặc Giấy phép quản lý CTNH phù hợp; khi có nhu cầu xuất khẩu CTNH để xử lý ở nước ngoài, chủ nguồn thải CTNH phải tuân thủ Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới các CTNH và việc tiêu hủy chúng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Sử dụng chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao CTNH theo quy định tại Phụ lục 3.

- Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Sau thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày chuyển giao CTNH, nếu không nhận được hai liên cuối cùng của chứng từ CTNH mà không có lý do hợp lý bằng văn bản từ phía tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH thì chủ nguồn thải CTNH báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Tổng cục Môi trường để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 57 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Sổ đăng ký chỉ cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi, bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- CCBVMTHP;
- Lưu: VT. *đc*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG

Phạm Văn Thuận

Phạm Văn Thuận

020
ÔNG T
TNHH
IECO
IỆT NA
PHỐ H

LA HỘI CƯ
SỞ
TÀI NG
VÀ
MÔI TR
NH PHỐ V

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 31.001286.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng
cấp lần đầu ngày / /2021)

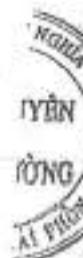
1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

Tên cơ sở: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Địa chỉ cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6,
Khu đô thị, công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành
phố Hải Phòng.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTN
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	350	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06
3	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	30	08 02 01
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	50	17 02 04
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	1.250	18 01 02
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	960	18 01 03
8	Hoá chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	350	19 05 04
9	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	280	08 01 01
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	550	12 01 04
11	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán	Rắn	960	09 01 01



vụn thải có các thành phần nguy hại			
Tổng số lượng		4.840	

3. Danh sách CTNH đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không có



Số: 5502/QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Hecom VSIP Hải Phòng” (Dự án mở rộng, nâng công suất) tại Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, Công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) làm chủ đầu tư

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Hecom VSIP Hải Phòng” (Dự án mở rộng, nâng công suất) tại Thông báo kết quả thẩm định ngày 03/12/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Hecom VSIP Hải Phòng” (Dự án mở rộng, nâng công suất) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 127/CV-Hecom ngày 07/12/2021 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam);



Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án Hecom VSIP Hải Phòng” (Dự án mở rộng, nâng công suất) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, Công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát.

3. Lập hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra và xác nhận.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LDB;
- UBND: huyện Thủy Nguyên, xã Lập Lễ;
- Như Điều 4;
- Các Phòng: TNMT (02), QHXD, VP Đại diện;
- Công ty TNHH VSIP HP;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Bùi Ngọc Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG” – Dự án mở rộng, nâng công suất (Kèm theo Quyết định số 5302 /QĐ-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

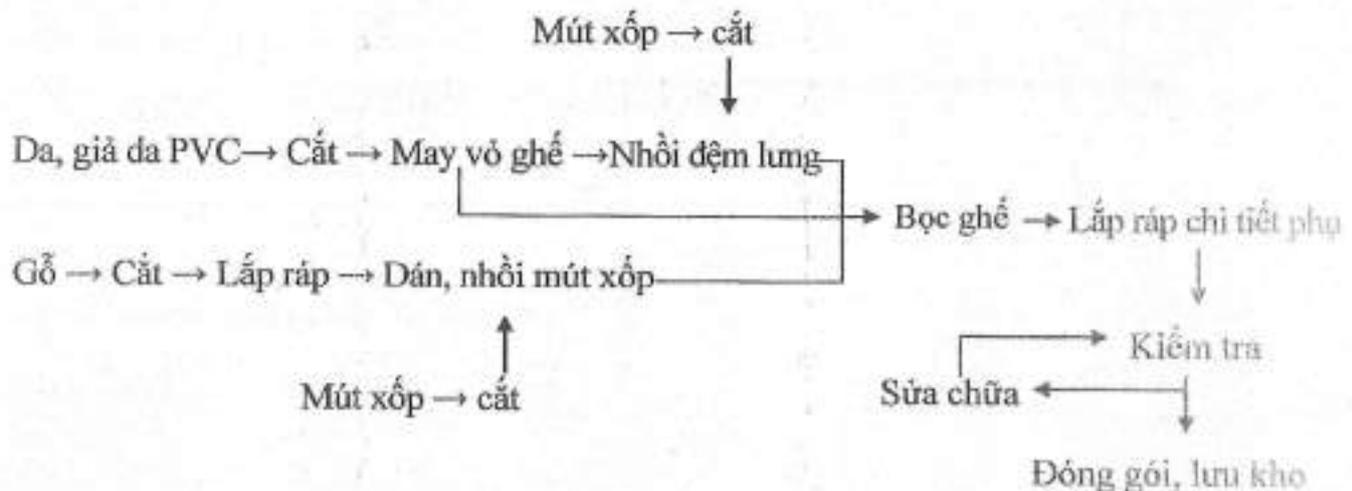
1. Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).
- Địa điểm: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc KKT Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Diện tích: 27.754 m².
- Quy mô, công suất:

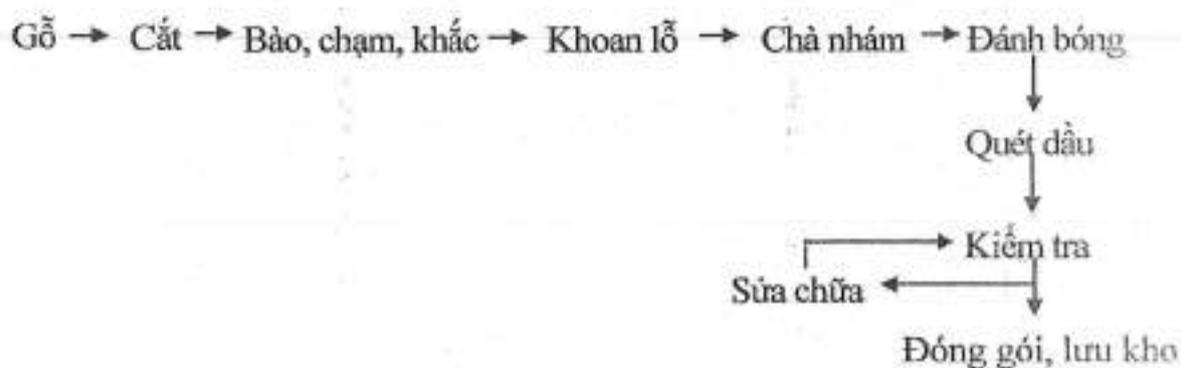
STT	Sản phẩm	Công suất	
		Chiếc/năm	Tấn/năm
1	Gối	500.000	550
2	Ghế sofa	50.000	1.110
3	Ga giường	113.750	182
4	Đồ nội thất	20.000	790
5	Đệm	300.000	1.750

- Công nghệ sản xuất của dự án: nhập khẩu từ Trung Quốc

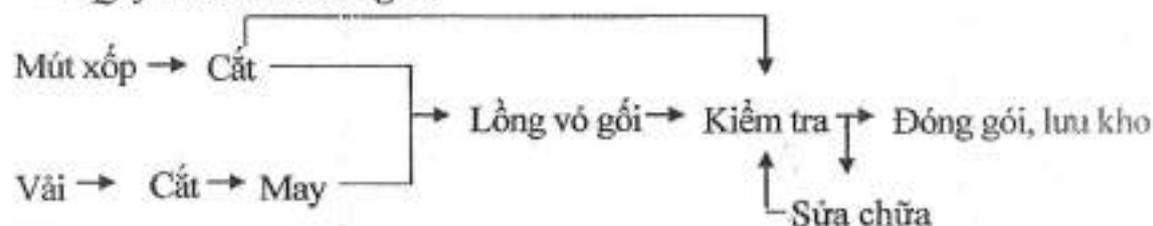
✦ Quy trình sản xuất ghế sofa:



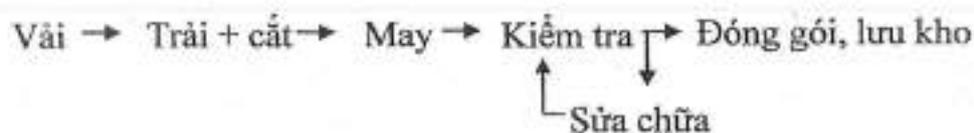
☛ Quy trình sản xuất đồ nội thất (giường, tủ):



☛ Quy trình sản xuất gối:

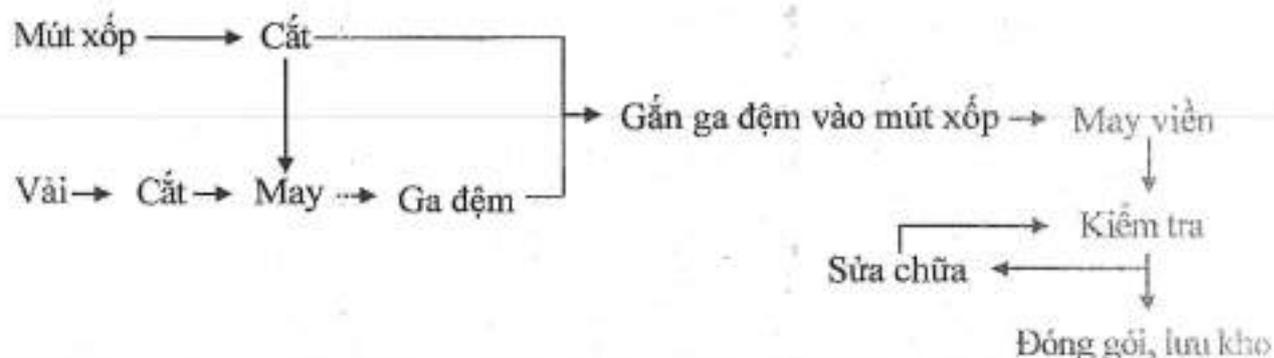


☛ Quy trình sản xuất ga giường:

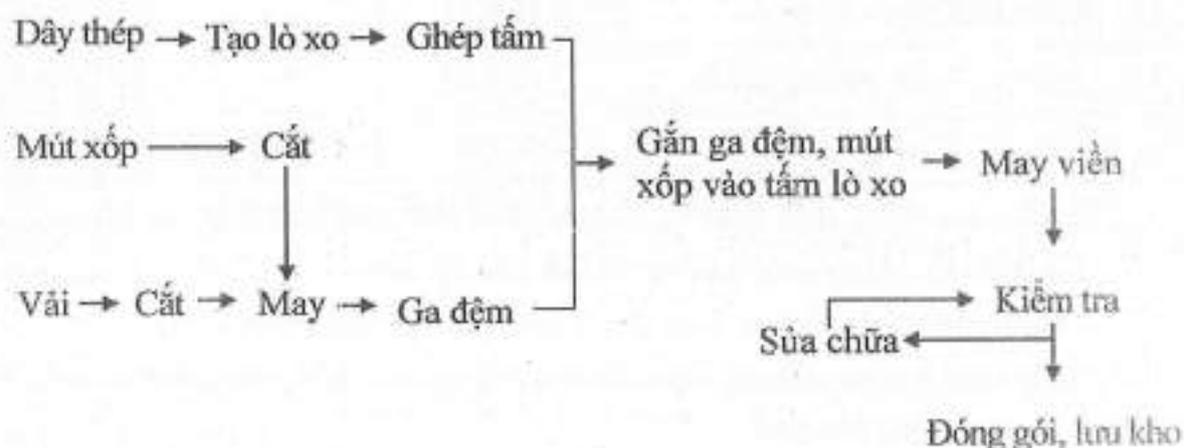


☛ Quy trình sản xuất đệm:

- Quy trình sản xuất đệm mút



• Quy trình sản xuất đệm lò xo



- Các hạng mục, công trình chính của dự án sau khi mở rộng, nâng công suất:

TT	Hạng mục công trình xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ
1	Nhà xưởng 4 (1 tầng)	3.882,68	3.882,68	13,99
2	Nhà bảo vệ	19,5	18	0,07
3	Cổng chính và hàng rào	160,48	-	0,58
4	Bãi đỗ xe ô tô	77	77	0,28
5	Nhà xe máy 1	177	177	0,64
6	Trạm biến áp	60	60	0,22
7	Bể nước và nhà bơm	31,1	31,1	0,11
8	Khu vệ sinh	31,1	31,1	0,11
9	Cột cờ	5,1	-	0,02
10	Nhà xưởng 4B (5 tầng)	2.420,31	11.830,14	8,72
11	Nhà xe máy 2	253	253	0,91
12	Bể nước 2	-	-	
13	Khu xử lý nước thải	18,3	37.654,40	0,07
14	Nhà xưởng 5			
14.1	Nhà xưởng 5 (5 tầng)	3.765,44	-	13,57
14.2	Mái che cửa chính	57,4	-	0,21

15	Mái che hai nhà xưởng	1.033,20	-	3,72
16	Kho chất thải nguy hại	36	36	0,13
12	Diện tích cây xanh	8.121,52	-	29,26
13	Diện tích sân đường nội bộ	7.604,87	-	27,40
Tổng I		27.754	72.887,62	100,00

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên
- Khí thải, bụi từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của dự án; khí thải từ hoạt động sản xuất.
- Chất thải sinh hoạt; chất thải từ hoạt động sản xuất.
- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động văn phòng; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: chất rắn lơ lửng, chất rắn hòa tan, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, Coliform...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: khí thải phát sinh từ khu vực và thành phần:

- Hoạt động giao thông của cán bộ nhân viên và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: bụi, CO, SO₂, NO_x;
- Công đoạn gia công gỗ: bụi;
- Công đoạn cắt vải, da, giả da, vải: bụi;
- Công đoạn cắt mút: bụi;
- Công đoạn may: bụi;
- Công đoạn quét dầu: hơi hữu cơ;
- Công đoạn dán, nhồi mút: hơi hữu cơ;
- Công đoạn tạo lò xo, tạo bán thành phẩm đệm: hơi hữu cơ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn sản xuất: Thành phần phát sinh chủ yếu gồm: đầu mẫu gỗ, mút xốp, bavia da, giả da, vụn vải, miếng xốp, giấy bìa carton, panet gỗ, panet nhựa, nilong thải, ...

+ Chất thải rắn sinh hoạt: gồm rác thải từ văn phòng (giấy hỏng, kim, kẹp,...), rác thải do sinh hoạt, rác thải từ hoạt động ăn uống của Cán bộ công nhân viên sử dụng hằng ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau, vải bảo vệ, găng tay thải nhiễm thành phần nguy hại, bao bì thải nhiễm thành phần nguy hại, mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải, than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải, pin thải/ ác quy thải ...

2.6. Quy mô, tính chất của tác động khác:

- Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất.
- Nhiệt dư từ quá trình sản xuất.
- Nước mưa chảy tràn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Hệ thống thoát nước mưa

- Số lượng: 01;
- Quy mô: gồm mạng lưới cống thu gom là hệ thống hệ thống cống thoát nước chạy xung quanh các công trình trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp;

- Công nghệ: xử lý bằng phương pháp cơ học;

- Quy trình: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó đầu nối với hệ thống thoát mặt của Khu công nghiệp.

b. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

- Số lượng và quy mô: 4 bể tự hoại; 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Dung tích:

+ Bể tự hoại: tổng thể tích $71,45m^3$;

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: $40m^3/ngày.đêm$.

- Công nghệ: xử lý bằng phương pháp cơ học kết hợp với sinh học;

- Quy trình:

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, sau đó cùng với nước rửa tay chân dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy.

+ Tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải qua bể điều hòa để ổn định lưu lượng, dòng chảy và nồng độ chất bẩn. Sau đó được dẫn vào bể thiếu khí và bể hiếu khí để xử lý. Hai bể này nhờ vào hệ thống vi sinh vật để biến đổi các chất ô nhiễm trong nước thải thành các dạng không độc. Tiếp đó, nước thải được dẫn về bể lắng để loại bỏ cặn lắng rồi khử trùng trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận: trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất:

a. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn phun keo và quét dầu

- Số lượng: 01 hệ thống;

- Công suất: 17.500 m³/h

- Công nghệ: xử lý bằng phương pháp hấp phụ;

- Nguồn gốc, xuất xứ công nghệ: Việt Nam;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 19:2009/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với một số chất vô cơ, hữu cơ).

- Quy trình: Quá trình phun keo và quét dầu phát sinh khí thải. Dưới tác dụng của quạt hút hỗn hợp khí thải dẫn về tháp than hoạt tính để xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường. Khí thải sạch sẽ theo đường ống dẫn thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

b. Hệ thống thu gom bụi từ quá trình gia công gỗ

- Số lượng: 01 hệ thống;

- Công suất: 75.000 m³/h;

- Công nghệ: xử lý bằng phương pháp cơ học;

- Nguồn gốc, xuất xứ công nghệ: Trung Quốc;

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 19:2009/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($C_{max} = C \times K_p \times K_v = C \times 1 \times 1$. Trong đó: C là nồng độ các chất quy định tại mục 2.2 của QCVN 19:2009/BTNMT; K_p: hệ số lưu lượng nguồn thải, K_p = 1; K_v: hệ số vùng, K_v = 1).

- Quy trình: bụi phát sinh từ quá trình gia công gỗ sẽ được hút vào hệ thống nhờ lực hút chân không, qua đường ống dẫn vào hệ thống lọc bụi túi vải. Tại đây, dòng không khí lẫn bụi đi qua các túi vải lọc bụi, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt ngoài của túi vải theo nguyên lý rây, các hạt bụi nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện. Dần dần, lớp bụi thu được dày lên tạo thành màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Sau khoảng một thời gian, lớp bụi này dày lên làm cản trở quá trình lọc bụi và ảnh hưởng đến hiệu suất lọc của thiết bị. Để giảm thiểu tình trạng trên, tại buồng thu bụi của hệ thống lọc bụi lắp đặt các túi vải lọc bụi hình trụ có trợ lực khí nén để rũ bụi gỗ rơi xuống buồng chứa bụi có sức chứa tối đa ~ 1 tấn bụi. Khi bụi đầy, hệ thống sẽ tự động báo bằng đèn và rú còi để công nhân kỹ thuật tiến hành lấy bụi ra khỏi buồng chứa. Bụi gỗ được thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn sản xuất phát sinh tại cơ sở. Khí sạch theo đường ống dẫn thải ra ngoài môi trường qua ống khói.

c. Giảm thiểu bụi, khí thải từ các khu vực khác:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Thường xuyên vệ sinh thiết bị.

- Lắp đặt quạt treo tường, quạt trần, ... đảm bảo thông thoáng nhà xưởng. Quạt được đặt gần vị trí công nhân vận hành máy móc. Đảm bảo tiêu chuẩn cho môi trường lao động QĐ 3733-2002/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

3.2.3. Giảm thiểu tác động của bụi và khí thải do hoạt động giao thông của cán bộ nhân viên và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu:

- Bố trí các loại xe ra vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của phòng bảo vệ.

- Tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

- Thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ cán bộ nhân viên trong Công ty để họ ý thức được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Công ty vừa có tác dụng tạo bóng mát vừa giảm thiểu bụi, khí thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Số lượng: 01 khu vực lưu chứa;

- Quy mô: diện tích $S=30m^2$, gồm 02 container (40feet/container);

- Quy trình: chất thải rắn công nghiệp được phân loại, thu gom vào các thùng hoặc bao chứa riêng biệt sau đó tập kết về kho chứa hoặc khu vực chứa, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Số lượng: 01 khu vực lưu chứa;

- Quy mô: diện tích $S=36m^2$, Tường bao xung quanh gạch xây vữa xi măng; Nền bê tông xi măng, chống thấm, có rãnh và hố thu gom, có các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại;

- Quy trình: chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và chứa vào các thùng riêng biệt có nắp đậy, có dán biển cảnh báo, ghi rõ tên và mã chất thải nguy hại. Sau đó, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý

chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải từ khu vực văn phòng, rác từ hoạt động vệ sinh cá nhân của lao động trong nhà máy được thu gom bằng hệ thống các thùng chứa rác chuyên dụng tại mỗi khu vực.

Công ty sẽ bố trí thùng rác có nắp đậy làm nơi tập trung rác thải sinh hoạt. Trước giờ thu gom 30 phút, Công ty sẽ bố trí công nhân vận chuyển rác sinh hoạt từ các khu vực phát sinh về nơi tập trung, thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và nhiệt dư

- Bố trí hợp lý các thiết bị sinh nhiệt để giảm thiểu nhiệt tỏa ra khu vực xung quanh;

- Lắp đặt hệ thống quạt trần, quạt công nghiệp tại các nhà xưởng sản xuất, cụ thể như sau:

STT	Khu vực	Loại quạt	Số lượng (chiếc)	Công suất/chiếc (m ³ /h)
1	Khu vực gia công gỗ (Xưởng 4)	Quạt trần	03	810.000
		Quạt cây	01	18.120
		Quạt treo tường	10	18.120
2	Khu vực gia công nút xốp (Xưởng 4B)	Quạt trần	10	10.800
		Quạt cây	03	18.120
3	Khu vực cắt da, vải (Xưởng 4B, xưởng 5)	Quạt trần	20	10.800
		Quạt treo tường	08	18.120
4	Khu vực may (Xưởng 4B, xưởng 5)	Quạt trần	20	10.800
		Quạt treo tường	06	18.120
5	Khu vực tạo lò xo và bán thành phẩm đệm (Xưởng 4B)	Quạt cây	04	18.120
		Quạt trần	7	10.800
6	Khu vực dán, nhồi nút xốp trong sản xuất ghế sofa	Quạt treo tường	16	18.120
		Quạt trần	01	810.000

(Xưởng 4 và xưởng 4B)	Quạt trần	11	10.800
Tổng		120	

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Cán bộ nhân viên làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn...

- Thực hiện trồng cây xanh xung quanh tường rào Công ty để tạo bóng mát và cảnh quan môi trường, giảm tác động của bụi, nhiệt độ và tiếng ồn.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tổ chức cho công nhân học tập về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trước khi vào sản xuất;

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo quy định.

- Trang bị đủ bảo hộ lao động, thiết bị và công cụ lao động phù hợp cho công nhân;

- Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành thiết bị;

- Đặt biển báo tại các khu vực nguy hiểm các xưởng sản xuất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ 04 bể tự hoại ngầm, 01 hệ thống xử lý nước thải;

+ 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải khu vực phun keo và quét dầu.

+ 01 hệ thống thu gom bụi khu vực gia công gỗ.

+ 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất.

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

TT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất quan trắc	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
1	Môi trường không khí khu vực làm việc (07 vị trí)			

1.1	Khu vực gia công gỗ	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn, rung	3 tháng/lần	QCVN 02:2019/BYT QCVN 03:2019/BYT QCVN 26:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QĐ 3733/2002/ QĐ-BYT
1.2	Khu vực gia công mút xốp	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn		
1.3	Khu vực cắt vải, da	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn		
1.4	Khu vực tạo lò xo và tạo bán thành phẩm đệm	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn, Etylen, Vinyl Acetat		
1.5	Khu vực dán mút xốp trong sản xuất ghế sofa	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn, Chloroprene		
1.6	Khu vực may	Vi khí hậu, bụi toàn phần, bụi hô hấp, ồn		
1.7	Khu vực quét dầu	Vi khí hậu, bụi toàn phần, ồn, HC (tính theo n-Hexan)		
II Khí thải (02 vị trí)				
2.1	Khí thải sau khi xử lý tại của hệ thống xử lý khí thải khu vực phun keo và quét dầu	Lưu lượng, bụi, HC, Chloroprene	3 tháng/lần	QCVN 19:2009/BTNMT QCVN 20:2009/BTNMT
2.2	Ống thoát khí của hệ thống thu hồi bụi khu vực gia công gỗ	Lưu lượng, bụi tổng		
III Môi trường nước (01 vị trí)				
3.1	Mẫu nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải 40m ³ /ng.đ	pH, BOD ₅ , COD, SS, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , dầu mỡ động thực vật, coliform.	3 tháng/lần	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của KCN VSIP Hải Phòng
IV Giám sát thu gom chất thải rắn				
	Khu vực lưu trữ chất thải rắn của Nhà máy	Số lượng, thành phần chất thải rắn	Hàng ngày	Nghị định 38/2015/NĐ-CP



V Giám sát thu gom CTNH			
Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại của Nhà máy	Số lượng, thành phần chất thải nguy hại	Hàng ngày	Nghị định 38/2015/NĐ-CP Thông tư 36/2015/TT-BTNMT

**Ghi chú: Đối với các thông số mà chưa có đơn vị quan trắc môi trường nào được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Vimecerts thì tạm thời Công ty chưa thực hiện, sau khi có đơn vị có năng lực quan trắc thì Công ty sẽ thực hiện giám sát theo quy định.*



Hải Phòng, ngày 17 tháng 2 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

- Cấp cho: Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).
 - Địa chỉ: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.
- Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án Hecom VSIP Hải Phòng giai đoạn 01.
 - Tổng số công trình: 11.
 - Theo thiết kế do Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng - Tư vấn thiết kế quốc tế Đông Á lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần CONINCO Công nghệ xây dựng và Môi trường.
 - Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
 - Gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thành phố Hải Phòng. Diện tích: 27.754 m².
 - Cốt nền xây dựng công trình: $\geq +5,0$ m (Cao độ Hải đồ).
 - Mật độ xây dựng: 25,57 %; Hệ số sử dụng đất: 0,61 lần.
 - Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.
 - Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 5 m so với chỉ giới đường đỏ.
 - Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.
 - Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm):
 - Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình; Số tầng: Theo phụ lục đính kèm.
- Giấy tờ về đất đai: Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cho phép Công ty TNHH VSIP Hải Phòng thuê đất và phê duyệt giá đất cụ thể (đợt 4, giai đoạn 1) tại xã Thủy Triều, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng; Hợp đồng thuê lại đất và cơ sở hạ tầng - VSIP Hải Phòng số 005/2018/LA/MCSD-VSIP HP ký ngày 19/6/2018 giữa Công ty TNHH VSIP Hải Phòng và Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).
- Ghi nhận các công trình đã khởi công:
- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, PTB Trần Vĩnh Hoàn;
- Lưu VP, QHXD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Vĩnh Hoàn

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 4328/GPXD-BQL ngày 27/12/2019)

1. Cấp cho: Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).

- Địa chỉ: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Nhà máy 4A (bao gồm Nhà xưởng, kho, Phòng đặt máy biến áp, Phòng WC và mái che)	4004,88	4004,88	01		14,53
2	Nhà máy 4B	2420,31	11830,14	05	6,00	22,70
3	Nhà bơm 01 + Bể nước 01	32,34	203,97	01		3,24
4	Nhà bơm 02 + Bể nước 02	24,12	229,22	01		3,24
5	Nhà bảo vệ	19,50	19,50	01		4,30
6	Nhà để xe máy 1	177,00	177,00	01		3,07
7	Nhà để xe máy 2	253,00	253,00	01		3,07
8	Khu xử lý nước thải		18,30			
9	Cột cờ	5,10	5,10			10,00
10	Công, biển hiệu	2,70	2,70			2,20
11	Tường rào 717,2 mđ	157,78	157,78			2,00

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).



Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2021



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 577 /GPXD

- Cấp cho: Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).
Địa chỉ: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Dự án Hecom Vsip Hải Phòng.
 - Tổng số công trình: 03.
 - Do Công ty Cổ phần Xây dựng - Tư vấn - Thiết kế quốc tế Đông Á lập.
Chủ nhiệm dự án: Nguyễn Doãn Hà.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Nhật Việt.
Chủ trì thẩm tra thiết kế: Nguyễn Duy Hưng.
 - Gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
 - Cốt nền xây dựng công trình: Theo quy hoạch được duyệt.
 - Mật độ xây dựng dự án: 43,20 %; Hệ số sử dụng đất: 1,33.
 - Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.
 - Màu sắc công trình (nếu có): Phù hợp với chức năng và loại công trình
 - Chiều sâu công trình (tính từ cốt 0,00 đối với công trình có tầng hầm):
 - Diện tích xây dựng tầng 1; Tổng diện tích sàn; Chiều cao công trình; Số tầng:
Chi tiết theo Phụ lục đi kèm.
- Ghi nhận các công trình đã khởi công: Các công trình thuộc giai đoạn 1.
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 504727 (số vào sổ cấp GCN: CT13032) ngày 26/3/2020 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Vsip Hải Phòng; Hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng số 005/2018/LA/MCSD-VSIP HP ngày 19/5/2018 giữa Công ty TNHH Vsip Hải Phòng và Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).
- Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PTB;
- Lưu VP, P.QH&XD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Chu Đức Anh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 577 /GPXD ngày 07 tháng 12 năm 2021)

1. Cấp cho: Công ty TNHH HECOM (Việt Nam).

Địa chỉ: Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)	Số tầng	CTT1	CCCT
					(m)	(m)
1	Nhà xưởng 5	3.822,84	18.884,60			
1.1	Xưởng	3.765,44	18.827,20	5	5,00	23,11
1.2	Mái che cửa chính	57,40	57,40			
2	Mái che hai nhà xưởng	1.033,20	1.033,2			
3	Kho chất thải nguy hại	36,0	36,0	1		3,75

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS),
Chiều cao công trình tầng 1 (CTT1), Chiều cao công trình (CCCT).



GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/2018 ghi ngày 10/01/2019 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Người đại diện là ông/bà: John Leung.

Chức danh: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH - CÔNG AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN

Công trình: Dự án Hecom Vsiip Hải Phòng

Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, KCN Vsiip, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Đơn vị thiết kế: - Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ.

- Công ty cổ phần quốc tế Bat Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ; Khoảng cách an toàn PCCC;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
5. Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
6. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;
7. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
8. Phương tiện chữa cháy xách tay;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn PCCC đối với công trình trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;

2. Công trình phải được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2019



Đại tá Hoàng Văn Bình

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bậc chịu lửa - Nhà xưởng 4 - Nhà xe	01-A.101 đến 01-A.106 05-A.101 đến 05-A.102	
2	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ	Hồ sơ thiết kế	
3	Giao thông phục vụ chữa cháy	00-A.103	
4	Khoảng cách an toàn PCCC	01-A.103	
5	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan	01-A.101	
6	Lối thoát nạn	01-A.401; 01-A.402	
7	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn	PCCC:08	
8	Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý)	E-01; E-03; E-08	
9	Hệ thống chống sét	E-03; E-04	
10	Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên)	01-A.401	
11	Hệ thống báo cháy tự động	PCCC:03; PCCC:04 PCCC:06; PCCC:07	
12	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước	PCCC:11 đến PCCC:13; PCCC:16	
13	Hệ thống cấp nước chữa cháy	PCCC:11; PCCC:13 PCCC:15; PCCC:17; 01-A.104	
14	Phương tiện chữa cháy xách tay	PCCC:08	



**BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ
PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**
Nghiệm thu công trình

Hội 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 10 năm 2019. Tại Công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng.

Địa chỉ: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, KCN Vsip, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng;
- Ông Nguyễn Xuân Anh; Cấp bậc: Thượng úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Đỗ Đức Thịnh; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Bà Hoàng Thị Nhân; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Dự án Hecom Vsip Hải Phòng.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).
- Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, KCN Vsip, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

- Ông John Leung; Chức vụ: Giám đốc.
- Bà Nguyễn Bùi Thanh Quý; Chức vụ: Phiên dịch.

2. Đại diện nhà thầu chính (thi công hạng mục xây dựng, điện, chống sét): Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ.

- Ông Nguyễn Minh Tuấn; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị thi công (thi công hạng mục PCCC): Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật Tâm An.

- Ông Trần Quang Khánh; Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Có; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Qua nghe báo cáo của Lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, thấy:

I. Kiểm tra nội dung của hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy;
+ Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ; Khoảng cách an toàn PCCC;



- Bên trong nhà xưởng, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý).

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp treo tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho trạm bơm chữa cháy.

- Tủ điện được nối đất an toàn. Dây điện được luồn trong ống bảo vệ.

6. Hệ thống chống sét.

- Tại công trình lắp đặt hệ thống chống sét với 01 kim thu sét tia tiên đạo trên mái nhà xưởng, bán kính bảo vệ 55m. Các thiết bị của hệ thống chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

7. Hệ thống báo cháy tự động.

- Tủ trung tâm báo cháy 10 kênh đặt tại nơi có người thường trực 24/24h.

- Lắp đặt các đầu báo cháy khói tia chiếu trên tường nhà xưởng.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 0,75 \text{mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m. Khoảng cách giữa các nút ấn, chuông đèn nhỏ hơn 50m.

8. Hệ thống cấp nước chữa cháy.

8.1. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho nhà xưởng.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước là đường ống thép có đường kính D100.

- Các đầu phun Sprinkler là đầu quay xuống, vị trí lắp đặt các đầu phun đảm bảo theo quy định.

- Đã niêm yết quy trình vận hành hệ thống cấp nước chữa cháy.

8.2. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường và ngoài nhà.

- Công trình lắp đặt các họng nước chữa cháy vách tường (họng đơn D50), 01 trụ kép 2 cửa D65 và 01 trụ tiếp nước chữa cháy.

- Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào, nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vòi D50, 01 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

02
ÔNG
TINH
HEC
VIỆT
PHỐ

4.1. Máy bơm nước chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy trường hợp:
- + Hoạt động của máy bơm khi không tải: Bơm có hoạt động.
- + Hoạt động của máy bơm khi có tải (bơm và xả nước qua các họng nước chữa cháy vách tường).

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

4.2. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước:

- Thử nghiệm xác suất đầu phun nước Sprinkler: bằng cách thổi hơi nóng vào đầu phun, đầu phun Sprinkler vỡ và phun nước, bán kính phun nước của đầu Sprinkler khoảng 2m.

4.3. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường:

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy: Vòi chữa cháy không bị bục, liên kết giữa vòi chữa cháy và lăng phun nước chữa cháy bằng khớp nối nhanh đảm bảo theo quy định.

- Tầm phun xa đầu-lăng của tia nước đặc > 6m;

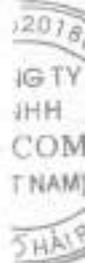
- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khi sử dụng > 5KG/cm².

5. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Thử phun 04 bình chữa cháy bất kỳ vào đám cháy có diện tích 1m² (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: Hạng C;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;
3. Bậc chịu lửa: Nhà xưởng 4 và nhà xe có bậc IV chịu lửa;
4. Khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy: Đạt yêu cầu;
5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đạt yêu cầu;
6. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;
7. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;
8. Hệ thống thông gió thoát khói: Thông gió tự nhiên;
9. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý): Đạt yêu cầu;
10. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;
11. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;
12. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước: Đạt yêu cầu;
13. Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;
14. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu.



- + Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- + Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- + Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
- + Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- + Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- + Phương tiện chữa cháy xách tay;

2. Công văn số LT-01 ghi ngày 24/7/2019 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) gửi Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hải Phòng về việc "Đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC".

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công của chủ đầu tư.

4. Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy:

- Số 800/KĐ-PCCC ngày 15/5/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Đà Nẵng cấp.

- Số 5838/KĐ-PCCC-P7 ngày 02/5/2019 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp.

5. Kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng số 1575/2019/DTH ngày 16/5/2019 do Công ty cổ phần giải pháp an toàn thành phố tiến hành đo.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm kiến trúc công trình.

- Công trình gồm các hạng mục: Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, diện tích 3.600m², có kết cấu cột thép, tường gạch cao 3m trên bưng tôn, xà gỗ, vì kèo thép, mái tôn được chia thành 2 khu vực xưởng sản xuất diện tích 2.400m² và kho diện tích 1.200m². Khu vực kho và khu vực xưởng được ngăn cách bằng tường gạch cao 2,5m, trên là vách ngăn chống cháy 120 phút cao đến mái.

- Nhà để xe máy xây 01 tầng, diện tích 177m², có kết cấu cột thép, không tường bao che, mái tôn.

Công trình bố trí cửa sổ, cửa đi để thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy.

- Công trình có đường giao thông chạy xung quanh, chiều rộng làn đường lớn hơn 3,5m, xe chữa cháy hoạt động được.

3. Lối thoát nạn.

- Nhà xưởng 4 có 07 cửa thoát trực tiếp ra ngoài trong đó 02 cửa đẩy ngang và 05 cửa bản lề mở theo chiều lối thoát nạn. Các cửa được bố trí phân tán.

4. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường kết nối chung với hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Tâm của họng vách tường cách sàn thao tác 1,25m.

- Phía ngoài nhà máy có trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp.

8.3. Trạm bơm chữa cháy gồm: 01 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện, 01 máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel có cùng công suất $P=150$ kW, lưu lượng $Q = 180-720$ m³/h, cột áp $H = 90 - 48$ mcn, 01 máy bơm điện bù áp có lưu lượng $Q=2,4 - 10,2$ m³/h ; cột áp $H=96,1-43$ mcn.

8.4. Nguồn nước phục vụ chữa cháy.

- Bể nước chữa cháy 500 m³, xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước.

9. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Công trình được trang bị 36 bình chữa cháy loại bình bột MFZL4 ABC, 18 bình khí MT3 CO₂ loại 3 kg.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy đèn tự sáng.

2. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý):

Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

3.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm báo cháy.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

3.2. Chế độ báo cháy:

- Đầu báo cháy beam: Tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt và dùng màn thử chuyên dụng để thử đầu báo cháy beam.

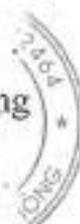
- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây, nhanh, đạt yêu cầu.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

4. Hệ thống cấp nước chữa cháy:



V. Kiến nghị:

1. Các cửa thoát nạn là cửa đẩy ngang phải luôn mở khi có người bên trong nhà.
2. Chủ đầu tư phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.
3. Chủ đầu tư phải lập hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, thành lập đội PCCC cơ sở.
4. Tổ chức tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

PHIÊN DỊCH


Nguyễn Bửu Thành



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tuấn



GIÁM ĐỐC
TRẦN QUANG KHÁNH



Số: 182/CV-HCVN

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 182/CV-HCVN ghi ngày 02/12/2019 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Người đại diện là ông/bà: John Leung.

Chức danh: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH - CÔNG AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN

Công trình: Dự án Hecom Vsip Hải Phòng - Giai đoạn 2

(Hạng mục hiện trạng: Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, 3.600m², hạng mục phụ trợ;

Hạng mục xây mới: Nhà xưởng 4B xây 05 tầng, 2.353,4m²; Nhà xe xây 01 tầng, 252m² và hạng mục phụ trợ)

Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Đơn vị thiết kế: - Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ;

- Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng phòng cháy Việt Đức.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (Hạng C); Khoảng cách an toàn PCCC;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
5. Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
6. Hệ thống cấp nước chữa cháy; Hệ thống báo cháy tự động;
7. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước; Phương tiện chữa cháy xách tay;

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Các cửa thoát nạn là cửa cuốn phải luôn mở khi có người bên trong nhà;
2. Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn PCCC đối với công trình trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
3. Công trình phải được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng. *JS*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07 (Đ2).

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Hoàng Văn Bình

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bậc chịu lửa: - Nhà xưởng 4B; Bậc II chịu lửa; - Nhà để xe máy: Bậc IV chịu lửa.	HC2-A.01 đến HC2-A.26; HC2-A-U27; HC2-A-U28	
2	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: Hạng C	Hồ sơ thiết kế	
3	Giao thông phục vụ chữa cháy	HC2-G.01 đến HC2-G.03; CN-01	
4	Khoảng cách an toàn PCCC	HC2-G.01 đến HC2-G.03	
5	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan	HC2-A.01 đến HC2-A.26	
6	Lối thoát nạn	HC2-A.01 đến HC2-A.26	
7	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn	Đ-01 đến Đ-05	
8	Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý)	SDTD-01; SDTD-02	
9	Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên)	HC2-A.09 đến HC-A-12	
10	Hệ thống chống sét	MBCS-01; MBCS-02	
11	Hệ thống cấp nước chữa cháy	CN-01 đến CN-09	
12	Hệ thống báo cháy tự động	BN-01 đến BN-07; TBBC	
13	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước	CN-01 đến CN-09	
14	Phương tiện chữa cháy xách tay	CN-01 đến CN-09	
15	Các tài liệu liên quan: - Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 22/TĐ-PCCC ngày 15/01/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cấp; - Công văn nghiệm thu số 269/NT-PC07 ngày 01/11/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cấp.		



BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Công trình Dự án Hecom Vsp Hải Phòng - Giai đoạn 2. Địa chỉ: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsp Hải Phòng, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng;
- Ông Nguyễn Tuấn Mạnh; Cấp bậc: Thượng úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Nguyễn Xuân Anh; Cấp bậc: Thượng úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Hoàng Sỹ Khải; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Vũ Trọng Cường; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với

- Công trình: Dự án Hecom Vsp Hải Phòng - Giai đoạn 2.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).
- Địa chỉ: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsp Hải Phòng, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện chủ đầu tư (đồng thời là tư vấn giám sát): Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

- Ông John Leung; Chức vụ: Giám đốc.
- Bà Nguyễn Bùi Thanh Quý; Chức vụ: Phiên dịch.
- Ông Trần Văn Tuấn; Chức vụ: Cán bộ giám sát.
- Ông Nguyễn Thanh Hải; Chức vụ: Cán bộ giám sát.

2. Đại diện nhà thầu chính: Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ.

- Ông Nguyễn Minh Tuấn; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục PCCC): Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Hà Duy.

- Ông Nguyễn Văn Phúc; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Cảnh; Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trường.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Qua nghe báo cáo của Lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, thấy:

I. Kiểm tra nội dung của hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Hồ sơ thiết kế Công trình "Dự án Hecom Vsip Hải Phòng - Giai đoạn 2" đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng thẩm duyệt và cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 457/TD-PCCC ngày 12/12/2019 với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (hạng C);
- Khoảng cách an toàn PCCC; Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
- Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
- Hệ thống cấp nước chữa cháy; Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Phương tiện chữa cháy xách tay;

2. Công văn số 12 HECOM/NT-PCCC ngày 12/01/2021 của Công ty TNHH Hecom Việt Nam gửi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc đề nghị nghiệm thu về PCCC.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công của chủ đầu tư.

4. Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

- Số 40/KĐ-PCCC ngày 03/01/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, chuông, đèn, nút ấn báo cháy, đầu phun Sprinkler, lăng, van chữa cháy, họng tiếp nước, cột lấy nước.

- Số 5677/KĐ-PCCC-P7 ngày 09/6/2020 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, chuông, đèn, nút ấn báo cháy, đầu phun Sprinkler, đầu phun Drencher.

- Số 5924/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/6/2020 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, chuông, đèn, nút ấn báo cháy.

- số 16a/KĐ-PCCC ngày 19/02/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an tỉnh Bắc Ninh cấp đối với bình chữa cháy.

- Số 3880/KĐ-PCCC-P7 ngày 02/4/2019 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với vòi chữa cháy.

- Số 6270/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/6/2020 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với họng chữa cháy, cột lấy nước, họng tiếp nước, lăng chữa cháy.

- Số 10068/KĐ-PCCC-P7 ngày 27/7/2020 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với đầu phun Sprinkler.

- Số 15299/KĐ-PCCC-P7 ngày 08/10/2020 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với cửa thép ngăn cháy giới hạn chịu lửa EI 90 phút.

5. Biên bản đo điện trở tiếp địa số DH/BBTN/1610-01/2020 ngày 14/9/2020 do Công ty TNHH tư vấn đầu tư XLD & Dịch vụ kỹ thuật DH tiến hành đo.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm kiến trúc công trình.

Tổng diện tích khu đất 10.000m², gồm các hạng mục:

- Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, 3.600m² đã được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC.

- Giai đoạn này, công ty xây mới Nhà xưởng 4B xây 05 tầng, 2.353,4m²; Nhà xe xây 01 tầng, 252m² và các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà bơm, khu xử lý nước thải).

- Nhà xưởng 4B có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường gạch, sàn, thang, mái bê tông.

- Nhà xe có kết cấu khung thép, mái tôn, không tường bao che.

- Trên tường bao xung quanh nhà xưởng có bố trí các cửa sổ mở được đảm bảo thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

- Công ty có tính chất hoạt động là sản xuất và gia công mùt, đệm và gối.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy.

- Công trình có đường giao thông chạy xung quanh, chiều rộng làn đường tối thiểu 3,5m, nền đường có kết cấu bê tông asphalt, xe chữa cháy có thể hoạt động được.

3. Khoảng cách an toàn PCCC.

- Khoảng cách từ Nhà xưởng 4B đến nhà xưởng 4 là 28m.

4. Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan.

- Trong nhà xưởng 4B, khu vực văn phòng ngăn cách với khu vực sản xuất bằng tường gạch, cửa trên tường là cửa chống cháy chịu lửa 90 phút (EI 90), có cơ cấu tự đóng.

5. Lối thoát nạn.

Nhà xưởng 4B

- Tầng 1 có 07 cửa thoát trực tiếp ra ngoài. Các cửa là loại cửa bản lề, mở ra ngoài và được bố trí phân tán.

- Tầng 2 có 03 cầu thang bộ thoát nạn. Tầng 3 đến tầng 5 có 02 cầu thang bộ thoát nạn Cầu thang thoát nạn là loại cầu thang có chiều nghi, chiều rộng chiều nghi, về thang thi công theo đúng thiết kế đảm bảo yêu cầu thoát nạn.

6. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Bên trong nhà xưởng 4B, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

7. Hệ thống điện.

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho trạm bơm chữa cháy.

- Tủ điện được nối đất an toàn.

- Dây điện được luồn trong ống bảo vệ và đi trên thang cáp.

8. Hệ thống chống sét.

- Tại công trình lắp đặt hệ thống chống sét với 01 kim thu sét tia tiên đạo trên mái nhà xưởng 4B bán kính bảo vệ 45m, kim thu sét cách mái 5m, bảo vệ toàn bộ nhà xưởng 4B và nhà xe xây mới. Các thiết bị của hệ thống chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

9. Hệ thống báo cháy tự động.

- Tủ trung tâm báo cháy 20 kênh, đặt tại phòng bảo vệ (nơi có người thường trực 24/24h).

- Nhà xưởng 4B lắp đặt đầu báo cháy khói. Các đầu báo cháy được lắp đặt dưới trần giả.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 0,75 \text{mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m.

10. Hệ thống cấp nước chữa cháy.

10.1. Trạm bơm chữa cháy.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước và hệ thống họng nước chữa cháy vách tường kết nối tới trạm bơm chữa cháy hiện có (đã được nghiệm thu về PCCC) gồm 01 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện có công suất $P=150 \text{ kW}$, lưu lượng $Q = 180-720 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 90 - 48 \text{ mcn}$; 01 máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel có công suất $P=150 \text{ kW}$, lưu lượng $Q = 180-720 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 90 - 48 \text{ mcn}$; 01 máy bơm điện bù áp có lưu lượng $Q=2,4 - 10,2 \text{ m}^3/\text{h}$; cột áp $H=96,1-43 \text{ mcn}$. Các máy bơm chữa cháy được bố trí tại phòng bơm riêng biệt.

- Nguồn cấp điện cho máy bơm là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực.

- Đã niêm yết quy trình vận hành hệ thống cấp nước chữa cháy.

10.2. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho nhà xưởng 4B.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước là đường ống thép có đường kính D100.

- Đầu phun chữa cháy là đầu quay lên, khoảng cách giữa các đầu phun, khoảng cách từ đầu phun tới mặt phẳng trần mái đảm bảo theo quy định.

10.3. Hệ thống họng nước chữa cháy.

- Công ty lắp đặt các họng nước chữa cháy vách tường (họng đơn D50); 01 trụ chữa cháy kép 2 cửa D65 và 01 trụ tiếp nước chữa cháy.

- Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào; nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vòi D50, 01 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường kết nối chung với hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Tâm của họng vách tường cách sàn thao tác 1,25m.

10.4. Nguồn nước phục vụ chữa cháy.

- Bể nước chữa cháy 500 m³, xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước được.

10.5 Hệ thống chữa cháy ngoài nhà.

- Phía ngoài nhà máy có trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp.

11. Phương tiện chữa cháy xách tay.

- Công trình được trang bị 120 bình chữa cháy loại bình bột ABC MFZL4, 60 bình khí CO₂ MT3 bố trí phân tán.

III. Tiến hành thử nghiệm.

1. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Trong điều kiện bình thường chỉ có đèn chỉ dẫn thoát nạn sáng.

- Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy các đèn đều sáng.

2. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý):

- Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống chống sét:

- Biên bản đo điện trở tiếp địa số DH/BBTN/1610-01/2020 ngày 14/9/2020 do Công ty TNHH tư vấn đầu tư XLD & Dịch vụ kỹ thuật DH tiến hành đo với kết quả đạt yêu cầu.

4. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

4.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm báo cháy tự động.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

4.2. Chế độ báo cháy:

- Đầu báo cháy khói: Tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy.

- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây, nhanh, đạt yêu cầu.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

5. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

5.1. Máy bơm nước chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy trường hợp:

+ Hoạt động của máy bơm khi không tải: Bơm có hoạt động.

+ Hoạt động của máy bơm khi có tải (bơm và xả nước qua các họng nước chữa cháy vách tường).

5.2. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước:

- Thử nghiệm xác suất đầu phun nước sprinkler: bằng cách thổi hơi nóng vào đầu phun, đầu phun sprinkler vỡ và phun nước, bán kính phun nước của đầu sprinkler khoảng 2m.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

5.3. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường:

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy: Vòi chữa cháy không bị bục, liên kết giữa vòi chữa cháy và lăng phun nước chữa cháy bằng khớp nối nhanh đảm bảo theo quy định. *AB*

- Tầm phun xa đầu lăng của tia nước đặc > 6m;
- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khí sử dụng > 5KG/cm².

5.4. Hệ thống chữa cháy ngoài nhà:

- Dùng dụng cụ mở van trụ nước chữa cháy khu công nghiệp thấy nước ra đều.

6. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Thử phun 02 bình chữa cháy bất kỳ vào đám cháy có diện tích 1m² (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: Hạng C;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;
3. Bậc chịu lửa:
 - Nhà xưởng 4B: bậc II chịu lửa;
 - Nhà xe: bậc IV chịu lửa;
4. Khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy: Đạt yêu cầu;
5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đạt yêu cầu;
6. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;
7. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;
8. Hệ thống thông gió thoát khói: Thông gió tự nhiên;
9. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý): Đạt yêu cầu;
10. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;
11. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;
12. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước: Đạt yêu cầu;
13. Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;
14. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu;

V. Yêu cầu:

1. Tầng 2, 3, 4, 5 của nhà xưởng cần bổ sung hệ thống hút khói cưỡng bức dạng cơ khí để đảm bảo thoát khói hiệu quả khi xảy ra sự cố cháy, nổ.
2. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng cho Chủ đầu tư sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị.
3. Chủ đầu tư phải tăng cường công tác đảm bảo an toàn PCCC, phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

4. Chủ đầu tư phải bổ sung hồ sơ theo dõi công tác phòng cháy chữa cháy, chỉnh lý phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, kiện toàn, bổ sung đội PCCC cơ sở. Tổ chức tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ PCCC, thực tập các phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 08 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây

Đại diện
Chủ đầu tư



GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

Phiên dịch

Nguyễn Pú Thanh Quy

Đại diện
Đoàn kiểm tra



TRƯỞNG PHÒNG
Đại tá Hoàng Văn Bình

Đại diện
Đơn vị thi công



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tuấn

Đại diện
Đơn vị thi công



HÀ DUY

CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Số: 44 /NT-PC07

Kính gửi: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 457/TĐ-PCCC ngày 12/12/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy 12 HECOM/NT-PCCC ngày 12/01/2021 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật là ông: John Leung; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 08/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình "Dự án Hecom Vsip Hải Phòng - Giai đoạn 2" với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư (đồng thời là tư vấn giám sát): Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Đơn vị thi công:

- Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ.
- Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Hà Duy.

Quy mô công trình:

- **Hạng mục hiện trạng:** Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, 3600m² đã được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC.

- **Hạng mục xây mới:** Nhà xưởng 4B xây 05 tầng, 2.353,4m²; Nhà xe xây 01 tầng, 252m² và các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà bơm, khu xử lý nước thải).

- Công trình phục vụ sản xuất và gia công mút, đệm và gối.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (hạng C);
2. Khoảng cách an toàn PCCC; Giao thông phục vụ chữa cháy;
3. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
4. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
6. Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
7. Hệ thống cấp nước chữa cháy; Hệ thống báo cháy tự động;
8. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
9. Phương tiện chữa cháy xách tay;

Các yêu cầu kèm theo:

- Việc kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đạt yêu cầu là căn cứ pháp lý trình các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào hoạt động;
- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và kiến nghị tại Biên bản kiểm tra ngày 08/3/2021;
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 (Đ2).

TRƯỞNG PHÒNG



Đạt tá Hoàng Văn Bình

Số 258/TĐ-PCCC



**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 03/CV-TĐ ngày 12/9/2021 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam);

Người đại diện theo pháp luật là ông: John Leung;

Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3).

Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, khu đô thị công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Đơn vị tư vấn thiết kế: - Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng IDJ;

- Công ty TNHH thương mại và xây dựng Gia Bảo Vĩnh Phúc.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (hạng C);
 2. Bậc chịu lửa; Đường giao thông cho xe chữa cháy;
 3. Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy;
 4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức);
 5. Giải pháp thoát nạn; Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn; Phương án chống sét;
 6. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong nhà và ngoài nhà);
 7. Hệ thống chữa cháy tự động Drencher bằng bột cho nhà hóa chất;
 8. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC;
 9. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy xách tay.
- Quy mô công trình, danh mục các tài liệu, bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC ghi tại trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Các đầu báo cháy của hệ thống báo cháy tự động phải lắp trong từng khoang của trần khi dầm, xà, cạnh của nhà (tầng nhà) lớn hơn 0,4m.
2. Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
3. Công trình phải được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đạt yêu cầu, làm căn cứ pháp lý trình các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07 (Đ2).

Hải Phòng, ngày 11 tháng 9 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG



[Handwritten signature]

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 258/TD-PCCC ngày 29./...9./2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH: Diện tích khu đất là 27.754m ² bao gồm các hạng mục:	
	- Các hạng mục hiện trạng đã thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC: Nhà xưởng 4 xây 01 tầng diện tích 3.600m ² ; Nhà xưởng 4B xây 05 tầng diện tích 2.353,4m ² ; Nhà xe xây 01 tầng diện tích 252m ² . - Công trình phục vụ sản xuất, gia công đồ nội thất bằng gỗ.	Không thẩm duyệt
	- Các hạng mục xây mới: Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, 3.765,44m ² (tầng 1 và tầng 5 bố trí làm kho); Nhà để hóa chất xây 01 tầng, 36m ² ; 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B và nhà xưởng 5 diện tích 1.033m ² .	Thẩm duyệt
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Bố trí công năng và Hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C): Tính chất hoạt động.	
2	Bậc chịu lửa: - Nhà Xưởng (bậc II chịu lửa): HC6-A-01 đến HC6-A-26; HC6-PL-S.01 đến HC6-PL-S.04. - Nhà hóa chất (bậc IV chịu lửa): HC-W-A.02; HC-W-A.03.	
3	Đường giao thông cho xe chữa cháy: SEH2-W3-A.01.	
4	Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy: SEH2-W3-A.01.	
5	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: SEH2-W3-A.01; HC6-A-01 đến HC6-A-26; HC6-A-40; HC6-PL-S.01 đến HC6-PL-S.04.	
6	Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức): PCCC-HK.01 đến PCCC-HK.06; PCCC-HK.NL.	
7	Giải pháp thoát nạn: HC6-A-01 đến HC6-A-26; HC6-A-31 đến HC6-A-38; HC-W-A.02 đến HC-W-A.04.	
8	Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn: PCCC-TMB.CC; PCCC-MĐ.LV.	
9	Phương án chống sét: PCCC-TMB.CS; PCCC-CS.CT.	
10	Hệ thống báo cháy tự động: PCCC-BC.01 đến PCCC-BC.05; PCCC-BC.MC; PCCC-BC.NL; PCCC-BC.CT.	
11	Hệ thống cấp nước chữa cháy (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong nhà và ngoài nhà): PCCC-SP.01 đến PCCC-SP.05; PCCC-SP.MC; PCCC-CC.KG1; PCCC-CC.KG2; PCCC-VT.01 đến PCCC-VT.06; PCCC-CC.CT; PCCC-CC.SP.	
12	Hệ thống chữa cháy tự động Drencher bằng bột cho nhà hóa chất: PCCC-CC.KCT; PCCC-FO.NL.	
13	Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC: E-01.	
14	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: PCCC-SC.01 đến PCCC-SC.05; PCCC-SC.NL.	
15	Phương tiện chữa cháy xách tay: PCCC-VT.01 đến PCCC-VT.05; PCCC-CC.BCC.	
16	Các tài liệu liên quan: - Hợp đồng thuê đất số 005/2018/LA/MCSD - Vsip Hải Phòng giữa Công ty TNHH Vsip Hải Phòng và Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) ngày 19/6/2018. - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 22/TD-PCCC ngày 15/01/2019; Số 457/TD-PCCC ngày 12/12/2019 và Công văn nghiệm thu về PCCC số 269/NT-PC07 ngày 01/11/2019; Số 44/NT-PC07 ngày 15/3/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy. Không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Số: 259 /NT-PC07

Hải Phòng, ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kính gửi: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 258/TD-PCCC ngày 29/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 0723/CV-KTNT ghi ngày 01/7/2023 của Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Người đại diện theo pháp luật là ông: John Leung; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 23/8/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với hạng mục Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² và 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B với nhà xưởng 5 diện tích 1.033m² thuộc công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Đơn vị tư vấn giám sát: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng - Tư vấn - Thiết kế quốc tế Đông Á và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Đồng Cương.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần xây dựng IDJ và Công ty TNHH thương mại và xây dựng Gia Bảo Vĩnh Phúc.

Quy mô công trình:

- Công trình theo thiết kế thẩm duyệt được xây dựng trên khu đất có diện tích 27.754m² gồm các hạng mục: Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² (tầng 1 và tầng 5 bố trí làm kho); Nhà để hóa chất xây 01 tầng, diện tích 36m²; 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B và nhà xưởng 5 diện tích 1.033m².

- Hạng mục nghiệm thu về PCCC giai đoạn này: Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² (tầng 1 và tầng 5 bố trí làm kho); 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B và nhà xưởng 5 diện tích 1.033m².

- Tính chất hoạt động: Công trình phục vụ sản xuất, gia công đồ nội thất bằng gỗ.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Bậc chịu lửa; Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C);
2. Đường giao thông cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Giải pháp thoát nạn; Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;
4. Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức);
5. Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn;
6. Phương án chống sét; Hệ thống báo cháy tự động;
7. Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà);
8. Đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố;
9. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC;
10. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

Ghi chú: Việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC không thay thế cho các tiêu chí về quy hoạch, cấp phép xây dựng mà chỉ là một trong những căn cứ để chủ đầu tư trình các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 (Đ2).



CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 10 năm 2023. Tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam). Địa chỉ: Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Trung tá Vũ Trọng Tuấn - Phó Đội trưởng;
2. Thượng úy Lê Thị Hằng - Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ (CNCH) đối với Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) ở địa chỉ: Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

* Đại diện Công ty TNHH Hecom (Việt Nam):

1. Ông John Leung . Chức vụ: Giám đốc
2. Bà Nguyễn Bùi Thanh Quý. Chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc, Phiên dịch.

* **Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

Thực hiện Luật PCCC và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác PCCC và CNCH, Kế hoạch số 2862/KH-PC07 ngày 29/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về việc kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH các cơ sở trên địa bàn thành phố tháng 10 năm 2023. Qua nghe báo cáo của Lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở, Đoàn kiểm tra ghi nhận tình hình công tác PCCC tại cơ sở như sau:

1. Trình bày của cơ sở:

Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201882464 đăng ký lần đầu ngày 15/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019. Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (Hong Kong) hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên sản xuất giường, bàn, ghế sofa xuất khẩu. Công ty đi hoạt động từ tháng 11 năm 2019. Tổng số người thường xuyên làm việc trong Công ty là 250 người, làm việc trong giờ hành chính. Ngoài giờ hành chính có 03 người thường trực bảo vệ.

Công ty có tổng diện tích khoảng 27.000m², gồm các hạng mục, công trình sau:

- Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, diện tích 3.600m², chia thành 2 khu vực xưởng sản xuất diện tích 2.400m² và kho diện tích 1.200m².

- Nhà xưởng 4B xây dựng 05 tầng, diện tích 2.353,4m², trong đó công năng tầng 1,2,3,4 làm nhà xưởng, tầng 5 được chuyển công năng thành nhà kho.

- Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765m², trong đó công năng tầng 2,3,4 làm nhà xưởng, tầng 1,5 làm kho.

- Khu nổi mái trên tầng 5 giữa nhà xưởng 4B và nhà xưởng 5 diện tích 1.033m².

- Nhà để xe máy xây 01 tầng, diện tích 252m² và khu vực phụ trợ khác.

- Nhà để hóa chất 1 tầng, diện tích 36m², hiện tại đã xây dựng chưa nghiệm thu về PCCC.

2. Kiểm tra hồ sơ:

- Công tác thẩm duyệt nghiệm thu về PCCC:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 22/TD-PCCC ngày 15/01/2019 và Văn bản nghiệm thu số 269/NT-PC07 ngày 01/11/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đối với Dự án Hecom VSIP Hải Phòng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 457/TD-PCCC ngày 12/12/2019 và Văn bản nghiệm thu số 44/NT-PC07 ngày 15/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đối với Dự án Hecom VSIP Hải Phòng - Giai đoạn 2.

+ Công văn số 851/PC07-Đ2 ngày 14/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng về việc chấp thuận đề nghị của Công ty TNHH HECOM Việt Nam về việc xin chuyển đổi công năng Tầng 5 - Nhà xưởng 4B. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) (Nghiệm thu khu vực cải tạo chuyển đổi công năng tầng 5, nhà xưởng 4B) ngày 30/7/2021 Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng.

+ Công văn số 1500/PC07-Đ2 ngày 26/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về PCCC đối với việc bổ sung 01 kho hóa chất tại nhà xưởng 4. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) khu vực cải tạo ngày 01/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 258/TD-PCCC ngày 29/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hải Phòng đối với công trình "Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3). Công văn nghiệm thu số 259/NT-PC07 ngày 29/8/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng đối với hạng mục Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² và 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B với nhà xưởng 5 diện tích 1.033m² thuộc công trình dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3)

+ Công văn số 1675/PC07-Đ2 ngày 16/8/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - CATP Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về PCCC đối với

việc bổ sung phòng thử mẫu và nhà rác. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) khu vực phòng thử mẫu tầng 4 ngày 30/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng

+ Công văn số 23/TĐ-PCCC ngày 13/01/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng đồng ý về việc thiết kế phòng cháy chữa cháy đối với hạng mục công trình: Cải tạo và ngăn chia bằng vách thạch cao xây lửng cao 3,5m (không có trần) tại trục X1-X2 giao với trục Y4-Y7 của tầng 1 thành phòng đặt máy CNC (phụ trợ sản xuất) có diện tích 167m² và lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho toàn bộ toà nhà. Hiện tại khu vực Cải tạo và ngăn chia bằng vách thạch cao xây lửng cao 3,5m (không có trần) tại trục X1-X2 giao với trục Y4-Y7 của tầng 1 thành phòng đặt máy CNC (phụ trợ sản xuất) có diện tích 167m² công ty không làm; chỉ lắp đặt xong hệ thống hút khói cưỡng bức, đang hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu PCCC theo quy định.

- Nguồn điện trong Công ty được cấp từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp treo tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp trạm bơm chữa cháy.

- Đã ban hành Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 28 thành viên. Các thành viên đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH.

- Đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở, phương án cứu nạn cứu hộ tháng 10 năm 2023. Công ty đã tổ chức thực tập các tình huống đã đặt ra trong phương án và tuyên truyền về công tác PCCC cho người làm việc tại công ty năm 2022.

- Đã ban hành và niêm yết nội quy an toàn PCCC cho khu vực xưởng sản xuất và kho hàng.

- Đã lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn tại các khu vực.

3. Kiểm tra thực tế:

- Trang bị phương tiện PCCC:

+ Nguồn nước phục vụ chữa cháy: 02 bể nước có khối tích khoảng 500m³, 800m³ liên thông với nhau.

+ Hệ thống báo cháy tự động: Trang bị 03 trung tâm báo cháy tại 03 nhà máy, đặt tại phòng bảo vệ thường xuyên có người thường trực 24/24 giờ; lắp đặt các đầu báo cháy khói tia chiếu trên tường nhà xưởng.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm: 01 máy bơm chữa cháy điện có P=150kW, Q = 180-720m³/h, H =90-48 mcn, 01 máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel có công suất, lưu lượng và cột áp tương đương và 01 bơm bù công suất Q = 2,4 - 10,2 m³/h, H =96,1-43 mcn; các họng nước chữa cháy vách

02018
NG TY
NHH
3COM
ET NAM
HỒ HẢI

tường được bố trí ở cửa ra vào (với lăng, vòi chữa cháy đồng bộ kèm theo).

+ Cơ sở được trang bị hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (Sprinkler) gồm máy bơm dùng chung với hệ thống chữa cháy vách tường, đầu phun Sprinkler hướng quay xuống (có trần), quay lên (không trần).

+ Phương tiện chữa cháy xách tay: Công ty đã trang bị các bình chữa cháy các loại (bằng bột, khí).

+ Đã trang bị 30 bộ quần áo chữa cháy cùng mũ, ủng, mặt nạ phòng độc; 02 bộ quần áo amiang chữa cháy, đèn pin, câu liêm, bộ đàm cầm tay, dây an toàn.

- Đã lắp đặt thiết bị truyền tin báo sự cố theo quy định tại Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

* Những thay đổi của Công ty so với kỳ kiểm tra trước:

- Tại thời điểm kiểm tra khu vực Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² và 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B với nhà xưởng 5 diện tích 1.033m² thuộc công trình dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3) đã được nghiệm thu đưa vào hoạt động.

* Việc thực hiện các kiến nghị tại biên bản kiểm tra trước:

- Đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của Công ty bảo hiểm MIC Hải Phòng, thời hạn bảo hiểm đến ngày 07/8/2024.

- Đã thực hiện đo, kiểm tra điện trở tiếp địa của hệ thống chống sét cho công trình, thời gian đo ngày 04/8/2023, kết quả đạt yêu cầu.

- Đã chỉnh lý, bổ sung phương án chữa cháy của cơ sở theo Nghị định 136/ND-CP, phương án cứu nạn cứu hộ theo Nghị định 83/ND-CP của Chính phủ theo quy định.

- Nhà 4B đã lắp đặt các đèn chiếu sáng sự cố và các biển chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực chuyển hướng và lắp đặt biển chỉ dẫn thoát nạn ở các cửa thoát nạn nhất là khu vực ra hành lang thoát nạn.

- Đã niêm yết sơ đồ mặt bằng và sơ đồ bố trí các họng nước chữa cháy tại nhà bảo vệ để phục vụ cho công tác chỉ huy chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

4. Kiến nghị:

Để đảm bảo an toàn PCCC, an toàn tính mạng và tài sản của cơ sở. Đồng thời chấp hành nghiêm túc Luật PCCC, các quy định của Nhà nước về công tác PCCC và CNCH. Yêu cầu lãnh đạo cử thực hiện ngay các điểm kiến nghị sau đây:

1. Duy trì liên tục các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở được quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/ND-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

2. Thực hiện chế độ tự kiểm tra công tác PCCC, CNCH và gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng định kỳ 6 tháng theo quy định.

Thường xuyên nhắc nhở CBCNV, khách đến liên hệ công tác chấp hành nghiêm nội qui, qui định đảm bảo an toàn về PCCC tại Công ty.

- Quản lý chặt chẽ các loại nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất cháy trong cơ sở. Định kỳ vệ sinh công nghiệp trong toàn Công ty.

- Sắp xếp hàng hóa phải theo lô, dãy đảm bảo các yêu cầu về PCCC.

- Thường xuyên duy trì đường, lối thoát nạn, không được để các đồ vật, hàng hóa gây cản trở đường, lối thoát nạn.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị phương tiện chữa cháy của cơ sở đảm bảo theo đúng qui định tại Tiêu chuẩn Việt Nam 3890:2009.

3. Tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH tại Công ty định kỳ năm 2023 theo quy định.

4. Hoàn thiện hồ sơ, các hạng mục để nghiệm thu về PCCC hạng mục xây kho hóa chất, cải tạo lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho toàn bộ toà nhà theo quy định.

- Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của cơ sở, hạng mục trong cơ sở ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP thì phải thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày gồm 05 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

PHIÊN DỊCH

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA



Nguyễn Đức Thành
Quản

Trung tá Vũ Trọng Tuấn

GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

Trung tá Vũ Trọng Tuấn

CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN KIỂM TRA

AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hội 09 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2023. Tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam). Địa chỉ: Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Trung tá Vũ Trọng Tuấn - Phó Đội trưởng;
2. Đại úy Nguyễn Thị Yến - Cán bộ;
3. Thượng úy Lê Thị Hằng - Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ (CNCH) đối với Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) ở địa chỉ : Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

* Đại diện Công ty TNHH Hecom (Việt Nam):

1. Ông Lui Kwok Keung. Chức vụ: Phó Giám đốc (Được ủy quyền của Giám đốc Công ty);
2. Bà Nguyễn Bùi Thanh Quý. Chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc, Phiên dịch.

* **Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản liên quan về công tác phòng cháy chữa cháy. Qua nghe báo cáo của lãnh đạo cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở, Đoàn kiểm tra ghi nhận tình hình công tác PCCC tại cơ sở như sau:

Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201882464 đăng ký lần đầu ngày 15/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019. Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) là doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (Hong Kong) hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên sản xuất giường, bàn, ghế sofa xuất khẩu. Công ty đi hoạt động từ tháng 11 năm 2019. Tổng số người thường xuyên làm việc trong Công ty là 121 người, làm việc trong giờ hành chính. Ngoài giờ hành chính có 02 người thường trực bảo vệ.

Công ty có tổng diện tích khoảng 27.000m², gồm các hạng mục, công trình sau:

- Nhà xưởng 4 xây 01 tầng, diện tích 3.600m², chia thành 2 khu vực xưởng sản xuất diện tích 2.400m² và kho diện tích 1.200m².



- Nhà xưởng 4B xây dựng 05 tầng, diện tích 2.353,4m², trong đó công năng tầng 1,2,3,4 làm nhà xưởng, tầng 5 được chuyển công năng thành nhà kho.

- Nhà để xe máy xây 01 tầng, diện tích 252m² và khu vực phụ trợ khác.

- Hiện Công ty xây thêm nhà xưởng 5 tầng, diện tích 3.765m² đang trong quá trình xây dựng phần thô.

- Công tác thẩm duyệt nghiệm thu về PCCC:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 22/TD-PCCC ngày 15/01/2019 và Văn bản nghiệm thu số 269/NT-PC07 ngày 01/11/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đối với Dự án Hecom VSIP Hải Phòng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 457/TD-PCCC ngày 12/12/2019 và Văn bản nghiệm thu số 44/NT-PC07 ngày 15/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đối với Dự án Hecom VSIP Hải Phòng - Giai đoạn 2.

+ Công văn số 851/PC07-Đ2 ngày 14/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng về việc chấp thuận đề nghị của Công ty TNHH HECOM Việt Nam về việc xin chuyển đổi công năng Tầng 5 - Nhà xưởng 4B. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) (Nghiệm thu khu vực cải tạo chuyển đổi công năng tầng 5, nhà xưởng 4B) ngày 30/7/2021 Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng.

+ Công văn số 1500/PC07-Đ2 ngày 26/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về PCCC đối với việc bổ sung 01 kho hóa chất tại nhà xưởng 4. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) khu vực cải tạo ngày 01/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 258/TD-PCCC ngày 29/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hải Phòng đối với công trình "Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3).

+ Công văn số 1675/PC07-Đ2 ngày 16/8/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - CATP Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về PCCC đối với việc bổ sung phòng thử mẫu và nhà rác. Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) khu vực phòng thử mẫu tầng 4 ngày 30/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng

+ Công văn số 23/TD-PCCC ngày 13/01/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng đồng ý về việc thiết kế phòng cháy chữa cháy đối với hạng mục công trình: Cải tạo và ngăn chia bằng vách thạch cao xây lửng cao 3,5m (không có trần) tại trục X1-X2 giao với trục Y4-Y7 của tầng 1 thành

phòng đặt máy CNC (phụ trợ sản xuất) có diện tích 167m^2 và lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho toàn bộ toà nhà.

- Nguồn điện trong Công ty được cấp từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp treo tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp trạm bơm chữa cháy.

- Đã ban hành Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 28 thành viên. Các thành viên đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH.

- Đã xây dựng phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ năm 2021. Công ty đã tổ chức thực tập các tình huống đã đặt ra trong phương án và tuyên truyền về công tác PCCC cho người làm việc tại công ty năm 2022.

- Đã ban hành và niêm yết nội quy an toàn PCCC cho khu vực xưởng sản xuất và kho hàng.

- Đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc của Công ty bảo hiểm MIC Hải Phòng, thời hạn bảo hiểm đến ngày 07/8/2023.

- Đã lắp đặt hệ thống chống sét tia tiên đạo cho công trình, đã được điện trở tiếp địa ngày 06/8/2022.

- Đã lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn tại các khu vực.

- Trang bị phương tiện PCCC:

+ Nguồn nước phục vụ chữa cháy: Bể nước có khối tích khoảng 500m^3 .

+ Hệ thống báo cháy tự động: Trang bị trung tâm báo cháy 10 kênh, đặt tại phòng bảo vệ thường xuyên có người thường trực 24/24 giờ; lắp đặt các đầu báo cháy khói tia chiếu trên tường nhà xưởng.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm: 01 máy bơm chữa cháy điện có $P=150\text{kW}$, $Q = 180-720\text{m}^3/\text{h}$, $H = 90-48\text{ mcn}$, 01 máy bơm chữa cháy dự phòng động cơ diesel có công suất, lưu lượng và cột áp tương đương và 01 bơm bù công suất $Q = 2,4 - 10,2\text{ m}^3/\text{h}$, $H = 96,1-43\text{ mcn}$; các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí ở cửa ra vào (vòi lãng, vòi chữa cháy đồng bộ kèm theo).

+ Cơ sở được trang bị hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (Sprinkler) gồm máy bơm dùng chung với hệ thống chữa cháy vách tường, đầu phun Sprinkler hướng quay xuống.

+ Phương tiện chữa cháy xách tay: Công ty đã trang bị các bình chữa cháy các loại (bằng bột, khí).

+ Đã trang bị 30 bộ quần áo chữa cháy cùng mũ, ủng, mặt nạ phòng độc; 02 bộ quần áo amiang chữa cháy, đèn pin, câu liêm, bộ đàm cầm tay, dây an

2018
IG TY
IHH
COM
T NAM
OHAI

toàn.

- Đã lắp đặt thiết bị truyền tin báo sự cố theo quy định tại Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

Để đảm bảo an toàn PCCC, an toàn tính mạng con người và tài sản tại cơ sở. Đồng thời chấp hành nghiêm túc Luật PCCC, các quy định của Nhà nước về công tác PCCC và CNCH. Yêu cầu lãnh đạo Công ty TNHH Hecom Việt Nam thực hiện ngay các điểm kiến nghị sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở được quy định tại Luật PCCC và các văn bản pháp luật hiện hành về công tác PCCC và CNCH. Thường xuyên duy trì tự kiểm tra an toàn PCCC để phát hiện kịp thời các thiếu sót, vi phạm về PCCC và để khắc phục ngay nếu có.

2. Trước khi người lao động vào làm việc trong Nhà máy phải được đào tạo an toàn PCCC, an toàn lao động; thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm nội quy, quy định về PCCC và hướng dẫn người lao động sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy tại chỗ để xử lý kịp thời khi có cháy xảy ra. Định kỳ tổ chức tuyên truyền PCCC, thực tập các tình huống theo phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt theo định kỳ. Chú ý thực tập phương án thoát nạn cho công nhân trong nhà xưởng, nhà kho ra ngoài an toàn.

3. Bố trí, sắp xếp hàng hóa, tài sản, đồ vật không gây cản trở việc thoát nạn và cản trở giao thông phục vụ chữa cháy. Cửa thoát nạn không được khóa, chèn làm mất tác dụng thoát nạn; Cửa ngăn cháy, ngăn khói phải luôn ở trạng thái kín khít. Thường xuyên vệ sinh công nghiệp các khu vực trong Nhà máy.

4. Bổ sung các đèn chiếu sáng sự cố, lắp đặt các biển chỉ dẫn thoát nạn tại khu vực chuyển hướng và lắp đặt biển chỉ dẫn thoát nạn ở các cửa thoát nạn nhất là khu vực ra hành lang thoát nạn.

5. Chính lý, bổ sung phương án chữa cháy của cơ sở theo Nghị định 136/NĐ-CP, phương án cứu nạn cứu hộ theo Nghị định 83/NĐ-CP của Chính phủ theo quy định.

6. Khu vực nhà đang xây dựng, khu vực ngăn chia bằng vách thạch cao xây lửng cao 3,5m (không có trần) tại trục X1-X2 giao với trục Y4-Y7 của tầng 1 thành phòng đặt máy CNC (phụ trợ sản xuất) có diện tích 167m², hệ thống hút khói cưỡng bức cho toàn bộ toà nhà và nhà chứa rác khi thi công xong phải được kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định.

7. Niêm yết sơ đồ mặt bằng và sơ đồ bố trí các họng nước chữa cháy tại nhà bảo vệ để phục vụ cho công tác chỉ huy chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày gồm 05 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

PHIÊN DỊCH

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA



GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

Nguyễn Đức Thành
Rúy

Trung tá Vũ Trọng Tuấn





**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 8 năm 2024.

Tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Địa chỉ: Số 131-133 đường số 6, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - CATP Hải Phòng:**

- Ông: Nguyễn Thế Sơn; Cấp bậc: Thiếu tá; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (PCCC), cứu nạn, cứu hộ (CNCH) đối với Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

*** Đại diện Công ty TNHH Hecom (Việt Nam):**

- Ông: Lui Yiu Tung; Chức vụ: Phó giám đốc (được ủy quyền).

- Bà: Nguyễn Bùi Thanh Quý; Chức vụ: Phụ trách PCCC - Phiên dịch.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ; Kế hoạch số 2228/KH-PC07-Đ2 ngày 30/7/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về việc kiểm tra về PCCC và CNCH các cơ sở trên địa bàn thành phố tháng 8 năm 2024.

Qua nghe trình bày của đại diện cơ sở, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế, chúng tôi cũng ghi nhận tình hình và kết quả công tác PCCC, CNCH tại cơ sở như sau:

I. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ:

Công ty TNHH Hecom (Việt Nam), địa chỉ trụ sở: Số 131-133 đường số 6, khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201882464; đăng ký lần đầu ngày 15/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/01/2019, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông John Leung.

Tính chất hoạt động: Sản xuất giường, bàn, ghế xuất khẩu.

Tổng số người làm việc: 290 người, làm việc 2 ca: 06h00 - 15h00, 16h00-01h00, ban đêm có 02 bảo vệ.

* Công ty đi vào hoạt động từ năm 2019 trên khu đất có diện tích 27.754 m², gồm các hạng mục công trình sau:

- Nhà xưởng 4: 01 tầng, diện tích 3.600m², kết cấu cột thép, xà gỗ, vì kèo thép, tường gạch 3m trên bưng tôn, mái tôn. Chia thành 2 khu vực: Xưởng sản xuất 2.400m² và kho 1.200m². Khu vực xưởng và kho được ngăn cách bằng tường gạch cao 2,5m, trên là vách ngăn chống cháy 120 phút cao đến mái.

- Nhà xưởng 4B: 05 tầng, diện tích 2.353,4m² (tầng 1 đến tầng 4 công năng xưởng sản xuất, tầng 5 công năng kho), kết cấu kết cấu cột, sàn, trần, cầu thang bê tông cốt thép.

- Nhà xưởng 5: 05 tầng, diện tích 3.765,44m² (tầng 1 và tầng 5 công năng kho, tầng 2 đến tầng 4 công năng xưởng sản xuất), kết cấu cột, sàn, trần, cầu thang bê tông cốt thép.

- Nhà để xe máy: 01 tầng, diện tích 177m², kết cấu cột thép, không tường bao che, mái tôn.

- Nhà để xe máy: 01 tầng, diện tích 252m², kết cấu cột thép, không tường bao che, mái tôn.

- Nhà để hóa chất 01 tầng, diện tích 36m², kết cấu tường gạch, mái tôn.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ:

1. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở

1.1. Năm 2023 đã phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức truyền truyền về PCCC và CNCH cho 59 cán bộ công nhân viên.

1.2. Đã thành lập đội PCCC cơ sở gồm 28 đội viên. Các đội viên đội PCCC cơ sở đã cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH.

1.3. Đã ban hành nội quy, quy định về PCCC và CNCH của cơ sở.

1.4. Đã thực hiện tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH thường xuyên tại cơ sở và ghi nhận bằng biên bản kiểm tra.

1.5. Đã có nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động PCCC hằng năm của cơ sở thông qua các hoạt động trang bị, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC; trang bị các phương tiện phục vụ thực tập phương án chữa cháy...

1.6. Đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở, được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố phê duyệt; xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ. Định kỳ hằng năm cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ.

1.7. Định kỳ duy trì chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH (máy bơm, họng nước, hệ thống báo cháy, bình chữa cháy xách tay,...) theo quy định.

2. Kiểm tra Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH

- Hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 22/TD-PCCC ngày 15/01/2019, Công văn nghiệm thu về PCCC số 269/NT-PC07 ngày 01/11/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đối với công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 457/TD-PCCC ngày 12/12/2019, Công văn nghiệm thu về PCCC số 44/NT-PC07 ngày 15/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đối với công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng - Giai đoạn 2.

+ Công văn số 851/PC07-Đ2 ngày 14/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận chuyển đổi công năng tầng 5 - Nhà xưởng 4B từ xưởng sản xuất thành kho bảo quản sản phẩm.

+ Công văn số 1500/PC07-Đ2 ngày 26/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận bổ sung kho chứa hóa chất 21m² trong khu vực kho của Nhà xưởng 4.

+ Công văn số 1675/PC07-Đ2 ngày 16/8/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận bổ sung phòng thử mẫu và nhà rác.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 258/TD-PCCC ngày 29/9/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đối với công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (Giai đoạn 3).

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 23/TD-PCCC ngày 13/01/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đồng ý về việc thiết kế PCCC đối với hạng mục công trình: Cải tạo và ngăn chia bằng vách thạch cao xây lửng cao 3,5m (không có trần) tại trục XI-X2 giao với trục Y4-Y7 của tầng 1 thành phòng đặt máy CNC (phụ trợ sản xuất) có diện tích 167m² và lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho toàn bộ tòa nhà (hạng mục vách thạch cao công ty báo cáo không triển khai).

+ Công văn nghiệm thu về PCCC số 259/NT-PC07 ngày 29/8/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đối với hạng mục Nhà xưởng 5 xây 05 tầng, diện tích 3.765,44m² và 01 mái nổi trên mái tầng 5 giữa nhà xưởng 4B với nhà xưởng 5 diện tích 1.033m² thuộc công trình Dự án Hecom Vsip Hải Phòng (giai đoạn 3).

+ Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 19/02/2024 nghiệm thu đối với hạng mục: Nhà để hóa chất 01 tầng, diện tích 36m² và hệ thống hút khói cưỡng bức cho nhà xưởng 4B xây 05 tầng, diện tích 2.453,4m².

- Bản sao bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, bố trí công năng của các hạng mục trong cơ sở.

- Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Phương án chữa cháy của cơ sở được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hải Phòng phê duyệt, phương án cứu nạn, cứu hộ do cơ sở tự xây dựng và phê duyệt; kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy.

- Các biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hải Phòng; Biên bản tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ sở; Báo cáo công tác PCCC định kỳ 06 tháng.

- Kết quả đo điện trở tiếp đất ngày 03/8/2024 do Công ty cổ phần kiểm định và kỹ thuật an toàn Hải Phòng đo và kết luận Đạt.

- Xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do Công ty bảo hiểm MIC Hải Phòng cấp, hạn bảo hiểm đến ngày 06/8/2025.

3. Kiểm tra thực tế trách nhiệm duy trì các điều kiện về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở

3.1. Giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy:

- Đường giao thông dành cho chữa cháy: Thời điểm kiểm tra thấy được duy trì theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, đảm bảo thông thoáng, cơ sở không bố trí phương tiện, vật dụng, thiết bị trên đường giao thông, không xây dựng thêm hạng mục lấn chiếm đường giao thông, bãi đỗ xe chữa cháy.

- Nguồn nước chữa cháy:

+ Bên trong cơ sở: 02 bể nước 300m³ và 500m³ thông nhau có tổng khối tích 800m³, có miệng để xe chữa cháy lấy nước, trong cơ sở có các họng tiếp nước cho xe chữa cháy. Thời điểm kiểm tra không bị che, lấp, làm mất tác dụng.

+ Bên ngoài cơ sở: Có các trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp.

3.2. Khoảng cách an toàn PCCC: Thời điểm kiểm tra thấy khoảng cách giữa các hạng mục công trình hiện hữu đến các hạng mục khác trong cơ sở, đến tường rào ranh giới của cơ sở được duy trì theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, không bố trí vật dụng, phương tiện giao thông, hàng hóa cháy được trong vùng khoảng cách an toàn PCCC.

3.3. Mặt bằng công năng sử dụng: Thời điểm kiểm tra thấy cơ sở duy trì công năng, tính chất sử dụng của các công trình, hạng mục công trình theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo từng giai đoạn.

3.4. Ngăn cháy lan: Thời điểm kiểm tra thấy giữa các khu vực có công năng khác nhau trong các công trình được ngăn cách với nhau bằng các bộ phận ngăn cháy theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Tại khu vực bố trí hàng hóa, vật dụng, thiết bị bảo đảm khoảng cách PCCC đến các nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị điện có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt.

3.5. Thoát nạn: Thời điểm kiểm tra, các công trình, hạng mục công trình được duy trì đảm bảo số lượng lối thoát nạn theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC, cơ sở không khóa, làm mất tác dụng của cửa thoát nạn, không để đồ vật, hàng hóa trên đường thoát nạn.

3.6. Hệ thống, phương tiện PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác được trang bị tại cơ sở

3.6.1. Hệ thống thông gió, hút khói:

- Các tầng nhà xưởng xưởng 4B và xưởng 5 lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức.

- Thời điểm kiểm tra thấy hệ thống được duy trì theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Các khu vực lắp đặt hệ thống quạt hút khói cưỡng bức được kết nối liên động đến hệ thống báo cháy tự động. Thử nghiệm hoạt hút khói bằng nút ấn báo cháy thấy các quạt có hoạt động.

3.6.2. Hệ thống báo cháy tự động:

- Cơ sở có duy trì đầu báo cháy, nút ấn, còi, đèn báo cháy tại các khu vực theo vị trí đã thiết kế, không bố trí vật tư, vật dụng hay làm thêm trần che lấp, làm mất tác dụng của đầu báo cháy, nút ấn, còi, đèn báo cháy.

- Trang bị 03 tủ trung tâm báo cháy đặt tại phòng bảo vệ, có người thường trực 24/24h, tủ không bị che khuất, không báo lỗi, có niêm yết sơ đồ và quy trình vận hành, trong tủ có nguồn dự phòng. Thời điểm kiểm tra hệ thống báo cháy hoạt động bình thường.

3.6.3. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Trạm bơm chữa cháy: 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện $P = 150\text{kW}$, $Q = 180-720 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 90-48 \text{ m.c.n}$, 01 máy bơm chữa cháy động cơ diesel có cùng thông số, 01 máy bơm bù áp $Q = 2,4-10,2 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 96,1-43 \text{ m.c.n}$. Đã duy trì các máy bơm chữa cháy theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Các bơm chữa cháy thời điểm kiểm tra thấy được duy trì ở chế độ hoạt động tự động.

- Hệ thống họng nước chữa cháy: Trang bị các họng nước chữa cháy vách tường tại các khu vực. Hộp chữa cháy bố trí đủ lãng, vòi chữa cháy, thời điểm kiểm tra không bị che lấp, mất tác dụng, hỏng. Thử nghiệm một số họng nước vách tường kết nối với vòi và lãng phun thấy máy bơm có hoạt động, áp lực nước đảm bảo.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Thời điểm kiểm tra thấy cơ sở duy trì hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler đối với các khu vực theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC, không bố trí vật tư, vật dụng hay làm thêm trần che lấp các đầu phun.

3.6.4. Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Thời điểm kiểm tra thấy công ty có duy trì đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn tại các khu

12018
 NG TY
 NHH
 COM
 (TNAM)
 HẢI P

vực theo quy định. Thử nghiệm các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường, không bị che lấp, mất tác dụng.

3.6.5. Bình chữa cháy, phương tiện, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ, dụng cụ phá dỡ thô sơ:

- Thời điểm kiểm tra các bình chữa cháy xách tay đảm bảo theo đúng quy định, không bị che lấp, mất tác dụng, hỏng. Các bình chữa cháy xách tay dạng bột có áp lực khí đảm bảo. Đã trang bị phương tiện, dụng cụ CNCH, dụng cụ phá dỡ thô sơ tại các khu vực đáp ứng yêu cầu chữa cháy theo quy định.

- Đã trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

3.6.6. Niêm yết nội quy PCCC và CNCH:

- Thời điểm kiểm tra thấy cơ sở có duy trì niêm yết nội quy PCCC và CNCH phù hợp với công năng của các khu vực; vị trí niêm yết bảo đảm dễ thấy, không bị che lấp.

- Tại khu vực có nguy hiểm cháy đều có biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc.

3.6.7. Hệ thống điện: Hệ thống điện của cơ sở được lấy từ nguồn điện của thành phố, qua trạm biến áp đến tủ điện tổng và phân bố đến các khu vực. Hệ thống báo cháy, chữa cháy được cấp nguồn từ nguồn riêng biệt với các nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực. Dây dẫn điện cấp đến các thiết bị tiêu thụ điện được đi trong ống gen bảo vệ.

3.6.8. Hệ thống chống sét: Hệ thống chống sét được duy trì theo thiết kế, định kỳ đo điện trở nối đất đối với hệ thống theo quy định.

3.7. Lực lượng PCCC cơ sở/chuyên ngành

- Đội PCCC cơ sở được thành lập đảm bảo số lượng đội viên theo quy định (đã ghi nhận tại mục 1), đã trang bị phương tiện PCCC và CNCH của đội PCCC cơ sở.

- Kiểm tra kiến thức, thực tập 01 tình huống cháy giả định theo phương án đã được phê duyệt. Thành viên đội PCCC cơ sở nắm rõ quy trình xử lý sự cố cháy, nổ; sử dụng thành thạo các phương tiện chữa cháy được trang bị.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Người đứng đầu cơ sở cơ bản có ý thức chấp hành các quy định về PCCC, CNCH, quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn PCCC, CNCH tại chỗ.

IV. KIẾN NGHỊ, HƯỚNG DẪN

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy, các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và CNCH, để đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình hoạt động. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH yêu cầu người đứng đầu cơ sở thực hiện các kiến nghị sau:

1. Thực hiện đúng trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng

cháy và chữa cháy. Thực hiện đúng quy định về chế độ tự kiểm tra công tác PCCC, nhắc nhở việc chấp hành các quy định về PCCC của người lao động đối với công tác PCCC và định kỳ 06 tháng gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra an toàn PCCC về Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

2. Duy trì chế độ hoạt động thường trực đối với hệ thống, phương tiện PCCC, CNCH đã trang bị và thực hiện việc kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

3. Bố trí sắp xếp hàng hóa thông thoáng, không che chắn đường, lối thoát nạn, cửa thoát nạn và không cản trở việc tiếp cận phương tiện chữa cháy, không để sát thiết bị điện, thiết bị sinh nhiệt.

4. Sử dụng hệ thống, thiết bị điện phải đảm bảo an toàn PCCC, thường xuyên kiểm tra hệ thống điện nhằm phát hiện hư hỏng để có giải pháp xử lý kịp thời.

5. Quản lý chặt chẽ các loại nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, chất cháy. Nghiêm cấm sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt tại các khu vực có biển cấm lửa, cấm hút thuốc.

6. Định kỳ tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC cho cán bộ, công nhân viên, người lao động đảm bảo 100% cán bộ, công nhân viên, người lao động đều có kiến thức về PCCC. Định kỳ tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ và gửi kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập về cơ quan Công an quản lý theo quy định.

7. Nên phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên trong cơ sở quan tâm, theo dõi Zalo "Cục Cảnh sát PCCC và CNCH", Zalo "114 Hải Phòng" để nâng cao kiến thức và ý thức về PCCC và CNCH.

8. Phối hợp chặt chẽ với đội PCCC chuyên ngành của khu công nghiệp để được hỗ trợ kịp thời khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 07 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

PHIÊN DỊCH

CÁN BỘ KIỂM TRA



111 YIU TUNG

[Handwritten signature]
Nguyễn Đức Thanh Quý

[Handwritten signature]

Thiếu tá Nguyễn Thế Sơn

KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 1/6



MATERIAL SAFETY DATA SHEET
化学品安全技术说明书

1. IDENTIFICATION OF THE CHEMICAL PRODUCT AND OF THE COMPANY 化学品和企业标识

PRODUCT INFORMATION 产品信息

Trade name 商品名: Hot Melt Adhesives 热熔胶 KS2317

Company 公司: Guangdong Kaisun New Materials And Technology Co.,Ltd.

广东凯盛新材料科技有限公司

Address 地址: No.3, Yinghong Avenue North, Yinghong Industrial Park, Yinghong

Town, Yingde City, Guangdong Province. 广东省英德市英红镇英红工业

园英红大道北3号。

Telephone 电话: 0757-86323681

Fax 传真: 0757-86323682

Email address 电子邮件地址: kangbiao@cnkaisun.com

Emergency Telephone Number 紧急联系电话: 13679885467

Intended Use 预期用途: To bond sponges, foamed cotton, non-woven fabrics, plastics, paper products, etc. 用于海绵、泡棉、无纺布、塑胶、纸制品等的粘结。

Please call us at the above telephone number to clarify further uses. We will connect you with the Applications Engineering staff who can help you. 如用于其它用途请拨打上述提供电话阐明, 我们将安排可以帮到你的产品技术工程人员联络你。

2. HAZARDS IDENTIFICATION

危险概述

In thermal processing: Risk of skin burns caused by hot melt Adhesive.

在热熔胶使用过程中, 工人有被热熔胶烫伤皮肤的风险。



KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 2/6

Not identified as hazardous material 不认定为有害物质

The main symptoms : Scald, Irritation 主要症状: 烫伤, 刺激

Emergency Overview 紧急情况概述

Rinse immediately with plenty of cold water to disperse the heat, and seek medical advice ; Go to the place with fresh air immediately if the eyes, nose and throat are irritated.

如果被热熔胶烫伤, 应立即用大量冷水冲洗, 驱散热量并寻求医生帮助; 如果眼睛, 鼻子和喉咙感到不舒服, 应立即到空气清新的地方。

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

组成/成分信息

Chemical Name 化学名称	Hot Melt Adhesive 热熔胶	
	CAS NO. CAS 编号	Content 含量
橡胶软化油(Rubber softening oil)	8012-95-1	15~25%
热塑性合成橡胶(Thermoplastic synthetic rubber)	25038-32-8	15~30%
氢化石油树脂(Hydrogenated petroleum resin)	69430-35-9	45~65%
抗氧化剂 1010(Antioxidant 1010)	6683-19-8	0.1~0.5%
抗氧化剂 168(Antioxidant 168)	2082-79-3	0.1~0.5%

4. FIRST AID MEASURES

急救措施

EYE CONTACT

眼睛接触:

If molten product contacts eyes, rinse immediately with cold water and seek medical attention.

如果熔融的产品接触眼睛, 用水冲洗并立即就医。

SKIN CONTACT

皮肤接触:

If molten product contacts skin, rinse immediately with cold water and seek medical attention.

如果熔融的产品接触皮肤, 用冷却水清洗, 立即就医

KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 3/6

INHALATION

吸入

Remove affected person to the place with fresh air. If breathing is difficult, give oxygen. If breathing has stopped, give artificial respiration and seek medical attention.
将吸入产品的人员移到新鲜空气处。如果出现呼吸困难的情况,请立即就医。

INGESTION

摄入:

First aid is normally not required. Seek medical attention if discomfort occurs.
急救措施不是很必要,如出现不适,可以寻求医生的帮助。

Advice to doctors:对医师提醒:

Remove the hot melt adhesive only when it cool down to solid.
只有当热熔胶冷却成固体的时候才可以取走热熔胶。

5. FIRE-FIGHTING MEASURES

消防措施

Appropriate Extinguishing Media: 合适的灭火设备:
Use dry chemical or carbon dioxide (CO₂) to extinguish flames.
使用干粉或二氧化碳灭火器灭火

Inappropriate Extinguishing Media: Streams of water
不合适的灭火设备:水柱

Hazardous Combustion Products: Smoke, Oxides of carbon.
着火时产生的有害物质:烟,碳的氧化物等。

SPECIAL FIRE FIGHTING INSTRUCTIONS: NO

特殊灭火程序:无

SPECIAL PROTECTIVE DIVECE:NO

消防灭火设备:无

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

泄露应急处理方法

SPILL AND LEAK PROCEDURES

泄露处置

Allow to cool and solidify. Scrape up and collect in suitable containers for disposal. For safety and environmental precautions, please review entire Material Safety Data Sheet for necessary information.

允许冷却和凝固,设法收集到容器中。出于安全和环境的考虑,请检阅整个安全数据表提供的资料。

7. HANDLING AND STORAGE

操作处置和贮存

HANDLING

KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 4/6

操作处置

Use melting and coating equipment designed for hot melt adhesive. Use safety glasses, thermal insulating gloves and other clothing as necessary to protect from thermal burns. Molten product temperature should be within the range written on the TDS. 使用专门的设备熔融热熔胶，操作过程中请使用防护镜、隔热手套和其他必要的衣物，以免被烧伤；产品使用温度请参阅产品技术资料。

STORAGE

贮存

Store in a cool, dry place and the temperature should below 40°C.
存储于阴凉、干燥，且温度低于 40°C 的地方。

OTHERS

其他

No regulation in China.
无相关法规。

8. EXPOSURE CONTROLS /PERSONAL PROTECTION

接触控制和个体防护

ENGINEERING CONTROLS

工程控制

Professional melting equipment is recommended to melt the adhesive.
建议在专业的熔胶设备中熔胶。

PERSONNEL PROTECTION

个人防护

There is no danger when the product is under normal atmospheric temperature, so personnel protective equipment is not required for transport. For molten product use safety ,the glasses, thermal insulating gloves and other clothing as necessary to protect from thermal burns.

本产品常温下并无危险性，故在搬运过程中不需要的特殊的防护设备。但在使用熔融的产品时，需使用防护镜、隔热手套和其他必要的衣物，以免被烧伤

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

物理和化学性质

1	Physical state:Solid 物态:固体	5	Shape :Pillow 形状:枕型
2	SOFTENING POINT : 软化点: 93-103°C	6	Odour: None to mild 气味: 可忽略不计
3	Flash Point:>260°C 闪点: >260°C	7	SOLUBILITY IN WATER:Insoluble 水溶性: 不溶于水
4	Density: approx. 0.98g/cm ³ 密度: 约 0.98g/cm ³	8	PH:N/A PH 值: 测不出

KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 5/6

10. STABILITY AND REACTIVITY 稳定性和反应性

STABILITY: 稳定性:

Material is stable under normal conditions.

在正常条件下, 产品稳定。

CONDITONS TO AVOID: 应避免的条件

Avoid elevated temperatures for prolonged periods of time.

应避免过高的温度, 以延长产品的使用寿命。

HAZARDOUS DECOMPOSITION PRODUCTS

危险的分解产物:

Carbon monoxide, carbon dioxide, unknown hydrocarbons.

一氧化碳、二氧化碳、碳氢化合物不明

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

毒理学资料

ROUTE OF ENTRY

进入途径:

Skin Contact; Eye Contact; Inhalation

皮肤接触、眼睛接触, 吸入

Toxicity: 毒性:

Negligible irritation to skin and eyes. And may cause short-lasting discomfort to eyes when there is smoke due to the temperature is too high.

热熔胶对皮肤和眼睛的刺激几乎可以忽略不计。当使用温度过高导致热熔胶产生大量烟气时, 可能会使眼睛有短暂的不舒服。

12. ECOLOGICAL INFORMATION

生态学信息

No data available

无相关数据

13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

废弃处置注意事项

REGULATION

规定

Treat as waste plastics.

归为废旧塑料

WASTE DISPOSAL METHODS

废弃物处理方法:

Disposal should be in accordance with local, state or national legislation.

处置应按照当地或国家相关规定



KS2317

MSDS NO. 化学品安全技术说明书编号: 5016

Version 版本: KS-1.0 Revision date 修订日期: 2022.8.15 Page 页码: 6/6

14. TRANSPORTATION INFORMATION

运输信息

LAND: Not regulated for land transport.

陆路运输时, 没有特殊的管理要求。

SEA(IMDG): Not regulated for Sea Transport according to IMDG-Code.

海运运输时, 没有特殊的管理要求。

AIR (IATA): Not regulated for Air Transport.

空运时, 没有特殊的要求。

15. REGULATORY INFORMATION

法规信息

FIRE FIGHTING LAW

消防灭火法

No specified regulation in China.

中国没有指定的法规。

16. OTHER INFORMATION

其他资料

Prepared by

拟制人

Mr. Biao Kang

康标 先生

MSDS DATE 15- August -2022:

安全数据表指定日期: 2022.8.15

FOR INFORMATION CONTACT

联系信息

Guangdong Kaisun New Materials And Technology Co.,Ltd.

广东凯盛新材料科技有限公司

END OF MATERIAL SAFETY DATA SHEET

物质安全资料表完

Các thông số kỹ thuật an toàn MSDS

Phần 1. Hóa chất và thông tin nhà sản xuất:

Tên hàng tiếng Trung: 油漆

Tên hàng tiếng Anh: Paint

Tên công ty sản xuất: Carpoly Chemical Group Co., Ltd

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Jinxi, Thị Trấn Tangxia, Khu Vực Pengjiang, Thành Phố Jiangmen, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Mã zip: 529085

Hotline: 0750-3578000

Fax: 0750-3578771

Ngày có hiệu lực: ngày 03 tháng 06 năm 2021

MSDS số: CARPOLY-2019-03

Khẩn cấp: 0532-3889090 ; 0532-3889191

Phần 2. Tổng kết về mối nguy hiểm:

Loại nguy hiểm: Chất lỏng dễ cháy

Loại 3.

Các cách tiếp cận xâm lấn: Cảm hứng, ăn vào, hấp thụ qua da, tay, chân.

Nguy hiểm cho sức khỏe: Việc tiếp xúc, chế biến, hoặc sử dụng sản phẩm này có thể có hại cho sức khỏe của bạn.

Hơi này có tác dụng kích thích mắt và màng nhầy đường hô hấp trên, làm tổn thương màng nhầy và kích ứng đường hô hấp và mắt, hít phải, nồng độ cao của hơi sản phẩm có thể dẫn đến chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn, nôn mửa, ngực và các triệu chứng khác, gây ngộ độc cấp tính.

Mối nguy môi trường: Sản phẩm nguy hiểm cho môi trường xung quanh và cần đặc biệt chú ý ô nhiễm nước của nó.

Nguy cơ nổ: Dễ cháy, hơi nước của nó có thể dễ dàng tạo thành hỗn hợp nổ với không khí, dễ gây ra cháy khi gặp lửa hoặc nhiệt.

Tín hiệu nhãn GHS: Nguy hiểm



Hình ảnh nhãn GHS: PAINT

Phần 3. Thành phần hóa học:

Loại sản phẩm: Hỗn hợp

Tên hàng: Sơn

<i>Thành phần</i>	<i>Nồng độ</i>	<i>CAS No.</i>
Nhựa Alkyd	10 ~ 98%	63148-69-6
Xylene	1 ~ 25%	1330-20-7
Butyl axetat	1 ~ 8%	123-86-4
Cyclohexanone	1 ~ 8%	108-94-1
PGMEA	1 ~ 10%	108-65-6

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu:

Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, rửa sạch da bằng xà phòng và nước.

Tiếp xúc với mắt: Nâng mí mắt và rửa sạch bằng nhiều nước ngọt. Xin tư vấn y tế.

Cảm hứng: Rời khỏi hiện trường nhanh chóng đến một nơi nào đó không khí trong lành. Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo ngay lập tức nên được chọn; Nếu khó thở, hãy dùng liệu pháp Oxygen. Tìm kiếm y tế cho lời khuyên.

Nuốt phải: Gây nôn cho bệnh nhân, cần có sự tư vấn của bác sĩ.

Phần 5. Các biện pháp chữa cháy:

Đặc điểm nguy hiểm: Sản phẩm dễ cháy, Hơi nước và không khí tạo thành hỗn hợp nổ;

Gặp gỡ với mở ngọn lửa và ngọn lửa cao dễ gây cháy;

Hơi nước nặng hơn không khí nên có thể lan tỏa để khá xa ở phía dưới và dễ dẫn đến cháy trong lửa.

Đốt có hại khí ga; nó dễ dàng tạo ra và tích tụ tĩnh điện ở tốc độ cao.

Sản phẩm cháy có hại: Đốt cháy giải phóng carbon monoxide, carbon dioxide, oxit nitơ, hơi isocyanate và dấu vết của hydro xyanua.

Phương pháp chữa cháy và chất chữa cháy: Bột, khí cacbonic, bột khô, đất cát tiết kiệm tất cả đều có sẵn.

Phần 6. Các biện pháp xử lý:

Xử lý khẩn cấp: Cắt nguồn lửa, sơ tán người trong khu vực ô nhiễm rõ ràng đến nơi an toàn, và hạn chế nghiêm ngặt nhân sự ra vào.

Chúng tôi đề nghị nhân viên cấp cứu mặc tích cực mặt nạ phòng độc loại áp suất và quần áo chống vi-rút.

Cắt nguồn rò rỉ càng sớm càng tốt, trong trường hợp đi vào nước thải hoặc kênh thoát nước có không gian hạn chế.

Đối với rò rỉ nhỏ, chúng ta nên thu gom chất tràn vào thùng chứa kín khí càng sớm càng tốt, sử dụng cát hoặc các vật liệu trợ khác để hấp thụ phần chất lỏng còn lại.

Bạn cũng có thể sử dụng cao su phân tán làm bằng chất không cháy hoặc xà phòng nước hoặc chất tẩy rửa để làm sạch. Kem dưỡng da đã sử dụng phải được pha loãng để xử lý nước thải phía sau hệ thống, và những thứ đã sử dụng phải được gửi đến bộ phận bảo vệ hấp phụ để được chỉ định bãi rác hoặc đến nơi xử lý.

Đối với sự rò rỉ lớn, chúng ta nên xây dựng các bãi biển hoặc đào một cái hố tị nạn.

Để bảo vệ các nhân viên tại vị trí, chúng ta nên phủ xốp để giảm thiểu thấm họa hơi nước và phun nước làm mát và hơi nước pha loãng. Sau đó, chuyển đến thùng chứa bộ sưu tập đặc biệt bằng cách máy bơm chống nổ để tái chế hoặc phân phối chất thải nguyên liệu hóa chất độc hại nơi xử lý mà chỉ cục bảo vệ môi trường quy định.

Phần 7. Lưu trữ:

Lưu ý xử lý hoạt động: vui lòng tăng cường hệ thống thông gió và thoát khí. Các nhà khai thác phải được phê duyệt bởi một huấn luyện đặc biệt và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình.

Người vận hành phải mặc quần áo lao động, đi giày, găng tay, thiết bị chống vi-rút và mũ lao động. Vui lòng tránh xa ánh nắng trực tiếp, nhiệt và nơi làm việc cấm hút thuốc.

Bạn nên sử dụng hệ thống và thiết bị thông gió loại chống cháy nổ.

Cấm sử dụng các thiết bị, dụng cụ cơ khí có thể sinh ra tia lửa điện.

Khi đổ vào lon với các sản phẩm hoặc đồ hộp rơi, đồ hộp và ứng dụng kim loại dẫn điện phải nối đất đường dây sống, ngăn ngừa sự tích tụ tĩnh điện.

Khi bạn xử lý nó, bạn nên chú ý đến ánh sáng xà, ngăn ngừa hư hỏng bao bì và thùng chứa. Vui lòng trang bị các giống tương ứng và số lượng thiết bị chữa cháy và rò rỉ thiết bị xử lý khẩn cấp.

Có thể chứa rỗng vẫn là những mối nguy hiểm.

Lưu ý bảo quản: bảo quản trong kho khô ráo, thoáng mát.

Vui lòng tránh ánh nắng trực tiếp, nhưng với sơn khác

thư viện lưu trữ tương tự, có thể không được đặt các vật liệu có bản chất khác nhau như chất chống oxy hóa, axit, kiềm với hàng tồn kho.

Thư viện không nên có nhiệt độ quá 30 °C, độ ẩm tương đối không quá 80%.

Bạn có thể lấy thư viện phun nước lên trên, tường ngoài sơn trắng, thông gió chờ một phương pháp bằng đèn. Bạn nên giữ niêm phong container.

Nơi cất giữ không được có pháo hoa, loại trừ hỏa hoạn, xa từ nhiệt.

Nơi bảo quản cần có thiết bị chống sét, phải sử dụng đèn chiếu sáng loại chống cháy nổ, các phương tiện thông gió và thoát khí, phải được cung cấp phương pháp điều trị khẩn cấp tương ứng thiết bị và rò rỉ vật liệu tị nạn thích hợp.

Kho bên trong, nó phải bình chữa cháy, thiết bị dập lửa.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân:

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp: Tiếp xúc với metylbenzen ở nồng độ cho phép 100 mg / m³.

Phương pháp giám sát: Xác định nồng độ khí độc hại trong không khí bằng sắc ký khí.

Phương pháp xác định theo GB / T 5748-1985 xác định bụi trong không khí.

Kiểm soát kỹ thuật: Quy trình sản xuất khép kín để tăng cường thông gió và thoát khí.

Bảo vệ đường hô hấp: Mang thiết bị bảo hộ. Nồng độ trong không khí quá tải,

Nên đeo mặt nạ lọc (mặt nạ nửa mặt).

Cứu hộ khẩn cấp hoặc sơ tán, bạn nên đeo thiết bị thở khép kín áp suất dương.

Bảo vệ mắt: Đeo kính chống hóa chất.

Bảo vệ thân thể: Mặc quần yếm chống tĩnh điện, đi ủng và đội mũ lưỡi trai. Rò rỉ để mặc quần áo bảo vệ khi xâm nhập.

Bảo vệ tay: Mang găng tay lao động

Các biện pháp bảo vệ khác: Không được phép hút thuốc, ăn uống tại nơi làm việc.

Không có đồ uống có cồn trước khi làm việc.

Đi tắm sau khi làm việc.

Việc làm trước và định kỳ khám bệnh.

Phần 9. Tính chất vật lý và hóa học:

Hình thức và đặc tính: Vecni là một chất lỏng trong suốt không màu hoặc màu vàng nhạt, chất lỏng màu sơn.

PH: Không có dữ liệu

Điểm nóng chảy (°C): Vô hạn

Điểm sôi (°C): Vô hạn

Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 0,9 ~ 1,3

Mật độ hơi tương đối (không khí = 1): Không có dữ liệu

Điểm chớp cháy (°C): 26

Nhiệt độ bốc cháy (°C): Không có dữ liệu

Giới hạn nổ trên% (V / V): Không có dữ liệu

Giới hạn nổ dưới% (V / V): Không có dữ liệu

Độ hòa tan: có thể trộn với xylene, chất pha loãng sơn mài polyester.

Mục đích chính: áp dụng để hoàn thiện bề mặt gỗ thông thường hoặc phủ vecni.

Phần 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng:

Ổn định: Ổn định

Tương kỵ: Cấm kho chất oxy hóa mạnh, axit, bazơ có thư viện.

Các điều kiện cần tránh: Ngọn lửa trần, nhiệt.

Trùng nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Sản phẩm phân hủy: cacbon monoxit, cacbon đioxit, xianua, các oxit nitơ.

Phần 11. Thông tin về độc tính:

Độc tính cấp: LD50 5000mg / kg (miệng chuột)

LC50 14100mg / kg (đa thỏ)

Độc tính bán cấp và mãn tính: Không có dữ liệu

Kích ứng: Thở mở test kích thích qua da: 10ug (24 giờ), kích thích nặng.

Nhạy cảm: Không thông tin

Tính gây đột biến: Không có thông tin

Gây ra bởi sự bất thường: Không có thông tin

Gây ra bởi ung thư: Không có thông tin

Phần 12. Thông tin sinh thái:

Độc tính trên hệ sinh thái: Không có dữ liệu đặc biệt về sản phẩm này.

Theo Luật Bảo vệ Môi trường, điều này sản phẩm không được phép đổ vào cống rãnh hoặc cống rãnh và cũng không được vứt bỏ nó ở đâu có thể ảnh hưởng đến đất và nước ngầm.

Khả năng phân hủy sinh học: Không có thông tin

Không phân hủy sinh học: Không có thông tin

Sự tập trung sinh học hoặc sự tích tụ sinh học: Không có thông tin

Các tác hại khác: Không có thông tin

Phần 13. Xử lý chất thải:

Bản chất chất thải: Chất thải nguy hại.

Phương pháp xử lý chất thải: Đưa đến bãi chôn lấp hoặc bãi xử lý theo quy định của bộ phận bảo vệ môi trường các phòng ban, xử lý đốt rác có kiểm soát.

Lưu ý về chất thải: Việc lưu giữ chất thải, xử lý chất thải cần tham khảo các quy định về môi trường của quốc gia và địa phương.

Phần 14. Thông tin vận chuyển:

Danh mục nguy hiểm: 3

Số UN: 1263

Tên vận chuyển thích hợp: PAINT

Nhóm đóng gói: III

Chất ô nhiễm biển: KHÔNG

Phương pháp đóng gói: Phuy thép mở, thùng thép; kim loại (lon) bên ngoài thùng tôn.

Vận chuyển Lưu ý: Xử lý nhẹ nhàng để tránh làm hỏng bao bì và thùng chứa. Để tránh ánh nắng mạnh vào mùa hè, chỉ nên vận chuyển vào buổi sáng hoặc chiều tối. Vận chuyển bởi những người có liên quan quy định của tuyến đường đi du lịch.

Phần 15. Thông tin quy định:

Luật và quy định trong nước: "An toàn trong công ước sử dụng hóa chất", "Các quy định về quản lý an toàn hóa chất nguy hiểm", "An toàn trong các quy định về sử dụng hóa chất", "Quy tắc chung về kho chứa hàng nguy hiểm thường



dùng ”, “ Vận chuyển hàng nguy hiểm đóng gói điều kiện kỹ thuật chung ”, “ quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm ”.

Luật pháp và quy định quốc tế: “An toàn trong việc sử dụng hóa chất trong đề xuất”.

Liên hợp quốc “về đề xuất vận chuyển hàng hóa chất nguy hiểm”.

Phần 16. Thông tin khác:

Tham khảo: Báo chí Công nghiệp Hóa chất “Bảng dữ liệu an toàn về vật liệu nguy hiểm”, “Các hóa chất nguy hiểm mới hướng dẫn sử dụng ”, “ Hóa chất độc hại và sổ tay hướng dẫn về sức khỏe và an toàn ”, Nhà xuất bản Đo lường Trung Quốc“ nguy hiểm Quy định và tiêu chuẩn hóa chất Sổ tay thực hành ”.

Ngày nộp hồ sơ: 03/06/2021

Các bộ phận chiết rót: Carpoly Chemical Group Co., Ltd. Phòng quản lý an toàn

Đơn vị kiểm toán dữ liệu: Carpoly Chemical Group Co., Ltd.

Chính sửa Mô tả: Theo “Nội dung và Thứ tự của Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu”



CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tên nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu Commune, Thuay Nguyen District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 888 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 0220108350702

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TAA

Số (No.): 1858

Ngày (Date) 06 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 00AFA66C6D630340BAE7F18310A9D585E3

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 4/2024	M3	697,00	20.000	13.940.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 4/2024	M3	557,60	7.000	3.903.200	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 4/2024	Kwh	41.338,00	1.809	74.780.442	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 4/2024	Kwh	11.788,00	3.314	39.065.432	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 4/2024	Kwh	3.663,00	1.184	4.336.992	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 4/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					164.064.066	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	164.064.066	0	164.064.066
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		164.064.066	0	164.064.066
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):	Một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-05-06T10:50:14

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-05-06T10:54:07

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử dùng ứng dụng XuatHoaDon (XHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn



CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tòa nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hải Phòng Administration Office, VSIP Hải Phòng Township, Industrial & Service Park, An Lữ
Commune, Thủy Nguyên District, Hải Phòng City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 868 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 02000850703

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C34TAA

Số (No.): 2057

Ngày (Date) 04 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 007EDF344FCF124FFFAAF0B113CECFE973

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 5/2024	M3	1.527,00	20.000	30.540.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 5/2024	M3	1.221,60	7.000	8.551.200	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 5/2024	Kwh	43.622,00	1.809	78.912.198	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 5/2024	Kwh	13.663,00	3.314	45.279.182	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 5/2024	Kwh	5.416,00	1.184	6.412.544	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 5/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng cộng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					197.733.124	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	197.733.124	0	197.733.124
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		197.733.124	0	197.733.124
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):		Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn một trăm hai mươi bốn đồng.		

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-06-04T14:44:58

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-06-04T14:48:46

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử ứng dụng XuấtHoaDon (iXHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tòa nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu
Commune, Thuỵ Nguyen District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 868 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 0201882464



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): IC24TAA

Số (No.): 2284

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 004F006A6A08E44918EF86B392A66647E

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 6/2024	M3	602,00	20.000	12.040.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 6/2024	M3	481,60	7.000	3.371.200	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 6/2024	Kwh	27.623,00	1.809	49.970.007	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 6/2024	Kwh	9.165,00	3.314	30.372.810	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 6/2024	Kwh	4.023,00	1.184	4.763.232	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 6/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng cộng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					128.555.249	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	128.555.249	0	128.555.249
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		128.555.249	0	128.555.249
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):	Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-07-03T15:06:02

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-07-03T15:11:52

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử dùng ứng dụng XuấtHoaDon (iXHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tòa nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu
Commune, Thuay Nguyen District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 868 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 0210108350702



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TAA

Số (No.): 2451

Ngày (Date): 05 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 00F5DD9D9DB3B04F9E85512E547B0E27A3

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 7/2024	M3	666,00	20.000	13.320.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 7/2024	M3	532,80	7.000	3.729.600	0%
3	Tiền điện (giò bình thường) tháng 7/2024	Kwh	35.737,00	1.809	64.648.233	0%
4	Tiền điện (giò cao điểm) tháng 7/2024	Kwh	11.295,00	3.314	37.431.630	0%
5	Tiền điện (giò thấp điểm) tháng 7/2024	Kwh	4.176,00	1.184	4.944.384	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 7/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Cộng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					152.111.847	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	152.111.847	0	152.111.847
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		152.111.847	0	152.111.847
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):		Một trăm năm mươi hai triệu một trăm mười một nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng.		

Người mua hàng
(Buyer)

Người bán hàng
(Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-08-05T11:51:33

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-08-05T11:57:48

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử bằng ứng dụng XuấtHóaĐơn (iXHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tên nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu
Commune, Thuý Nguyen District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 868 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 0201882464

VSIP



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): IC24TAA

Số (No.): 2623

Ngày (Date): 06 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 009A61EF8874DD452B84DD9C426DBBD259

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 8/2024	M3	798,00	20.000	15.960.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 8/2024	M3	638,40	7.000	4.468.800	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 8/2024	Kwh	36.303,00	1.809	65.672.127	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 8/2024	Kwh	12.072,00	3.314	40.006.608	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 8/2024	Kwh	4.412,00	1.184	5.223.808	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 8/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					159.369.343	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	159.369.343	0	159.369.343
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		159.369.343	0	159.369.343
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):	Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng.			

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-09-06T11:29:11

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-09-06T11:32:15

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử dùng ứng dụng XuatHoaDon (iXHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn



CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tòa nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu
Commune, Thuý Nguyên District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 868 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): 0201882464



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TAA

Số (No.): 2947

Ngày (Date): 04 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 000476A1D1394A4762BCFD106ABA44E95C

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 9/2024	M3	643,00	20.000	12.860.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 9/2024	M3	514,40	7.000	3.600.800	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 9/2024	Kwh	34.877,00	1.809	63.092.493	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 9/2024	Kwh	10.761,00	3.314	35.661.954	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 9/2024	Kwh	4.477,00	1.184	5.300.768	0%
6	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 9/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					148.554.015	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	148.554.015	0	148.554.015
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		148.554.015	0	148.554.015
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):		Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm mười lăm đồng.		

Người mua hàng
(Buyer)

Người bán hàng
(Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-10-04T10:25:28

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-10-04T10:28:50

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử dùng ứng dụng XuatHoaDon (iXHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn



CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

Tòa nhà điều hành VSIP Hải Phòng, Khu 05 thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ,
Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

VSIP Hai Phong Administration Office, VSIP Hai Phong Township, Industrial & Service Park, An Lu
Commune, Thủy Nguyên District, Hai Phong City, Viet Nam.

Điện thoại (Tel): 02253 959 888 Fax: 02253 959 886

Mã số thuế (Tax Code): **0201882464**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày (Date): 05 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24TAA

Số (No.): 3105

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Mã số thuế (Tax code): 0201882464

Địa chỉ (Address): Số 131-133, đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Mã của cơ quan thuế (Code): 00435289F027434DD2B2D609FBE2EAE7F7

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)
1	Nước cấp tháng 10/2024	M3	776,00	20.000	15.520.000	0%
2	Phí xử lý nước thải tháng 10/2024	M3	620,80	7.000	4.345.600	0%
3	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 10/2024	Kwh	16.910,00	1.809	30.590.190	0%
4	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 10/2024	Kwh	4.971,00	3.314	16.473.894	0%
5	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 10/2024	Kwh	1.991,00	1.184	2.357.344	0%
6	Tiền điện (giờ bình thường) tháng 10/2024	Kwh	30.327,00	1.896	57.499.992	0%
7	Tiền điện (giờ cao điểm) tháng 10/2024	Kwh	9.437,00	3.474	32.784.138	0%
8	Tiền điện (giờ thấp điểm) tháng 10/2024	Kwh	3.675,00	1.241	4.560.675	0%
9	Phí công suất đăng ký sử dụng tháng 10/2024	KVA	600,00	46.730	28.038.000	0%
Tổng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):					192.169.833	

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:	KCT			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	0%	192.169.833	0	192.169.833
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	5%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	10%			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất:	không KIKNT			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		192.169.833	0	192.169.833
Tổng số tiền bằng chữ (Amount in words):		Một trăm chín mươi hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng.		

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

CÔNG TY TNHH VSIP HẢI PHÒNG

54010108378EBDD1A5C3116F14159D4B

Ngày ký: 2024-11-05T13:19:33

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-11-05T13:21:38

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tạo hóa đơn điện tử bằng ứng dụng XuatHosDon (XHD) của Công ty cổ phần TS24 - MST: 0309478306 - www.TS24.com.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP
CONTRACT TRANSPORTING AND TREATING INDUSTRIAL WASTE

(Số/No: 2023/HECOM-ĐT/RCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Pursuant to Civil Code 91/2015 / QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from 01/01/2017;

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

- Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, effective from January 1, 2022;

- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-Cp của Chính phủ ngày hiệu lực 10/01/2022;
Pursuant to the Government's Decree No. 08/2022/ND-Cp effective January 10, 2022;

- Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hiệu lực 10/01/2022;

- Pursuant to Circular 02/2022/TT-BTNMT of the Ministry of Natural Resources and Environment effective January 10, 2022;

- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thắng ngày 28 tháng 02 năm 2022;

- Pursuant to the License of Hazardous Waste Treatment, Code of Hazardous Waste Management: 1-2-3,041.VX issued by the Ministry of Natural Resources and Environment to Dai Thang Development, Trading and Production Co., Ltd on February 28, 2022;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

- Base on the demand and the ability of the two parties

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam), Chúng tôi gồm:

Today, December 02nd, 2022, at Hecom (Vietnam) Co., Ltd, We include:

BÊN A: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Party A: HECOM (VIETNAM) CO., LTD

Đại diện : Ông John Leung Chức vụ: Giám đốc

Represented by: Mr John Leung Position: Director

Địa chỉ : Số 131 - 133, Đường số 6, Vsip Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Address : No.131-133, Road No.6, VSIP HaiPhong LapLe Commune, ThuyNguyen District, HaiPhong City, VietNam.

Điện thoại/Tel : 0225.2299908

Fax: 0225.2299909

Mã số thuế/Tax code : 0201882464

Tài khoản số : 0031000342288 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Account No. : 0031000342288 at Vietcombank, Branch Hai Phong

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG**PARTY B: Dai Thang Development, Trading and Manufacturing Co., Ltd.**

Đại diện : Ông ĐOÀN NGỌC HÙNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Representative: Mr. DOAN NGOC HUNG Position: General Director

Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Address : No. 318 To Hieu, Ho Nam ward, Le Chan district, Hai Phong City, Vietnam

Điện thoại/Tel : 0225.3701184 Fax: 0225.3956954

Mã số thuế/Tax code : 0200504396

Tài khoản số: 3310548-001 VNĐ tại ngân hàng INDOVINA BANK Hải Phòng

Account No.: 3310548-001 VND AT INDOVINA BANK Haiphong

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với các điều khoản sau:

Sign the contract of transporting and treating industrial waste together with the following terms and conditions:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng**Article 1: Scope of contract:**

- Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc vận chuyển
- xử lý chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại thải ra từ quá trình hoạt động của bên A.

- Party B agree to supply service and party A agree to use the service of party B for transporting-treating normal non-dangerous industrial waste from production of party A.

Điều 2: Đơn giá và Phương thức thanh toán**Article 2: Price unit and Payment method****2.1 Đơn giá/ Price unit:**

STT	Tên chất thải Name of waste	Đơn vị tính Unit	Đơn giá Unit Price (VNĐ/Kg)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (Già da vụn, da vụn thải) <i>Industrial waste does not contain hazardous ingredients (Leatherette, waste leather)</i>	Kg	4.000
2	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (Vải vụn, mùn cưa, bông, xốp vụn,...) <i>Industrial waste does not contain hazardous ingredients (rags, sawdust, cotton, spongy. ...)</i>	Kg	3.000

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

- The above unit price not yet included VAT

2.2. Phương thức thanh toán/*Payment method*

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.
- *Payment method: Transfer according to account recorded in the contract*
- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng để làm cơ sở thanh toán.
- *There's confirmation of volume of two parties in implementing and minute of volume as basis for payment.*
- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất sau 30 ngày khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.
- *Payment due: Party A is responsible for paying party B after receiving document of payment invoice exactly and suitably with regulation of current financial law.*

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

Article 3: Right and obligation of Party A

3.1. Bên A có các quyền sau/ *Party A has the following rights:*

- Yêu cầu bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên A vào thời gian theo yêu cầu của bên A để vận chuyển chất thải công nghiệp về khu xử lý.
- *Requiring Party B to give transportation mean to waste collected and kept place of Party A at the time under requirement of Party A to transport industrial to treatment area.*

3.2. Bên A có các nghĩa vụ sau/ *Party A has the following rights:*

- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ bên B đưa những bao đựng chất thải nặng (nếu có) lên xe của bên B.
- *Party A is responsible for supporting Party B to bring heavy waste bags (if any) to Party B's vehicle.*
- Thanh toán tiền dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- *Paying fully and timely money of waste transportation, treatment under the contract and appendix (if any)*
- Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.
- *Containing wastes in contained devices hygienically.*
- Đảm bảo loại chất thải giao cho bên B xử lý phải đúng chủng loại đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này. Trong trường hợp có thay đổi về loại chất thải thì bên A phải thông báo trước cho bên B để có phương án xử lý và áp dụng giá theo Quy định.
- *Ensuring type of waste gave to Party B, treat right of type mentioned in Article 1 of this contract. In case, there is change about type of waste, Party A must inform before to Party B to have solution to treat and re-arrange price under regulation.*
- Trường hợp khối lượng chất thải cần vận chuyển - xử lý có phát sinh lớn thì bên A phải thông báo trước cho bên B ít nhất 03 ngày để bên B có phương án phục vụ và bổ sung Phụ lục hợp đồng.

- In case, number of transported, treated waste raise with large volume, Party A must inform before to Party B at least 03 days for Party B has method to serve and supplement appendix of the contract.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

- Other obligations under regulation of the law.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

Article 4: Right and obligation of party B

4.1. Bên B có các quyền sau/Party B has the following rights:

- Yêu cầu bên A chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị.

- Request party A contain, gather waste according to request of technical standard, regulated position without environment pollution, urban scene.

- Yêu cầu bên A khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc vận chuyển - xử lý chất thải được nhanh chóng, thuận lợi.

- Request party A to overcome difficulties for party B to carry out transporting- treating waste quickly and favorably.

4.2. Bên B có các nghĩa vụ sau/Obligations of party B:

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển - xử lý chất thải theo các quy định về môi trường của Pháp luật.

- Ensure to supply service of transport - treat waste according to regulation about environment of the Law.

- Về thời gian: Theo yêu cầu của bên A

- About time: According to request of party A

- Địa điểm tại: Địa điểm quy định của bên A

- Place: Place regulated by party A

- Cùng bên A xác định khối lượng chất thải cần vận chuyển xử lý để làm cơ sở thanh toán.

Together with Party A determine the volume of waste to be handled and treated as a basis for payment.

- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.

- When stop supplying service due to problem, must notice party A within 24 hours by phone or other media.

- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thoả thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

- Accept and solve claims, requests of party A about matters relating to supply of environment services agreed in this contract and according to current regulation.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

- Other obligations according to regulation of the Law.

Điều 5: Điều khoản chung.

Article 5: General provision

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung ghi trong bản hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *Two parties commit to implement in accordance with the content stated in this contract. Violated party must be taken all responsibilities before law.*

- Nếu có vấn đề gì phát sinh thì hai bên phải thông báo cho nhau, để cùng bàn bạc và đi đến thống nhất có lợi cho cả hai bên.

- *If having arising issues, both parties must inform each other to mutually discuss and decide the solutions.*

- Trong trường hợp không giải quyết được vấn đề tranh chấp thì vấn đề sẽ được đưa ra xét xử tại toà án có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng . Phán quyết của toà án là cuối cùng và hai bên phải thực hiện. Phí xét xử do bên thua kiện chịu.

- *In case of not reaching amicable settlement, that problem will be given to the competent court in Haiphong City. The court's decision is final and binding two parties. The Court fee will be paid by losing party.*

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng.

Article 6 : Contract effectiveness

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2025. Nếu 01 tháng (30 ngày) trước ngày hết hạn hợp đồng, hai bên không có sự thay đổi (được gửi bằng văn bản) thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn cho các năm tiếp theo. Trường hợp có phát sinh hai bên sẽ thống nhất bổ sung bằng các phụ lục hợp đồng.

- *This contract is valid from January 1st, 2023 to the end of December 31st, 2025. If 01 month (30 days) before the expiration date, the two parties do not change (sent in writing), this contract is automatically renewed for the following years. In the event of any incident, the two parties will agree to supplement it with the contract appendix.*

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện.

- *This contract is made in 04 bilingual versions (in Vietnamese and English) with the same value. Party A holds 02 copies, Party B holds 02 copies as the basis for implementation.*

ĐẠI DIỆN BÊN A

Party A's representative



GIÁM ĐỐC

JOHN LEUNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

Party B's representative



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist republic of vietnam

Independence - Freedom - Happiness

o0o

HỢP ĐỒNG

Contract

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Transporting and treating hazardous waste

(Số/No: 2023/HECOM-ĐT/CTNH)



- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;
Pursuant to Civil Code 91/2015 / QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from 01/01/2017;
- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;
Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, effective from January 1, 2022;
- Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-Cp của Chính phủ ngày hiệu lực 10/01/2022;
Pursuant to the Government's Decree No. 08/2022/ND-Cp effective January 10, 2022;
- Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hiệu lực 10/01/2022;
Pursuant to Circular 02/2022/TT-BTNMT of the Ministry of Natural Resources and Environment effective January 10, 2022;
- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển, thương mại và sản xuất Đại Thăng ngày 28 tháng 02 năm 2022;
Pursuant to the License of Hazardous Waste Treatment, Code of Hazardous Waste Management: 1-2-3,041.VX issued by the Ministry of Natural Resources and Environment to Dai Thang Development, Trading and Production Co., Ltd on February 28, 2022;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.
Base on the demand and the ability of the two parties

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam), chúng tôi gồm:

Today, December 02nd, 2022 at Hecom (Vietnam) co., Ltd, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

Party A: HECOM (VIETNAM) CO., LTD

Đại diện : Ông John Leung Chức vụ: Giám đốc

Represented by: Mr John Leung Position: Director

Địa chỉ : Số 131 - 133, Đường số 6, Vsip Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Address : No.131-133, Road No.6, VSIP HaiPhong LapLe Commune, ThuyNguyen District, HaiPhong City, VietNam

Điện thoại/Tel : 0225.2299908

Fax: 0225.2299909

Mã số thuế/Tax code : 0201882464

Tài khoản số : 0031000342288 tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Account No. : 0031000342288 at Vietcombank, Branch Hai Phong

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG

PARTY B: Dai Thang Development, Trading and Manufacturing Co., Ltd.

Đại diện : Ông ĐOÀN NGỌC HÙNG

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Representative: Mr. DOAN NGOC HUNG

Position: General Director

Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Address : No. 318 To Hieu, Ho Nam ward, Le Chan district, Hai Phong City, Vietnam

Điện thoại/Tel: 0225.3701.184

Fax: 0225.3956.954

Mã số thuế/ Tax code: 0200504396

Tài khoản số: 3310548-001 VND tại ngân hàng INDOVINA BANK Hải Phòng

Account No.: 3310548-001 VND AT INDOVINA BANK Haiphong

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

After discussion, two parties agree to sign the contract on moving and solving the toxic waste with the contents as follows:

ĐIỀU 1: Nội dung công việc

Article 1: Content of the work

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh:

- Party A agrees to confide Party B to transport and treat types of harmful waste rising from Party A's production progress:

TT	Tên chất thải Name of hazardous waste	Trạng thái tồn tại Existing status	Mã CTNH Hazardous waste code
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (dính dầu hóa chất thải bỏ,...) Hard waste packaging made of metal containing hazardous components (sticky with petrochemicals, etc.)	Rắn Solid	18 01 02
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/Sorbents, filter	Rắn Solid	18 02 01

	<i>media, rags, and cloths protect waste from being contaminated with hazardous components</i>		
3	Bóng đèn huỳnh quang thải <i>Exhaust fluorescent lamp</i>	Rắn <i>Solid</i>	16 01 06
4	Hộp mực in thải/ <i>Waste toner cartridge</i>	Rắn <i>Solid</i>	08 02 01
5	Dầu thải/ <i>Waste oil</i>	Lỏng <i>Liquid</i>	17 02 04
6	Pin, ắc quy thải <i>Waste batteries and accumulators</i>	Rắn <i>Solid</i>	16 01 12
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa <i>Waste plastic packaging</i>	Rắn <i>Solid</i>	18 01 03
8	Hóa chất hữu cơ thải/ <i>Waste organic chemicals</i>	Lỏng <i>Liquid</i>	19 05 04
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải/ <i>Activated carbon is used from the exhaust gas treatment process</i>	Rắn <i>Solid</i>	12 01 04
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mấu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại <i>Sawdust, shavings, bits, scraps, waste boards and plywood with hazardous ingredients</i>	Rắn <i>Solid</i>	09 01 01

- Bên B vận chuyển và xử lý tiêu huỷ chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

- *Party B transports and treats to ruin this harmful waste according to Regulations of the Law for protecting the environment of Vietnam and report Party A of the completion of final treatment.*

ĐIỀU 2: Địa điểm và thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

Article 2: Place and time of delivery, quantity and means of transport.

- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu giữ chất thải của bên A

- *Delivery and receipt place of harmful waste: At the harmful waste storing area of Party A*

- Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của công ty TNHH Phát triển Thương mại và Sản xuất Đại Thắng - Lô CN04, KCN Nam Cầu Kiền, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

- *Location of storage and treatment: At the hazardous waste treatment plant of Dai Thang Trading and Production Development Co., Ltd - Lot CN04, Nam Cau Kien Industrial Park, Thuy Nguyen, Hai Phong.*

- Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng bên A phải đảm bảo báo cho bên B trước 48h để bên B bố trí phương tiện vận chuyển và nhân lực.

- Time of delivery: Shall be described in the order by Party A and accepted by Party B but Party A inform Party B 48 hours before in order Party B to arrange the transport vehicle and personnel.

- Số lượng hàng hoá: Lượng chất thải được tính theo lượng phát sinh thực tế tại bên A.

- Quantity of goods: Quantity of waste is counted under actual quantity of harmful waste discharged at Party A.

- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển, bên A có trách nhiệm phối hợp cùng bên B để đưa hàng lên xe.

- Means of transport: Party B takes responsibility to arrange means of transport, Party B combines with Party A to get goods on the vehicle for heavy waste.

ĐIỀU 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán

3.1 Đơn giá vận chuyển, xử lý chất thải

3.1. Unit price for transportation and treatment.

TT No	Tên chất thải Name of hazardous waste	Mã CTNH Hazardous waste code	Đơn giá Unit price (VNĐ/Kg)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (dính dầu hóa chất thải bỏ,...) Hard waste packaging made of metal containing hazardous components (sticky with petrochemicals, etc.)	18 01 02	2.500
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại Sorbents, filter media, rags, and cloths protect waste from being contaminated with hazardous components	18 02 01	5.300
3	Bóng đèn huỳnh quang thải/ Exhaust fluorescent lamp	16 01 06	5.000
4	Hộp mực in thải/Waste toner cartridge	08 02 01	5.300
5	Dầu thải/Waste oil	17 02 04	3.800
6	Pin, ắc quy thải/Waste batteries and accumulators	16 01 12	5.300
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa/Waste plastic packaging	18 01 03	4.500
8	Hóa chất hữu cơ thải/Waste organic chemicals	19 05 04	5.300
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải Activated carbon is used from the exhaust gas treatment process	12 01 04	5.500
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại Sawdust, shavings, bits, scraps, waste boards and plywood with hazardous ingredients	09 01 01	5.300

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT

- Price does not include tax VAT

3.2 Phương thức thanh toán/Payment method

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Payment method: Transfer according to account recorded in the contract

- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

- There's confirmation of volume of two parties in implementing and minute of volume as basis for payment.

- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất sau 30 ngày khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

- Payment due: Party A is responsible for paying party B after receiving document of payment invoice exactly and suitably with regulation of current financial law.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của mỗi bên

Article 4: Responsibilities of parties

4.1. Trách nhiệm của bên A/ Responsibility of Party A:

- Đảm bảo thành phần chất thải không được trộn lẫn các chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp với chất thải nguy hại.

- Guarantee the content of waste without the family waste in the harmful waste and the quantity of waste has to be ensured as in the registration book of the waste owner.

- Chất thải nguy hại phải được phân loại riêng biệt, đựng trong bao, thùng đúng quy định trước khi bên B tiến hành vận chuyển và bên B chỉ vận chuyển chất thải nguy hại đã được đóng gói theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường hiện hành.

- Hazardous wastes must be classified separately, packed in bags and barrels in accordance with regulations before Party B transports and Party B only transports hazardous waste that has been packed in accordance with the provisions of the Law on Environmental Protection, current school.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở kê khai chứng từ chất thải nguy hại.

- Appoint the person to lead and confirm the waste quantity to move and solve for making report for payment.

- Hỗ trợ bên B nâng các bao, thùng đựng chất thải lên xe (nếu là chất thải nặng).

- Support Party B to lift waste bags and bins into the car (if it is heavy waste).

- Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để phối hợp giải quyết.

- *When there is any changes in the content of the waste, inform Party B by document to cooperate the solution.*

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng.

- *Full payment to Party B according to the content of contract after receiving payment request and invoice.*

4.2. Trách nhiệm bên B/ Responsibility of Party B:

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có yêu cầu bàn giao chất thải của bên A.

- *Arrange the personnel to means of transport when Party A has the demand.*

- Đảm bảo đúng các quy định về vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển và xử lý các loại chất thải.

- *Guarantee the regulations about transportation, treatment of the waste and protecting the environment of Vietnam. To be responsible for the problem during the process of transportation, treatment the wastes.*

- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng và xác nhận chứng từ CTNH cho bên A khi đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình.

- *Confirm harmful waste documents and issue VAT invoices for Party A when completing process of transportation, treatment the wastes.*

ĐIỀU 5: Điều khoản chung

Article 5: Common terms:

- Hai bên không được đơn phương sửa đổi nội dung hay huỷ bỏ hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- *Each party shall not unilaterally modify any content or terminate the contract. Any amendment or modification have to be agreed and made in writing by two parties.*

- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới toà án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

- Two parties shall inform each other of the process of performance during the contract performance in timely manners, if there is any dispute, two parties should timely inform each other to find out the solution. In case any dispute can not settled by two parties, the such depute shall be submitted to Hai Phong Economic Court for solution. The decision of the Economic Court will be the final. The legal fee for the solution and relevant economic damages shall be borne by the fail party.

ĐIỀU 6: Hiệu lực hợp đồng

Article 6: Validity of the contract.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Nếu 1 tháng (30 ngày) trước ngày hết hạn hợp đồng, nếu hai bên không có sự thay đổi (được gửi bằng văn bản) thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn cho các năm tiếp theo. Trường hợp có phát sinh hai bên thống nhất bổ sung bằng các phụ lục hoặc báo giá kèm theo.

- This contract is valid from the date of signing to December 31st, 2025. If 1 month (30 days) before the expiration date of the contract, if the two parties do not change (sent in writing), this contract is automatically renewed for the following years. In case of arising, the two parties agree to supplement with the attached appendix or quotation.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản làm căn cứ thực hiện.

- This contract is made in 04 bilingual versions (in Vietnamese and English) with the same value, Party A holds 02 copies, Party B holds 02 copies as the basis for implementation.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Party A's representative



[Signature]
GIÁM ĐỐC

JOHN LEUNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

Party B's representative



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẰN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 03/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom Việt Nam Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184			
3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	2460	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023		Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2023	
BÊN GIAO (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)   GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG		BÊN NHẬN (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)   TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Đoàn Ngọc Hưng</i>	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 05/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom Việt Nam Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184			
3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTCRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	5798	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 27 tháng 05 năm 2023		Hải Phòng, ngày 27 tháng 05 năm 2023	
BÊN GIAO (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)		BÊN NHẬN (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)	
  GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG		  TỔNG GIÁM ĐỐC Đoàn Ngọc Hùng	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 06/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom Việt Nam Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184			
3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	6780	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2023		Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2023	
BÊN GIAO <i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</i>   GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG		BÊN NHẬN <i>(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</i>   TỔNG GIÁM ĐỐC Đoàn Ngọc Hùng	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 07/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom Việt Nam Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thăng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225. 3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225. 3701184			
3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	6220	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2023		Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2023	
BÊN GIAO (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG		BÊN NHẬN (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)  TỔNG GIÁM ĐỐC Đoàn Ngọc Hùng	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 08/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom Việt Nam Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.3701184			
3. Khối lượng: CTCNNT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNNT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	8910	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2023		Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2023	
<p align="center">BÊN GIAO (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p>  <p align="center">GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG</p>		<p align="center">BÊN NHẬN (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p>  <p align="center">TỔNG GIÁM ĐỐC Đoàn Ngọc Hùng</p>	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số: 09/2023/RCN

1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện
Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy
Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thăng

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải
Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184

3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	5320	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...

**4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin
ở mục 1-3**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 09 năm 2023

Hải Phòng, ngày 27 tháng 09 năm 2023

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Signature]

GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Signature]

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẪN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số: 10/2023/RCN

1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện
Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2299908

Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy
Nguyên, TP Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2299908

2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải
Phòng, Việt NamĐT: 0225. 3701184

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225. 3701184

3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyên giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyên giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	6720	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...

**4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin
ở mục 1-3**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2023

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Handwritten signature]

**GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG**

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Handwritten signature]

**TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng**

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN
CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số: 11/2023/RCN

1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện
Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy
Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải
Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184

3. Khối lượng: CTCRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	7130	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...

**4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin
ở mục 1-3**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2023

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Signature]
GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2023

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẠN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số: 12/2023/RCN	
1. Bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908 Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908			
2. Bên nhận: Công ty TNHH Phát triển, TM & SX Đại Thắng Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184 Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiển, xã Kiển Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225. 3701184			
3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	5130	Vải vụn, bông vụn, xốp vụn, mùn cưa, gỗ vụn...
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2023		Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2023	
<p align="center">BÊN GIAO (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p>  <p align="center"><i>[Signature]</i> GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG</p>		<p align="center">BÊN NHẬN (Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)</p>  <p align="center"><i>[Signature]</i> TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Đoàn Ngọc Hùng</i></p>	

BM 06.03A, hiệu lực 10/01/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng số 2023/HECOM-DT/CTNH ký giữa Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) và Công ty TNHH PT TM& SX Đại Thắng ngày 02 tháng 12 năm 2022,

Hôm nay, ngày 27 tháng 05 năm 2023, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam), Chúng tôi gồm:

1, Đại diện bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Ông (Bà): JOHN LEUNG - Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): - Chức vụ:

2, Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng

Ông (Bà): Đoàn Ngọc Hùng..... - Chức vụ: Tổng giám đốc.....

Ông (Bà): - Chức vụ:

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	
8	Hoá chất hữu cơ thải	Rắn	19 05 04	
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	100
10	Mùn cưa, phối bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	09 01 01	100

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát: 16L3285

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển và xử lý rác thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.


DAI DIỆN BÊN GIAO
TRÁCH NHIỆM
HECOM
(VIỆT NAM)
GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG


CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
VÀ SẢN XUẤT
ĐẠI THẮNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

SỐ: 01.05/2023/1-3.041.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG Mã số QLCTNH 1-3.041.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3701104

Địa chỉ cơ sở tại: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng ĐT: 0225.3701104

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMDT):

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM) Mã số:

Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, Việt Nam ĐT: 0225.2299908

4. Mã khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tài sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	10	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	10	Phá dỡ, HR
3	Hộp mực in thải	X			08 02 04	2	TĐ
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		X		17 02 04		TĐ
5	Pin, ắc quy thải	X			18 01 12		TH, phá dỡ
6	Bao bì cứng thái bằng kim loại	X			18 01 02		Súc rửa, TC
7	Bao bì cứng thái bằng nhựa	X			18 01 03		TĐ
8	Hoà chất hữu cơ thải	X			19 05 04		TĐ
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	X			12 01 04	100	TĐ
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, vụn và gỗ dẫn vụn thái có các thành phần nguy hại	X			09 01 01	100	TĐ

* Ghi lên lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tích và tái chế tái sử dụng); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng gói); TĐ (Thuật đổ); HR (Hoà tan); CL (Cả lại đồng xử lý); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tài sử dụng thì ghi TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất công: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 36L3265

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai Ký: Mai Ngày: 27/5/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HÙNG

8. Chủ CS DV XL CTNH (nếu có) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

Mô hình số: 1B-2D-3D-4D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng số 2023/HECOM-ĐT/CTNH ký giữa Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) và Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thăng ngày 02 tháng 12 năm 2022.

Hôm nay, ngày 26 tháng 06 năm 2023, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam), Chúng tôi gồm:

1, Đại diện bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Ông (Bà): JOHN LEUNG - Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): - Chức vụ:

2, Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thăng

Ông (Bà): Đoàn Ngọc Hùng..... - Chức vụ: Tổng giám đốc.....

Ông (Bà): - Chức vụ:

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	
8	Hoá chất hữu cơ thải	Rắn	19 05 04	
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	
10	Mùn cưa, phoi bào, dầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dăm vụn thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	09 01 01	120

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát: 15C25166

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thăng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển và xử lý rác thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thăng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Cần bên ký xác nhận biên bản.



ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

GIÁM ĐỐC

JOHN LEUNG

BM 06.03B, hiệu lực 08/04/2017



ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 01/09/2023/1-2-3-DH.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG..... Mã số QLCTNH: 1-2-3-DH.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 316 Tô Hữu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.....ĐT: 0225.3701194

Địa chỉ cơ sở tái lý: Lô CNM, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.....ĐT: 0225.3701194

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CAMQ):

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)..... Mã số:.....

Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....ĐT: 0225.2299908

Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....ĐT: 0225.2299908

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giấy lau, vải bảo vệ thời bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	30	TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 05		Phá dỡ, HR
3	Hộp mực in thải	X			05 02 04		TĐ
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		X		17 02 04		TĐ
5	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12		TH, phá dỡ
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			16 01 02		Súc rửa, TC
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			16 01 03		TĐ
8	Hơi chất hữu cơ thải	X			19 03 04		TĐ
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	X			12 01 04		TĐ
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, vụn và gỗ dãn vụn thải có các thành phần nguy hại.	X			09 01 01	120	TĐ

* Ghi lên lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tàn thu hồi chất); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chế biến/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TB (Thuần độ); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đông kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4..... Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C25105

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai..... KT: *Ma*..... Ngày: 20/6/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... KT:..... Ngày:.....

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



TỔNG GIÁM ĐỐC

Doãn Ngọc Hưng

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng số 2023/HECOM-ĐT/CTNH ký giữa Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) và Công ty TNHH PT TM& SX Đại Thắng ngày 02 tháng 12 năm 2022.

Hôm nay, ngày 26 tháng 08 năm 2023, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam). Chúng tôi gồm:

1, Đại diện bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Ông (Bà): JOHN LEUNG - Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): - Chức vụ:

2, Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thắng

Ông (Bà): Đoàn Ngọc Hùng,..... - Chức vụ: Tổng giám đốc.....

Ông (Bà): - Chức vụ:

Công bản giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	
4	Dầu thải	Lỏng	17 02 04	100
5	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	
8	Hóa chất hữu cơ thải	Rắn	19 05 04	
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	
10	Mùn cưa, phoi bào, dằm mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	09 01 01	

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát: 15C25198

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thắng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển và xử lý rác thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PT TM&SX Đại Thắng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên xác nhận biên bản.


CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
GIAM ĐỐC
JOHN LEUNG

BM 06.03B, hiệu lực 08/04/2017


CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01.0920231-2-3.041.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1 CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG.....		Mã số QLCTNH 1-2-3.041.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Ngọc Phương HS Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.....		ĐT: 0225.3701184					
Địa chỉ cơ sở tiếp nhận: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiết, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.....		ĐT: 0225.3701104					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:.....		Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CND):.....					
Địa chỉ văn phòng:.....		ĐT:.....					
Địa chỉ cơ sở:.....		ĐT:.....					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM).....		Mã số:.....					
Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....		ĐT: 0225.2299908					
Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....		ĐT: 0225.2299908					
4. Xả thải CTNH chuyển giao (bài dung chất lỏng phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giấy lau, vải bảo vệ thời bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01		TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		Phá dỡ, HR
3	Hộp mực in thải	X			06 02 04		TĐ
4	Dầu thải		X		17 02 04	100	TĐ
5	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12		TH, phá dỡ
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		Súc rửa, TC
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03		TĐ
8	Hóa chất hữu cơ thải	X			19 05 04		TĐ
9	Thon hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	X			12 01 04		TĐ
10	Nón cứng, chai nhựa, đầu máy, gỗ thừa, vụn và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	X			08 01 01		TĐ
<p># Ghi lên lượt ký hiệu của phương pháp xử lý để áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/nhử chất), TH (Trung hoà), PT (Phân tách/chia nhỏ/tái sử dụng), CH (Oxy hoá), SH (Sinh học), ĐX (Đốt xử lý), TĐ (Thấu đốt), HR (Hóa rắn), CL (Cố lắng/lắng), C (Chôn lấp), khác (ghi rõ tên phương pháp). Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD</p>							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:.....		Cửa khẩu nhập:.....			
Số hiệu phương tiện:.....		Ngày xuất khẩu:.....		Cửa khẩu xuất:.....			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19C25168					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai.....		Ký: <i>Ma</i>		Ngày: 26/11/2023			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....		Ký:.....		Ngày:.....			
8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông báo để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				9. Chủ CS DV XL CTNH (quản lý) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp được liệt kê ở mục 4			
 Ngày 06 tháng 11 năm 2023 <i>John Leung</i> GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG				 Hải Phòng, ngày 06 tháng 11 năm 2023 <i>Đoàn Ngọc Hùng</i> TỔNG GIÁM ĐỐC Đoàn Ngọc Hùng			
Số liên số: 10 - 20 - 30 - 40							

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BIÊN BẢN XÁC NHẬN
VIỆC CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng số 2023/HECOM-ĐT/CTNH ký giữa Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) và Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thăng ngày 02 tháng 12 năm 2022.

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2024, tại Công ty TNHH Hecom (Việt Nam). Chúng tôi gồm:

1, Đại diện bên giao: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)

Ông (Bà): JOHN LEUNG - Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): - Chức vụ:

2, Đại diện bên nhận: Công ty TNHH Phát triển TM&SX Đại Thăng

Ông (Bà): Đoàn Ngọc Hùng..... - Chức vụ: Tổng giám đốc.....

Ông (Bà): - Chức vụ:

Cùng bàn giao số lượng chất thải theo nội dung sau:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	27,6
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	245
8	Hoá chất hữu cơ thải	Rắn	19 05 04	
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại.	Rắn	09 01 01	

Được vận chuyển bằng 01 xe ô tô biển kiểm soát: 15C-25341

Và đưa ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) để vận chuyển đến địa điểm xử lý của Công ty TNHH PT TM&SX Đại Thăng.

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong vận chuyển và xử lý rác thải sau khi ra khỏi Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) thuộc trách nhiệm của công ty TNHH PTTM&SX Đại Thăng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản.

Các bên ký xác nhận biên bản.



ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
GIÁM ĐỐC

JOHN LEUNG

BM 06.03B, hiệu lực 08/04/2017



ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI
VÀ SẢN XUẤT
ĐẠI THĂNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01.06/2024/1-2-3.041.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THẮNG..... Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.....ĐT: 0225.3701184
Địa chỉ cơ sở đại lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.....ĐT: 0225.3701184

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH (Số ĐKKD/CMND):
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)..... Mã số:.....
Địa chỉ văn phòng: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....ĐT: 0225.2299908
Địa chỉ cơ sở: Số 131-133, Đường số 6, VSIP Hải Phòng, Xã Lập Lễ, Huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng, Việt Nam.....ĐT: 0225.2299908

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thái bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01		TĐ
2	Bóng đèn huỳnh quang thái	X			16 01 06		Phá dỡ, HR
3	Hộp mực in thái	X			08 02 04		TĐ
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thái khác		X		17 02 04		TĐ
5	Pin, ắc quy thái	X			16 01 12		TH, phá dỡ
6	Bao bì cứng thái bằng kim loại	X			18 01 02	27,6	Súc rửa, TC
7	Bao bì cứng thái bằng nhựa	X			18 01 03	245	TĐ
8	Hoá chất hữu cơ thái	X			19 06 04		TĐ
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thái	X			12 01 04		TĐ
10	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dãn vụn thái có các thành phần nguy hại.	X			09 01 01		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chất lỏng/khí tái sử dụng); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đất); HR (hoại rến); CL (Cấp lập đồng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)..... Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất công:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4..... Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-25341

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Thanh Mai..... Ký..... Ngày:.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã tổng nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



tháng 06 năm 2024
GIÁM ĐỐC
JOHN LEUNG

B. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...03.2.1.../2023/BBLM



Hôm nay, vào hồi ...10... giờ ...30... ngày ...09... tháng ...03... năm 2023.

Tại: ...Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)...

Địa chỉ: Lô đất DN3-2* B5 và DN3-2* B6, Khu đô thị Công nghiệp và dịch vụ VS1
Phong, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng, Việt Nam

Địa điểm quan trắc: ...Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)...

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...Công ty TNHH Hecom (Việt Nam)...

Ông (Bà): ...Phạm Thị Huyền... Chức vụ: ...NV...

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ...Nguyễn Văn Huy... Chức vụ: ...Đội trưởng...

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty CP Kỹ thuật CM...

Ông (Bà): ...Lưu Trọng Đại... Chức vụ: ...NV...

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....lời không mưa.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....hoạt động bình thường.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	KT1-HC	Khi thải hệ thống xử lý hơi dung môi	
2.	KT2-HC	Khi thải hệ thống thu gom bụi gỗ	
3.	NT-HC	Tại hố ga cuối cùng trước thi công môi	
4.		trường hệ thống thoát nước thải của KCN	
5.		VSTP tại Phòng.	
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

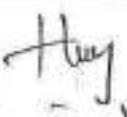
Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

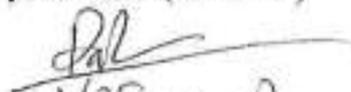

Phạm Thị Huyền

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Vũ Hồng Đào

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 546 - 6012



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KT.230309.01; KT.230309.02
Ngày lấy mẫu : 09/03/2023 Thời gian phân tích: 09/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT1-HC	KT2-HC	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	21.547	2.262	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	85	135	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	39	23	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	22	27	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	<29 ^a	<29 ^a	850
6.	β clopren*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0001	KPT	⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi;	2312968	0601307
KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ.	2313025	0601323

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPT": Không phân tích

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường – Vimcerts 079.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số ngưỡng chưa được chứng nhận Vilar.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thân phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00858/2023/PKQ (348.02A2303.284)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC**
Địa chỉ : Lô B06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)**
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 09/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 09/03/2023 - 24/03/2023

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi
1	B-clopren	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,0001

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phan Quang Thăng

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Trần Điện



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 547 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsp Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230309.03
Ngày lấy mẫu : 09/03/2023 Thời gian phân tích: 09/03/2023-24/03/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN VSIP Hải Phòng
				NT-HC	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,63	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	1,3	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	22	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	43	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	27	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,12	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	<7 ^a	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,12	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	3,3	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.400	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày ...24... tháng ...03... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
CEC.BM 7.8.03 Lần ban hành: 03



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...16.6.2.../2023/BBLM

Hôm nay, vào giờ ngày ...16... tháng ...6... năm 2023.

Tại: ...Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).....

Địa chỉ: ...lô đất TN3-2* B5, TN3-2* B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ YSTE Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc KTĐ-CH, Hải Phòng, Việt Nam.....

Địa điểm quan trắc: ...Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).....

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Công ty TNHH Hecom (Việt Nam).

Ông (Bà): Phạm Thị Huyền Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Văn Thụy Chức vụ: Đã trưởng.....

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Cử Trọng Đại Chức vụ: NV.....

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Đàn nóng

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-HC	Nhiệt thải tại hố ga cuối cùng trước khi	
2.		đầu nối vào hệ thống thoát nước thải	
3.		của KCN VSIP Hải Phòng	
4.	KT1-HC	Khí thải HCTXI hỗn chung môi	
5.	KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ	
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

uy
Nguyễn Văn Huy

Đ
Đài Trọng Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
 Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
 ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1297 - 6012 / KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu
 đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc
 khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
 Mã mẫu : KT.230616.02; KT.230616.03.
 Ngày lấy mẫu : 16/06/2023 Thời gian phân tích: 16/06/2023-30/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-HC	KT2-HC	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	8.015	54.924	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	86	133	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	42	27	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	<13 ^a	<13 ^a	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	<29 ^a	<29 ^a	850
6.	β clopren*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0001	KPT	⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi;	2312960	0601252
KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ.	2313011	0601302

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPT": Không phân tích

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường

- Vimcerts 079.

- (*) Chỉ nên được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số không còn được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần bản hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày 07 tháng 07, năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
 VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
 PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
 (VILAS 386 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (84-24) 3791 2614; 0974668513 Email: don386@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03092/2023/PKQ (1467.02A2306.705)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
 Địa chỉ : LB06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Loại mẫu : Khí thải
 Số lượng mẫu : 1
 Thời gian lấy mẫu : 16/06/2023
 Thời gian thử nghiệm : 16/06/2023 - 30/06/2023

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi
1	B-cloprén	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,0001

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
 PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phan Quang Thăng

Nguyễn Thị Hương



Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999
Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1198 - 6012 /KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230616.04.
Ngày lấy mẫu : 16/06/2023 Thời gian phân tích: 16/06/2023-30/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT-HC	TCKCN VSIP Hải Phòng
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,18	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	1,23	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	35	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	126	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	114	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,81	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,1	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,52	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,3	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.600	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- (-): Không có quy định.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số ngưỡng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng của được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 159.1 /2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 11 giờ 30 ngày 15 tháng 09 năm 2023.

Tại: Công ty TNHH Telecom (liệt Nam)

Địa chỉ: Lô đất DNS-2*BS và DNS-2*BB Khu phố Thủ Công nghiệp và Dịch vụ VS

Thị trấn Phong, Huyện Phú Nguyễn, Thôn Khu Lũ Tê Đình Quê - Cát Hải, H. Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH Telecom (liệt Nam)

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Công ty TNHH Telecom (liệt Nam)

Ông (Bà): Phạm Thị Duyên Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Lê Phú Sơn Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần đầu tư CM

Ông (Bà): Đỗ Trọng Sơn Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ): Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ông (Bà): Nguyễn Văn Tuấn Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Đạt không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-11C	Nhiệt độ tại Pô ga Cầu Giấy tầng 11	
2.		Chất noise và hệ thống thoát nước thải	
3.		Quả PPM WSIP Tầng Phòng	
4.	KT1-11C	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi	
5.	KT2-11C	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ	
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Phạm Thị Huyền
Phạm Thị Huyền

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Sơn
Lê Phú Sơn

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

Toàn
Nguyễn Văn Toàn

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

B
Lê Trọng Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2197 - 6012 / KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KT.230915.01; KT.230915.02.
Ngày lấy mẫu : 15/09/2023 Thời gian phân tích: 15/09/2023-29/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-HC	KT2-HC	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	7.912	53.121	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	34	31	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	47	30	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	23	27	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	<29 ^a	<29 ^a	850
6.	β clopren*	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,0001	KPT	⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi;	2312960	0601252
KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ.	2313011	0601302

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPT": Không phân tích

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường

- Vimcerts 079.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số không được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Hà Nội, ngày ..29 tháng ..09... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyền



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thống số ngưỡng chưa được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05403/2023/PKQ (2557.02A2309.274)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
Địa chỉ : LB06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 15/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 15/09/2023 - 28/09/2023

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi
1	β -clopren	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,0001

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Phan Quang Thăng

QA/QC

Nguyễn Thị Hương

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Trần Điện



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2198 - 6012 / KOPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230915.03
Ngày lấy mẫu : 15/09/2023 Thời gian phân tích: 15/09/2023-29/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT-HC	TCKCN VSIP Hải Phòng
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,26	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	1,21	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	34	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	41	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,3	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,64	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.600	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

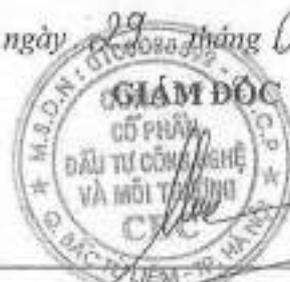
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Thông số ngưỡng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-HC	Nhiệt độ tại hố ga cuối cùng trước bãi	
2.		đầu nối vào hệ thống thoát nước của	
3.		KCN/VSPH Hải Phòng.	
4.	KTI-HC	Khí thể HTXL hơi nóng mỏ	
5.	KTA-HC	Khí thể hệ thống thu gom bụi gỗ	
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Phan Thị Huyền
ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Nguyễn Văn Huy
ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)


Trần Trung Kiên
ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

10/ ...



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô B06 Tiển Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

Hà Nội, ngày 16. tháng 12..... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà đầu phụ.
- Thống số nghiêng chưa được chứng nhận VIMax.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG
(VILAS 386 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: Phòng 700, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 2614; 0974668513 Email: dcm386@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07293/2023/PKQ (3560.02A2312.186)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
Địa chỉ : Lô B06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM) - Lô đất IN3-2*B5, IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 08/12/2023 - 14/12/2023

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi
1	Beta-clopren	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	<0,0001

Ghi chú:

- Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi: 02A2312.186.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phan Quang Thăng

Nguyễn Thị Hương



Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 3129 - 6012 / KOPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsp Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.231208.05
Ngày lấy mẫu : 08/12/2023 Thời gian phân tích: 08/12/2023 - 18/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT-HC	TCKCN VSIP Hải Phòng
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,65	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	1,4	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	26	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	45	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	43	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,61	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,6	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,45	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,6	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.000	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

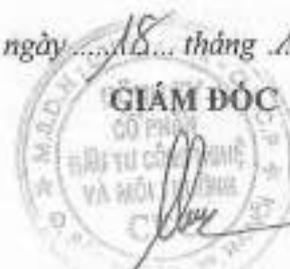
+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tháng số ngưỡng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...14.5.6.../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi ... 8 ... giờ ... 50 ... ngày ... 14 ... tháng ... 03 ... năm 2024.

Tại: ... Công ty TNHH Hecon (liệt Nam) ...

Địa chỉ: ... Lô 3-2 B5 và 3-2 B6 Khu đô thị Công nghiệp và dịch vụ VSIP ...

Địa điểm quan trắc: ... Công ty TNHH Hecon (liệt Nam) ...

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ... Công ty TNHH Hecon (liệt Nam) ...

Ông (Bà): ... Phạm Thị Huyền ... Chức vụ: ... NV ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ... Nguyễn Văn Huy ... Chức vụ: ... P.T.Đ.T ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ... Công ty Cổ phần Đầu tư CM ...

Ông (Bà): ... Lê Trung Đại ... Chức vụ: ... NV ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

... Thời tiết nắng ...

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

... Hoạt động bình thường ...

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	KT1-HC	Kí-thời hệ thống xử lý hơi chung mới	
2.	KT2-HC	Kí-thời hệ thống thu gom bụi gỗ	
3.	NT-HC	Nước thải tại hồ sơ Cầu Cứng trước lễ	
4.		thức mới vào hệ thống thoát nước chung	
5.		Cao KCN VSIP-Thị Phong	
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành *hai* (02...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Phạm Thị Huyền

ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Vũ Trọng Đại

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ)



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 509 - 7007 /KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KT.240314.31; KT.240314.32.
Ngày lấy mẫu : 14/03/2024 Thời gian phân tích: 14/03/2024-23/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT1-HC	KT2-HC	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	7.492	48.046	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	38	33	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	66	39	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	29	33	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	<29 ^a	<29 ^a	850
6.	β clopren*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0001	KPT	⁽¹⁾

Ghi chú:**- Thông tin mẫu:**

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi;	2312960	0601252
KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ.	2313011	0601302

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPT": Không phân tích

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường – Vimcerts 079.

- (*) Chỉ tiến được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêm cấm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

TRƯỜNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIAM ĐỐC

Nguyễn Thị Huệ



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 505 - 7007 /KOPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT. 240314.33
Ngày lấy mẫu : 14/03/2024 Thời gian phân tích: 14/03/2024-23/03/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN VSIP Hải Phòng
				NT-HC	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,45	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	0,8	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	42	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	53	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,94	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,7	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,24	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,6	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.100	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khoa

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị để vết mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi có kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	X= 2312935 Y= 601314
2.	KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi	X= 2312944 Y= 601252
3.	KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ	X= 2313045 Y= 601297
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: Mẫu lập. MT thiết bị MT hiện trường MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: Có. Không

Ghi chú:

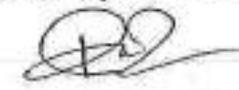
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nam Thi Nguyen

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Vu Trong Dai

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Đào Lâm Công



Environment Together

VIMCERTS 230

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1264 - 1007/KOPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KT.240603.17; KT.240603.18.
Ngày lấy mẫu : 03/06/2024 Thời gian phân tích: 03/06/2024-24/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT1-HC	KT2-HC	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	6.935	52.701	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	35	30	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	55	44	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	29	33	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	<29 ^a	<29 ^a	850
6.	β clopren*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,0001	KPT	(^d)

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-HC	Khí thải hệ thống xử lý hơi dung môi;	2312971	0601252
KT2-HC	Khí thải hệ thống thu gom bụi gỗ.	2313015	0601297

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPT": Không phân tích

- (-): Không có quy định.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường – Vimcerts 079.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 65 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết



Nguyễn Văn Hùng



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số ngưỡng chưa được chứng nhận Vlas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1263-7007 / KOPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Hecom (Việt Nam) - Lô đất IN3-2*B5 và IN3-2*B6, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsp Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240603.16
Ngày lấy mẫu : 03/06/2024 Thời gian phân tích: 03/06/2024-24/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT-HC	TCKCN VSIP Hải Phòng
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,36	6 - 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	1,4	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	400
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	600
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	44	400
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,72	8
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,5	20
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,32	5
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,7	5
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	4.100	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-HC	Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN VSIP Hải Phòng	2312935	0601314

- Quy chuẩn so sánh:

+ TCKCN VSIP Hải Phòng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp VSIP Hải Phòng.

- (-): Không có quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

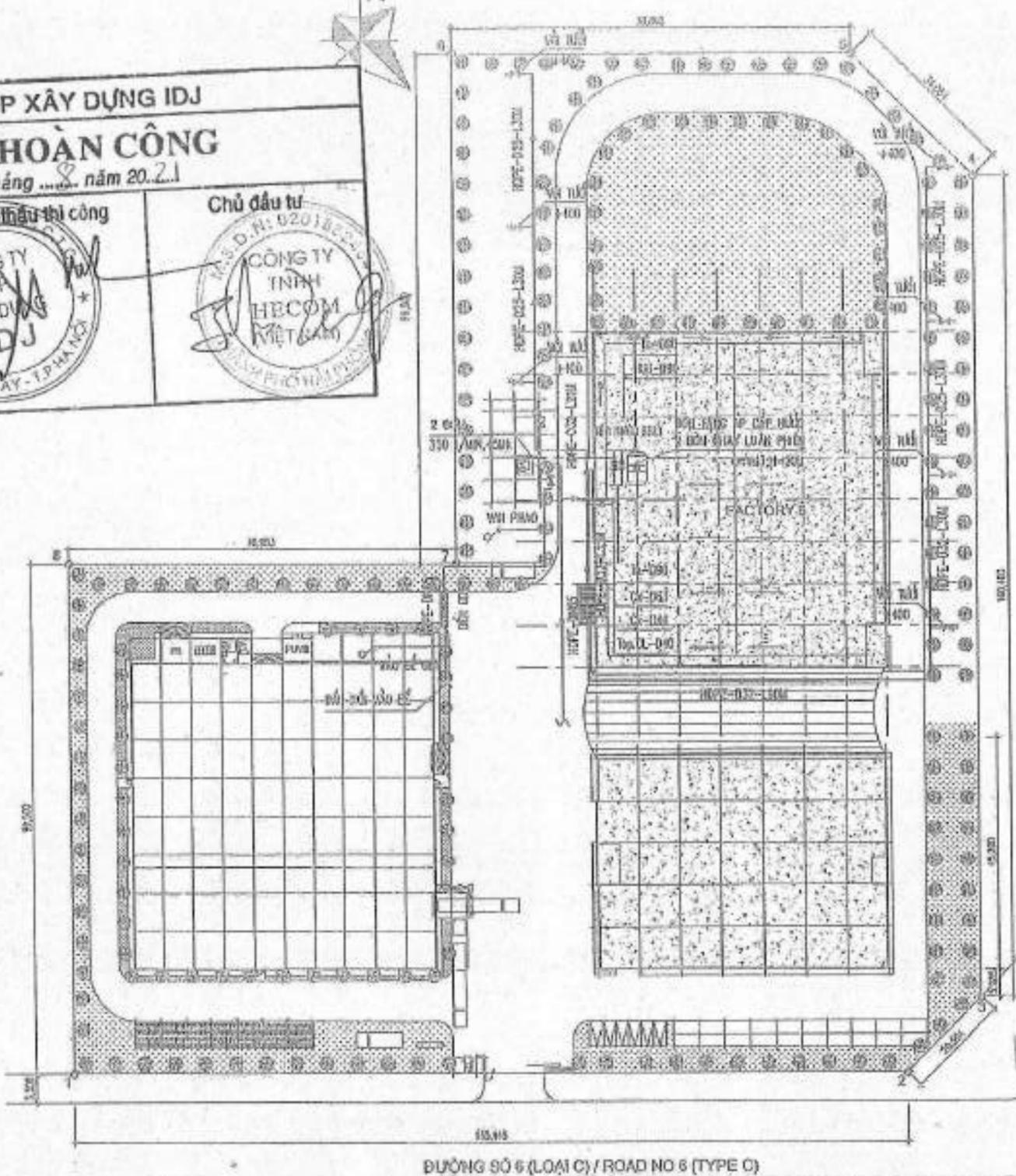
- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm thu được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập: *[Signature]*

Nhà thầu thi công: **CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ**
 M.S.D.N: 020186...
 CÁI LẬU - T. PHẠM

Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)**
 M.S.D.N: 020186...
 CÁI LẬU - T. PHẠM



M.S.D.N: 020186...
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)
 M.S.D.N: 020186...
CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
 M.S.D.N: 020186...
CHI NHÁNH CÔNG TY CP XÂY DỰNG-TU VÀ THIẾT KẾ QUỐC TẾ ĐÔNG Á
 DONGACCO
 NGUYỄN TRUNG HẢI

YÊU CẦU PHÂN DẠU THI XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT
THẨM TRA
 Theo Văn bản thẩm tra số: ...
 ngày ... tháng ... năm ...
 Ký tên: *[Signature]*

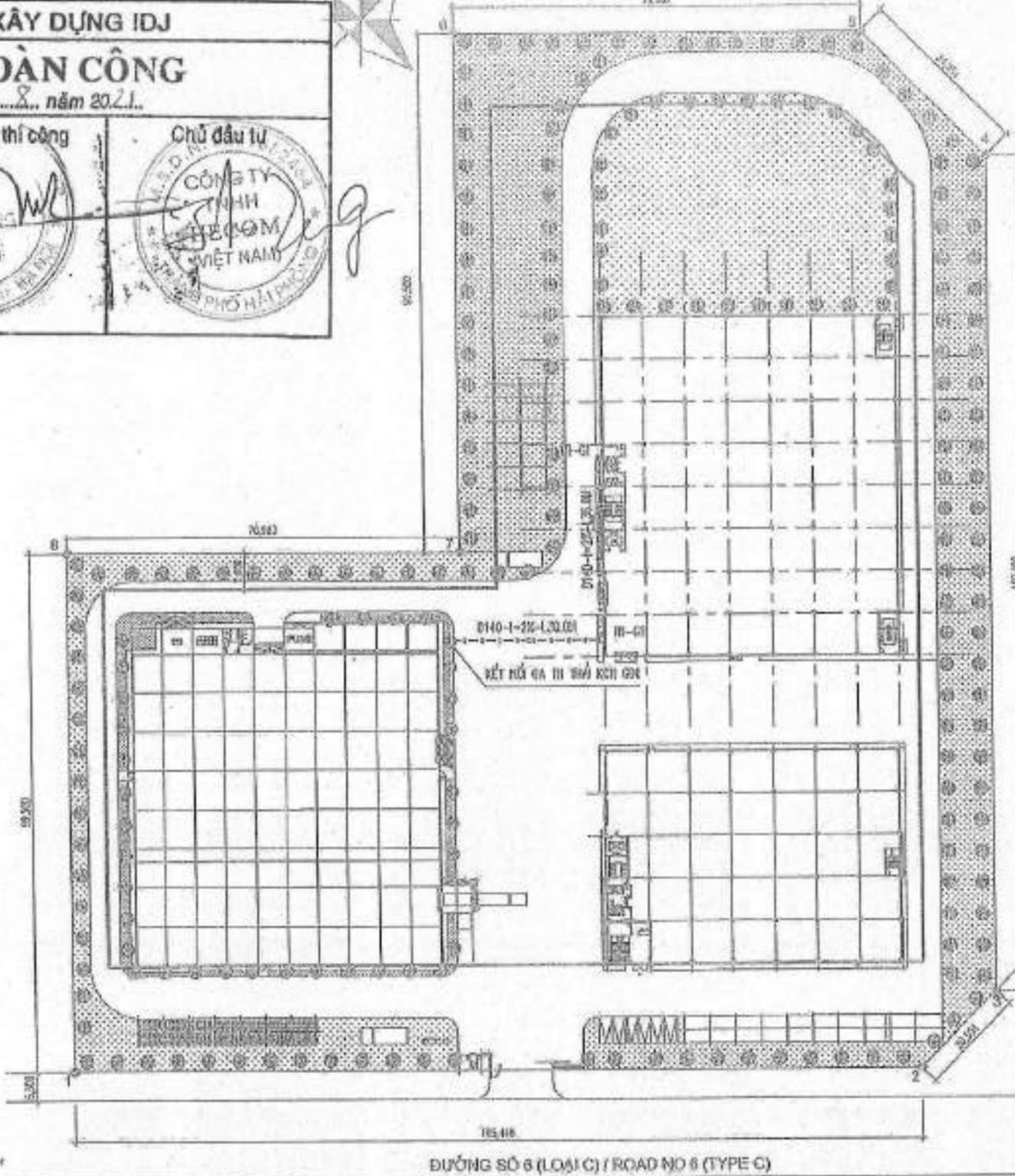
CHỦ NHIỆM DỒ AN	<i>[Signature]</i> KTS. NGUYỄN ĐOÀN HÀ
CHỦ TRƯ	<i>[Signature]</i> KSLÉ VĂN TỬ ANH
THI CÔNG	<i>[Signature]</i> KTS NGUYỄN THỊ HẢI VÂN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	<i>[Signature]</i> THIÊN TRẦN THẾ LỰC
HẠNG MỤC	CƠ ĐIỆN M&E
TÊN BẢN VẼ	ĐỒ ANHỒ TỒI
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC - TẦNG 1	
TỶ LỆ BẢN VẼ	A3
NGÀY PHÁT HÀNH	8/2021
SỐ HIỆU	N.01

KÍ HIỆU:

	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép
	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép
	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép
	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép
	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép
	Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép		Đúc bê tông cốt thép

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25. tháng 8. năm 2021.

Người lập 	Nhà thầu thi công 	Chủ đầu tư
----------------------	------------------------------	-----------------------



KÍ HIỆU:

	Ống cấp nước sạch		Ống thoát nước mưa		Ống thoát nước thải		Ống thoát nước mưa
	Ống thoát nước thải		Ống thoát nước mưa		Ống thoát nước thải		Ống thoát nước mưa
	Ống thoát nước mưa		Ống thoát nước thải		Ống thoát nước mưa		Ống thoát nước thải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT
 THẨM TRA
 Theo Văn bản thẩm tra số... tháng... năm...
 Ký tên:

CÔNG TY TNHH HECOM VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG IDJ

PROJECT NAME:
 DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG
 HECOM VSIP HAI PHONG PROJECT

OWNER:
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT

DESIGNER:
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT

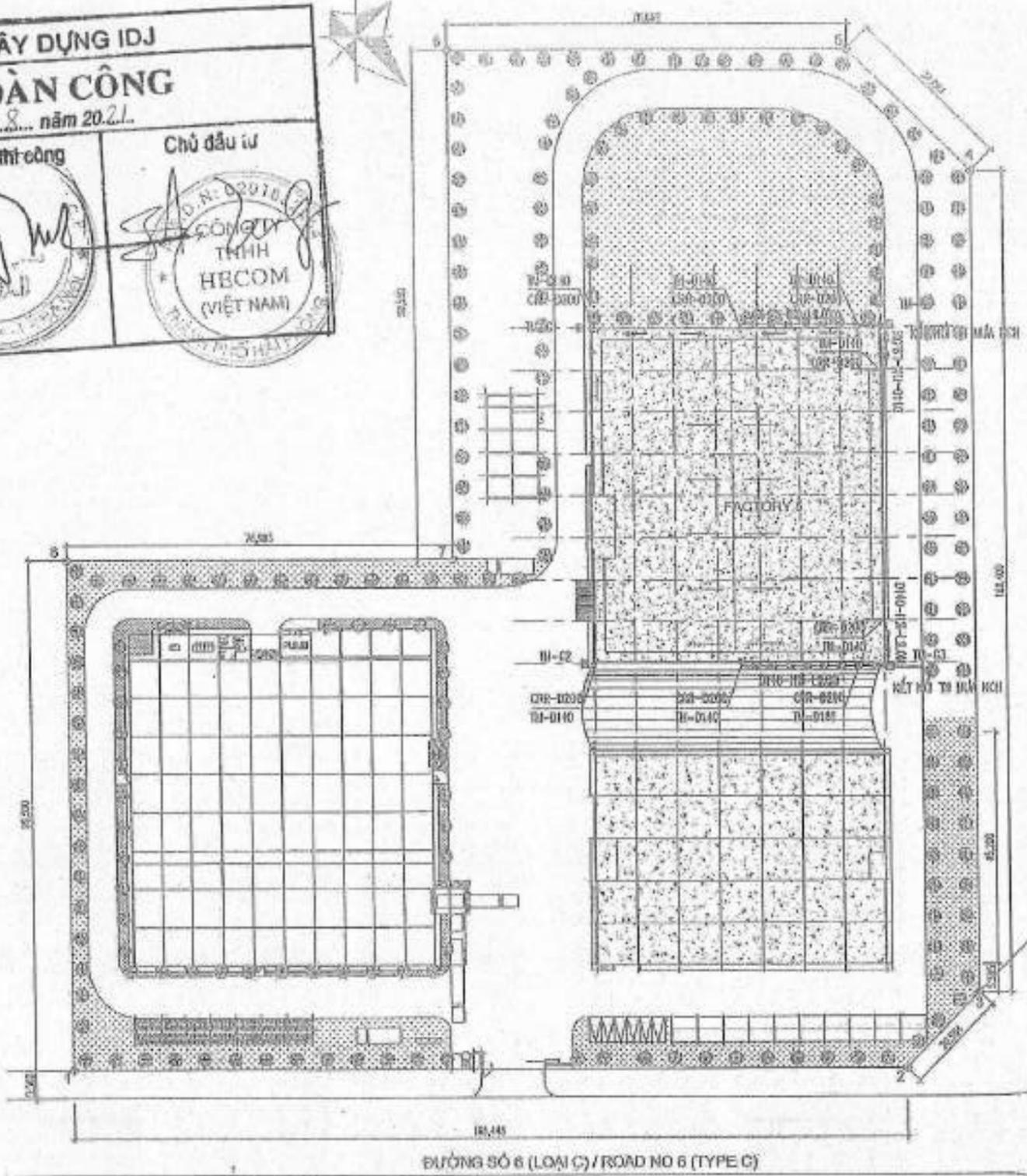
DATE:
 8/2021

SCALE:
 A3

PROJECT NO.:
 N.02

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Người lập	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư



LIÊN LƯU PHẠM ĐẠU TỬ XÂY DỰNG
 VÀ THƯƠNG SỞ VIỆT NAM
THẨM THÁ
 Theo Văn bản thẩm tra số:
 ngày tháng năm
 Ký tên:

KÍ HIỆU:

	Ống cấp nước ngầm		Ống nước cấp nước sạch		Ống nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước
	Ống cấp nước sạch		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước
	Ống cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước
	Ống cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước
	Ống cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước
	Ống cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước		Ống nước cấp nước cấp nước cấp nước

CÔNG TY TNHH HECOM
 CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)
 HECOM VIETNAM

PROJECT NAME
 DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG
 HECOM VSIP HAI PHONG PROJECT

CÔNG TY XÂY DỰNG IDJ

CHI NHÁNH
 CÔNG TY CP XÂY DỰNG TƯ VẤN-THIẾT KẾ
 QUỐC TẾ ĐÔNG Á

NGUYỄN TRUNG ĐÀ

KTS. NGUYỄN ĐOÀN HÀ

KTS. VÂN TÔ ANH

KTS. NGUYỄN THỊ HẢI VÂN

THUYẾT TRẦN THẾ LỰC

CƠ ĐIỆN M&E

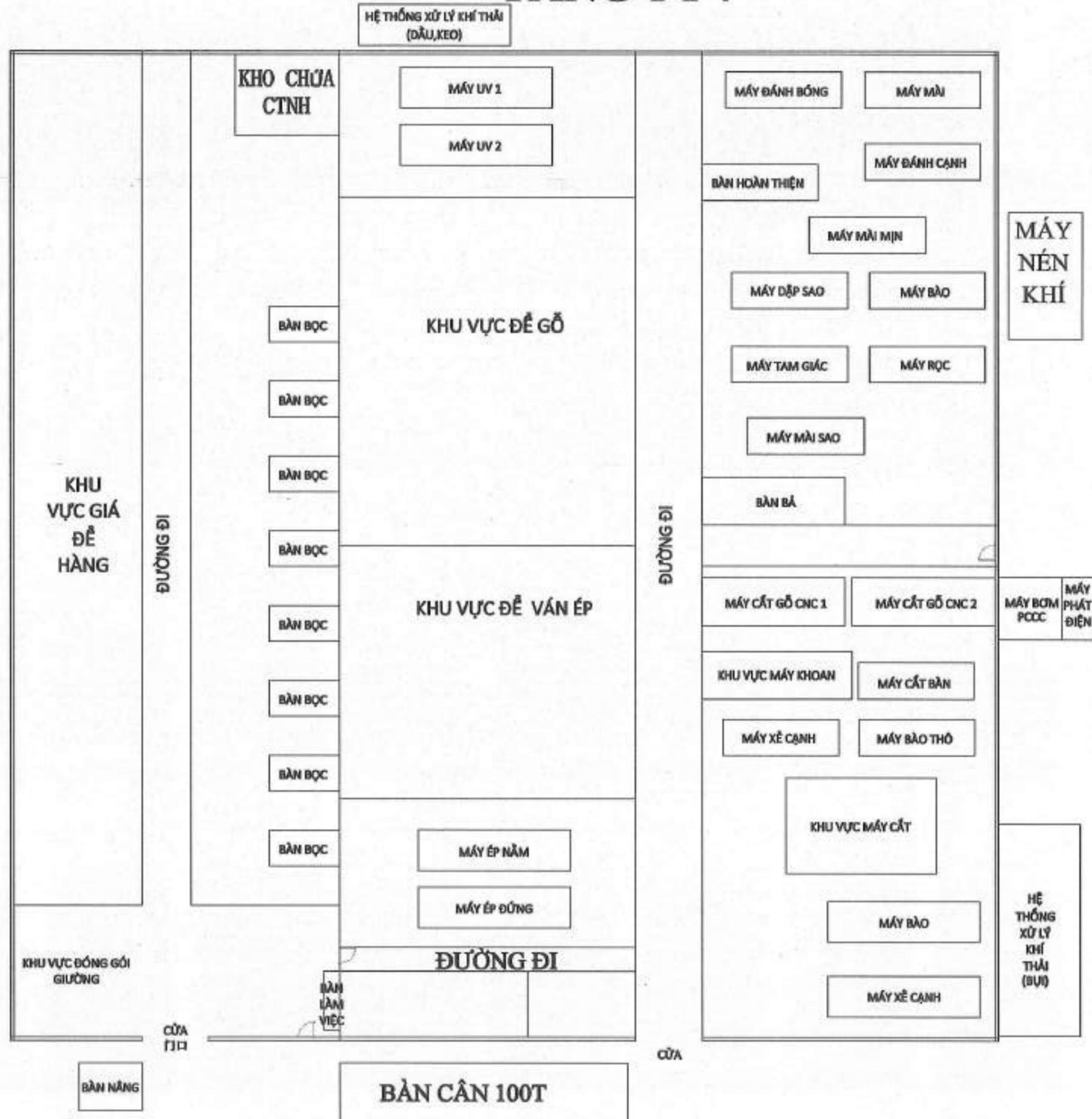
MẶT HÀNG THOÁT NƯỚC MƯA - TẦNG 1

TỶ LỆ BẢN VẼ: A3

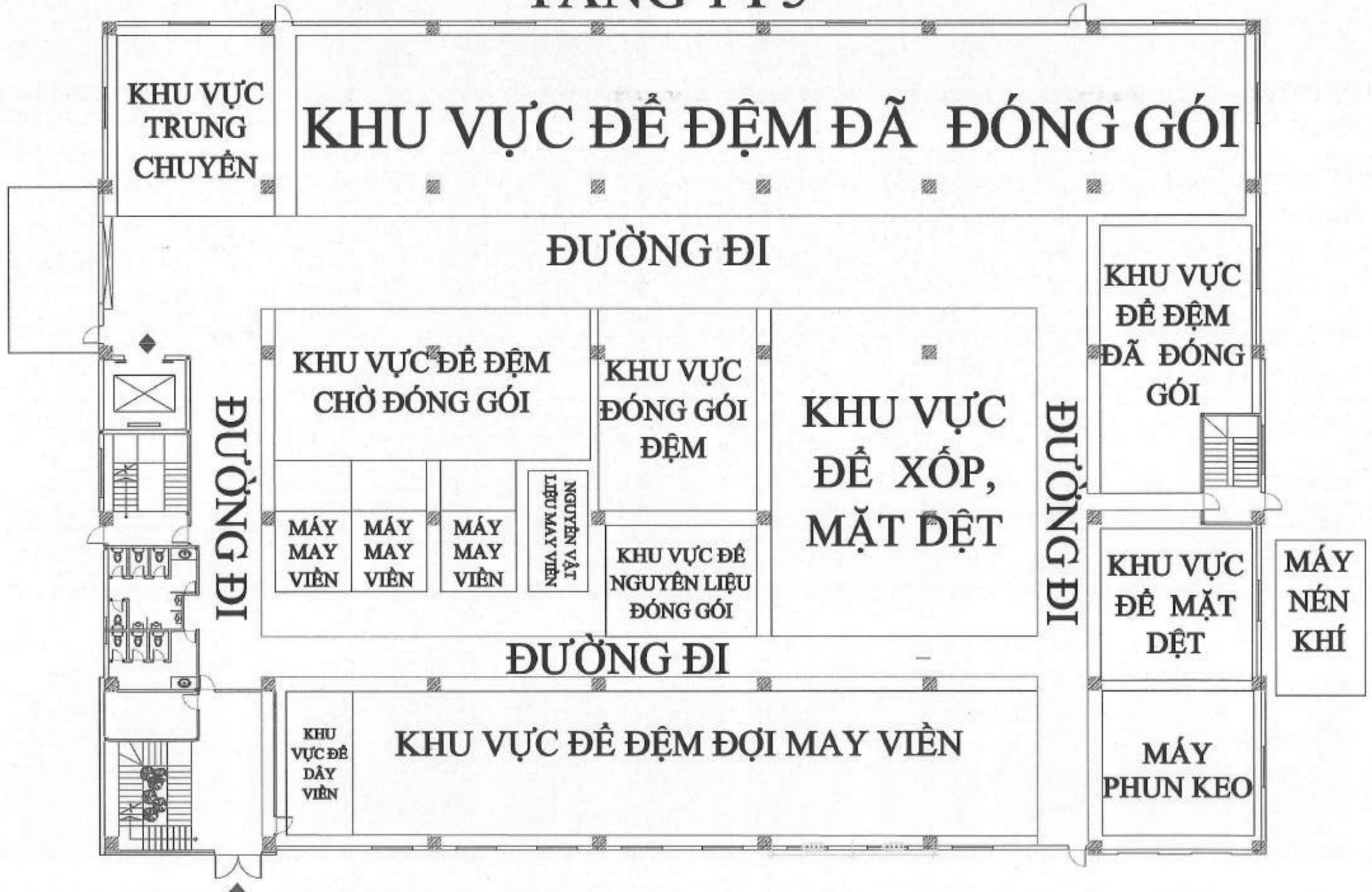
NGÀY CHẤM HẸM: 8/2021

SỐ HIỆU: N.03

TẦNG 1 P4



TẦNG 1 P5



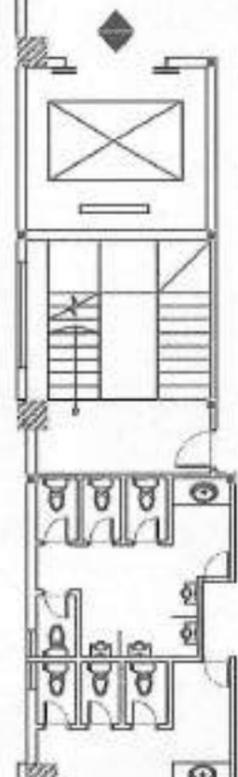
TẦNG 2 P5



TẦNG 3 P5

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM ĐÃ ĐÓNG GÓI

ĐƯỜNG ĐI



ĐƯỜNG ĐI

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM
CHỜ ĐÓNG GÓI

KHU VỰC
ĐÓNG GÓI
ĐỆM

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM
ĐÃ ĐÓNG GÓI

KHU VỰC
ĐÈ ĐỆM
ĐÃ ĐÓNG
GÓI

MÁY
MAY
VIỀN

MÁY
MAY
VIỀN

MÁY
MAY
VIỀN

NGUYÊN VẬT
LIỆU MAY VIỀN

KHU VỰC ĐÈ
NGUYÊN LIỆU
ĐÓNG GÓI

KHU VỰC ĐÈ MẶT
DỆT

ĐƯỜNG ĐI

KHU VỰC
ĐÈ MẶT
DỆT

ĐƯỜNG ĐI

KHU
VỰC ĐÈ
DÂY
VIỀN

KHU VỰC ĐÈ
ĐỆM ĐỢI MAY
VIỀN

KHU VỰC ĐÈ
XÓP, MẶT DỆT

MÁY
PHUN KEO

TẦNG 4 P5

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM ĐÃ ĐÓNG GÓI

ĐƯỜNG ĐI

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM
CHỜ ĐÓNG GÓI

KHU VỰC
ĐÓNG GÓI
ĐỆM

KHU VỰC ĐÈ ĐỆM
ĐÃ ĐÓNG GÓI

KHU VỰC
ĐÈ ĐỆM
ĐÃ ĐÓNG
GÓI

ĐƯỜNG ĐI

MÁY
MAY
VIÊN

MÁY
MAY
VIÊN

MÁY
MAY
VIÊN

NGUYÊN VẬT
LIỆU MAY VIÊN

KHU VỰC ĐÈ
NGUYÊN LIỆU
ĐÓNG GÓI

KHU VỰC ĐÈ MẶT
DỆT

ĐƯỜNG ĐI

KHU VỰC
ĐÈ MẶT
DỆT

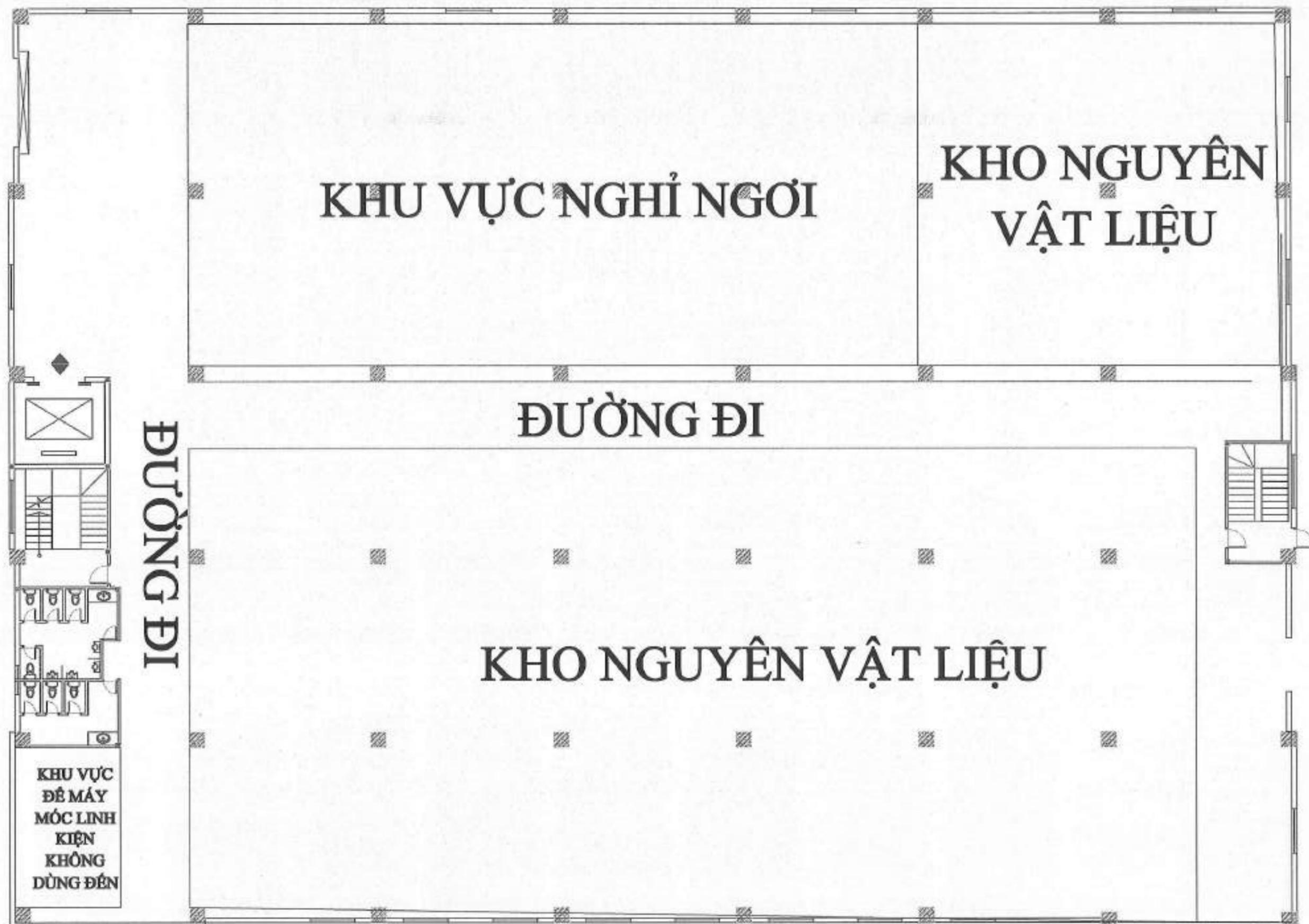
ĐƯỜNG ĐI

PHÒNG
ĐÈ DÂY
VIÊN

KHU VỰC ĐÈ
ĐỆM ĐỢI MAY
VIÊN

KHU VỰC ĐÈ
XÓP, MẶT DỆT

TẦNG 5 P5



TẦNG 1 P6



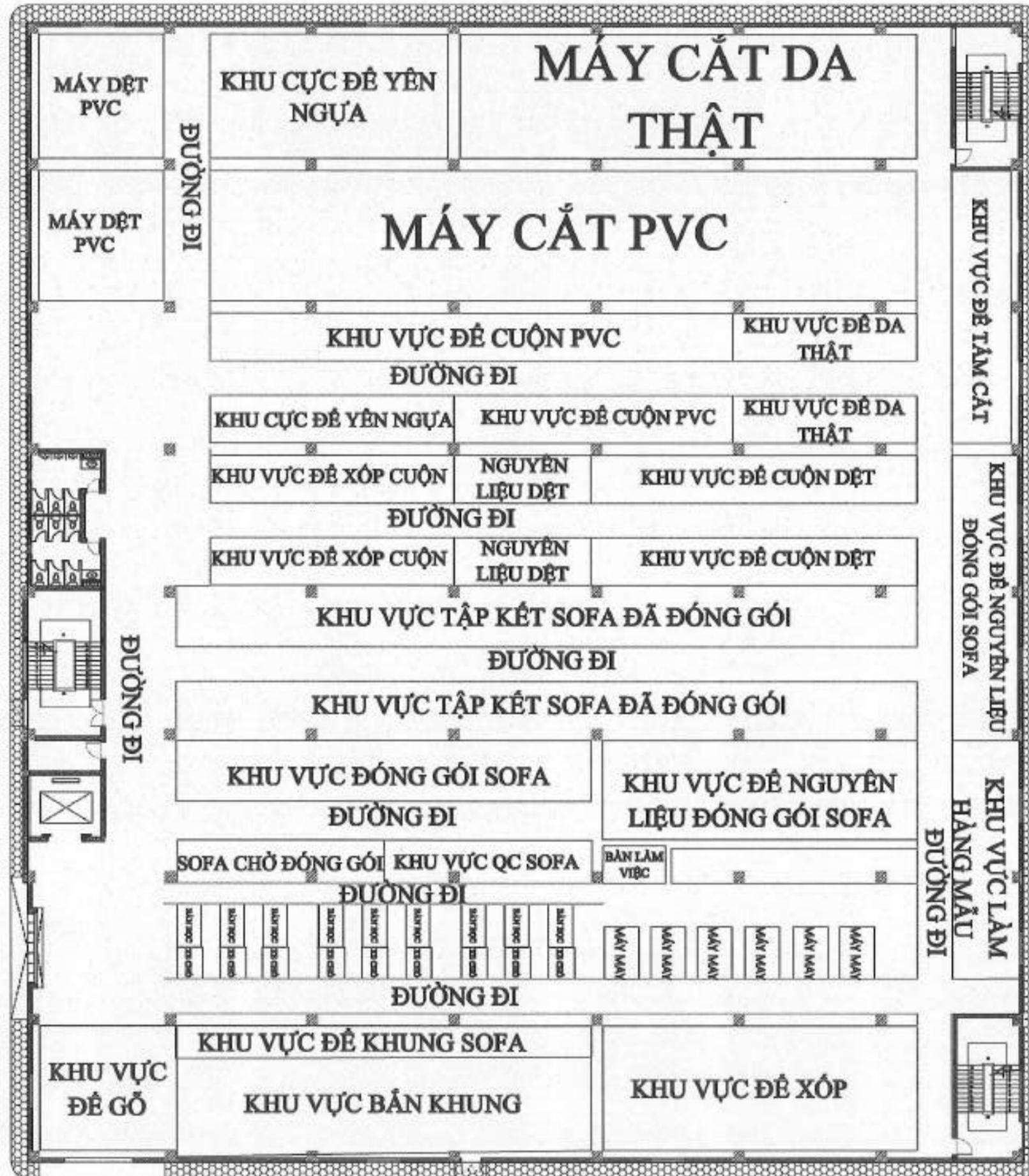
BÀN
NĂNG 1

BÀN
NĂNG 2

TẦNG 2 P6

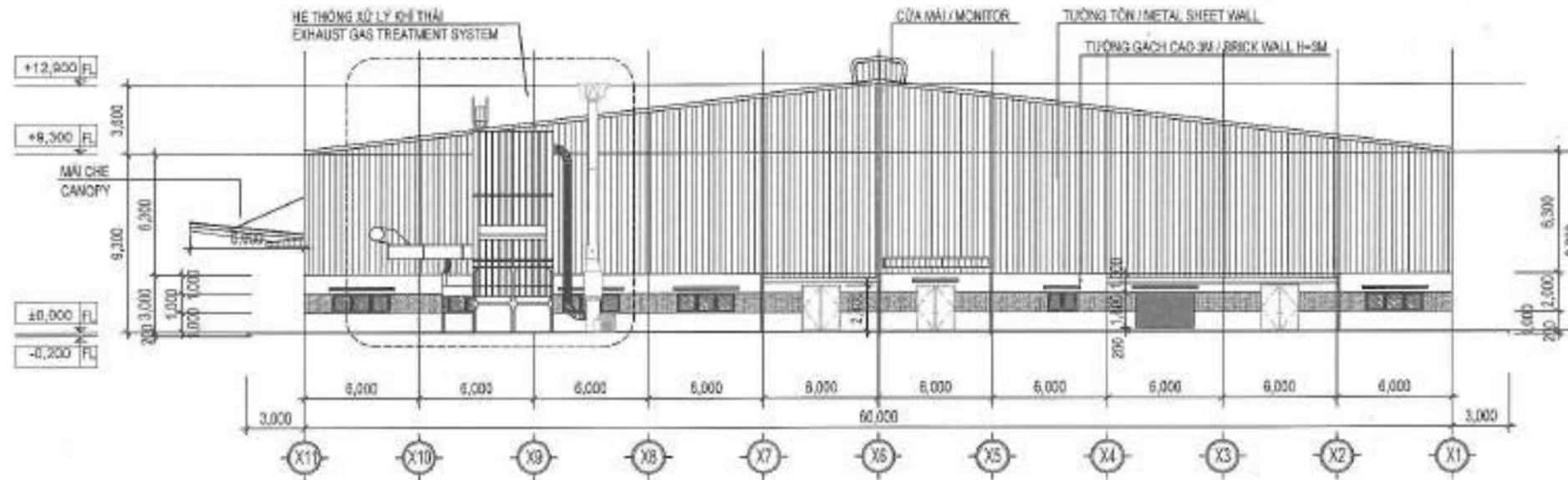


TẦNG 4 P6



TẦNG 5 P6





MẶT ĐỨNG X11-X1 TL:1/300

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 20 tháng 4 năm 2021

Người lập	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư
GIÁM ĐỐC NGUYỄN MẠNH TUẤN	GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG	GIÁM ĐỐC NGUYỄN HẢI VĂN

CHỦ ĐẦU TƯ CLIENT



CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ SỐ 13 ĐƯỜNG SỐ 4, VỊP HẢI PHÒNG, XI LẬP LỆ, HƯNG YÊN, VIỆT NAM

ĐT:

TÊN DỰ ÁN / CÔNG TRÌNH PROJECT NAME
DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG
HECOM VSIP HẢI PHÒNG PROJECT

ĐỊA ĐIỂM: CÁN ĐƯỜNG ĐƯỜNG SỐ 4, VỊP HẢI PHÒNG, XI LẬP LỆ, HƯNG YÊN, VIỆT NAM

TỔNG THẦU MAIN CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG IDJ
 IDJ ENGINEERING & CONSTRUCTION, JSC

19 CHAMMART ROAD, HIGHTLAND HUB BLDG, CUA KHU D5, HA NOI
 HANG PHONG, HANG PHONG TOWER, CUA KHU D5, HA NOI
 TEL: 84-04-3802-7888

THIẾT KẾ DESIGNER

CHI NHÁNH
 CÔNG TY CP XÂY DỰNG-TU VẤN-THIẾT KẾ
 QUỐC TẾ ĐÔNG Á



ĐỊA CHỈ: SỐ 2 HẸM 12/11, ĐƯỜNG VẠN CAO, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH BRANCH DIRECTOR

NGUYỄN TRUNG KHÁ

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN DESIGN MANAGER

KTS. NGUYỄN THU HIẾU

CHỦ TRƯ KIẾN TRÚC DESIGN PRESIDED

KTS. NGUYỄN THU HIẾU

THIẾT KẾ DESIGNED BY

KTS. NGUYỄN HẢI VĂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER

THS.KS. TRẦN THẾ LỰC

HẠNG MỤC ITEM

FACTORY 4 - NHÀ XƯỞNG 4

TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE

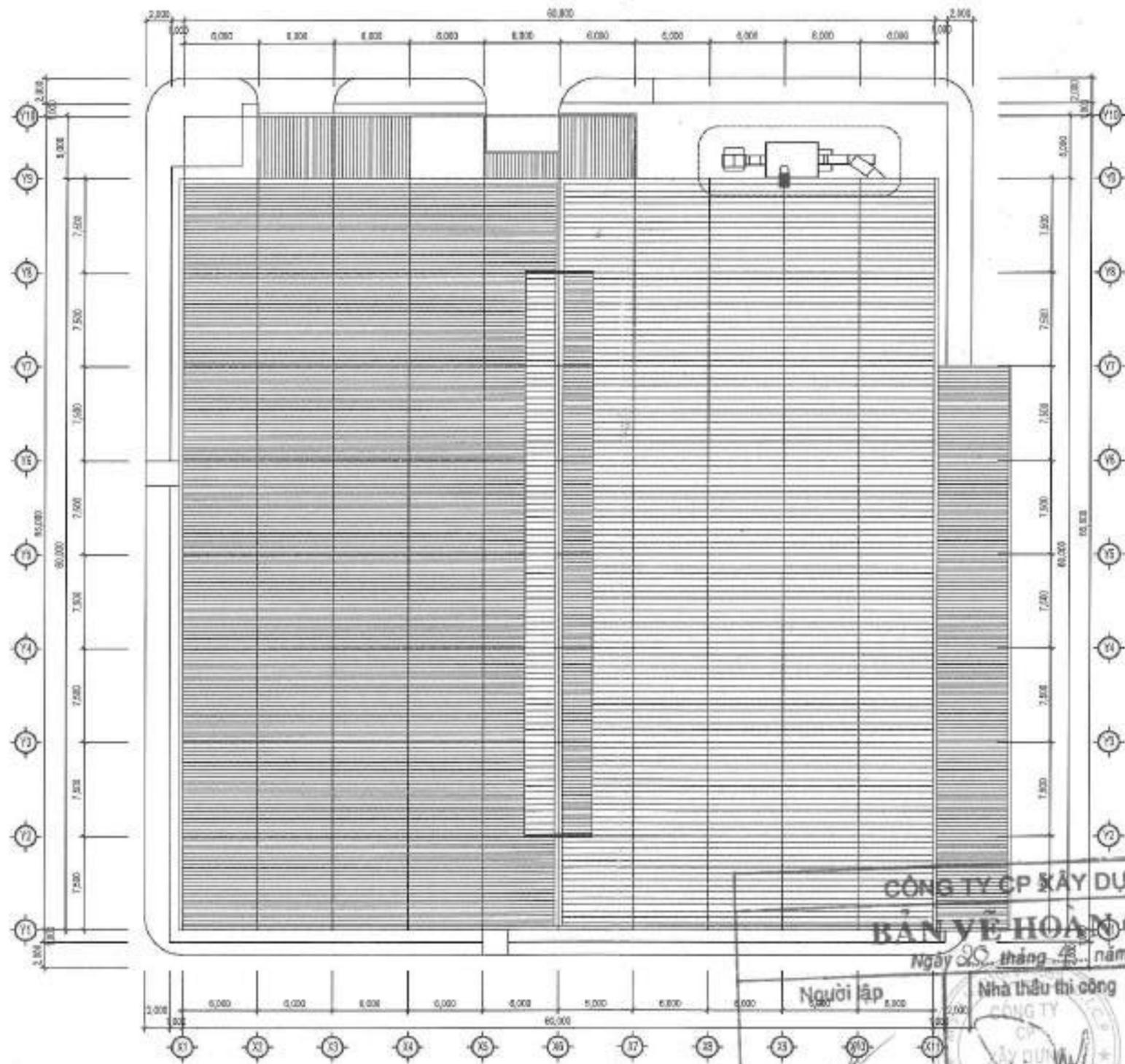
MẶT ĐỨNG X11-X1

GIẢI BOM DESIGN STEP

TH.K.T TECHNICAL DESIGN

NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE

SỐ HIỆU DWG. NO



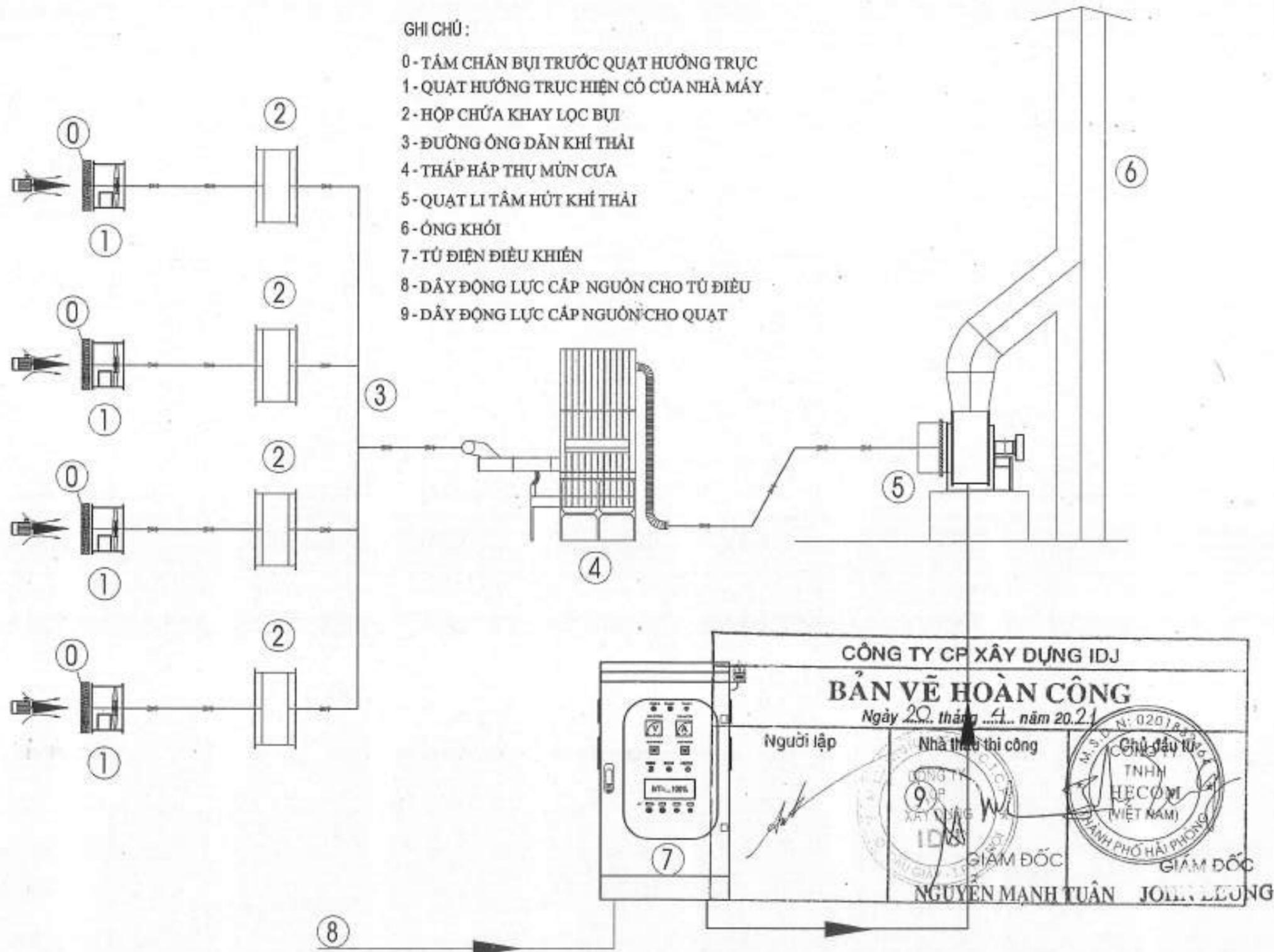
MẶT BẰNG MÃI TL:1/400

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 20 tháng 08 năm 2021

Người lập GIẢM ĐỐC NGUYỄN MẠNH TUẤN	Nhà thầu thi công CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM) THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIẢM ĐỐC JOHN LEUNG
--	--

CHỦ ĐẦU TƯ	CLIENT
 CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ SỐ 14, 139 ĐƯỜNG SỐ 6, XÃ HẢI PHONG, TỈNH HẢI PHÒNG, VIỆT NAM DT:	
TÊN DỰ ÁN / CÔNG TRÌNH PROJECT NAME DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG HECOM VSIP HAI PHONG PROJECT	
ĐỊA CHỈ: 139 ĐƯỜNG SỐ 6, XÃ HẢI PHONG, TỈNH HẢI PHÒNG, VIỆT NAM HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ	
TỔNG THẦU: MAIN CONTRACTOR IDJ E&C Engineering & Contractor CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG IDJ IDJ ENGINEERING & CONSTRUCTION, JSC 57 CHANH TOWER, 117 TRẦN ĐUY HÙNG ST, QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI 11 PHỐ LÊ THƯỜNG KIỆT, QUẬN HOÀNG MAI, HÀ NỘI TEL: 84-24-3558 7886	
THIẾT KẾ: DESIGNER CHI NHÁNH CÔNG TY CP XÂY DỰNG-TU VẤN-THIẾT KẾ QUỐC TẾ ĐÔNG Á ĐÔNG Á ECO	
ĐỊA CHỈ SỐ 2 HẸM 127/592-VĂN CAO-HÀ NỘI GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH: BRANCH DIRECTOR NGUYỄN TRUNG KHÁI	
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN: DESIGN MANAGER KTS. NGUYỄN THU HIẾU	
CHỦ TRƯỞNG KIẾN TRÚC: DESIGN PRESIDENT KTS. NGUYỄN THU HIẾU	
THIẾT KẾ: DESIGNED BY KTS. NGUYỄN HẢI VĂN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: TECH. MANAGER THS.KS. TRẦN THẾ LỰC	
HẠNG MỤC: ITEM FACTORY 4 - NHÀ XƯỞNG 4	
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE MẶT BẰNG MÃI	
GIAI ĐOẠN: DESIGN STEP NGÀY PHÁT HÀNH: ISSUED DATE SỐ HIỆU: DWG. NO	T.K.K.T: TECHNICAL DESIGN

HỆ THỐNG THU GOM BỤI TẠI KHU VỰC GIA CÔNG GỖ, CÔNG SUẤT 75.000 M³/H

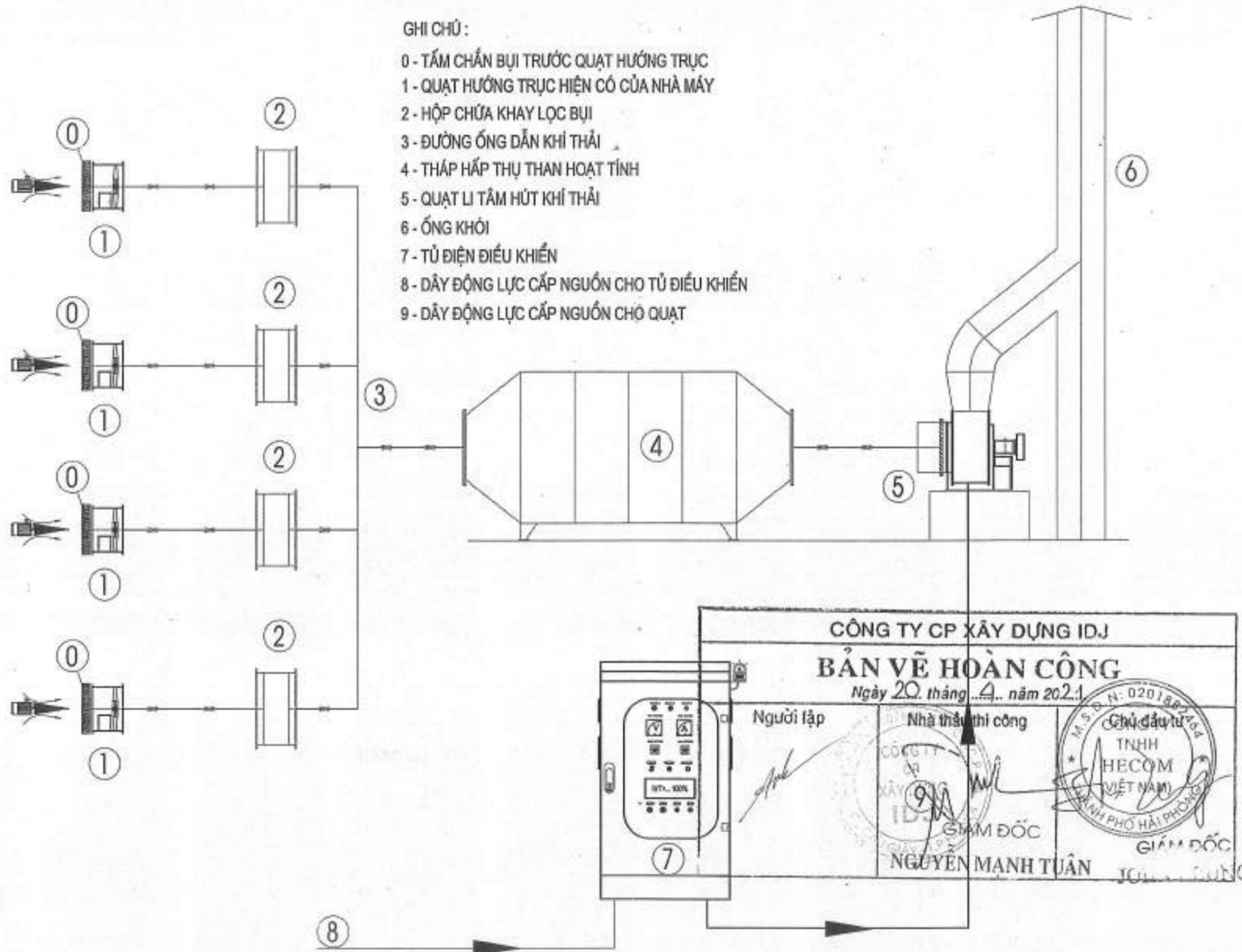


CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 20 tháng 4 năm 2021

Người lập	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư
GIÁM ĐỐC NGUYỄN MẠNH TUẤN	GIÁM ĐỐC JOHN LEUNG	

CHỦ ĐẦU TƯ	CLIENT
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ SỐ 131/32 ĐƯỜNG SỐ 4, VỊP HẢI PHÒNG, XÃ LẬP LẬP, HUYỆN BỐ HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM	
ĐT:	
TÊN DỰ ÁN / CÔNG TRÌNH	PROJECT NAME
DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG	HECOM VSIP HAI PHONG PROJECT
ĐỊA ĐIỂM: 131/32 ĐƯỜNG SỐ 4, VỊP HẢI PHÒNG, XÃ LẬP LẬP, HUYỆN BỐ HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, VIỆT NAM	
TỔNG THẦU	
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG IDJ	
ĐỊA CHỈ: TẦNG 5 TÒA NHÀ CHARMVIT TOWER 117 TRẦN DUY HƯNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI	
ĐT: 024 220 788 788 FAX: 024 220 788 788	
CƠ QUAN THIẾT KẾ:	
ĐỊA CHỈ SỐ 2 HẸM 127/1532-VĂN CAO-HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC CHỈ NHÁNH	
CHỦ NHIỆM DỒ ÁN	
CHỦ TRÌ	
THÉ HẸN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
HẠNG MỤC	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE
XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TỶ LỆ SCAL:	A3
NGÀY PHÁT HÀNH	
SỐ HIỆU	

HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ KHÍ THẢI TẠI KHU VỰC MÁY PHUN SƠN VÀ SẤY UV CÔNG SUẤT 15.000 M3/H



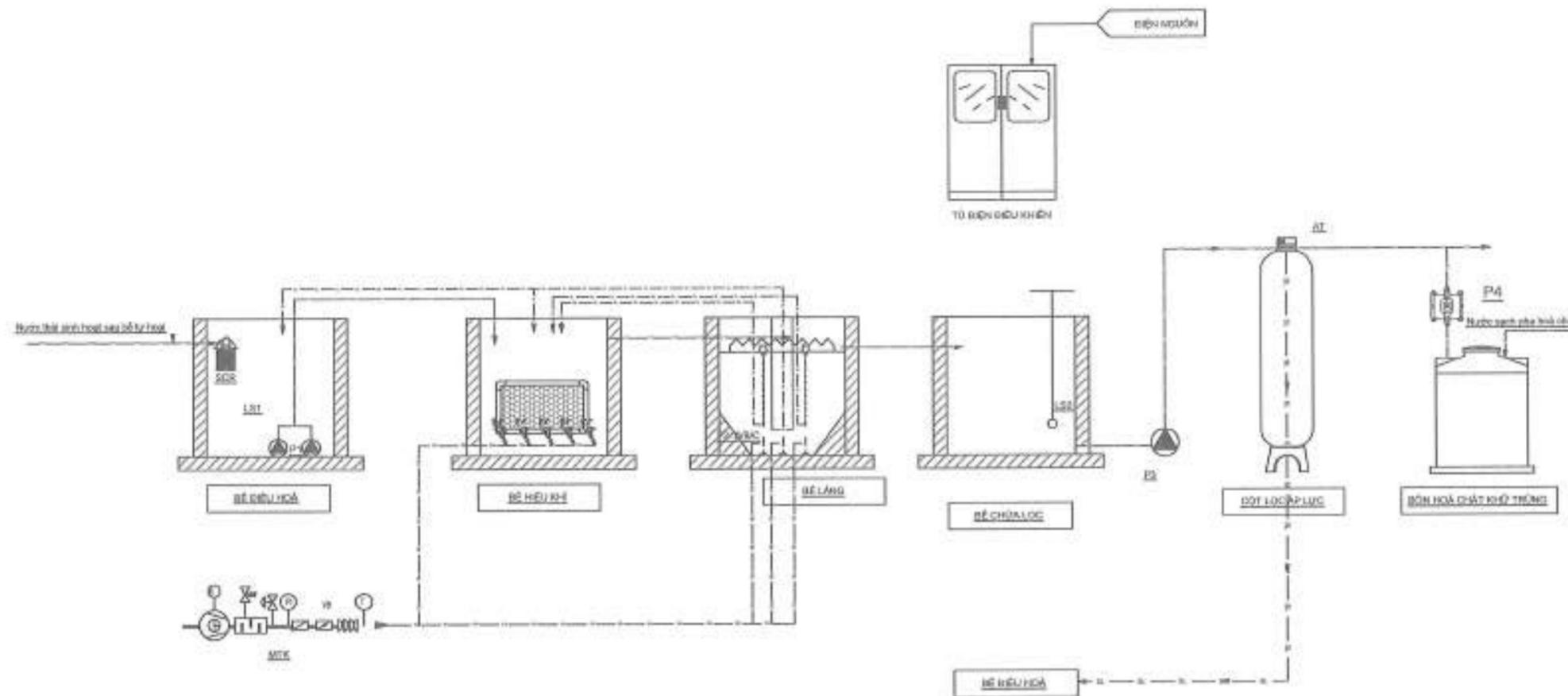
CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2021

Người lập	Nhà thầu thi công	Chủ đầu tư
NGUYỄN MẠNH TUẤN	NGUYỄN MẠNH TUẤN	NGUYỄN MẠNH TUẤN

Giám Đốc: NGUYỄN MẠNH TUẤN

CHỦ ĐẦU TƯ	CLIENT
CÔNG TY TNHH HECOM (VIỆT NAM)	
ĐỊA CHỈ SỐ 121, 123 ĐƯỜNG SỐ 6, VSP HẢI PHÒNG, XÃ LẬP LỆ, HUYỆN MỚI QUANG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM	
ĐT:	
TÊN DỰ ÁN / CÔNG TRÌNH	PROJECT NAME
DỰ ÁN HECOM VSIP HẢI PHÒNG	HECOM VSIP HAI PHONG PROJECT
ĐỊA ĐIỂM: LƯU KỲ 10/2019, KHU 02, TỈNH CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ MỚI, KHU CÔNG NGHIỆP MỚI, KHU CÔNG NGHIỆP MỚI	
TỔNG THẦU	
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG IDJ	
ĐỊA CHỈ TẦNG 6 TÒA NHÀ CHARMYT TOWER 117 TRẦN DUY HƯNG, CẦU GIẤY, HÀ NỘI 0784-24 330 1998, FAX: 04-36 012 181, VC8TE@VNN.VN	
CƠ QUAN THIẾT KẾ:	
ĐỊA CHỈ: BỐ 2 HÉM 127/15/32/ẨM CAO-HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH	
CHỦ NHIỆM BỐ ÁN	
CHỦ TRÌ	
THỂ HIỆN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
HẠNG MỤC	
TÊN BẢN VẼ	DRAWING TITLE
XỬ LÝ KHÍ THẢI	
TỶ LỆ SCAL	A3
NGÀY PHÁT HÀNH	
SỐ HIỆU	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT CÔNG SUẤT 40M³/NGÀY



CHÚ THÍCH

	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	P1- A/B	BƠM NƯỚC BỂ ĐIỀU HÒA	MTK	MÁY THỔI KHÍ
— — — — —	ĐƯỜNG Bùn THẢI	P2- A/B/C	BƠM NƯỚC NỘI TUẦN HOÀN	LS1	PHẠO ĐIỆN
— — — — —	ĐƯỜNG KHÍ	P3	BƠM NƯỚC SẠCH SAU XỬ LÝ	LS2	PHẠO ĐIỆN
— — — — —	ĐƯỜNG HOÁ CHẤT	P4	BƠM HOÁ CHẤT KHỬ TRÙNG	SCR	SÔNG CHÁM RẮC

CÔNG TY CP XÂY DỰNG IDJ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 12 tháng 3 năm 2023

Số: 020182

Nhà thầu thi công

Giám đốc: **NGUYỄN MẠNH TUẤN**

Giám đốc: **HIN LEUNG**

Số dề		
Lần	Ngày	Xác nhận
01		
02		
03		
04		
05		
CHỮ ĐẦU TƯ		
DỰ ÁN		
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		
ĐỊA ĐIỂM		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
CÔNG TY TNHH CNMT VÀ PCCC HANENCO		
ĐC: 126 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội Tel: 04.22190479 - 0983522568 Email: hanenco369@gmail.com		
Giám đốc		
CAO QUANG HÀ		
VE		
HÀ THỊ LAN		
Kiểm		
CAO QUANG HÀ		
TÊN BẢN VẼ		
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 40M ³ /NGÀY ĐỀM		
Số cơ: Thiết kế thi công		
Ty tế	Đơn vị	Số hiệu bản vẽ
A3	05/2021	TC - HNC..

